

NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

I. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

A. Vai trò của các hoạt động kinh tế.

1. Hoạt động sản xuất.

Hoạt động	Khái niệm	Vai trò	Ví dụ thực tiễn
Sản xuất	Sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội.	- Cung cấp hàng hóa và dịch vụ. - Tạo ra việc làm. - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.	- Ngành ô tô Toyota sản xuất xe hơi. - Nông dân trồng lúa ở Việt Nam cung cấp lương thực.
Phân phối - Trao đổi	Phân phối là <u>hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất</u> cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và <u>phân chia kết quả sản xuất</u> cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng). - Trao đổi là <u>hoạt động đưa sản phẩm sau khi sản xuất đến tay người tiêu dùng</u> (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).	- Kết nối cung - cầu. - Cân bằng thị trường. - Tăng hiệu quả kinh tế, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và giảm chi phí lưu thông.	- Phân phối sản phẩm từ nhà máy đến cửa hàng bán lẻ. - Trao đổi sản phẩm tại siêu thị, chợ hoặc qua thương mại điện tử.
Tiêu dùng	Sử dụng sản phẩm và dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.	- Thúc đẩy sản xuất. - Phản ánh mức sống của xã hội. - Điều tiết nền kinh tế qua thói quen tiêu dùng và phân bổ nguồn lực sản xuất.	- Người tiêu dùng mua thực phẩm, dịch vụ hàng ngày. - Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa dựa trên nhu cầu tiêu dùng của thị trường (vd: thực phẩm hữu cơ).
Mối quan hệ giữa các hoạt động	Sản xuất là cơ bản và quyết định đến phân phối - trao đổi và tiêu dùng. Tiêu dùng là mục đích và động lực của sản xuất, còn phân phối - trao đổi là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.		

B. Trách nhiệm của mỗi công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế là

- + Hiểu được kinh tế có vai trò to lớn như thế nào đến quốc gia
- + Thực hiện các hoạt động kinh tế có hiệu quả
- + Thực hiện bằng chính cái tâm của mình, không làm việc cho có vì lợi ích các nhân

+ Đặc biệt với các hoạt động kinh tế xuất đi nước ngoài, phải có trách nhiệm làm tử mĩ, không làm qua loa, gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp, danh dự đất nước.

II: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

A. Vai trò của các chủ thể của nền kinh tế.

Chủ thể	Khái niệm	Vai trò	Ví dụ cụ thể
Chủ thể sản xuất	Người sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường.	- Tạo ra sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. - Sử dụng vốn, lao động và tài nguyên để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.	- Toyota sản xuất ô tô bằng cách sử dụng công nghệ và lao động để đáp ứng nhu cầu về phương tiện di chuyển. - Nông dân Việt Nam trồng lúa cung cấp lương thực.
Chủ thể tiêu dùng	Người mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt, sản xuất.	- Định hướng sản xuất và tạo động lực cho sản xuất phát triển thông qua nhu cầu tiêu dùng.	- Người tiêu dùng Việt Nam ưa chuộng hàng Việt, thúc đẩy sản xuất các sản phẩm nội địa. - Người tiêu dùng Mỹ lựa chọn thực phẩm hữu cơ, định hướng sản xuất thực phẩm xanh.
Chủ thể trung gian	Các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.	- Kết nối cung - cầu, cung cấp thông tin. - Giúp nền kinh tế linh hoạt và hiệu quả. - Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng thông qua các giao dịch kinh tế.	- Siêu thị như VinMart và Co.opmart phân phối hàng hóa từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng. - Sàn giao dịch chứng khoán kết nối các nhà đầu tư với công ty.
Chủ thể nhà nước	Nhà quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	- Quản lý nền kinh tế, tạo môi trường pháp lý và chính trị ổn định. - Điều tiết vĩ mô và đảm bảo phát triển kinh tế gắn liền với công bằng xã hội và định hướng XHCN.	- Chính phủ Việt Nam ban hành chính sách kích cầu tiêu dùng và thu hút đầu tư. - Chính sách thuế của nhà nước điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp.

Trách nhiệm của công dân trong với tư cách là một chủ thể kinh tế tham gia vào các hoạt động kinh tế

Chủ thể	Trách nhiệm	Ví dụ thực tế
Chủ thể sản xuất	1. Tuân thủ pháp luật: Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến sản xuất và kinh doanh.	Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm phải tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm.
	2. Trách nhiệm với người tiêu dùng và xã hội: Cung cấp hàng hóa, dịch vụ không gây tổn hại đến sức khỏe và lợi ích của con người.	Một công ty dược phẩm phải đảm bảo thuốc của họ an toàn và hiệu quả trước khi đưa ra thị trường.

Chủ thể	Trách nhiệm	Ví dụ thực tế
	3. Bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất.	Các nhà máy phải có hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường để giảm thiểu ô nhiễm.
Chủ thể tiêu dùng	1. Trách nhiệm với sự phát triển bền vững: Hỗ trợ các sản phẩm và dịch vụ bền vững, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.	Người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm hữu cơ, hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình bền vững.
	2. Lựa chọn hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng: Mua sắm các sản phẩm có chứng nhận nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và an toàn.	Người tiêu dùng ưu tiên chọn sản phẩm có nhãn mác rõ ràng, như thực phẩm hữu cơ có chứng nhận.
	3. Phê phán hành vi trái pháp luật trong hoạt động kinh tế: Báo cáo các hành vi gian lận, giả mạo hoặc vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế.	Người tiêu dùng có thể thông báo cho cơ quan chức năng khi phát hiện hàng giả, hàng nhái trong thị trường.
Chủ thể trung gian	Lựa chọn hàng hóa đảm bảo chất lượng: Cung cấp và phân phối hàng hóa có chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng trong việc lựa chọn.	Các cửa hàng, siêu thị lựa chọn các sản phẩm có chất lượng cao, không bán hàng hóa hết hạn sử dụng để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

I. THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm thị trường.

Khái niệm	Mô tả	Ví dụ cụ thể
Thị trường	Thị trường là tổng hòa các quan hệ kinh tế, nơi nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được xác định dựa trên mức độ phát triển của nền sản xuất.	- Chợ truyền thống nơi người dân mua bán hàng hóa hàng ngày. - Sàn thương mại điện tử như Shopee, Lazada, nơi các giao dịch mua bán diễn ra trực tuyến.
Nhân tố cơ bản của thị trường	Các yếu tố chính hình thành thị trường bao gồm hàng hóa, tiền tệ, giá cả, người bán, người mua.	- Hàng hóa: Các sản phẩm nông nghiệp, xe cộ, quần áo. - Tiền tệ: Đồng tiền được dùng để trao đổi như VNĐ, USD. - Giá cả: Giá cả của một sản phẩm như giá gạo, giá vàng. - Người bán: Các cửa hàng, doanh nghiệp. - Người mua: Người tiêu dùng, nhà đầu tư.
Quan hệ cơ bản của thị trường	Các quan hệ như hàng hóa – tiền tệ, mua – bán, cung – cầu hình thành các mối quan hệ kinh tế.	- Quan hệ mua - bán: Người mua trả tiền cho người bán để sở hữu hàng hóa. - Quan hệ cung - cầu: Nhu cầu về khẩu

Khái niệm	Mô tả	Ví dụ cụ thể
		trang y tế tăng mạnh trong đại dịch COVID-19, dẫn đến cung ứng tăng cao.
Cấp độ cụ thể	Thị trường ở cấp độ cụ thể là những địa điểm, không gian diễn ra hoạt động mua bán như chợ, cửa hàng, phòng giao dịch.	- Chợ truyền thống ở địa phương nơi người dân mua bán trực tiếp. - Phòng giao dịch ngân hàng nơi thực hiện các giao dịch tài chính.
Cấp độ trừu tượng	Thị trường ở cấp độ trừu tượng là các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán (cung – cầu, quan hệ hàng – tiền, quan hệ cạnh tranh) ở cả trong nước và quốc tế.	- Quan hệ cung - cầu toàn cầu: Thị trường dầu mỏ thế giới bị ảnh hưởng bởi nguồn cung và nhu cầu từ các nước lớn. - Quan hệ cạnh tranh: Các công ty điện tử như Samsung và Apple cạnh tranh thị phần toàn cầu.

2. Các loại thị trường.

Loại thị trường	Mô tả	Chi tiết
1. Theo đối tượng giao dịch	Thị trường được phân loại dựa trên hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch.	- Thị trường lúa gạo: Việt Nam xuất khẩu gạo chủ yếu sang Philippines, Indonesia, Trung Quốc; giá gạo chịu ảnh hưởng từ sản lượng và chính sách xuất khẩu. - Thị trường dầu mỏ: Các nước sản xuất như Ả Rập Xê-út, Nga, Mỹ; giá dầu phụ thuộc vào cung cầu toàn cầu và OPEC. - Thị trường tiền tệ: Forex là nơi giao dịch các đồng tiền; Ngân hàng Nhà nước quản lý tỷ giá hối đoái. - Thị trường chứng khoán: HOSE nơi niêm yết cổ phiếu, giá cổ phiếu dao động theo tình hình kinh doanh và yếu tố kinh tế. - Thị trường bất động sản: Gồm mua bán nhà đất và căn hộ; giá bị ảnh hưởng bởi quy hoạch đô thị và chính sách tín dụng.
2. Theo vai trò của các đối tượng mua bán	Thị trường phân loại theo vai trò của các đối tượng giao dịch như tư liệu sản xuất, tiêu dùng, lao động.	- Thị trường tư liệu sản xuất: Doanh nghiệp sản xuất ô tô nhập khẩu máy móc từ Nhật Bản, Hàn Quốc; bao gồm giao dịch máy móc và nguyên vật liệu. - Thị trường tư liệu tiêu dùng: Thị trường hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) như Vinamilk, Masan chiếm thị phần lớn. - Thị trường lao động: Nhu cầu cao về ngành công nghệ thông tin tại TP. Hồ Chí Minh, lương phụ thuộc vào kỹ năng và cung cầu. - Thị trường khoa học - công nghệ: Công ty FPT, Viettel đầu tư vào công nghệ mới và bản quyền phần mềm.

Loại thị trường	Mô tả	Chi tiết
3. Theo phạm vi của quan hệ mua bán	Phân thành thị trường trong nước và quốc tế.	- Thị trường trong nước: Mua bán nông sản như lúa gạo và cà phê giữa các vùng miền; bị ảnh hưởng bởi chính sách nông nghiệp. - Thị trường quốc tế: Việt Nam tham gia vào FTA, xuất khẩu hàng hóa như dệt may và thủy sản sang Mỹ, châu Âu, Nhật Bản.
4. Theo cách thức gặp nhau của các chủ thể	Phân loại theo cách thức giao dịch, gồm thị trường truyền thống và trực tuyến.	- Thị trường truyền thống: Chợ Bến Thành nơi giao dịch trực tiếp; phổ biến ở nông thôn và đô thị. - Thị trường trực tuyến: Sàn thương mại điện tử như Shopee, Tiki; giao dịch qua internet, tiết kiệm thời gian và mở rộng quy mô.
5. Theo tính chất và cơ chế vận hành	Phân thành thị trường cạnh tranh hoàn hảo và không hoàn hảo.	- Thị trường cạnh tranh hoàn hảo: Thị trường rau củ ở nông thôn với nhiều người bán, sản phẩm tương tự; giá cả gần như đồng đều. - Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo: Thị trường smartphone với Apple, Samsung có thể tác động đến giá cả; có tình trạng độc quyền trong sản phẩm đặc thù.

So sánh các thị trường cạnh tranh

thị trường	Cạnh tranh hoàn hảo	Cạnh tranh không hoàn hảo	Độc quyền nhóm	Độc quyền
Số lượng người bán	Nhiều doanh nghiệp cung cấp sản phẩm giống nhau	Nhiều nhưng không quá nhiều, có sự phân biệt	Một số ít doanh nghiệp hợp tác để chiếm lĩnh thị trường	Chỉ có một doanh nghiệp duy nhất cung cấp sản phẩm
Rào cản gia nhập	Không có trở ngại, dễ dàng gia nhập	Có thể gia nhập nhưng gặp khó khăn nhất định	Cao, cần nhiều nguồn lực và sự hợp tác	Rất cao, doanh nghiệp khác không thể tham gia
Tính chất thay thế của hàng hoá	Các sản phẩm hoàn toàn giống nhau, người tiêu dùng có thể thay thế lẫn nhau	Hàng hoá có sự khác biệt nhỏ, người tiêu dùng có lựa chọn	Có hàng hoá tương tự nhưng không hoàn toàn giống nhau	Không có hàng hoá thay thế, sản phẩm duy nhất trên thị trường
Yếu tố cạnh tranh	Chỉ có giá, không thể tăng giá mà không mất khách hàng	Các yếu tố khác ngoài giá cũng quan trọng (quảng cáo, chất lượng)	Giá cả, marketing và chất lượng sản phẩm rất quan trọng	Chủ yếu là quảng cáo để tạo dựng thương hiệu và lòng trung thành

thị trường	Cạnh tranh hoàn hảo	Cạnh tranh không hoàn hảo	Độc quyền nhóm	Độc quyền
Sức ảnh hưởng về giá	Doanh nghiệp không có khả năng tác động đến giá cả thị trường	Doanh nghiệp có thể ảnh hưởng một chút đến giá cả nhưng không hoàn toàn	Các doanh nghiệp có thể quyết định giá, tạo ra sự đồng thuận trong nhóm	Doanh nghiệp có quyền quyết định giá, có thể định hình toàn bộ thị trường
Ví dụ thực tế	Thị trường rau củ quả tại các chợ truyền thống	Ngành sữa với các thương hiệu như Vinamilk, TH True Milk	Thị trường viễn thông với Viettel, MobiFone, VinaPhone	Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) trong ngành điện

3. Các chức năng cơ bản của thị trường.

Chức năng	Mô tả	Ví dụ
Chức năng thừa nhận	Liên quan đến việc đánh giá và thừa nhận giá trị của hàng hóa và lao động sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hóa có thể được bán trên thị trường hay không.	- Thị trường điện thoại di động: iPhone của Apple được thị trường thừa nhận với giá cao, chứng tỏ sản phẩm đáp ứng nhu cầu xã hội về tính năng và chất lượng. Ngược lại, Nokia Lumia không được thừa nhận rộng rãi, dẫn đến doanh số giảm và ngừng sản xuất do không đáp ứng được mong đợi của người tiêu dùng.
Chức năng thông tin	Cung cấp thông tin về nhu cầu và xu hướng tiêu dùng thông qua biến động giá cả, số lượng, và chất lượng hàng hóa.	- Thị trường cà phê Việt Nam: Giá cà phê thế giới tăng, nông dân được khuyến khích mở rộng trồng trọt. Khi giá giảm, họ sẽ điều chỉnh quy mô sản xuất. - Thị trường thời trang: Các nhà thiết kế theo dõi xu hướng thời trang qua báo cáo nhu cầu để điều chỉnh chiến lược sản xuất và tiếp thị cho phù hợp.
Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế	Thị trường có thể kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng dựa trên thông tin về nhu cầu và giá cả.	- Thị trường ô tô điện: Khi nhu cầu ô tô điện tăng cao, các nhà sản xuất như Tesla mở rộng sản xuất. Ngược lại, thuốc lá bị hạn chế sản xuất và tiêu thụ qua tăng thuế và cấm quảng cáo để giảm bớt tiêu thụ.

Tóm tắt

- **Chức năng thừa nhận:** Thị trường "thừa nhận" hàng hóa khi chúng phù hợp với nhu cầu xã hội và chất lượng sản phẩm. Hàng hóa không được thừa nhận sẽ phải điều chỉnh hoặc rút lui khỏi thị trường.
- **Chức năng thông tin:** Thị trường cung cấp thông tin quan trọng về xu hướng tiêu dùng, giúp người sản xuất và người tiêu dùng điều chỉnh hoạt động của mình kịp thời.
- **Chức năng điều tiết:** Thị trường có khả năng điều tiết hoạt động kinh tế, kích thích sản xuất khi nhu cầu tăng hoặc hạn chế sản xuất khi nhu cầu giảm, từ đó giúp điều chỉnh quy mô sản xuất và tiêu dùng theo tình hình cung cầu thực tế.

II. CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm cơ chế thị trường

Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,... Chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.

2. Ưu điểm của cơ chế thị trường

Ưu điểm của cơ chế thị trường	Mô tả	Ví dụ
1. Kích thích tính năng động, sáng tạo	Doanh nghiệp cạnh tranh để tồn tại và phát triển, từ đó thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới trong sản xuất và kinh doanh.	- Ngành công nghệ thông tin ở Việt Nam: Các công ty như VNG, FPT phát triển sản phẩm công nghệ riêng biệt như Zalo, dịch vụ điện toán đám mây để cạnh tranh với các công ty toàn cầu, nâng cao năng lực sản xuất và thúc đẩy nền kinh tế số phát triển.
2. Phân bổ lại nguồn lực kinh tế	Cơ chế thị trường giúp phân bổ nguồn lực hiệu quả thông qua quy luật cung cầu và giá cả, chuyển nguồn lực đến lĩnh vực có nhu cầu cao.	- Ngành nông nghiệp: Khi nhu cầu về nông sản hữu cơ tăng, nhiều nông dân đã chuyển sang sản xuất nông sản hữu cơ để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, phân bổ nguồn lực vào lĩnh vực này.
3. Thỏa mãn nhu cầu của con người	Cạnh tranh và đổi mới giúp các sản phẩm và dịch vụ ngày càng tốt hơn, từ đó thỏa mãn nhu cầu đa dạng của con người và thúc đẩy tiến bộ xã hội.	- Thị trường smartphone: Sự phát triển của điện thoại thông minh tích hợp nhiều công nghệ mới như camera chất lượng cao, internet và ứng dụng tiện ích, không chỉ đáp ứng nhu cầu liên lạc mà còn cải thiện đời sống hàng ngày của con người.
4. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa	Cơ chế thị trường điều tiết sản xuất dựa trên cung cầu. Khi nhu cầu tăng, sản xuất mở rộng; khi nhu cầu giảm, sản xuất tự điều chỉnh.	- Ngành dệt may xuất khẩu: Doanh nghiệp dệt may Việt Nam theo dõi đơn đặt hàng ở các thị trường quốc tế. Khi nhu cầu về quần áo thời trang tăng, họ điều chỉnh sản xuất để xuất khẩu kịp thời và tăng lợi nhuận.
5. Tạo động lực cho các chủ thể kinh tế	Cạnh tranh buộc doanh nghiệp phải hạ thấp chi phí sản xuất và cải tiến công nghệ để tăng sức cạnh tranh và tối ưu hóa lợi nhuận.	- Ngành sản xuất ô tô tại Việt Nam: Doanh nghiệp như VinFast cải tiến công nghệ và quy trình sản xuất để giảm chi phí, đồng thời đưa ra mẫu xe chất lượng với giá cả hợp lý, nâng cao khả năng cạnh tranh cả trong nước và quốc tế.
6. Phát huy tiềm năng của mọi chủ thể	Cơ chế thị trường khuyến khích doanh nghiệp và các vùng miền phát huy tiềm năng của mình để tạo ra sản phẩm và dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường.	- Khu vực miền Trung và ngành du lịch: Miền Trung Việt Nam phát triển mạnh mẽ ngành du lịch với nhiều danh lam thắng cảnh như Đà Nẵng, Hội An, Huế, thu hút du khách trong nước và quốc tế, góp phần vào tăng trưởng kinh tế vùng.

3. Nhược điểm của cơ chế thị trường.

Nhược điểm của cơ chế thị trường	Mô tả	Ví dụ
1. Mất cân đối cung - cầu, khủng hoảng, suy thoái, lạm phát	Cơ chế thị trường có thể dẫn đến mất cân đối giữa cung và cầu, gây ra khủng hoảng tài chính, suy thoái và lạm phát.	- Khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008: Sự bùng nổ của thị trường bất động sản ở Mỹ dẫn đến tình trạng mất cân đối cung - cầu và khủng hoảng tài chính toàn cầu. - Lạm phát tại Việt Nam năm 2022: Nhu cầu tiêu dùng tăng nhưng nguồn cung hàng hóa chưa phục hồi kịp, dẫn đến giá cả tăng lên.
2. Phát sinh thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh	Cạnh tranh có thể dẫn đến những hành vi không lành mạnh như cạnh tranh giá thấp bất hợp pháp, quảng cáo sai sự thật, hoặc độc quyền.	- Ngành thực phẩm: Một số công ty thực phẩm sử dụng hóa chất độc hại để tăng lợi nhuận. - Ngành dược phẩm: Một số công ty bán thuốc giả hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, gây nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng.
3. Phân hóa sâu sắc trong xã hội	Cơ chế thị trường có thể tạo ra sự phân hóa giàu nghèo, khi nguồn lực không được phân phối công bằng và một số cá nhân hoặc doanh nghiệp tích lũy tài sản.	- Chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam: Sự phân hóa giữa các thành phố lớn và vùng nông thôn gia tăng, nhiều người dân ở vùng sâu, vùng xa vẫn sống trong nghèo đói trong khi những người trong ngành công nghiệp có thu nhập cao.
4. Suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường	Cơ chế thị trường có thể dẫn đến khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức và ô nhiễm môi trường do doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi nhuận.	- Ngành khai thác khoáng sản: Hoạt động khai thác khoáng sản tại Việt Nam dẫn đến cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm nghiêm trọng ở nhiều vùng.

Giải pháp khắc phục nhược điểm của cơ chế thị trường: Để khắc phục và hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường, nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế. Các biện pháp có thể bao gồm: **Thiết lập các quy định và luật pháp nghiêm ngặt:** Nhằm kiểm soát và giám sát hoạt động kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và môi trường. **Đẩy mạnh giáo dục và đào tạo:** Giúp người dân nâng cao nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm của họ trong nền kinh tế thị trường. **Tạo ra chính sách phân phối lại thu nhập:** Nhằm giảm thiểu sự chênh lệch giàu nghèo, đảm bảo công bằng xã hội.

4. Giá cả thị trường

- **Giá cả hàng hóa** là số tiền phải trả để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa đó.
- **Giá cả thị trường** là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.

PHÂN BIỆT GIÁ CẢ HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí	Giá cả hàng hóa	Giá cả thị trường
Khái niệm	- Là giá trị bằng tiền của một đơn vị hàng hóa cụ thể.	- Là mức giá mà hàng hóa được mua bán trên thị trường.

Tiêu chí	Giá cả hàng hóa	Giá cả thị trường
Chi tiết	- Phản ánh chi phí sản xuất, lợi nhuận, và các yếu tố liên quan khác đến hàng hóa.	- Được quyết định bởi cung và cầu của thị trường.
	- Tương đối ổn định và ít biến động trong ngắn hạn.	- Thay đổi liên tục và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như cung cầu, chính sách kinh tế, sự kiện bất ngờ, và tâm lý nhà đầu tư.
Ví dụ	- Giá của một chiếc iPhone 14 Pro Max được Apple định giá dựa trên chi phí sản xuất, nghiên cứu, phát triển, lợi nhuận mong muốn.	- Giá bán thực tế của chiếc iPhone này trên thị trường có thể thay đổi tùy thuộc vào nguồn cung khan hiếm, nhu cầu cao, chính sách thuế, hay các sự kiện như ra mắt phiên bản mới.
Chức năng	- Không có chức năng điều tiết thị trường.	1. Cung cấp thông tin: Phản ánh tình hình cung cầu, giúp người sản xuất và tiêu dùng điều chỉnh hành vi. Ví dụ: Giá lúa gạo tăng, nông dân có thể mở rộng sản xuất.
		2. Phân bổ nguồn lực: Giá cả điều chỉnh quy mô sản xuất, khuyến khích hoặc hạn chế sản xuất. Ví dụ: Giá linh kiện điện tử tăng sẽ thúc đẩy sản xuất thêm linh kiện.
		3. Công cụ quản lý của Nhà nước: Nhà nước sử dụng giá cả để kiểm soát lạm phát, kích thích đầu tư và bảo vệ người tiêu dùng. Ví dụ: Nhà nước trợ giá nông sản hoặc áp giá trần cho xăng dầu.
Tóm lại	- Giá cả hàng hóa là một mức giá tham chiếu, đại diện cho chi phí và lợi nhuận dự kiến từ việc sản xuất sản phẩm.	- Giá cả thị trường là giá thực tế mà người mua và người bán giao dịch, thay đổi liên tục và chịu tác động từ nhiều yếu tố.

Phân tích vai trò của giá cả với tư cách là công cụ để nhà nước Nhà nước quản lý, kích thích và điều tiết nền kinh tế:

Vai trò của giá cả	Mô tả	Ví dụ
1. Quản lý giá cả hàng hóa thiết yếu	Nhà nước có thể can thiệp vào giá cả của các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, thực phẩm, hoặc điện để bảo vệ người tiêu dùng và duy trì ổn định xã hội.	Giá trần: Chính phủ Việt Nam giữ giá xăng dầu ở mức ổn định trong thời kỳ lạm phát, nhằm bảo vệ người tiêu dùng. Giá sàn: Nhà nước đặt giá sàn cho nông sản như lúa gạo để đảm bảo thu nhập cho nông dân khi giá thị trường xuống thấp.
2. Kích thích đầu tư và sản xuất	Giá cả có thể được sử dụng để khuyến khích các ngành kinh tế phát triển, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chiến lược mà Nhà nước muốn phát triển.	Chính sách thuế và trợ giá: Chính phủ Việt Nam có chính sách ưu đãi thuế cho các công ty đầu tư vào năng lượng tái tạo. Khuyến khích công nghệ mới: Nhà nước điều chỉnh giá để thu hút đầu tư

Vai trò của giá cả	Mô tả	Ví dụ
		vào nghiên cứu công nghệ cao, thúc đẩy áp dụng công nghệ mới trong sản xuất.
3. Điều tiết cung cầu và ổn định thị trường	Nhà nước điều chỉnh chính sách giá cả để cân bằng cung cầu trên thị trường, tránh tình trạng khan hiếm hoặc dư thừa hàng hóa.	Kiểm soát cung cầu: Trong dịch COVID-19, Nhà nước Việt Nam quy định giá tối đa cho khẩu trang và nước sát khuẩn để tránh tình trạng tăng giá quá mức. Cân bằng thị trường: Chính phủ thực hiện chương trình giảm giá cho nông sản để xử lý hàng tồn đọng trên thị trường.
4. Thúc đẩy phát triển bền vững	Giá cả được điều chỉnh để khuyến khích các hoạt động kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và đảm bảo sự phát triển lâu dài của xã hội.	Chính sách năng lượng tái tạo: Nhà nước Việt Nam áp dụng giá ưu đãi cho các dự án năng lượng sạch, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo nhằm giảm ô nhiễm và đảm bảo an ninh năng lượng.

Kết luận: Giá cả thị trường đóng vai trò quan trọng như một công cụ mà Nhà nước có thể sử dụng để quản lý, kích thích và điều tiết nền kinh tế. Qua việc áp dụng các chính sách giá cả phù hợp, Nhà nước có thể bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khuyến khích đầu tư, điều tiết cung cầu và thúc đẩy phát triển bền vững. Điều này không chỉ giúp ổn định nền kinh tế mà còn tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

Ngân sách nhà nước và thuế

I/ NGÂN SÁCH

Ngân sách nhà nước

– Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

+ Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

+ Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.

Loại Ngân Sách	Khái niệm	Thu Ngân Sách	Chi Ngân Sách	Ví dụ Thực Tế
Ngân sách trung ương	Ngân sách thuộc về cấp trung ương, do chính phủ quản lý. Các khoản thu và chi thuộc về nhiệm vụ chi và thu	- Các khoản thu từ thuế VAT, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, và các nguồn thu từ doanh nghiệp nhà nước.	- Chi cho quốc phòng, an ninh, hạ tầng quốc gia như đường	Ví dụ thu: Thuế nhập khẩu từ dầu thô và các sản phẩm dầu khí. Ví dụ chi: Dự án đường cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 - 2025.

Loại Ngân Sách	Khái niệm	Thu Ngân Sách	Chi Ngân Sách	Ví dụ Thực Tế
	của trung ương.		cao tốc, sân bay, và các công trình lớn khác.	
Ngân sách địa phương	Ngân sách thuộc về cấp địa phương, do chính quyền tỉnh, thành phố quản lý. Thu từ các khoản thu địa phương và chi cho các nhiệm vụ địa phương.	- Các khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất, và các loại phí, lệ phí tại địa phương. - Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi.	- Chi cho giáo dục, y tế, giao thông, văn hóa tại địa phương, và các dịch vụ công cộng khác.	Ví dụ thu: Thuế nhà đất ở TP. Hồ Chí Minh. Ví dụ chi: Dự án mở rộng Bệnh viện Nhi Đồng 1 TP. Hồ Chí Minh, xây dựng cầu Thủ Thiêm 2. Ví dụ thu bổ sung: Ngân sách trung ương hỗ trợ tỉnh Nghệ An phát triển hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn.

Giải thích chi tiết kèm khái niệm:

1. Ngân sách trung ương:

- **Khái niệm:** Đây là ngân sách được quản lý bởi chính phủ trung ương, gồm các khoản thu và chi liên quan đến các nhiệm vụ và hoạt động của quốc gia. Thu ngân sách trung ương thường từ các nguồn thu lớn và ổn định như thuế VAT (thuế giá trị gia tăng), thuế xuất nhập khẩu và tài nguyên.
- **Ví dụ thực tế:** Chính phủ Việt Nam thu thuế từ xuất khẩu dầu thô, và chi tiêu cho các dự án lớn như đường cao tốc Bắc - Nam là nhiệm vụ thuộc về ngân sách trung ương.

2. Ngân sách địa phương:

- **Khái niệm:** Là ngân sách được quản lý bởi chính quyền địa phương (các tỉnh, thành phố). Ngân sách địa phương thu từ các nguồn thu như thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất và chi tiêu cho các hoạt động tại địa phương như giáo dục, y tế, hạ tầng giao thông.
- **Ví dụ thực tế:** TP. Hồ Chí Minh thu thuế nhà đất từ cư dân và doanh nghiệp, đồng thời dùng ngân sách để mở rộng Bệnh viện Nhi Đồng 1, phục vụ cho nhu cầu y tế của người dân.

3. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:

- **Khái niệm:** Đối với những địa phương có nguồn thu ngân sách yếu, ngân sách trung ương sẽ bổ sung để đảm bảo các địa phương này thực hiện tốt các nhiệm vụ chi tiêu của mình.
- **Ví dụ thực tế:** Tỉnh Nghệ An nhận hỗ trợ bổ sung từ ngân sách trung ương để phát triển hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn
 - Ngân sách nhà nước giữ vai trò là công cụ củng cố bộ máy quản lý của Nhà nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia; phân bổ các nguồn lực tài chính, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, ổn định, bền vững; tăng cường tiềm lực tài chính quốc gia, góp phần ổn định tiền tệ, giá cả và kiềm chế lạm phát; điều tiết thu nhập của các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần giải quyết các vấn đề về đời sống và xã hội; tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh,...; mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

Vai trò của Ngân sách Nhà nước	Giải thích	Ví dụ Thực Tế
Củng cố bộ máy quản lý nhà nước	Ngân sách được sử dụng để chi trả cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, duy trì bộ máy hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý.	Ví dụ: Ngân sách nhà nước chi trả lương cho cán bộ, công chức và đầu tư vào cải cách hành chính công ở các địa phương như TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
Tăng cường sức mạnh quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia	Chi tiêu ngân sách cho quốc phòng và an ninh nhằm đảm bảo an toàn cho đất nước, đối phó với các mối đe dọa từ bên ngoài và duy trì trật tự an ninh trong nước.	Ví dụ: Đầu tư vào việc hiện đại hóa lực lượng quân đội, trang bị vũ khí hiện đại và nâng cấp hệ thống radar quốc phòng.
Phân bổ nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế ổn định và bền vững	Ngân sách được sử dụng để đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục và công nghệ, giúp kinh tế phát triển dài hạn.	Ví dụ: Dự án đầu tư đường cao tốc Bắc - Nam và xây dựng các khu công nghiệp tại Bình Dương và Đồng Nai để thu hút đầu tư nước ngoài.
Tăng cường tiềm lực tài chính quốc gia, ổn định tiền tệ và kiềm chế lạm phát	Sử dụng ngân sách để điều chỉnh chính sách tài chính, ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát và duy trì ổn định giá cả các mặt hàng thiết yếu.	Ví dụ: Chính phủ điều hành chính sách tài khóa và tiền tệ, kết hợp với Ngân hàng Nhà nước để kiểm soát lạm phát và duy trì ổn định giá vàng, xăng dầu.
Điều tiết thu nhập và giải quyết các vấn đề về đời sống xã hội	Sử dụng ngân sách để hỗ trợ người có thu nhập thấp, đảm bảo công bằng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.	Ví dụ: Chương trình hỗ trợ người nghèo, trợ cấp xã hội cho người cao tuổi và phát triển nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp.
Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh	Ngân sách được dùng để tạo lập và duy trì quỹ dự trữ quốc gia nhằm đối phó với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh.	Ví dụ: Ngân sách dự phòng dùng cho việc phòng chống và khắc phục hậu quả bão lũ ở miền Trung, hỗ trợ khẩn cấp trong đại dịch COVID-19.
Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế	Ngân sách nhà nước dành cho hoạt động đối ngoại, hỗ trợ phát triển quan hệ hợp tác quốc tế và tham gia các tổ chức quốc tế.	Ví dụ: Việt Nam đóng góp cho quỹ ASEAN, tham gia và tổ chức các hội nghị quốc tế, như Hội nghị Thượng đỉnh APEC tại Đà Nẵng năm 2017.

II/ Thuế

1. Thuế và vai trò của thuế

a. Thuế là gì

Thuế là một khoản ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

95

b. Vai trò của thuế

Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.

Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.

Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

Nội dung	Giải thích	Ví dụ Thực Tế tại Việt Nam
Thuế là gì	Thuế là khoản tiền bắt buộc mà các tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân phải nộp cho nhà nước theo quy định của luật để sử dụng cho các mục đích công cộng.	Ví dụ: Các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công phải đóng thuế thu nhập cá nhân; doanh nghiệp phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp.
Vai trò của thuế		
Nguồn thu chính của ngân sách nhà nước	Thuế là nguồn thu lớn và quan trọng nhất của nhà nước, được dùng để chi trả cho các hoạt động của chính phủ như phát triển cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, quốc phòng.	Ví dụ: Năm 2023, thuế giá trị gia tăng (VAT) đóng góp phần lớn vào nguồn thu ngân sách quốc gia, hỗ trợ xây dựng các tuyến đường cao tốc và bệnh viện công tại Việt Nam.
Công cụ điều tiết thị trường	Nhà nước sử dụng thuế để điều chỉnh hành vi tiêu dùng, sản xuất của xã hội. Các chính sách thuế có thể khuyến khích tiêu dùng hàng nội địa và bảo vệ thị trường trong nước.	Ví dụ: Chính phủ áp dụng thuế nhập khẩu cao đối với ô tô nhập khẩu để khuyến khích người dân sử dụng xe sản xuất trong nước, hỗ trợ ngành công nghiệp ô tô nội địa phát triển.
Điều tiết thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội	Thuế giúp điều tiết thu nhập giữa các nhóm dân cư khác nhau, thông qua việc thu thuế từ các đối tượng có thu nhập cao và sử dụng ngân sách thuế để hỗ trợ người có thu nhập thấp.	Ví dụ: Thuế thu nhập cá nhân được thiết kế với các mức thuế suất khác nhau, trong đó người có thu nhập cao phải đóng thuế nhiều hơn, góp phần đảm bảo sự công bằng trong xã hội.

2. Một số loại thuế phổ biến

– Căn cứ vào tính chất điều tiết của thuế, hệ thống thuế được phân chia thành thuế trực thu và thuế gián thu:

+ Thuế trực thu là loại thuế mà người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế (loại thuế này trực tiếp điều tiết vào thu nhập của người nộp thuế). Ví dụ: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp,...

+ Thuế gián thu là loại thuế mà người nộp thuế và người chịu thuế không đồng thời là một (loại thuế này điều tiết gián tiếp vào thu nhập của người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ thông qua cơ chế giá hàng hoá, dịch vụ). Ví dụ: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường,...

Dưới đây là bảng phân tích khoa học hơn về **thuế trực thu** và **thuế gián thu** cùng với các loại thuế phổ biến tại Việt Nam, bao gồm phần giải thích chi tiết và ví dụ cụ thể:

Loại Thuế	Khái niệm	Các loại thuế phổ biến	Ví dụ Thực Tế tại Việt Nam
Thuế trực thu	Là loại thuế mà người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế, tức là	- Thuế thu nhập cá nhân (TNCN): Đánh vào thu nhập của cá nhân.	- Thuế TNCN: Một cá nhân có thu nhập hàng tháng 50 triệu đồng tại TP.HCM phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

Loại Thuế	Khái niệm	Các loại thuế phổ biến	Ví dụ Thực Tế tại Việt Nam
	người nộp thuế cũng là đối tượng bị điều tiết thu nhập hoặc tài sản trực tiếp.	- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) : Đánh vào thu nhập của doanh nghiệp.	- Thuế TNDN : Công ty Vinamilk nộp thuế dựa trên lợi nhuận kinh doanh.
		- Thuế tài nguyên : Đánh vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.	- Thuế tài nguyên : Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) nộp thuế tài nguyên từ khai thác dầu khí.
		- Thuế sử dụng đất nông nghiệp : Đánh vào quyền sử dụng đất nông nghiệp.	Hộ gia đình sản xuất nông nghiệp : Một hộ gia đình ở tỉnh Đồng Tháp sử dụng 1 hecta đất để trồng lúa. Theo quy định, hộ này sẽ phải nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp hàng năm dựa trên diện tích đất và mức thuế suất quy định. Mức thuế cụ thể có thể thay đổi tùy thuộc vào loại cây trồng và khu vực địa lý.
Thuế gián thu	Là loại thuế mà người nộp thuế và người chịu thuế không đồng thời là một. Thuế này được tính vào giá bán hàng hóa, dịch vụ, và người tiêu dùng là người chịu thuế cuối cùng.	- Thuế giá trị gia tăng (VAT) : Đánh vào giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ.	- Thuế VAT : Khi mua hàng tại siêu thị VinMart, người tiêu dùng phải trả thêm 10% thuế VAT.
		- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) : Đánh vào hàng hóa, dịch vụ đặc biệt.	- Thuế TTĐB : Người tiêu dùng mua rượu, bia phải trả thêm thuế TTĐB trong giá bán.
		- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu : Đánh vào hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu.	- Thuế nhập khẩu : Công ty nhập khẩu ô tô từ Nhật phải nộp thuế nhập khẩu, và người mua chịu phần thuế này.

Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

I/ Sản xuất kinh doanh

- Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận. Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.

bảng phân biệt "Kinh doanh" và "Sản xuất kinh doanh"

Nội dung	Khái niệm	Đặc điểm	Ví dụ thực tế tại Việt Nam
Kinh doanh	Là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận.	- Bao gồm nhiều công đoạn: đầu tư, sản xuất, tiêu thụ. - Tập trung vào hoạt động thương mại và dịch vụ. - Có thể không sản xuất trực tiếp hàng hóa.	- Công ty Thương mại Điện máy XANH: Kinh doanh các sản phẩm điện máy, từ việc nhập khẩu, phân phối đến bán lẻ, không trực tiếp sản xuất.
Sản xuất kinh doanh	Là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hóa/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.	- Tập trung chủ yếu vào sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ. - Là một phần của hoạt động kinh doanh. - Đáp ứng nhu cầu của thị trường thông qua sản xuất.	- Công ty TNHH Sữa Việt Nam (Vinamilk): Sản xuất các sản phẩm từ sữa như sữa tươi, sữa đặc và phân phối đến tay người tiêu dùng.

phân tích vai trò của sản xuất kinh doanh

Vai trò	Khái niệm	Ví dụ thực tế tại Việt Nam
1. Hoạt động kinh tế cơ bản	Sản xuất kinh doanh là hoạt động kinh tế chính, tạo ra sản phẩm hàng hóa và dịch vụ để phục vụ nhu cầu của xã hội.	Công ty TNHH Vissan: Sản xuất thực phẩm chế biến từ thịt heo và thịt gia cầm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của người dân.
2. Đáp ứng nhu cầu của xã hội	Sản xuất hàng hóa và dịch vụ cần thiết, đảm bảo cung cấp kịp thời và đầy đủ cho xã hội.	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk): Cung cấp các sản phẩm sữa và thực phẩm dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ em.
3. Tạo việc làm và thu nhập	Hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra việc làm, giúp người lao động có thu nhập ổn định, cải thiện đời sống cá nhân và gia đình.	Tập đoàn Hòa Phát: Sản xuất thép và các sản phẩm từ thép, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động, đóng góp vào thu nhập cho các gia đình.
4. Đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội	Sản xuất kinh doanh không chỉ tạo ra giá trị gia tăng mà còn đóng góp vào ngân sách nhà nước và phát triển hạ tầng.	Công ty Cổ phần Tập đoàn FPT: Đầu tư vào công nghệ thông tin và viễn thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế số và hạ tầng công nghệ.
5. Cải thiện cuộc sống ẩm no	Sản xuất kinh doanh giúp nâng cao chất lượng sống, mang lại cuộc sống ấm no cho người dân trong xã hội.	Hệ thống siêu thị CoopMart: Cung cấp đa dạng sản phẩm thiết yếu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người tiêu dùng.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ta hiện nay

a. Mô hình sản xuất kinh doanh

Hộ sản xuất kinh doanh là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức

sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

Hộ kinh doanh chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Mô hình này có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, kho đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn.

Tiêu chí	Mô hình Hộ sản xuất kinh doanh
Khái niệm	Mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc nhóm người đủ 18 tuổi làm chủ.
Số lượng thành viên	Có thể là cá nhân hoặc hộ gia đình.
Quy định pháp lý	Đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm pháp lý
Địa điểm kinh doanh	Chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm duy nhất.
Số lượng lao động	Sử dụng dưới 10 lao động.
Trách nhiệm	Chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân cho hoạt động kinh doanh.
Quy mô	Quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ.
Khó khăn	Khó huy động vốn, khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu lớn.
Ví dụ thực tế	Một hộ gia đình sản xuất bánh mì tại địa phương, chỉ có 5 lao động và bán tại cửa hàng nhỏ.

b. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh

* *Hợp tác xã* là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 5 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác (*chú ý, luật HTX sửa đổi 2023 đã quy định 5 thành viên- sgk viết theo luật cũ là 7 thành viên*)

Đặc điểm của hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh; có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.

* *Liên hiệp hợp tác xã* là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 2 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau (*chú ý, luật HTX sửa đổi 2023*)

Đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu; có tư cách pháp nhân; các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý.

Tiêu chí	Hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã
Khái niệm	Tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, do ít nhất 5 thành viên tự nguyện thành lập.	Tổ chức kinh tế tập thể, do ít nhất 2 hợp tác xã tự nguyện thành lập.
Tư cách pháp nhân	Có tư cách pháp nhân.	Có tư cách pháp nhân.
Hình thức sở hữu	Sở hữu tập thể, tất cả thành viên có quyền sở hữu và quản lý tài sản chung.	Cũng sở hữu tập thể, các hợp tác xã thành viên cùng sở hữu tài sản và quản lý chung.
Số lượng thành viên	Ít nhất 5 thành viên.	Ít nhất 4 hợp tác xã thành viên.

Tiêu chí	Hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã
Quyền và nghĩa vụ	Các thành viên có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trong quản lý hợp tác xã.	Các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng trong quản lý.
Mục tiêu	Tạo ra lợi nhuận, phục vụ lợi ích chung của các thành viên.	Tương trợ lẫn nhau, tạo điều kiện phát triển cho các hợp tác xã thành viên.
Quản lý	Có tổ chức quản lý, thường do một ban lãnh đạo được bầu ra từ các thành viên.	Các hợp tác xã thành viên tự quản lý, thường có đại diện tham gia vào việc quản lý liên hiệp.
Ví dụ thực tế	Hợp tác xã Nông nghiệp Thanh Bình, nơi các nông dân cùng nhau sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.	Liên hiệp hợp tác xã Nông nghiệp Tiền Giang, hợp tác giữa nhiều hợp tác xã nông nghiệp để tăng cường hỗ trợ lẫn nhau.

c. Mô hình doanh nghiệp

c.1. Vấn đề chung về Doanh nghiệp

- Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh

Doanh nghiệp có đặc điểm;

+ Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ,...

+ Có tính hợp pháp; đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh.

+ Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

c.2. Một số mô hình Doanh nghiệp

** Doanh nghiệp tư nhân*

- Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Đặc điểm:

+ Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân.

+ Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp

** Công ty hợp danh:*

Khái niệm: là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung.

- Đặc điểm:

+ Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lý công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.

+ Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

+ Tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lý công ty không quá phức tạp.

** Công ty TNHH*

- Công ty TNHH một thành viên

+ *Khái niệm:* là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu.

+ Đặc điểm:

/ Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

/ Công ty có tư cách pháp nhân

/ Vốn điều lệ tại thời điểm đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

/ Ít rủi ro hơn doanh nghiệp tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

+ Khái niệm: là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.

+ Đặc điểm:

/ Công ty có tư cách pháp nhân, không

được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.

/ Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

/ Ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lí, điều hành công ty không quá phức tạp

* Công ty cổ phần

- KN: Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

- Đặc điểm:

+ Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

+ Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.

* Doanh nghiệp nhà nước

- KN: Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lí hoặc tham gia quản lí với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

- Doanh nghiệp nhà nước gồm có hai loại:

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

bảng so sánh các mô hình doanh nghiệp tại Việt Nam

Tiêu chí	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty cổ phần	Doanh nghiệp nhà nước
Khái niệm	Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ, chịu trách nhiệm	Doanh nghiệp có ít nhất 2 thành viên cùng kinh doanh dưới	Doanh nghiệp do một tổ chức hoặc cá nhân làm chủ sở hữu.	Doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên, có thể là cá nhân	Doanh nghiệp hình thành từ vốn góp của nhiều người, chia thành cổ phần.	Tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham

Tiêu chí	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty cổ phần	Doanh nghiệp nhà nước
	bằng toàn bộ tài sản.	một tên chung.		hoặc tổ chức.		gia thành lập, nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
Đặc điểm sở hữu	Chủ sở hữu duy nhất, không có tư cách pháp nhân.	Thành viên hợp danh có quyền ngang nhau, cùng chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.	Có tư cách pháp nhân, chủ sở hữu chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn điều lệ.	Có tư cách pháp nhân, các thành viên chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn đã góp.	Có tư cách pháp nhân, có quyền phát hành cổ phần.	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn hoặc trên 50% vốn.
Quyền quyết định	Chủ doanh nghiệp toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh.	Các thành viên hợp danh có quyền ngang nhau trong quản lý công ty.	Chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.	Các thành viên cùng tham gia quản lý công ty nhưng theo tỷ lệ góp vốn.	Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề lớn của công ty.	Nhà nước quyết định các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp.
Trách nhiệm	Chịu trách	Cùng liên	Chịu trách	Chịu trách	Chịu trách nhiệm	Chịu trách

Tiêu chí	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty cổ phần	Doanh nghiệp nhà nước
tài chính	nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản cá nhân.	đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của công ty.	nhiệm trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.	nhiệm trong phạm vi vốn đã góp vào doanh nghiệp.	trong phạm vi vốn góp, không gây rủi ro cho cổ đông.	nhiệm trong phạm vi vốn do Nhà nước đầu tư.
Huy động vốn	Khó huy động vốn, phụ thuộc vào vốn cá nhân.	Khó khăn hơn trong việc huy động vốn.	Huy động vốn từ một cá nhân, dễ dàng hơn so với doanh nghiệp tư nhân.	Huy động vốn từ các thành viên, dễ dàng hơn so với mô hình hộ kinh doanh.	Dễ dàng huy động vốn thông qua phát hành cổ phần ra công chúng.	Huy động vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác.
Ví dụ thực tế	Một cửa hàng sửa chữa xe máy của một cá nhân.	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hợp danh Minh Tâm, nơi các thành viên hợp tác cung cấp dịch	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn do một cá nhân làm chủ.	Công ty TNHH thương mại dịch vụ ABC với hai thành viên góp vốn.	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) là một trong những công ty cổ phần lớn nhất Việt Nam.	Tổng công ty Thăm dò Khảo sát dầu khí (PVEP) là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực dầu khí.

Tiêu chí	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty cổ phần	Doanh nghiệp nhà nước
		vụ tư vấn.				

bảng so sánh các mô hình sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

Tiêu chí	Mô hình hộ sản xuất kinh doanh	Mô hình hợp tác xã	Mô hình doanh nghiệp
Khái niệm	Là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc hộ gia đình làm chủ, tổ chức sản xuất theo quy định của pháp luật.	Là tổ chức kinh tế tập thể, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập, nhằm hợp tác sản xuất và kinh doanh.	Là tổ chức có tên riêng, có trụ sở giao dịch, được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.
Đặc điểm sở hữu	Sở hữu cá nhân hoặc hộ gia đình, không có tư cách pháp nhân.	Sở hữu tập thể, có tư cách pháp nhân, thành viên bình đẳng.	Sở hữu riêng của cá nhân hoặc tổ chức, có tư cách pháp nhân (trừ doanh nghiệp tư nhân).
Quy mô hoạt động	Quy mô nhỏ, sử dụng dưới 10 lao động.	Quy mô vừa, có thể có hàng chục hoặc hàng trăm thành viên, sử dụng nhiều lao động hơn.	Quy mô đa dạng (nhỏ, vừa, lớn), có thể hàng trăm, hàng nghìn lao động.
Tự chủ trong quản lý	Tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm, chịu trách nhiệm hoàn toàn bằng tài sản của mình.	Thành viên có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.	Doanh nghiệp tự chủ trong hoạt động kinh doanh nhưng phải tuân theo quy định của pháp luật.
Huy động vốn	Khó huy động vốn, thường phụ thuộc vào vốn tự có của chủ hộ.	Có khả năng huy động vốn từ các thành viên, dễ dàng hơn so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh.	Dễ dàng huy động vốn thông qua các hình thức như phát hành cổ phần, vay vốn ngân hàng.
Mục tiêu chính	Đáp ứng nhu cầu sinh sống của hộ gia đình, có thể không có mục tiêu lợi nhuận cao.	Đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên, vừa có lợi nhuận vừa mang tính xã hội.	Mục tiêu chính là tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.
Ví dụ thực tế	Một hộ gia đình trồng rau sạch và bán tại chợ địa phương.	Hợp tác xã nông nghiệp xã An Thái, nơi nông dân hợp tác	Công ty TNHH Masan Consumer sản xuất và phân phối thực phẩm,

Tiêu chí	Mô hình hộ sản xuất kinh doanh	Mô hình hợp tác xã	Mô hình doanh nghiệp
		trồng trọt và tiêu thụ sản phẩm chung.	hoặc Công ty cổ phần Vinamilk sản xuất sữa.
Trách nhiệm pháp lý	Chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của chủ hộ.	Các thành viên chịu trách nhiệm theo quy định của luật hợp tác xã, nhưng không phải chịu trách nhiệm vô hạn.	Trách nhiệm tài chính và pháp lý của doanh nghiệp chỉ trong phạm vi vốn đã góp, trừ doanh nghiệp tư nhân.

Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng

I/ Tín dụng

1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng.

- Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi.

- Đặc điểm:

+ Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn;

+ Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhượng quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định;

+ Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện

Tiêu chí	Nội dung	Giải thích
Khái niệm	Tín dụng là quan hệ kinh tế giữa người cho vay (chủ thể sở hữu) và người vay (chủ thể sử dụng vốn) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi.	Tín dụng không chỉ đơn thuần là việc cho vay và mượn tiền, mà còn thể hiện một quan hệ kinh tế giữa hai bên, trong đó người cho vay có quyền lợi và người vay có nghĩa vụ. Tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc huy động và phân phối vốn trong nền kinh tế.
Đặc điểm		
- Dựa trên sự tin tưởng	Người cho vay cấp tín dụng khi tin tưởng người vay sẽ sử dụng vốn vay đúng mục đích và có khả năng hoàn trả.	Sự tin tưởng giữa người cho vay và người vay là yếu tố quyết định trong các giao dịch tín dụng. Người cho vay cần có thông tin về khả năng tài chính, uy tín và lịch sử tín dụng của người vay trước khi quyết định cho vay.
- Có tính tạm thời	Việc cho vay chỉ cho phép người vay sử dụng vốn trong một khoảng thời gian nhất định.	Thời hạn vay được xác định rõ ràng, và sau thời gian này, người vay phải trả lại vốn cho người cho vay. Điều này đảm bảo rằng nguồn vốn sẽ quay trở lại thị trường để tiếp tục được sử dụng.
- Có tính hoàn trả	Người vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi đúng hạn mà không có điều kiện nào khác.	Việc hoàn trả cả vốn và lãi là nghĩa vụ pháp lý của người vay. Việc không hoàn trả đúng hạn có thể dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng, bao gồm việc bị phạt lãi

Tiêu chí	Nội dung	Giải thích
		suất, mất tài sản đảm bảo hoặc bị kiện ra tòa.
Ví dụ thực tế	Trường hợp 1: Một người chủ doanh nghiệp nhỏ tại Hà Nội muốn mở rộng cửa hàng, họ đã vay 100 triệu đồng từ Ngân hàng Vietcombank với lãi suất 10%/năm. Sau 2 năm, họ sẽ hoàn trả 120 triệu đồng (100 triệu gốc + 20 triệu lãi).	Trường hợp 2: Một nông dân tại Đồng Nai cần tiền để mua giống và phân bón cho vụ mùa. Họ đã vay 30 triệu đồng từ Quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất 8%/năm. Sau 1 năm, họ sẽ hoàn trả 32.4 triệu đồng (30 triệu gốc + 2.4 triệu lãi).

2. Vai trò của tín dụng

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.
- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước.
- Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

Vai trò của tín dụng	Nội dung	Ví dụ thực tế
1. Tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư	Tín dụng góp phần luân chuyển nguồn vốn nhàn rỗi từ cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người cần vốn. Điều này không chỉ tăng lượng vốn đầu tư mà còn thúc đẩy hiệu quả đầu tư.	Một hộ gia đình nông dân ở An Giang có tiền nhàn rỗi 50 triệu đồng gửi vào ngân hàng. Ngân hàng này sau đó cho một doanh nghiệp chế biến thủy sản vay để mở rộng sản xuất, giúp cả hai bên đều có lợi.
2. Công cụ điều tiết kinh tế - xã hội	Tín dụng là công cụ hữu hiệu để nhà nước điều tiết nền kinh tế, quản lý lạm phát, phát triển ngành nghề, và ổn định thị trường thông qua việc kiểm soát lượng tiền cung ứng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh lãi suất cho vay để kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khi lãi suất thấp, doanh nghiệp có thể vay tiền dễ dàng hơn để mở rộng sản xuất.
3. Thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng và việc làm	Tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, từ đó thúc đẩy lưu thông hàng hóa và tiêu dùng. Khi sản xuất tăng, nhu cầu lao động cũng gia tăng, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.	Một công ty sản xuất giày dép tại Bình Dương vay 5 tỷ đồng từ ngân hàng để đầu tư vào máy móc mới. Việc này không chỉ nâng cao năng suất lao động mà còn tạo thêm 200 việc làm cho người dân địa phương.

Dịch vụ tín dụng
bảng so sánh 4 hình thức tín dụng

Tiêu chí	Tín dụng ngân hàng	Tín dụng thương mại	Tín dụng tiêu dùng	Tín dụng nhà nước
Khái niệm	Ngân hàng cho phép khách hàng sử dụng	Quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp	Quan hệ giữa tổ chức tín dụng và	Hoạt động vay trả giữa nhà nước và các tác

Tiêu chí	Tín dụng ngân hàng	Tín dụng thương mại	Tín dụng tiêu dùng	Tín dụng nhà nước
	một lượng tiền trong thời gian nhất định, có trách nhiệm hoàn trả cả vốn lẫn lãi.	thông qua mua bán chịu, trả chậm hay trả góp hàng hóa.	người tiêu dùng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.	nhân khác để huy động vốn bù đắp ngân sách hoặc mở rộng đầu tư.
Đặc điểm	- Dựa trên lòng tin. - Có thời hạn. - Phải hoàn trả cả gốc và lãi vô điều kiện. - Tiềm ẩn rủi ro.	- Được thực hiện qua mua bán chịu. - Thời hạn trả nợ linh hoạt. - Có thể không yêu cầu lãi suất ngay lập tức.	- Mục đích là tiêu dùng. - Lãi suất thường cao. - Người vay là cá nhân hoặc hộ gia đình.	- Lãi suất ưu đãi. - Theo kế hoạch của Nhà nước. - Hỗ trợ đối tượng khó khăn.
Hình thức vay	- Cho vay tín chấp - Cho vay thế chấp - Cho vay trả góp	- Mua bán chịu - Mua bán trả chậm	- Cho vay trả góp - Sử dụng thẻ tín dụng	- Phát hành trái phiếu chính phủ - Cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội
Trách nhiệm của người vay	Cung cấp thông tin trung thực, trả đủ vốn và lãi đúng hạn.	Hoàn trả vốn và lãi đúng hạn theo thỏa thuận.	Cung cấp thông tin trung thực, trả đủ vốn và lãi đúng hạn theo thỏa thuận.	Thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, có trách nhiệm đối với nguồn vốn nhà nước được vay.
Mục đích sử dụng	Đầu tư sản xuất, tiêu dùng cá nhân.	Mua hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp.	Thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ.	Huy động vốn cho các chương trình đầu tư phát triển, hỗ trợ đối tượng chính sách.
Rủi ro	Tiềm ẩn rủi ro trong việc khách hàng không trả nợ đúng hạn.	Rủi ro về khả năng thanh toán của khách hàng và điều kiện thị trường.	Rủi ro từ việc khách hàng không trả nợ đúng hạn, lãi suất cao.	Rủi ro về nợ công, việc không thu hồi được vốn từ các chương trình đầu tư.

1. Tín dụng ngân hàng

bảng so sánh ba hình thức tín dụng ngân hàng

Tiêu chí	Cho vay tín chấp	Cho vay thế chấp	Cho vay trả góp
Khái niệm	Cho vay dựa trên uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.	Cho vay yêu cầu người vay có tài sản thế chấp có	Ngân hàng và người vay thỏa thuận số lãi và nợ

Tiêu chí	Cho vay tín chấp	Cho vay thế chấp	Cho vay trả góp
		giá trị tương đương với số tiền vay.	gốc để trả trong nhiều kỳ hạn.
Đặc điểm	- Dựa vào uy tín cá nhân. - Thủ tục vay đơn giản. - Số tiền vay ít. - Thời hạn cho vay ngắn. - Lãi suất cao.	- Cần có tài sản đảm bảo. - Thủ tục phức tạp hơn. - Số tiền vay lớn. - Lãi suất thường thấp hơn. - Thời gian cho vay dài.	- Người vay trả lãi và nợ gốc hàng tháng. - Có thể vay dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp. - Chi phí lãi cao hơn nếu so với thanh toán một lần.
Trách nhiệm của người vay	Cung cấp thông tin chính xác, phải trả đủ vốn và lãi đúng hạn.	Cung cấp giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp, trả đủ vốn và lãi đúng hạn, chuyển nhượng tài sản nếu không trả nợ.	Cung cấp thông tin chính xác, phải trả đủ vốn và lãi theo thỏa thuận.
Ví dụ thực tế	Ngân hàng Vietcombank: Cung cấp khoản vay tín chấp với hạn mức tối đa lên tới 500 triệu đồng, thời hạn vay từ 6 tháng đến 5 năm.	Ngân hàng BIDV: Cho vay thế chấp nhà ở với số tiền lên tới 80% giá trị tài sản, thời gian vay lên tới 20 năm.	Ngân hàng Techcombank: Cung cấp sản phẩm cho vay trả góp để mua xe ô tô, với mức vay lên tới 80% giá trị xe.

* **Khái niệm:** Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

* **Đặc điểm:**

- + Dựa trên cơ sở lòng tin
- + Có tính thời hạn
- + Phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện
- + Tiềm ẩn rủi ro

* **Một số hình thức tín dụng ngân hàng:**

* **Cho vay tín chấp**

- **Khái niệm:** Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa trên uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.

- **Đặc điểm** của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao.

- **Trách nhiệm:** Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

* **Cho vay thế chấp**

- **Khái niệm:** Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn vay.

- **Đặc điểm** của vay tín chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.

- **Trách nhiệm:** Khi vay thế chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trong trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng thanh lý.

*** Cho vay trả góp**

- **Khái niệm:** Cho vay trả góp là: ngân hàng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời gian cho vay.

- **Đặc điểm** của cho trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; tùy trường hợp cụ thể ngân hàng sẽ cho vay trả góp dưới hình thức tín chấp hoặc thế chấp.

- **So sánh:** So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trong trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi xuất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi xuất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.

- Trách nhiệm Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thỏa thuận.

2. Tín dụng thương mại

Khái niệm: Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hóa. Đến thời hạn đã thỏa thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, thường được thực hiện dưới các hình thức như:

- **Mua bán chịu:** Khách hàng nhận hàng trước và thanh toán sau trong một khoảng thời gian đã thỏa thuận.
- **Mua bán trả chậm:** Hàng hóa được giao, nhưng khách hàng có thời gian nhất định để thanh toán.
- **Trả góp:** Khách hàng trả tiền hàng hóa theo nhiều đợt, thường kèm theo lãi suất. Doanh nghiệp bán hàng có quyền yêu cầu người mua thanh toán cả vốn gốc và lãi (nếu có) khi đến thời hạn đã thỏa thuận.

Ví dụ: **Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Hà Nội** là một doanh nghiệp chuyên cung cấp thiết bị văn phòng và hàng tiêu dùng. Công ty áp dụng hình thức tín dụng thương mại để thúc đẩy doanh số bán hàng và tạo điều kiện cho khách hàng.

Hình thức tín dụng: Công ty thực hiện bán hàng chịu cho một số khách hàng là các doanh nghiệp nhỏ và cửa hàng bán lẻ. Theo đó, khi nhận hàng, khách hàng không cần thanh toán ngay mà có thể thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Điều kiện: Các doanh nghiệp muốn được mua hàng chịu cần có hồ sơ tín dụng rõ ràng và lịch sử giao dịch tốt với công ty. Nếu thanh toán đúng hạn, khách hàng sẽ không bị tính lãi.

Hậu quả nếu không thanh toán đúng hạn: Nếu khách hàng không thanh toán sau 30 ngày, Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Hà Nội sẽ bắt đầu tính lãi suất cho phần tiền chậm trả, và có thể áp dụng các biện pháp thu hồi công nợ.

3. Tín dụng tiêu dùng

a. Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

- **Khái niệm:** Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hóa, dịch vụ).

- **Đặc điểm:** mục đích vay là để tiêu dùng, nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,...lương tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

b. Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng

Bảng So Sánh Dịch Vụ Tín Dụng Tiêu Dùng

Tiêu chí	Cho vay trả góp	Cho vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng
Khái niệm	Tổ chức tín dụng cho phép vay và trả dần theo kỳ hạn	Thẻ tín dụng cho phép chi trước, trả sau, do ngân hàng phát hành
Hình thức thanh toán	Người vay trả lãi và một phần nợ gốc hàng tháng	Chủ thẻ thanh toán toàn bộ vào ngày quyết toán
Lãi suất	Thường thấp và cố định trong suốt thời gian vay	Thường cao và có thể thay đổi theo thời gian
Thủ tục vay	Đơn giản, nhanh gọn, yêu cầu ít giấy tờ	Cần nhiều giấy tờ, chứng minh thu nhập và lịch sử tín dụng
Hạn mức cho vay	Thường cao, phụ thuộc vào khả năng trả nợ của người vay	Thay đổi theo lịch sử tín dụng và khả năng tài chính
Lợi ích cho cá nhân	Giúp lên kế hoạch chi tiêu dễ dàng	Tiện lợi, nhanh chóng, có thể tích điểm thưởng
Rủi ro	Nếu không trả đúng hạn, có thể gặp khó khăn tài chính	Lãi suất cao nếu không thanh toán đúng hạn, ảnh hưởng điểm tín dụng
Ví dụ thực tế	Công ty tài chính Mirae Asset cho vay trả góp mua xe máy	Thẻ tín dụng Sacombank cho phép chi tiêu lên đến 100 triệu đồng
Kết luận	Cho vay trả góp phù hợp với những người có kế hoạch chi tiêu cụ thể cho các khoản lớn và có thể tính toán được khả năng thanh toán hàng tháng.	Thẻ tín dụng lại thích hợp cho những ai muốn chi tiêu linh hoạt và thường xuyên, nhưng cần phải có khả năng quản lý tài chính tốt để tránh rơi vào nợ nần.

*** Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính**

- **Khái niệm:** Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thỏa thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.
- **Đặc điểm của cho vay trả góp là:** hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.
- **So sánh:** So với hình thức thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hằng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.
- **Trách nhiệm:** Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thỏa thuận.

*** Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng**

- Thẻ tín dụng ngân hàng (Credit Card) là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Căn cứ vào tài chính và lịch sử tín dụng của chủ thẻ, ngân hàng cấp một số tiền cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ và quy định hạn quyết toán cho khoản tiền đã chi trong một khoảng thời gian nhất định. Đến hạn quyết toán, chủ thẻ phải hoàn trả lại tiền đã chi cho ngân hàng, nếu không trả hết số tiền đã vay, khách hàng phải chịu lãi.
- Việc thanh toán bằng thẻ tín dụng mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân và xã hội:

+ Với cá nhân: có cơ hội được ưu đãi về lãi suất khi vay tiền ngân hàng nhờ có lịch sử tín dụng tốt đồng thời còn được hoàn lại một số khoản tiền nhỏ theo giá trị hóa đơn mỗi khi mua sắm trong khi thanh toán bằng tiền mặt sẽ không được, hạn chế được những rủi ro từ việc giữ tiền mặt, thực hiện thanh toán nhanh gọn, an toàn.

+ Với xã hội: việc nhiều cá nhân thực hiện thanh toán qua thẻ sẽ tiết kiệm được lượng tiền mặt cần phát hành trong lưu thông, tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử, thanh toán hóa đơn điện tử,...

- Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chị C có trách cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn. Không nên để nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

4. Tín dụng nhà nước

a. Đặc điểm của tín dụng nhà nước

Tín dụng nhà nước là hoạt động vay trả giữa nhà nước và các tác nhân khác trong nền kinh tế. Mục đích của tín dụng này là để huy động vốn, bù đắp thiếu hụt ngân sách, mở rộng quy mô đầu tư, thực hiện các mục tiêu kinh tế quan trọng và hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội, nhằm xây dựng và phát triển xã hội bền vững.

Đặc Điểm Của Tín Dụng Nhà Nước

1. **Lãi suất ưu đãi:** Lãi suất cho vay từ nhà nước thường thấp hơn so với lãi suất từ ngân hàng thương mại, tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân có thể vay vốn dễ dàng hơn.
2. **Theo kế hoạch, chủ trương:** Các khoản vay thường được xác định theo kế hoạch, chủ trương của nhà nước, phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế.
3. **Hỗ trợ đối tượng khó khăn:** Tín dụng nhà nước thường hướng đến các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, như hộ nghèo, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoặc các dự án phát triển bền vững.
4. **Thời gian vay dài:** Thời gian vay thường linh hoạt và dài hạn hơn, giúp người vay có thêm thời gian để trả nợ.

Ví Dụ Thực Tế Tại Việt Nam

1. **Chương trình cho vay hộ nghèo:** Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) cung cấp vốn ưu đãi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với lãi suất thấp (từ 0.5% đến 1%/tháng).
2. **Chương trình đầu tư phát triển nông thôn:** Nhà nước cho vay các dự án phát triển hạ tầng nông thôn với lãi suất ưu đãi nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống người dân.
3. **Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:** Qua Quỹ bảo lãnh tín dụng cho vay, nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa với mức lãi suất thấp để phát triển sản xuất kinh doanh.

Bảng So Sánh Tín Dụng Nhà Nước Với Tín Dụng Thương Mại

Tiêu chí	Tín dụng nhà nước	Tín dụng thương mại
Khái niệm	Vay giữa nhà nước và các tác nhân khác trong nền kinh tế	Vay giữa ngân hàng và cá nhân/doanh nghiệp
Mục đích	Huy động vốn cho ngân sách và hỗ trợ đối tượng khó khăn	Lợi nhuận cho ngân hàng và phục vụ nhu cầu cá nhân/doanh nghiệp
Lãi suất	Thường thấp và ổn định	Cao hơn và có thể thay đổi theo thị trường
Thời gian vay	Thường dài hạn, linh hoạt	Thời gian vay ngắn hơn, phụ thuộc vào sản phẩm vay
Thủ tục vay	Thủ tục đơn giản hơn, phù hợp với đối tượng khó khăn	Thủ tục phức tạp hơn, yêu cầu nhiều giấy tờ
Ví dụ	Chương trình cho vay hộ nghèo, đầu tư phát triển nông thôn	Vay tiêu dùng, vay mua nhà, vay kinh doanh tại ngân hàng thương mại

b. Một số hình thức tín dụng nhà nước

Bảng So Sánh hình thức tín dụng nhà nước

Tiêu chí	Phát hành trái phiếu chính phủ	Tín dụng cho vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội
Khái niệm	Trái phiếu do Bộ Tài chính phát hành để huy động vốn	Tổ chức tín dụng cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách
Người vay	Nhà nước	Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác
Mục đích	Huy động vốn cho ngân sách hoặc dự án đầu tư	Hỗ trợ tài chính cho người nghèo và đối tượng khó khăn
Thời hạn vay	Từ 1 năm trở lên	Thời gian linh hoạt, tùy thuộc vào từng chương trình
Lãi suất	Thấp và ổn định hơn ngân hàng thương mại	Thường thấp hơn ngân hàng thương mại, có thể miễn lãi cho hộ nghèo
Phương thức cho vay	Mua bán trên thị trường chứng khoán	Cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác
Đối tượng đầu tư	Nhà đầu tư cá nhân, tổ chức	Hộ nghèo, cựu chiến binh, phụ nữ đơn thân, hộ chính sách khác
Ví dụ	Trong năm 2022, Việt Nam đã phát hành trái phiếu chính phủ với tổng trị giá lên tới 150.000 tỷ đồng để huy động vốn cho ngân sách nhà nước và các dự án hạ tầng, như xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam.	Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện chương trình cho vay hộ nghèo với lãi suất 0.5%/tháng, giúp hàng triệu hộ gia đình có cơ hội phát triển kinh tế, như đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hoặc tiểu thủ công nghiệp.

*** phát hành trái phiếu chính phủ**

- **Khái niệm:** Trái phiếu Chính phủ là loại trái phiếu do Bộ Tài chính phát hành nhằm huy động vốn cho ngân sách nhà nước hoặc huy động vốn cho chương trình, dự án đầu tư cụ thể thuộc phạm vi đầu tư của nhà nước.

- Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ.

- Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm.

- Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

- Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

*** Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội**

- **Khái niệm:** Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

- **Phương thức cho vay của ngân hàng chính sách xã hội:** cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác trong đó uỷ thác là chủ yếu. Ngân hàng thực hiện uỷ thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho các Hội, Đoàn thể như: Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đối tượng cho vay phải là đối tượng được quy định trong các chương trình ưu đãi của Nhà nước giao cho ngân hàng này thực hiện. Ngân hàng có mạng lưới rộng khắp ở các địa phương để cung cấp dịch vụ tín dụng nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi cho người dân

Lập kế hoạch tài chính cá nhân

1. Khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân

- **Tài chính cá nhân:** là những vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm,... của mỗi người.
- **Kế hoạch tài chính cá nhân** là bản kế hoạch thu chi giúp quản lý tiền bạc của cá nhân bao gồm các quyết định về hoạt động tài chính như thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư,... để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân.

Bảng So Sánh

Tiêu chí	Tài chính cá nhân	Kế hoạch tài chính cá nhân
Khái niệm	Các vấn đề về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm	Bản kế hoạch quản lý thu chi để đạt mục tiêu tài chính
Nội dung	Thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư	Các quyết định cụ thể về thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư
Mục tiêu	Cung cấp cái nhìn tổng quát về tài chính cá nhân	Đạt được các mục tiêu tài chính cụ thể
Thời gian	Có thể mang tính ngắn hạn hoặc dài hạn	Thường có thời gian cụ thể (ngắn hạn hoặc dài hạn)
Sự linh hoạt	Có thể thay đổi theo tình huống	Cần được điều chỉnh theo thực tế và mục tiêu
Ví dụ	Một cá nhân có thu nhập hàng tháng là 15 triệu đồng, chi tiêu 10 triệu đồng cho các nhu cầu hàng tháng (ăn uống, sinh hoạt, giải trí). Số tiền còn lại 5 triệu đồng sẽ được tiết kiệm hoặc đầu tư.	Một cá nhân lập kế hoạch tài chính trong 12 tháng tới: Mục tiêu: Tiết kiệm 60 triệu đồng để mua một chiếc xe máy mới. Thu nhập hàng tháng: 15 triệu đồng. Chi tiêu hàng tháng: 10 triệu đồng. Tiết kiệm hàng tháng: 5 triệu đồng. Đầu tư: Dùng 2 triệu đồng từ số tiền tiết kiệm để đầu tư vào quỹ tương hỗ.

2. Các loại kế hoạch cá nhân

a. Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn

- + **Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn:** là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian ngắn (dưới 3 tháng).
- + **Đặc điểm:** mục tiêu ngắn hạn thường là cân đối chi tiêu với mức thu nhập đang có hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ,...; thời gian thực hiện ngắn.

b. Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn

- + **Kế hoạch tài chính cá nhân trung hạn:** là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện một mục tiêu tài chính trong một thời gian từ 3 - 6 tháng.
- + **Đặc điểm:** thực hiện mục đích cân đối thu chi trong tiêu dùng hay tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ... thời gian thực hiện từ 3 - 6 tháng.

c. Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn

- + **Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn:** là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được những mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ 6 tháng trở lên.
- + **Đặc điểm:** mục tiêu thường là có được những khoản tiền lớn để thực hiện được các dự định trong tương lai, thời gian thực hiện từ 6 tháng trở lên, bao gồm kế hoạch thực hiện các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn để từng bước đạt được mục tiêu dài hạn.

Bảng So Sánh

Tiêu chí	Kế hoạch tài chính ngắn hạn	Kế hoạch tài chính trung hạn	Kế hoạch tài chính dài hạn
Thời gian thực hiện	Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	Từ 6 tháng trở lên
Mục tiêu	Cân đối chi tiêu, tiết kiệm nhỏ	Tiết kiệm lớn hơn cho mục tiêu cụ thể	Mục tiêu lớn như mua nhà, đầu tư
Đặc điểm	Thời gian ngắn, dễ thực hiện	Thời gian vừa phải, yêu cầu lập kế hoạch	Thời gian dài, yêu cầu kiên nhẫn và chiến lược
Ví dụ thực tế	Tiết kiệm 3 triệu trong 2 tháng	Tiết kiệm 15 triệu trong 5 tháng để du lịch	Tiết kiệm 200 triệu trong 2 năm để mua nhà

3. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

*** Việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân giúp mỗi người:**

- + Tính toán, cân nhắc nên dành những khoản chi phí cần thiết cho đời sống, học tập.
- + Chủ động nắm chắc tình hình tài chính của bản thân để điều chỉnh cho phù hợp.
- + Duy trì được chi tiêu tài chính lành mạnh, không lãng phí, không bị thâm hụt hay nợ nần và còn tiết kiệm để thực hiện các mục tiêu tài chính quan trọng khác trong tương lai, giúp tự chủ trong cuộc sống.
- + Được mọi người tôn trọng, quý mến.

4. Các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân

Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện

- + Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. Nó có thể liên quan đến những mong muốn cân đối chi tiêu, tiết kiệm, kiếm tiền tăng thu nhập,...

Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân

- + Cần ghi chép đầy đủ các khoản thu - chi, đặc biệt là các khoản chi, tách được những khoản chi thiết yếu (những thứ em cần) và những khoản không thiết yếu (những thứ em muốn) để theo dõi, kiểm soát mức chi với mức thu nhập cho phép. Nếu chi vượt quá mức phải nhanh chóng có phương án điều chỉnh, để cân đối.

Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân

- + Đó là các quy tắc: đảm bảo chi tiêu không vượt mức thu cho phép, phân bổ thu nhập cho các khoản chi và có tiết kiệm sao cho không ảnh hưởng đến các khoản chi thiết yếu, tăng thu nhập nhưng không được ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân

- + Nếu có những khoản chi đột xuất cần nhanh chóng tìm cách điều chỉnh. Nếu nhu cầu thực tế hay thu nhập có thay đổi, cần cập nhật và điều chỉnh để bản kế hoạch phù hợp với thực tế.

Bước	Mô tả	Ví dụ thực tế	Phân tích
Bước 1: Xác định mục tiêu tài chính và thời hạn thực hiện	- Đặt mục tiêu liên quan đến cân đối chi tiêu, tiết kiệm, và tăng thu nhập. - Xác định rõ thời gian để hoàn thành mỗi mục tiêu.	Mục tiêu ngắn hạn: Tiết kiệm 10 triệu đồng trong 6 tháng để mua laptop. Mục tiêu dài hạn: Tăng thu nhập lên 15% trong vòng 1 năm.	- Xác định rõ mục tiêu giúp tạo ra động lực và có hướng đi cụ thể. - Phân chia mục tiêu ngắn hạn và dài hạn giúp quản lý tài chính hợp lý.

Bước	Mô tả	Ví dụ thực tế	Phân tích
Bước 2: Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân	- Ghi chép đầy đủ thu nhập và chi tiêu. - Phân loại chi tiêu thành thiết yếu và không thiết yếu.	Thiết yếu: Tiền thuê nhà, tiền học phí, tiền ăn uống hàng ngày. Không thiết yếu: Mua sắm quần áo, đi xem phim, uống cà phê.	- Kiểm soát được chi tiêu giúp tránh tình trạng bội chi. - Phân loại các khoản chi tiêu giúp xác định ưu tiên trong chi tiêu hàng tháng.
Bước 3: Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân	- Thiết lập nguyên tắc chi tiêu không vượt thu nhập. - Đảm bảo phân bổ thu nhập hợp lý cho các khoản chi và tiết kiệm.	Quy tắc 50/30/20: - 50% thu nhập cho chi tiêu thiết yếu. - 30% cho các khoản không thiết yếu. - 20% để tiết kiệm.	- Việc có nguyên tắc giúp quản lý tài chính cá nhân hiệu quả hơn. - Phân bổ thu nhập theo tỷ lệ giúp cân đối giữa chi tiêu và tiết kiệm.
Bước 4: Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân	- Điều chỉnh kế hoạch khi có biến động về chi tiêu hoặc thu nhập. - Cập nhật kế hoạch khi mục tiêu hoặc thu nhập thay đổi.	Khi có khoản chi đột xuất như mua điện thoại mới do điện thoại cũ hỏng, cần điều chỉnh bằng cách giảm chi tiêu không thiết yếu khác hoặc tăng tiết kiệm trong tháng sau.	- Linh hoạt trong việc điều chỉnh giúp bản kế hoạch tài chính cá nhân luôn phù hợp với thực tế. - Tính kỷ luật cao giúp duy trì kế hoạch lâu dài và đạt được mục tiêu.

PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật

a. Khái niệm pháp luật

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

+ Nội dung pháp luật là những chuẩn mực về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Nhà nước, của cá nhân và các tổ chức như: được làm những gì, được hưởng những lợi ích nào, phải làm gì, không được làm gì, phải chịu trách nhiệm và hình thức xử lý như thế nào khi vi phạm quy tắc chung.

+ Chỉ Nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Pháp luật được Nhà nước bảo đảm thi hành bằng quyền lực nhà nước. Trường hợp vi phạm pháp luật, Nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm minh, bảo vệ lợi ích của công dân và xã hội

Khái niệm pháp luật	Mô tả	Ví dụ thực tế tại Việt Nam	Phân tích
Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung	- Pháp luật là các quy tắc xử sự được áp dụng cho mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội. - Các quy tắc này do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực của Nhà nước.	Ví dụ: Luật Giao thông đường bộ quy định mọi người khi tham gia giao thông phải đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, xe đạp điện.	- Các quy định này được áp dụng bắt buộc cho tất cả công dân tham gia giao thông. Nếu không tuân thủ, sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.
Nội dung pháp luật quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức	- Pháp luật quy định những gì cá nhân, tổ chức được làm, không được làm, và phải làm. - Đồng thời, quy định các hình thức xử lý khi vi phạm.	Ví dụ: Bộ luật Lao động quy định người lao động có quyền được hưởng lương tối thiểu vùng và phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội. Nếu người sử dụng lao động không tuân thủ, có thể bị phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	- Pháp luật bảo vệ quyền lợi của người lao động, đồng thời yêu cầu họ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. - Việc không thực hiện sẽ dẫn đến các hình thức xử phạt hoặc cưỡng chế.
Chỉ Nhà nước có thẩm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện pháp luật	- Chỉ Nhà nước mới có quyền ban hành các quy định pháp luật và bảo đảm việc thực thi thông qua hệ thống cơ quan Nhà nước.	Ví dụ: Quốc hội Việt Nam ban hành Luật Đất đai, quy định quyền sở hữu, sử dụng đất của cá nhân, tổ chức. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước như Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Nhà nước là cơ quan duy nhất có quyền ban hành pháp luật và đảm bảo thực thi thông qua các cơ quan chức năng. - Các cá nhân, tổ chức phải tuân theo các quy định do Nhà nước ban hành.
Nhà nước sử dụng quyền lực để bảo đảm thực hiện pháp luật và áp dụng biện pháp cưỡng chế nếu cần	- Nhà nước có quyền sử dụng các biện pháp cưỡng chế, bao gồm phạt tiền, tước quyền, truy tố nếu có hành vi vi phạm pháp luật.	Ví dụ: Một cá nhân vi phạm pháp luật khi xây dựng trái phép trên đất công, Nhà nước sẽ tiến hành cưỡng chế tháo dỡ công trình và có thể phạt hành chính hoặc truy tố hình sự nếu vi phạm nghiêm trọng.	- Quyền lực nhà nước đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và bảo vệ lợi ích chung của xã hội. - Việc cưỡng chế giúp ngăn chặn vi phạm và bảo vệ quyền lợi hợp

Khái niệm pháp luật	Mô tả	Ví dụ thực tế tại Việt Nam	Phân tích
			pháp của công dân.

b. Đặc điểm của pháp luật

- Pháp luật có ba đặc điểm: tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về hình thức.

** Biểu hiện của tính quy phạm phổ biến của pháp luật:*

- + Pháp luật là khuôn mẫu, là quy tắc xử sự chung cho mọi người, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi.
- + Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định đều phải xử sự theo khuôn mẫu pháp luật quy định.
- + Tính quy phạm phổ biến là một chuẩn mực nhất định để các cá nhân, tổ chức khi tham gia các quan hệ xã hội phải ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đó. Từ đó, giúp cho xã hội hoạt động, phát triển trong trật tự ổn định, thông qua đó, Nhà nước thực hiện việc quản lí xã hội.

** Biểu hiện của tính quyền lực, bắt buộc chung của pháp luật:*

- + Quy phạm pháp luật do Nhà nước (cơ quan nhà nước có thẩm quyền) ban hành.
- + Mọi cá nhân, tổ chức đều bắt buộc phải thực hiện theo khuôn mẫu chung mà Nhà nước quy định.
- + Nhà nước bảo đảm thực hiện pháp luật bằng quyền lực nhà nước (xử phạt, cưỡng chế đối với người có hành vi vi phạm/không thực hiện hoặc thực hiện không đúng).
- Tính quyền lực, bắt buộc chung nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm các quy định pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh đối với mọi cá nhân, tổ chức dưới sự quản lí của Nhà nước.

** Biểu hiện của tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật:*

- + Pháp luật phải được thể hiện bằng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành. Chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định mới được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- + Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân theo trình tự, thủ tục hình thức pháp luật quy định.
- + Ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, chỉ mang một nghĩa nhất định.
- + Nội dung phải đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức giúp cho người dân nhận thức được biểu hiện bên ngoài của pháp luật, dễ thực hiện pháp luật, dễ kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật của bản thân và của người khác, đồng thời góp phần hạn chế, ngăn ngừa sự tùy tiện, lợi dụng việc ban hành pháp luật phục vụ lợi ích riêng

Đặc điểm	Mô tả	Ví dụ thực tế tại Việt Nam	Phân tích chi tiết
Tính quy phạm phổ biến	- Pháp luật là khuôn mẫu xử sự chung, được áp dụng nhiều lần và tại nhiều nơi. - Mọi cá nhân, tổ chức đều phải tuân theo khi rơi vào các	Ví dụ: Luật Hôn nhân và Gia đình quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ 20 trở lên, nữ từ 18 trở lên,	- Pháp luật không chỉ áp dụng một lần mà được lặp lại nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau. - Điều này giúp tạo ra sự đồng nhất trong cách xử sự của công dân, đảm bảo tính

Đặc điểm	Mô tả	Ví dụ thực tế tại Việt Nam	Phân tích chi tiết
	điều kiện, hoàn cảnh nhất định.	không phân biệt khu vực địa lý hay tôn giáo.	ổn định và bền vững trong quản lý xã hội.
Tính quyền lực, bắt buộc chung	- Mọi cá nhân và tổ chức bắt buộc phải tuân theo quy định pháp luật. - Nhà nước có quyền lực cưỡng chế, áp dụng biện pháp xử phạt với người vi phạm.	Ví dụ: Người không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bị phạt tiền theo Nghị định 100/2019/NĐ-CP.	- Không ai có quyền từ chối hoặc không tuân theo pháp luật. - Nhà nước có quyền lực để cưỡng chế người vi phạm, bảo đảm rằng tất cả cá nhân và tổ chức đều chịu trách nhiệm trước pháp luật, đảm bảo trật tự và công bằng xã hội.
Tính xác định chặt chẽ về hình thức	- Pháp luật phải được ban hành dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật, tuân theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt. - Ngôn ngữ trong văn bản pháp luật phải rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, đảm bảo tính hợp hiến và thống nhất. - Hiến pháp có vị trí pháp lý cao nhất.	Ví dụ: Luật Đất đai được ban hành theo đúng quy trình từ Quốc hội, được công bố rõ ràng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và được diễn giải chi tiết trong các Nghị định hướng dẫn thi hành.	- Việc quy định rõ ràng trong văn bản pháp luật giúp cho mọi người có thể dễ dàng tiếp cận, hiểu và tuân thủ. - Đồng thời, nó ngăn chặn những sự lợi dụng hay áp dụng pháp luật không công bằng từ các cơ quan thực thi.

2. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội

a. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội

- Pháp luật điều chỉnh, định hướng các quan hệ xã hội theo khuôn mẫu chung thống nhất, tạo nên trật tự xã hội ổn định, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.
- Pháp luật là phương tiện để Nhà nước kiểm tra, kiểm soát hoạt động của cá nhân, tổ chức, trong phạm vi lãnh thổ của mình.
- Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước phát huy quyền lực, sức mạnh trong quản lý nhà nước nhằm đảm bảo dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội

b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình

- Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân:
- Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.
 - Tạo cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

- Tạo cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Vai trò của pháp luật	Mô tả	Ví dụ thực tế tại Việt Nam	Phân tích chi tiết
a. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội	- Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội, tạo ra sự ổn định và trật tự chung. - Nhà nước kiểm soát hoạt động của các cá nhân, tổ chức thông qua pháp luật. - Pháp luật tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước phát huy quyền lực trong việc quản lý.	Ví dụ: Luật Giao thông đường bộ quy định cụ thể các nguyên tắc tham gia giao thông nhằm giảm tai nạn, đảm bảo trật tự và an toàn giao thông. Ví dụ 2: Luật Phòng, chống tham nhũng yêu cầu mọi cá nhân và tổ chức trong hệ thống chính trị phải minh bạch tài sản, thu nhập, giúp Nhà nước kiểm soát tham nhũng hiệu quả.	- Pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, đảm bảo rằng tất cả cá nhân và tổ chức hành xử theo quy định. Điều này giúp tạo ra sự ổn định và thúc đẩy phát triển bền vững. - Nhà nước sử dụng pháp luật để kiểm tra và kiểm soát các hoạt động xã hội, nhằm duy trì trật tự và bảo vệ lợi ích công cộng. - Pháp luật còn giúp Nhà nước bảo vệ lợi ích chung và đảm bảo bình đẳng cho tất cả mọi người.
b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình	- Pháp luật xác lập các quyền và nghĩa vụ của công dân trong mọi lĩnh vực. - Pháp luật là cơ sở để công dân yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền lợi hợp pháp. - Pháp luật tạo ra cơ sở để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, và xử lý hành vi xâm phạm quyền lợi.	Ví dụ: Bộ luật Dân sự quy định về quyền sở hữu tài sản, giúp công dân bảo vệ quyền sở hữu đất đai, tài sản trước các hành vi lấn chiếm hoặc tranh chấp. Ví dụ 2: Luật Khiếu nại, tố cáo giúp người dân khiếu nại các quyết định hành chính không đúng quy định, bảo vệ quyền lợi của họ trước cơ quan nhà nước.	- Pháp luật giúp ghi nhận các quyền cơ bản của công dân, đảm bảo công dân có thể thực hiện các quyền này một cách hợp pháp. - Nhờ pháp luật, người dân có thể yêu cầu Nhà nước bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm. - Pháp luật cung cấp một cơ chế giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm, giúp duy trì sự công bằng và bảo vệ quyền lợi cá nhân.

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

Hệ thống pháp luật Việt Nam là tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

Về cấu trúc bên trong: Hệ thống pháp luật bao gồm:

- **Quy phạm pháp luật:** là quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục tiêu nhất định.
- **Chế định luật:** Là tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật.
- **Ngành luật:** là tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.

Về hình thức thể hiện: Hệ thống pháp luật được thể hiện qua các văn bản quy phạm pháp luật

Cấu trúc bên trong của hệ thống PL VN	Mô tả	Ví dụ thực tế tại Việt Nam	Phân tích chi tiết
1. Quy phạm pháp luật	- Quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, có tính bắt buộc. - Quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng nhất định, nhằm đạt các mục tiêu cụ thể.	Ví dụ: Điều 5 của Luật Giao thông đường bộ quy định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia giao thông như phải đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy.	- Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự chung, có giá trị áp dụng cho mọi người trong xã hội. - Các quy phạm này giúp thiết lập trật tự xã hội, đảm bảo các cá nhân và tổ chức hành xử đúng theo quy định để duy trì sự ổn định và phát triển xã hội.
2. Chế định luật	- Tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất, điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật.	Ví dụ: Chế định về quyền thừa kế trong Bộ luật Dân sự Việt Nam điều chỉnh các quyền liên quan đến việc thừa kế tài sản.	- Chế định luật là tập hợp các quy phạm có tính chất tương đồng, giúp điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một nhóm cụ thể như gia đình, thừa kế, lao động. - Việc nhóm các quy phạm lại thành các chế định giúp cho việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trở nên thống nhất, dễ hiểu và dễ thực hiện.
3. Ngành luật	- Tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng đặc tính để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội.	Ví dụ: Ngành luật Hình sự quy định về các hành vi phạm tội và hình phạt tương ứng, như trong Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).	- Ngành luật tập trung các quy phạm điều chỉnh một lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn như hình sự, dân sự, hành chính. - Việc phân chia thành các ngành luật giúp hệ thống pháp luật bao quát được mọi lĩnh vực của đời sống, đồng thời tạo ra sự chuyên môn hóa trong việc điều chỉnh và thực thi pháp luật.

2. Văn bản pháp luật Việt Nam

a. Văn bản quy phạm pháp luật

- **Văn bản quy phạm pháp luật** là các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, được ban hành theo

đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục pháp luật quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định mà nhà nước muốn xác lập)

- Văn bản quy phạm pháp luật gồm các đặc điểm:
 - + Có chứa quy phạm pháp luật
 - + Do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành
 - + Hình thức, trình tự thủ tục ban hành do luật định
- Văn bản quy phạm pháp luật gồm văn bản luật và văn bản dưới luật
 - + Văn bản luật là văn bản do Quốc hội ban hành gồm: Hiến pháp, bộ luật, luật, nghị quyết.
- + Văn bản dưới luật gồm: Pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, lệnh, quyết định, nghị định, thông tư, thông tư liên tịch.

b. Văn bản áp dụng pháp luật

Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước, do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản có nội dung cụ thể đối với cá nhân, tổ chức xác định, được thực hiện một lần trong thực tiễn

Tiêu chí	Văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản áp dụng pháp luật
Định nghĩa	Là văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật, ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định mà nhà nước muốn xác lập.	Là văn bản chứa các quy tắc xử sự cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước, ban hành theo quy định để áp dụng quy phạm pháp luật đối với một tình huống cụ thể.
Đặc điểm	- Chứa quy phạm pháp luật. - Ban hành bởi cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền. - Hình thức, trình tự và thủ tục ban hành theo luật định.	- Áp dụng quy phạm pháp luật cho trường hợp cụ thể. - Ban hành bởi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. - Được thực hiện một lần cho một tình huống xác định.
Mục đích	Điều chỉnh các quan hệ xã hội theo quy phạm chung, mang tính bao quát và phổ quát, áp dụng cho nhiều đối tượng trong xã hội.	Xác lập quyền, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân hoặc tổ chức cụ thể, áp dụng cho tình huống cá biệt.
Phạm vi áp dụng	Phạm vi rộng, áp dụng chung cho tất cả mọi người, các tổ chức, cơ quan trong phạm vi quốc gia.	Phạm vi hẹp, chỉ áp dụng cho cá nhân hoặc tổ chức trong một tình huống cụ thể.
Ví dụ	- Hiến pháp. - Luật, Bộ luật. - Nghị định. - Thông tư.	- Quyết định của tòa án xử một vụ án cụ thể. - Quyết định xử phạt hành chính đối với một cá nhân vi phạm giao thông.
Số lần áp dụng	Áp dụng nhiều lần, có giá trị lâu dài cho đến khi bị sửa đổi hoặc bãi bỏ.	Chỉ áp dụng một lần đối với trường hợp cụ thể.

Tiêu chí	Văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản áp dụng pháp luật
Cơ quan ban hành	Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công chức nhà nước, hoặc cá nhân/tổ chức được Nhà nước trao quyền.
Giống nhau	- Cả hai loại văn bản đều do cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền ban hành và dựa trên quy định của pháp luật. - Cả hai đều có chức năng điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội, nhằm bảo đảm trật tự xã hội và quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan.	

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

1. Khái niệm thực hiện pháp luật

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
- Để pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của công dân
- + Nhà nước cần công bố công khai, minh bạch pháp luật, tổ chức tuyên truyền, tạo điều kiện để mọi người dân có thể tiếp cận pháp luật, tìm hiểu pháp luật; đồng thời giải thích, hướng dẫn người dân thực hiện pháp luật, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.
- + Công dân phải chủ động tìm hiểu pháp luật, tự giác thực hiện pháp luật và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.
- + Thực hiện pháp luật là giai đoạn tiếp theo sau khi ban hành pháp luật. Nếu như việc xây dựng, ban hành pháp luật là quá trình mô hình hoá các quy tắc xử sự theo hướng phù hợp với ý chí của Nhà nước thì thực hiện pháp luật là quá trình đưa các quy tắc xử sự đã được quy phạm hoá trở thành khuôn mẫu, thước đo đối với các hành vi cụ thể của cá nhân, tổ chức, bắt buộc mọi người phải thực hiện (bằng quyền lực nhà nước) khi họ tham gia vào các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.
- Vì vậy, nếu coi xây dựng pháp luật là quá trình đưa đời sống vào pháp luật thì thực hiện pháp luật là quá trình đưa pháp luật trở lại với đời sống và trở thành hoạt động thường xuyên của các cá nhân, tổ chức

Tiêu chí	Nội dung
Khái niệm	Thực hiện pháp luật là quá trình làm cho các quy định pháp luật đi vào thực tế đời sống và trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
Mục đích	Đưa các quy phạm pháp luật từ văn bản pháp luật trở thành những quy tắc thực tế điều chỉnh hành vi của cá nhân, tổ chức, cơ quan trong đời sống xã hội.
Yếu tố cần thiết	- Nhà nước: Công bố pháp luật công khai, minh bạch, tuyên truyền, hướng dẫn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.
	- Công dân: Chủ động tìm hiểu, tự giác thực hiện pháp luật và thúc đẩy người khác tuân thủ pháp luật.
Vai trò của Nhà nước	- Ban hành các quy định pháp luật, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật. - Tạo điều kiện để công dân hiểu và thực hiện pháp luật. - Giám sát và xử lý vi phạm.
Vai trò của Công dân	- Tự giác tuân thủ pháp luật và nhắc nhở người khác tuân thủ. - Chủ động tìm hiểu, cập nhật kiến thức pháp luật để thực hiện đúng các quy định.
Giai đoạn thực hiện	- Là giai đoạn sau khi xây dựng và ban hành pháp luật. - Đưa các quy phạm pháp luật thành khuôn mẫu cho hành vi thực tế của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Tiêu chí	Nội dung
Công cụ thực hiện	- Các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. - Quyền lực nhà nước để bắt buộc cá nhân, tổ chức thực hiện khi tham gia các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh.
Ví dụ thực tế ở Việt Nam	- Luật An toàn Giao thông: Sau khi ban hành, chính phủ tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về an toàn giao thông, cung cấp thông tin tại các điểm giao thông công cộng.
	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá: Các biển cấm hút thuốc được đặt tại nơi công cộng, tổ chức các hoạt động tuyên truyền về tác hại của thuốc lá trên truyền thông.
Kết quả thực hiện	Khi các quy định pháp luật trở thành hành vi thực tế của các cá nhân, tổ chức trong xã hội, đồng thời là công cụ để bảo vệ quyền lợi, trách nhiệm và trật tự xã hội.

2. Các hình thức thực hiện pháp luật

a. Tuân thủ pháp luật

- Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật (tổ chức, cá nhân) kiềm chế không thực hiện các hành vi pháp luật cấm.

b. Thi hành pháp luật

Thi hành pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật (tổ chức, cá nhân) chủ động thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ mà pháp luật quy định phải làm (bắt buộc phải làm).

c. Sử dụng pháp luật

Sử dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể (tổ chức, cá nhân) thực hiện các quyền và tự do pháp lý của mình theo quy định của pháp luật (làm những việc pháp luật cho phép làm).

d. Áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật là việc các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được Nhà nước trao quyền, căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

- Áp dụng pháp luật mang tính quyền lực nhà nước.

- Áp dụng pháp luật được tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

- Áp dụng pháp luật theo nguyên tắc cá biệt hoá các quy phạm pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể.

Tiêu chí	Tuân thủ pháp luật	Thi hành pháp luật	Sử dụng pháp luật	Áp dụng pháp luật
Định nghĩa	Là hình thức trong đó các chủ thể (tổ chức, cá nhân) kiềm chế không thực hiện các hành vi mà pháp luật cấm.	Là hình thức trong đó các chủ thể (tổ chức, cá nhân) thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp luật quy định.	Là hình thức trong đó các chủ thể thực hiện các quyền và tự do pháp lý theo quy định của pháp luật.	Là hình thức thực hiện pháp luật thông qua quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các chủ thể cụ thể.
Đặc điểm chính	- Không thực hiện hành vi pháp luật cấm .	- Chủ động thực hiện những nghĩa vụ , hành vi	- Cd sử dụng quyền của mình, làm những gì	- Ra quyết định dựa trên quy định pháp luật. - Thực hiện quyền

Tiêu chí	Tuân thủ pháp luật	Thi hành pháp luật	Sử dụng pháp luật	Áp dụng pháp luật
		mà pháp luật bắt buộc phải làm.	pháp luật cho phép	lực nhà nước trong việc áp dụng pháp luật.
Ví dụ thực tế ở Việt Nam	- Người dân không tàng trữ ma túy vì đây là hành vi pháp luật cấm.	- Người dân đóng thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật về thuế.	- Người dân đăng ký kinh doanh mở công ty theo quyền tự do kinh doanh trong pháp luật.	- Tòa án ra quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong một vụ án hình sự.
Chủ thể thực hiện	Cá nhân, tổ chức.	Cá nhân, tổ chức.	Cá nhân, tổ chức.	Cơ quan nhà nước, cán bộ công chức hoặc cá nhân, tổ chức được trao quyền bởi Nhà nước.
Mục tiêu	- Đảm bảo không vi phạm pháp luật, kiềm chế các hành vi trái quy định.	- Đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu.	- Đảm bảo cá nhân, tổ chức có thể thực hiện quyền và tự do theo luật định.	- Ra quyết định để giải quyết các trường hợp cụ thể dựa trên quy định pháp luật.
Tính chất	Mang tính chất kiềm chế, tránh vi phạm.	Mang tính chủ động thực hiện nghĩa vụ pháp lý.	Mang tính tự do theo khuôn khổ pháp luật.	Mang tính quyền lực nhà nước và có tính bắt buộc đối với các chủ thể cụ thể.
Hình thức thực hiện	- Không thực hiện hành vi bị cấm bởi pháp luật (ví dụ: không vượt đèn đỏ, không trốn thuế).	- Thực hiện hành vi bắt buộc bởi pháp luật (ví dụ: đóng bảo hiểm xã hội, nộp thuế).	- Tự do thực hiện quyền lợi mà pháp luật cho phép (ví dụ: đăng ký bản quyền sáng chế, mở công ty).	- Quyết định xử lý hành vi vi phạm hoặc cấp phép dựa trên quy định pháp luật (ví dụ: quyết định xử phạt hành chính, cấp giấy phép xây dựng).

Tóm tắt:

- **Tuân thủ pháp luật:** Không thực hiện các hành vi pháp luật cấm.
- **Thi hành pháp luật:** Chủ động thực hiện các nghĩa vụ bắt buộc.
- **Sử dụng pháp luật:** Tự do thực hiện các quyền pháp luật cho phép.
- **Áp dụng pháp luật:** Các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ra quyết định pháp lý dựa trên pháp luật.

GIỚI THIỆU VỀ HIẾN PHÁP

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tiêu chí	Nội dung
Khái niệm Hiến pháp	Hiến pháp là hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất, quy định các vấn đề cơ bản về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lý của con người và công dân.
Hiệu lực pháp lý của Hiến pháp	- Hiến pháp có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia. - Là cơ sở để xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác, không văn bản nào được trái với Hiến pháp.
Vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật	- Hiến pháp là luật cơ bản của Nhà nước, do Quốc hội ban hành để quy định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước. - Được xem là "khung" pháp lý cho toàn bộ hệ thống luật pháp, các văn bản quy phạm pháp luật phải dựa trên Hiến pháp.
Nội dung cơ bản của Hiến pháp	Hiến pháp nước CHXHCN VN quy định các vấn đề quan trọng sau: - Chế độ chính trị: Xác định nền tảng chính trị của đất nước (chủ quyền nhân dân, hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo). - Chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ: Đảm bảo sự phát triển bền vững và toàn diện của đất nước. - Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: Bảo đảm quyền tự do và quyền lợi hợp pháp của công dân. - Tổ chức bộ máy Nhà nước: Quy định về quyền lực và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.
Đặc điểm của Hiến pháp nước CHXHCN VN	- Đạo luật cơ bản: Là cơ sở để xây dựng và ban hành tất cả các văn bản quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật. - Hiệu lực pháp lý lâu dài, tương đối ổn định: Hiến pháp thường không thay đổi thường xuyên để đảm bảo sự ổn định trong hệ thống chính trị và pháp luật. - Quy trình làm và sửa đổi đặc biệt: Quy trình soạn thảo và sửa đổi Hiến pháp được quy định cụ thể trong chính Hiến pháp, đòi hỏi Quốc hội phải thực hiện theo thủ tục đặc biệt.
Vai trò của Hiến pháp	- Hiến pháp là cơ sở để xây dựng và ban hành toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật khác. - Đảm bảo sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia. - Quy định những giá trị nền tảng của quốc gia, như quyền con người, chế độ chính trị, kinh tế, xã hội.
Ví dụ về nội dung Hiến pháp 2013	- Hiến pháp 2013 khẳng định Việt Nam là quốc gia độc lập, có chủ quyền, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. - Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đều bị nghiêm trị.
Tầm quan trọng của Hiến pháp	- Là nền tảng bảo vệ quyền lực nhà nước, quyền con người và trật tự xã hội. - Tạo ra khung khổ pháp lý cho sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, môi trường, khoa học và công nghệ.

Tóm tắt:

- **Hiến pháp** là văn bản pháp lý cao nhất, quy định các vấn đề cốt lõi của quốc gia và là nền tảng của hệ thống pháp luật.

- **Vị trí:** Là cơ sở cho việc xây dựng mọi luật pháp khác, và các văn bản pháp luật không được trái với Hiến pháp.
- **Đặc điểm:** Hiến pháp là đạo luật cơ bản, có hiệu lực lâu dài và ổn định, được ban hành và sửa đổi theo quy trình đặc biệt do Quốc hội thực hiện.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

1. Nội dung cơ bản của Hiến pháp về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hiến pháp năm 2013 quy định chính thể của nước Việt Nam là nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa.
- Hiến pháp năm 2013 quy định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.

2. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị Việt Nam

- Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
- + Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
- + Nhà nước Việt Nam là trụ cột của hệ thống chính trị, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quản lý xã hội bằng Hiến Pháp và pháp luật.
- + Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là bộ phận của hệ thống chính trị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, đồng thời góp phần tham gia quản lý nhà nước và xã hội (Điều 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10....)

3. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về đường lối đối ngoại, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

** Quy định về đường lối đối ngoại*

- Đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 12 của Hiến pháp năm 2013.
- Nội dung: nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối

tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

□ **Ý nghĩa:**

- Đường lối đối ngoại của Việt Nam góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; góp phần mở rộng thị trường, thu hút được nhiều nguồn vốn, công nghệ, trí thức từ bên ngoài để phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đường lối đối ngoại của nước ta tạo điều kiện để phát triển đất nước và nâng cao chất lượng, phát triển đời sống xã hội một cách toàn diện.

*** Quy định về Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

- Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh, Thủ đô là những nội dung quan trọng, gắn liền với thể chế chính trị của quốc gia. Các nội dung này được quy định cụ thể, chi tiết tại điều 13 Hiến pháp năm 2013.

Nội dung	Chi tiết
Hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ	- Việt Nam là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. - Là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, vùng trời. - Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. - Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bị nghiêm trị.
Bản chất nhà nước và tổ chức quyền lực chính trị	- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. - Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. - Quyền lực nhà nước được phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. - Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. - Nhà nước thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và quản lý xã hội bằng Hiến pháp, pháp luật. - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bảo vệ quyền lợi của nhân dân, góp phần quản lý nhà nước và xã hội.
Đường lối đối ngoại	- Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển. - Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, hội nhập quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. - Không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác, bình đẳng, cùng có lợi. - Tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.
Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô	- Quốc kì: lá cờ đỏ sao vàng. - Quốc huy: biểu tượng chính thức của Nhà nước. - Quốc ca: bài Tiến quân ca. - Quốc khánh: ngày 2 tháng 9. - Thủ đô: Hà Nội.

QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP

1. Một số nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người

- Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền con người như sau: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 16); Mọi người đều có quyền sống (Điều 19); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật (Điều 20); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác (Điều 21);...

Quyền con người theo Hiến pháp 2013	Nội dung chi tiết	Ví dụ minh họa
Bình đẳng trước pháp luật (Điều 16)	- Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. - Không ai bị phân biệt đối xử trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.	Ví dụ: Trong một vụ tranh chấp đất đai, dù người tham gia là người dân tộc thiểu số hay người có chức quyền, tòa án phải xử lý dựa trên pháp luật mà không được phân biệt đối xử.
Quyền sống (Điều 19)	- Mọi người đều có quyền sống. - Quyền sống là quyền cơ bản, bất khả xâm phạm của mọi người.	Ví dụ: Chính phủ Việt Nam nghiêm cấm các hành vi như giết người, bạo hành, và pháp luật bảo vệ quyền sống của mọi công dân, bao gồm quyền được an toàn trong các tình huống khẩn cấp.
Quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 20)	- Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. - Pháp luật bảo hộ sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mọi người. - Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể và hiến xác theo quy định của luật.	Ví dụ: Khi một cá nhân bị bắt giữ bởi công an, nếu người đó không có tội hoặc bị xâm phạm quyền lợi cá nhân (bị bạo hành, ép cung), họ có quyền yêu cầu bảo vệ thân thể và danh dự.
Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư (Điều 21)	- Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. - Mọi người có quyền bảo vệ danh dự và uy tín của mình. - Mọi người có quyền bảo mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.	Ví dụ: Một công ty không được phép tiết lộ thông tin cá nhân của nhân viên (như địa chỉ nhà, số điện thoại) mà chưa có sự đồng ý từ người đó. Việc xâm phạm đời sống cá nhân sẽ bị xử lý theo pháp luật.

2. Một số nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a. Các quyền về chính trị, dân sự

Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các quyền về chính trị, dân sự như:

+ Quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22); quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo luật định (Điều 23);

- + Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo luật định (Điều 25);
 - + Quyền bầu cử khi đủ mười tám tuổi trở lên và quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân khi đủ hai mươi một tuổi trở lên (Điều 27);
 - + Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước (Điều 28);
 - + Quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân khi đủ mười tám tuổi trở lên (Điều 29),...
- b. Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội**
- Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội như:
 - + Công dân nam nữ bình đẳng về mọi mặt (Điều 26);
 - + Quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34); quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc (Điều 35);
 - + Quyền học tập (Điều 39);
 - + Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42);...
- c. Nghĩa vụ cơ bản của công dân**
- Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có các nghĩa vụ cơ bản như:
 - + Nghĩa vụ học tập (Điều 39);
 - + Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43);
 - + Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44); nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân (Điều 45);
 - + Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46);
 - + Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 47)

Nội dung	Chi tiết	Ví dụ minh họa
Quyền về chính trị, dân sự		
Quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22)	Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.	Ví dụ: Một người dân mua căn hộ chung cư và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), đó là việc xác nhận hợp pháp về nơi ở của người đó.
Quyền tự do đi lại và cư trú (Điều 23)	Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú trong nước, cũng như ra nước ngoài và trở về theo luật định.	Ví dụ: Một cá nhân có thể tự do chuyển nơi cư trú từ Hà Nội vào TP.HCM mà không cần xin phép, chỉ cần đăng ký với chính quyền địa phương mới.
Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí (Điều 25)	Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, tham gia viết báo và tiếp cận thông tin.	Ví dụ: Người dân có thể viết bài phản ánh vấn đề xã hội lên báo hoặc bày tỏ ý kiến cá nhân trên mạng xã hội, miễn là không vi phạm pháp luật.
Quyền bầu cử và ứng cử (Điều 27)	Công dân từ 18 tuổi có quyền bầu cử; từ 21 tuổi có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.	Ví dụ: Một cử tri tham gia bỏ phiếu trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khi đủ 18 tuổi.
Quyền tham gia quản lý nhà nước	Công dân có quyền tham gia thảo luận và kiến nghị	Ví dụ: Người dân có quyền gửi ý kiến đóng góp lên cơ quan nhà nước về việc

Nội dung	Chi tiết	Ví dụ minh họa
và xã hội (Điều 28)	về các vấn đề xã hội, chính trị.	quản lý và quy hoạch khu phố mình đang sống.
Quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân (Điều 29)	Công dân từ 18 tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi có trưng cầu ý dân.	Ví dụ: Khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân về việc thay đổi Hiến pháp, người dân từ 18 tuổi sẽ được mời tham gia biểu quyết.
Quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội		
Bình đẳng nam nữ (Điều 26)	Công dân nam và nữ bình đẳng trong mọi lĩnh vực.	Ví dụ: Một nữ công nhân có quyền nhận lương và các chế độ đãi ngộ bình đẳng với nam công nhân trong cùng một công việc.
Quyền làm việc, chọn nghề và nơi làm việc (Điều 35)	Công dân có quyền lựa chọn nghề nghiệp và nơi làm việc phù hợp.	Ví dụ: Một kỹ sư có thể quyết định làm việc cho một công ty ở Đà Nẵng hoặc tự do chọn lựa làm việc tại Hà Nội mà không bị giới hạn.
Quyền học tập (Điều 39)	Công dân có quyền học tập ở mọi cấp bậc.	Ví dụ: Một học sinh có quyền đăng ký học tại các trường công lập, dân lập hoặc trung tâm giáo dục nghề nghiệp mà không bị cản trở.
Quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ (Điều 42)	Công dân có quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ và lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.	Ví dụ: Người dân tộc thiểu số có thể sử dụng tiếng dân tộc mình trong giao tiếp và các hoạt động văn hóa mà không bị ngăn cấm.
Nghĩa vụ cơ bản của công dân		
Nghĩa vụ học tập (Điều 39)	Công dân có nghĩa vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ.	Ví dụ: Trẻ em Việt Nam có nghĩa vụ phải hoàn thành bậc tiểu học và trung học cơ sở theo quy định của luật.
Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43)	Công dân có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.	Ví dụ: Mỗi cá nhân phải có ý thức không xả rác bừa bãi và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như trồng cây xanh, tái chế.
Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44)	Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.	Ví dụ: Mọi công dân Việt Nam không được tham gia vào các hoạt động phản bội, làm suy yếu Tổ quốc.
Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ quân sự (Điều 45)	Công dân có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tham gia nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.	Ví dụ: Một nam thanh niên 18 tuổi phải tham gia nghĩa vụ quân sự khi có lệnh gọi nhập ngũ theo quy định của pháp luật.
Nghĩa vụ tuân theo pháp luật (Điều 46)	Công dân phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự xã hội.	Ví dụ: Người tham gia giao thông phải chấp hành luật giao thông, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy và tuân thủ đèn giao thông.
Nghĩa vụ nộp thuế (Điều 47)	Công dân có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.	Ví dụ: Mỗi người lao động phải kê khai thu nhập và nộp thuế thu nhập cá nhân theo mức quy định của pháp luật.

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI, GIÁO DỤC,
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG**

Nội dung	Chi tiết	Ví dụ minh họa
Nội dung về kinh tế (Điều 50-56)		
Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Điều 50, 51)	Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.	Ví dụ: Tập đoàn Viettel hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, được Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công và góp phần vào sự phát triển kinh tế đất nước.
Bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh (Điều 51)	Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.	Ví dụ: Công ty TNHH Samsung Việt Nam cạnh tranh với các doanh nghiệp nội địa như Bkav trong lĩnh vực công nghệ điện thoại di động, cả hai đều phải tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
Tài sản công thuộc sở hữu toàn dân (Điều 53)	Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện quản lý.	Ví dụ: Các khu vực rừng phòng hộ và vùng biển thuộc quyền quản lý của Nhà nước, việc khai thác phải được cấp phép và kiểm soát nhằm bảo vệ môi trường.
Quản lý ngân sách nhà nước và tài chính công (Điều 54, 55)	Ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước phải được quản lý và sử dụng hiệu quả, công bằng, minh bạch.	Ví dụ: Dự án xây dựng cầu đường sử dụng ngân sách nhà nước phải công khai kế hoạch chi tiêu và báo cáo kết quả thực hiện để người dân giám sát.
Nội dung về văn hóa, xã hội (Điều 57-60)		
Tạo việc làm và bảo vệ quyền lợi người lao động (Điều 57)	Nhà nước có trách nhiệm tạo việc làm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động.	Ví dụ: Các chương trình đào tạo nghề miễn phí cho thanh niên nhằm giúp họ có việc làm và phát triển sự nghiệp, như chương trình "Hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên".
Phát triển hệ thống an sinh xã hội (Điều 58)	Nhà nước đảm bảo cơ hội bình đẳng cho công dân hưởng phúc lợi xã hội và phát triển hệ thống an sinh xã hội.	Ví dụ: Chính sách trợ cấp cho người cao tuổi, trẻ em mồ côi, và người khuyết tật nhằm hỗ trợ những người yếu thế trong xã hội.
Chăm sóc sức khỏe nhân dân (Điều 59)	Nhà nước chăm lo phát triển sức khỏe nhân dân, xây dựng hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.	Ví dụ: Các chương trình khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em và người nghèo tại các trạm y tế xã, bảo đảm mọi người đều được tiếp cận dịch vụ y tế cần thiết.
Phát triển văn hóa (Điều 60)	Nhà nước chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.	Ví dụ: Nhà nước tổ chức và tài trợ các lễ hội truyền thống như Tết Nguyên Đán, Lễ hội Đền Hùng nhằm gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.
Nội dung về giáo dục (Điều 61)		

Nội dung	Chi tiết	Ví dụ minh họa
Giáo dục là quốc sách hàng đầu	Phát triển giáo dục là ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực.	Ví dụ: Nhà nước triển khai chương trình giáo dục phổ cập cho trẻ em tiểu học nhằm đảm bảo mọi trẻ em đều có cơ hội học tập.
Đầu tư cho giáo dục	Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút nguồn lực cho giáo dục, chăm lo phát triển giáo dục ở các cấp học.	Ví dụ: Các dự án xây dựng trường học mới, cải tạo cơ sở vật chất tại các vùng khó khăn như miền núi hoặc hải đảo để nâng cao chất lượng giáo dục.
Chính sách học bổng, học phí	Thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý nhằm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Ví dụ: Chương trình học bổng "Vì tương lai" dành cho học sinh nghèo vượt khó, giúp các em có điều kiện tiếp tục học tập.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Cơ cấu tổ chức của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm nhiều cơ quan, thiết chế tạo thành như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ. Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước.

Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức phân cấp phù hợp với các đơn vị hành chính đất nước và gồm: cơ quan lập pháp (cơ quan đại biểu của nhân dân), cơ quan hành pháp (cơ quan hành chính nhà nước) và cơ quan tư pháp (cơ quan xét xử, kiểm sát).

Cơ quan/Thiết chế	Chức năng/Nhiệm vụ	Ví dụ minh họa
1. Quốc hội	Cơ quan lập pháp, đại diện cho nhân dân, có chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia.	Thông qua Hiến pháp, luật và ngân sách nhà nước hàng năm, như Luật Giáo dục 2019.
2. Chủ tịch nước	Đại diện cho Nhà nước, thực hiện quyền lực hành pháp và có trách nhiệm trong lĩnh vực đối ngoại.	Ký các hiệp định quốc tế, như Hiệp định thương mại tự do với EU.
3. Chính phủ	Cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.	Thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội, như Chương trình phát triển nông thôn mới.
4. Hội đồng nhân dân	Cơ quan đại biểu của nhân dân tại địa phương, thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp tỉnh, huyện.	Thông qua các nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, như Nghị quyết phát triển hạ tầng giao thông tại tỉnh.
5. Ủy ban nhân dân	Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm thi hành pháp luật và quản lý các lĩnh vực trong đời sống xã hội.	Triển khai các chính sách an sinh xã hội, như cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo.
6. Tòa án nhân dân	Cơ quan tư pháp, thực hiện chức năng xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính.	Xét xử vụ án hình sự, như vụ án liên quan đến tham nhũng.

Cơ quan/Thiết chế	Chức năng/Nhiệm vụ	Ví dụ minh họa
7. Viện kiểm sát nhân dân	Cơ quan kiểm sát hoạt động tư pháp, bảo vệ pháp luật và lợi ích của Nhà nước.	Kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố các vụ án hình sự.
8. Hội đồng bầu cử quốc gia	Tổ chức và quản lý các cuộc bầu cử, đảm bảo tính hợp pháp và dân chủ.	Tổ chức bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo đúng quy định.
9. Kiểm toán nhà nước	Cơ quan kiểm tra và giám sát tài chính, ngân sách nhà nước.	Thực hiện kiểm toán các dự án sử dụng ngân sách nhà nước để đảm bảo tính minh bạch.

Phân cấp bộ máy Nhà nước

Cấp	Cơ quan	Chức năng/Nhiệm vụ
1. Cơ quan lập pháp	Quốc hội	Lập ra các luật và chính sách, đại diện cho ý chí nhân dân.
2. Cơ quan hành pháp	Chính phủ, Ủy ban nhân dân	Thực hiện các luật và chính sách đã được Quốc hội ban hành.
3. Cơ quan tư pháp	Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	Đảm bảo thực thi pháp luật và xét xử công bằng.

2. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXNCN Việt Nam

a. Cơ quan đại biểu của nhân dân

Cơ quan	Nhiệm vụ và quyền hạn	Ví dụ cụ thể
1. Quốc hội Điều 83, 84, 85, 86, 87 (Chương 6)	- Quyền lập hiến, lập pháp: Quốc hội có nhiệm vụ làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, cũng như xây dựng luật và sửa đổi luật. - Giám sát tối cao: Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của các cơ quan Nhà nước. - Quyết định các vấn đề quan trọng: Quốc hội quyết định mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; chính sách tài chính, tiền tệ; bầu và miễn nhiệm các chức danh cao cấp trong Nhà nước.	- Quốc hội ban hành Luật Đất đai (2013), quy định quyền sử dụng đất của cá nhân và tổ chức. - Quốc hội quyết định ngân sách nhà nước hàng năm, xác định mức chi tiêu cho các lĩnh vực như y tế, giáo dục, quốc phòng. - Quốc hội tổ chức trưng cầu ý dân về việc sửa đổi Hiến pháp (năm 2013). - Bầu Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
2. Hội đồng nhân dân Điều 113	- Quyền quyết định các vấn đề địa phương: Hội đồng nhân dân quyết định các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và các vấn đề theo luật định. - Giám sát: Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; giám sát thực hiện nghị quyết của Hội	- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, như việc phát triển hạ tầng giao thông. - Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện các chương trình xây dựng nông thôn mới, đảm

Cơ quan	Nhiệm vụ và quyền hạn	Ví dụ cụ thể
	đồng nhân dân. - Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội: Đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.	bảo rằng các dự án được triển khai đúng tiến độ và đạt chất lượng. - Hội đồng nhân dân tổ chức các cuộc họp để lắng nghe ý kiến người dân về các vấn đề an ninh trật tự tại địa phương.

1. Quốc hội:

- **Quyền lập hiến:** Quốc hội không chỉ có quyền sửa đổi, bổ sung Hiến pháp mà còn có trách nhiệm xây dựng các đạo luật quan trọng, đảm bảo pháp luật phù hợp với thực tiễn xã hội.
- **Giám sát:** Quốc hội có quyền giám sát hoạt động của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động của Nhà nước tuân thủ đúng theo Hiến pháp và pháp luật.
- **Quyết định các vấn đề quan trọng:** Quốc hội có thể quyết định về ngân sách quốc gia, chính sách tài chính, các chính sách liên quan đến dân tộc, tôn giáo và các vấn đề lớn liên quan đến quốc phòng, an ninh.

2. Hội đồng nhân dân:

- **Quyền quyết định địa phương:** Hội đồng nhân dân có vai trò quan trọng trong việc quyết định các chính sách và biện pháp cụ thể tại địa phương, phù hợp với nguyện vọng và nhu cầu của người dân.
- **Giám sát:** Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các nghị quyết của mình và các quy định của pháp luật tại địa phương, đảm bảo rằng mọi quyết định được thực hiện một cách hiệu quả.
- **Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:** Hội đồng nhân dân có quyền đưa ra các biện pháp để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, như phối hợp với các cơ quan chức năng để đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

b. Cơ quan hành chính nhà nước

Chương VII (từ Điều 94 đến Điều 101) của Hiến pháp năm 2013:

Cơ quan	Nội dung quy định	Chức năng, nhiệm vụ	Ví dụ cụ thể
1. Chính phủ	- Điều 94: Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, chấp hành các quyết định của Quốc hội.	- Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. - Quản lý thống nhất về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.	- Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2013/NĐ-CP về việc quy định chế độ quản lý, sử dụng quỹ bảo trì đường bộ. - Chính phủ chỉ đạo tổ chức tiêm vaccine COVID-19 cho toàn dân. - Chính phủ tổ chức hội nghị quốc tế về hợp tác phát triển bền vững trong lĩnh vực môi trường.
	- Điều 96: Chính phủ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng như thi	- Thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp.	- Trong tình hình dịch bệnh, Chính phủ ban hành lệnh phong tỏa một số khu vực để ngăn

Cơ quan	Nội dung quy định	Chức năng, nhiệm vụ	Ví dụ cụ thể
	hành lệnh động viên, bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội.	- Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân. - Thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước.	- chặn sự lây lan của virus. - Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ cho người dân trong thời kỳ khó khăn do dịch bệnh. - Chính phủ tổ chức các cuộc họp báo cáo về tình hình kinh tế, xã hội trước Quốc hội.
2. Ủy ban nhân dân	- Điều 114: Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.	- Tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân. - Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao. - Đảm bảo trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh, như xây dựng hạ tầng giao thông. - Ủy ban nhân dân tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm trên địa bàn. - Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tiêm vaccine cho trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng.

Giải thích thêm về các cơ quan:

1. **Chính phủ:**

- **Chức năng hành pháp:** Chính phủ là cơ quan cao nhất thực hiện quyền hành pháp, có nhiệm vụ thi hành các quyết định của Quốc hội và các luật liên quan.
- **Quản lý thống nhất:** Chính phủ có trách nhiệm thống nhất quản lý các lĩnh vực thiết yếu như kinh tế, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh.
- **Báo cáo trước Quốc hội:** Chính phủ có trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội, thể hiện tính minh bạch và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình.

2. **Ủy ban nhân dân:**

- **Chức năng chấp hành:** Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân tại địa phương, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng nhân dân.
- **Thi hành pháp luật tại địa phương:** Ủy ban nhân dân phải đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương, cũng như thực hiện các nhiệm vụ được cấp trên giao.
- **Giám sát an ninh trật tự:** Ủy ban nhân dân có trách nhiệm bảo đảm an ninh trật tự và quản lý các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c. Cơ quan tư pháp

cơ quan tư pháp, bao gồm Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, được quy định trong Chương VIII (từ Điều 102 đến Điều 109) của Hiến pháp năm 2013

Cơ quan	Nội dung quy định	Chức năng, nhiệm vụ	Ví dụ cụ thể
1. Tòa án nhân dân	- Điều 102: Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, có vai trò bảo vệ công lý và quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức và Nhà nước.	- Thực hiện chức năng xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh doanh, thương mại. - Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức và Nhà nước. - Thực hiện giám đốc xét xử, bảo đảm tính chính xác và công bằng.	- Tòa án nhân dân cấp cao xử lý vụ án tham nhũng, đưa ra bản án phạt tù đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật. - Tòa án nhân dân tỉnh xét xử các vụ án dân sự liên quan đến tranh chấp hợp đồng. - Tòa án nhân dân huyện xét xử các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính của cơ quan nhà nước.
	- Tòa án nhân dân có trách nhiệm bảo đảm các phiên tòa diễn ra công khai, minh bạch và công bằng, tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình xét xử.	- Xét xử công khai, minh bạch. - Giải quyết tranh chấp giữa các bên theo đúng quy định của pháp luật. - Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thi hành án.	- Tổ chức các phiên tòa công khai cho các vụ án có sự tham gia của nhiều bên liên quan, cho phép công chúng theo dõi. - Đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo trong các vụ án hình sự. - Tổ chức các buổi tư vấn pháp luật miễn phí cho người dân trước khi đưa ra xét xử.
2. Viện kiểm sát nhân dân	- Điều 107: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh và bảo vệ quyền con người.	- Thực hiện quyền công tố trong các vụ án hình sự. - Kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. - Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức và Nhà nước.	- Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát các hoạt động điều tra vụ án tham nhũng, đảm bảo quy trình điều tra được thực hiện đúng quy định. - Thực hiện quyền công tố trong các phiên tòa hình sự, đề xuất mức án đối với các bị cáo. - Kiểm sát hoạt động xét xử tại Tòa án để đảm bảo tuân thủ pháp luật.
	- Đảm bảo rằng tất cả các hoạt động tư pháp diễn ra theo đúng quy định của pháp luật và không vi phạm quyền lợi của các bên liên quan.	- Kiểm sát việc thực hiện các bản án, quyết định của Tòa án. - Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.	- Viện kiểm sát thực hiện kiểm tra việc thi hành bản án hình sự đối với các bị cáo đã bị kết án, đảm bảo rằng mọi quyết định được thực hiện đầy đủ và chính xác. - Tổ chức các cuộc họp để đánh giá công tác kiểm sát

Cơ quan	Nội dung quy định	Chức năng, nhiệm vụ	Ví dụ cụ thể
			tư pháp và đề xuất cải tiến quy trình công tác.

1. Toà án nhân dân:

- **Chức năng xét xử:** Là cơ quan chủ yếu thực hiện quyền tư pháp, Toà án có nhiệm vụ xét xử các vụ án khác nhau, từ hình sự đến dân sự, và đảm bảo rằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được bảo vệ.
- **Bảo vệ công lý:** Toà án có trách nhiệm đảm bảo rằng các quyết định của mình dựa trên pháp luật, công bằng và minh bạch.
- **Tổ chức phiên tòa:** Toà án phải tổ chức các phiên tòa công khai và minh bạch, cho phép người dân tham gia theo dõi và nắm rõ quy trình xét xử.

2. Viện kiểm sát nhân dân:

- **Thực hành quyền công tố:** Viện kiểm sát có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng quyền công tố được thực hiện đúng quy định của pháp luật, và tiến hành các hoạt động để bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.
- **Kiểm sát hoạt động tư pháp:** Viện kiểm sát giám sát quá trình điều tra, truy tố và xét xử, nhằm đảm bảo rằng pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh.
- **Bảo vệ quyền con người:** Viện kiểm sát có trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong quá trình thực hiện các hoạt động tư pháp.

d. Chủ tịch nước

Quy định về Chủ tịch nước được thể hiện tại **Điều 83** của Hiến pháp năm 2013.

Vai trò và Chức năng	Nội dung mô tả	Ví dụ
1. Người đứng đầu Nhà nước	Chủ tịch nước là vị trí cao nhất trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đại diện cho Nhà nước trong mọi hoạt động đối nội và đối ngoại.	-
2. Thay mặt Nhà nước về đối nội	- Chủ tịch nước có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn liên quan đến việc quản lý nhà nước, ký ban hành các văn bản pháp luật, quyết định các chính sách lớn của Nhà nước.	Khi Quốc hội thông qua một đạo luật mới, Chủ tịch nước sẽ ký ban hành luật đó thành văn bản chính thức, từ đó có hiệu lực thi hành. Ví dụ, nếu là một đạo luật quan trọng về cải cách giáo dục, Chủ tịch nước sẽ làm việc với các bộ, ngành để đảm bảo thực hiện các chính sách này.
3. Thay mặt Nhà nước về đối ngoại	- Chủ tịch nước đại diện cho Việt Nam trong các quan hệ quốc tế, ký kết các hiệp ước, điều ước quốc tế và tham gia vào các hoạt động ngoại giao với các quốc gia khác.	Chủ tịch nước có thể tham gia vào các hội nghị quốc tế như Hội nghị cấp cao ASEAN, nơi thảo luận về hợp tác khu vực, an ninh và phát triển kinh tế. Tại đây, Chủ tịch nước sẽ trình bày quan điểm của Việt Nam và ký kết các thỏa thuận hợp tác với các nước thành viên ASEAN.
4. Vai trò trong quốc phòng và an ninh	- Chủ tịch nước có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến quốc phòng và an ninh, đồng thời là Tổng Tư	Trong trường hợp khẩn cấp hoặc khi có tình hình an ninh phức tạp, Chủ tịch nước có thể ra lệnh huy động lực lượng vũ trang để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Vai trò và Chức năng	Nội dung mô tả	Ví dụ
	lệnh của lực lượng vũ trang nhân dân.	
5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân	- Chủ tịch nước có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời xử lý các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hành vi vi phạm quyền của người dân.	Nếu có một vụ việc mà công dân phản ánh về sự xâm phạm quyền lợi của họ bởi cơ quan nhà nước, Chủ tịch nước có thể chỉ đạo các cơ quan chức năng điều tra và xử lý vụ việc đó, đảm bảo rằng quyền của công dân được tôn trọng.

e. Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước

Cơ quan	Hội đồng bầu cử quốc gia	Kiểm toán nhà nước
Căn cứ pháp lý	Quy định tại khoản 1 Điều 117 của Hiến pháp năm 2013.	Quy định tại khoản 1 Điều 118 của Hiến pháp năm 2013.
Chức năng	Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.	Thực hiện kiểm toán các hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước, các tổ chức tài chính công, nhằm đảm bảo sự minh bạch và hợp pháp.
Nhiệm vụ	- Đề xuất và phê duyệt kế hoạch bầu cử. - Giải quyết khiếu nại liên quan đến bầu cử. - Thông báo kết quả bầu cử.	- Kiểm tra việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. - Đánh giá tính hợp pháp của các khoản chi tiêu công. - Báo cáo Quốc hội về kết quả kiểm toán.
Ví dụ	- Khi có cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia sẽ xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động bầu cử trên toàn quốc. - Hội đồng cũng sẽ giám sát và đảm bảo rằng mọi quy trình bầu cử diễn ra công bằng, minh bạch.	- Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán ngân sách hàng năm của Chính phủ, nhằm phát hiện các sai sót trong quản lý tài chính và đưa ra khuyến nghị để cải tiến. - Ví dụ, sau khi kiểm toán, nếu phát hiện ra việc chi tiêu không hợp lý ở một dự án công, Kiểm toán nhà nước sẽ đề xuất các biện pháp xử lý.

bảng tóm tắt các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Cơ quan	Chức năng/Nhiệm vụ	Quy định trong Hiến pháp
1. Quốc hội	- Thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. - Giám sát tối cao hoạt động của Nhà nước.	Điều 83, 84, 85, 86, 87 (Chương 6)
2. Hội đồng nhân dân	- Quyết định các vấn đề của địa phương. - Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.	Điều 113
3. Chính phủ	- Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp.	Điều 94, 96

Cơ quan	Chức năng/Nhiệm vụ	Quy định trong Hiến pháp
	- Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.	
4. Ủy ban nhân dân	- Cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân. - Thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương.	Điều 114
5. Tòa án nhân dân	- Cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. - Bảo vệ công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và Nhà nước.	Điều 102
6. Viện kiểm sát nhân dân	- Cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. - Bảo vệ pháp luật, quyền con người, lợi ích hợp pháp của cá nhân và Nhà nước.	Điều 107
7. Chủ tịch nước	- Người đứng đầu Nhà nước, đại diện về đối nội và đối ngoại.	- Điều 83
8. Hội đồng bầu cử quốc gia	- Tổ chức và quản lý các cuộc bầu cử, đảm bảo tính hợp pháp và dân chủ.	Điều 117
9. Kiểm toán nhà nước	- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công.	Điều 118

Giải thích thêm về các cơ quan:

- Quốc hội:** Là cơ quan quyền lực cao nhất, có nhiệm vụ làm luật, giám sát các cơ quan khác và quyết định các vấn đề trọng đại của quốc gia.
- Hội đồng nhân dân:** Là cơ quan đại diện cho nhân dân tại các địa phương, thực hiện quyền lực nhà nước ở cấp tỉnh, huyện.
- Chính phủ:** Là cơ quan chấp hành của Quốc hội, thực hiện quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.
- Ủy ban nhân dân:** Thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tại địa phương, thi hành pháp luật và các nghị quyết.
- Tòa án nhân dân:** Chịu trách nhiệm xét xử các vụ án, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân và tổ chức.
- Viện kiểm sát nhân dân:** Đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong các hoạt động tư pháp.
- Chủ tịch nước:** Đại diện cao nhất của Nhà nước, có vai trò quan trọng trong lĩnh vực đối ngoại và các quyết định nội bộ.
- Hội đồng bầu cử quốc gia:** Giúp tổ chức và quản lý các cuộc bầu cử, đảm bảo tính dân chủ.
- Kiểm toán nhà nước:** Đảm bảo sử dụng ngân sách và tài sản công hiệu quả, minh bạch.

ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

1. Cấu trúc của hệ thống chính trị Việt Nam

Cơ quan/Tổ chức	Chức năng/Nhiệm vụ
1. Đảng Cộng sản Việt Nam	- Là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. - Định hướng, tổ chức và lãnh đạo các hoạt động của hệ thống chính trị.
2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân.

Cơ quan/Tổ chức	Chức năng/Nhiệm vụ
	- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.
3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	- Là tổ chức đại diện cho nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. - Tăng cường sự đồng thuận trong xã hội.
4. Các tổ chức chính trị - xã hội	- Đại diện cho các đoàn viên, hội viên, chăm lo lợi ích chính đáng của các thành viên. - Tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Đảng Cộng sản Việt Nam:** Là lực lượng lãnh đạo chính trị duy nhất, có vai trò định hướng các chính sách, luật lệ và các quyết định quan trọng trong quản lý nhà nước.
- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:** Thực hiện quyền lực nhà nước, quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:** Tổ chức tập hợp lực lượng của các tầng lớp nhân dân, xây dựng sự đồng thuận và tham gia vào công tác xã hội.
- Các tổ chức chính trị - xã hội:** Gồm các đoàn thể, tổ chức xã hội như công đoàn, hội phụ nữ, hội nông dân,... tham gia vào hoạt động phát triển kinh tế và bảo vệ quyền lợi cho các hội viên.

2. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyên tắc	Nội dung	Ví dụ
1. Lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản	- Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội. - Lãnh đạo trực tiếp trên các lĩnh vực như cán bộ, an ninh, quốc phòng.	- Đảng Cộng sản ban hành nghị quyết về chính sách đối ngoại và tổ chức thực hiện qua Chính phủ.
2. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân	- Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. - Nhân dân bầu ra các cơ quan quyền lực như Quốc hội, Hội đồng nhân dân.	- Đại biểu Quốc hội phải đại diện cho nguyện vọng của cử tri và có thể bị bãi nhiệm nếu không được tín nhiệm.
3. Tập trung dân chủ	- Các quyết định quan trọng được đưa ra theo chế độ tập thể, cá nhân phụ trách, và cấp dưới phục tùng cấp trên.	- Hội nghị Đảng quyết định chính sách phát triển kinh tế, lấy ý kiến từ các cấp dưới để tổng hợp.
4. Pháp chế xã hội chủ nghĩa	- Các cơ quan, tổ chức hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. - Các quy định pháp lý về chức năng, hoạt động của các cơ quan được cụ thể hóa trong văn bản luật.	- Các quyết định của Quốc hội và Chính phủ đều phải tuân theo Hiến pháp và các luật khác như Luật Tổ chức Quốc hội.

Giải thích thêm về các nguyên tắc:

- Lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản:** Đảng giữ vai trò lãnh đạo tối cao, định hướng và chỉ đạo các hoạt động của Nhà nước và xã hội.
- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân:** Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực, qua đó họ bầu chọn đại diện và có tiếng nói trong các vấn đề quan trọng.
- Tập trung dân chủ:** Đảm bảo tính đồng thuận trong quyết định, nhưng vẫn có sự phân cấp trong quản lý và trách nhiệm.

4. **Pháp chế xã hội chủ nghĩa:** Mọi hoạt động của các cơ quan đều phải được thực hiện theo quy định pháp luật, đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

3. Đặc điểm cơ bản của hệ thống chính trị Việt Nam

Đặc điểm	Nội dung	Ví dụ
1. Tính nhất nguyên chính trị	- Hệ thống chính trị Việt Nam chỉ tồn tại một đảng chính trị duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. - Đảng Cộng sản là tổ chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị.	- Tất cả các chính sách, luật pháp và quyết định lớn đều phải được Đảng Cộng sản thông qua trước khi thực hiện.
2. Tính thống nhất	- Hệ thống chính trị Việt Nam mang tính thống nhất, thể hiện qua sự đồng thuận trong tổ chức và hoạt động. - Thống nhất về tổ chức lãnh đạo và mục tiêu chính trị.	- Các quyết định của Quốc hội và Chính phủ đều phải phù hợp với đường lối của Đảng và không trái với Hiến pháp.
3. Tính nhân dân	- Hệ thống chính trị gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.	- Các cơ quan nhà nước phải tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành các chính sách quan trọng.

Giải thích thêm về các đặc điểm:

- Tính nhất nguyên chính trị:** Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng lãnh đạo, không có sự cạnh tranh chính trị từ các đảng khác, giúp đảm bảo sự đồng thuận trong quản lý và phát triển đất nước.
- Tính thống nhất:** Đảm bảo mọi hoạt động của hệ thống chính trị đều hướng đến một mục tiêu chung, tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện chính sách.
- Tính nhân dân:** Nhấn mạnh rằng quyền lực thuộc về nhân dân, các cơ quan chính quyền phải phục vụ và đáp ứng nhu cầu của nhân dân, và luôn chịu sự giám sát của họ để đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong hoạt động.

ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nguyên tắc	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
a) Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc hiến định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. - Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện qua các phương diện như: + Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng lớn cho Nhà nước. + Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát hoạt động của Nhà nước. + Đảng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, giới thiệu nhân sự vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước.	- Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở cho Chính phủ xây dựng chính sách và chương trình hành động. - Đảng giám sát việc thực hiện các chính sách thông qua các cơ quan kiểm tra của Đảng.

Nguyên tắc	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
b) Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát	- Tính thống nhất của quyền lực nhà nước được xác định bởi nhân dân là chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực. - Quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và được giao cho các cơ quan tương ứng thực hiện độc lập nhưng phối hợp và giám sát lẫn nhau.	- Quốc hội thông qua luật, Chính phủ thực thi luật đó, và Tòa án giám sát việc thực hiện luật. Mỗi cơ quan có trách nhiệm riêng nhưng phải phối hợp để đảm bảo tính hiệu lực của hệ thống pháp luật.
c) Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân	- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là nguyên tắc quan trọng nhất trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. - Nguyên tắc này khẳng định nhân dân Việt Nam là người thành lập ra Nhà nước, trao quyền cho Nhà nước và kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước.	- Người dân bầu cử để chọn ra đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, từ đó đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong việc quản lý nhà nước.
d) Nguyên tắc tập trung dân chủ	- Bộ máy nhà nước được tổ chức, hoạt động trong sự phối kết hợp giữa các yếu tố dân chủ và tập trung. - Hình thức tổ chức bao gồm: + Bầu cử, bổ nhiệm kết hợp với phê chuẩn. + Mô hình hội đồng, uỷ ban để lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. + Thiểu số phục tùng đa số.	- Trong một cuộc họp của Hội đồng nhân dân, các đại biểu thảo luận về các vấn đề quan trọng, và quyết định cuối cùng được đưa ra theo đa số phiếu bầu, thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức.
e) Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa	- Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. - Cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải tuân thủ pháp luật và mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý.	- Cơ quan Nhà nước phải công khai minh bạch trong các hoạt động của mình, mọi quyết định phải có căn cứ pháp lý rõ ràng. Nếu có cán bộ công chức vi phạm pháp luật, họ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đặc điểm của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Đặc điểm	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
a) Tính thống nhất	- Bộ máy nhà nước thể hiện tính thống nhất trong tổ chức và hoạt động. - Hệ thống các cơ quan được sắp xếp thống nhất từ trung ương đến địa phương, đều chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hoạt động của các cơ quan vì lợi ích của nhân dân và dân tộc.	- Ví dụ, khi Chính phủ ban hành các chính sách về phát triển kinh tế, các địa phương phải thực hiện theo đúng chủ trương này, thể hiện sự thống nhất trong quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Đặc điểm	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
b) Tính nhân dân	- Bộ máy nhà nước do nhân dân thành lập và uỷ quyền để thực hiện quản lý nhà nước và xã hội. - Mọi hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức đều nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.	- Ví dụ, trong các cuộc bầu cử, nhân dân có quyền lựa chọn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, từ đó quyết định về các chính sách quan trọng liên quan đến cuộc sống của họ, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.
c) Tính quyền lực	- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước mang tính quyền lực. - Quyền lực nhà nước được phân chia cho các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ riêng biệt. - Cơ quan, cá nhân cấp dưới phải phục tùng và thực hiện quyết định của cấp trên.	- Ví dụ, khi một quyết định được Ban chấp hành Trung ương Đảng đưa ra, các cơ quan nhà nước và cán bộ công chức có trách nhiệm thực hiện quyết định đó mà không được trái với nội dung đã đề ra.
d) Tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa	- Bộ máy nhà nước hiện nay mang tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa. - Quản lý đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	- Ví dụ, các quy định về quyền con người và tự do dân chủ trong Hiến pháp được bảo vệ và thực hiện, như việc người dân có quyền khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước, từ đó thể hiện tính pháp quyền trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Quốc hội

Chức năng	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
1. Chức năng lập hiến, lập pháp	- Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp. - Quyền lập hiến bao gồm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới. - Quyền lập pháp là xây dựng và ban hành văn bản luật áp dụng trên mọi lĩnh vực.	- Ví dụ, Quốc hội đã sửa đổi Hiến pháp năm 2013, tạo ra các điều khoản mới phù hợp với tình hình phát triển của đất nước. Hay trong quá trình xây dựng Luật Bảo vệ môi trường, Quốc hội tổ chức các cuộc thảo luận và lắng nghe ý kiến của người dân và chuyên gia trước khi thông qua luật.
2. Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng	- Quốc hội quyết định những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển nhà nước, nâng cao đời sống nhân dân, và các vấn đề đối nội, đối ngoại.	- Ví dụ, Quốc hội đã quyết định thông qua kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, bao gồm các chỉ tiêu cụ thể về tăng trưởng GDP, giải quyết việc làm, và các chương trình an sinh xã hội nhằm nâng cao đời sống của nhân dân.

Chức năng	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
3. Chức năng giám sát tối cao	- Quốc hội giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và hoạt động của các cơ quan do Quốc hội thành lập. - Giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án, và các tổ chức khác.	- Ví dụ, Quốc hội tiến hành chất vấn Thủ tướng Chính phủ trong các phiên họp, yêu cầu báo cáo về những vấn đề quan trọng như chống tham nhũng, an ninh quốc gia, và các vấn đề chính sách xã hội khác, nhằm đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của Chính phủ.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quốc hội

Nội dung	Chi tiết
Cơ cấu tổ chức của Quốc hội	- Gồm các cơ quan như: + Ủy ban thường vụ Quốc hội + Hội đồng dân tộc + Các ủy ban của Quốc hội + Đoàn đại biểu Quốc hội + Các cơ quan giúp việc của Quốc hội.
Hình thức hoạt động của Quốc hội	- Quốc hội tổ chức các kỳ họp công khai, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. - Họp thường lệ mỗi năm hai kỳ. - Họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội.

2. Chủ tịch nước

A, Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước

Nhiệm vụ, quyền hạn	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
1. Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh	- Chủ tịch nước có quyền công bố Hiến pháp, luật, và pháp lệnh sau khi Quốc hội thông qua.	- Ví dụ, sau khi Quốc hội thông qua Luật Đầu tư, Chủ tịch nước sẽ ký và công bố luật này, tạo điều kiện cho luật có hiệu lực thi hành.
2. Đề nghị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm	- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh như Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ.	- Ví dụ, nếu có sự thay đổi trong Chính phủ, Chủ tịch nước sẽ đề nghị Quốc hội miễn nhiệm Thủ tướng Chính phủ nếu có lý do chính đáng.
3. Quyết định tặng thưởng	- Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.	- Ví dụ, Chủ tịch nước có thể quyết định tặng Huân chương Lao động cho một tập thể có đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.
4. Quyết định về quốc tịch	- Quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam.	- Ví dụ, Chủ tịch nước quyết định cho một công dân nước ngoài nhập quốc tịch Việt Nam sau khi người này đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
5. Thống lĩnh lực lượng vũ trang	- Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh.	- Ví dụ, trong trường hợp khẩn cấp, Chủ tịch nước có thể triệu tập Hội đồng quốc phòng và an ninh để bàn về các biện pháp đảm bảo an ninh quốc gia.
6. Quyết định phong, thăng, giáng quân hàm	- Quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng và các cấp bậc quân đội khác.	- Ví dụ, Chủ tịch nước có thể ký quyết định phong quân hàm cho một tướng lĩnh có thành tích xuất sắc trong chỉ huy lực lượng vũ trang.
7. Tiếp nhận đại sứ	- Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài và thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại.	- Ví dụ, khi một đại sứ mới được bổ nhiệm từ một quốc gia khác, Chủ tịch nước sẽ tổ chức lễ tiếp nhận và chào đón đại sứ đó, thể hiện quan hệ ngoại giao giữa hai nước.
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm	- Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước có quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh.	- Ví dụ, Chủ tịch nước có thể bổ nhiệm một đại sứ mới cho một quốc gia, hoặc miễn nhiệm đại sứ hiện tại khi có yêu cầu từ Ủy ban thường vụ Quốc hội.
9. Quyết định cử, triệu hồi đại sứ	- Quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	- Ví dụ, Chủ tịch nước có thể triệu hồi một đại sứ về nước để báo cáo tình hình công tác hoặc cử đại sứ đến một quốc gia mới theo kế hoạch ngoại giao.
10. Ký điều ước quốc tế	- Quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.	- Ví dụ, Chủ tịch nước ký kết hiệp định thương mại tự do với một quốc gia, tạo cơ sở cho việc hợp tác thương mại giữa hai bên.

B. Hình thức hoạt động của Chủ tịch nước

Nội dung	Chi tiết
Hình thức hoạt động	- Chủ tịch nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ thông qua các hoạt động cá nhân trực tiếp hoặc thông qua việc ban hành lệnh, quyết định.
Ủy nhiệm	- Chủ tịch nước có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch nước thực hiện một số nhiệm vụ thay thế mình trong các trường hợp cụ thể.

3. Chính phủ

A. Chức năng của Chính phủ

Chức năng	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
1. Thực hiện quyền hành pháp	- Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, thực hiện quyền hành pháp trong việc quản lý và điều hành đất nước.	- Ví dụ, Chính phủ triển khai các chính sách phát triển kinh tế sau khi Quốc hội thông qua các quyết sách cần thiết.
2. Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô	- Chính phủ có trách nhiệm đề xuất và xây dựng các chính sách vĩ mô, định hướng phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước.	- Ví dụ, Chính phủ đề xuất chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho 5 năm tới, nhằm tăng trưởng bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

Chức năng	Nội dung mô tả	Ví dụ minh họa
3. Đề xuất dự thảo luật trình Quốc hội	- Chính phủ có quyền soạn thảo các dự thảo luật và trình Quốc hội xem xét thông qua.	- Ví dụ, Chính phủ soạn thảo Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường và gửi lên Quốc hội để xem xét và thông qua.
4. Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể	- Chính phủ ban hành các chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền và các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách do Quốc hội ban hành.	- Ví dụ, Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư để hướng dẫn cụ thể cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp.
5. Tổ chức thực hiện pháp luật	- Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật và đảm bảo rằng các quy định của pháp luật được thực hiện nghiêm túc trên toàn quốc.	- Ví dụ, Chính phủ tổ chức các đoàn thanh tra để kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thuế tại các doanh nghiệp.
6. Thiết lập trật tự hành chính	- Chính phủ có trách nhiệm thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia dựa trên quy định của pháp luật.	- Ví dụ, Chính phủ ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính địa phương để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong quản lý nhà nước.

B. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Chính phủ

Nội dung	Chi tiết
Cơ cấu tổ chức	- Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao.
	- Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm các bộ và cơ quan ngang bộ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực và các dịch vụ công.
	- Cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ bao gồm vụ, văn phòng, thanh tra, cục, tổng cục, đơn vị sự nghiệp công lập.
Hình thức hoạt động	- Chính phủ hoạt động thông qua:
	+ Các phiên họp của Chính phủ.
	+ Hoạt động của Thủ tướng Chính phủ.
	+ Hoạt động của bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
	- Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Bảng tổng hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ máy nhà nước

Cơ quan	Chức năng/Nhiệm vụ	Nội dung mô tả
1. Quốc hội	Chức năng lập hiến, lập pháp	- Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp. - Quyền lập hiến bao gồm sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới. - Quyền lập pháp là xây dựng và ban hành văn bản luật áp dụng trên mọi lĩnh vực.
	Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng	- Quốc hội quyết định những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề đối nội, đối ngoại.

Cơ quan	Chức năng/Nhiệm vụ	Nội dung mô tả
	Chức năng giám sát tối cao	- Quốc hội giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, nghị quyết và hoạt động của các cơ quan do Quốc hội thành lập.
	Cơ cấu tổ chức	- Gồm các cơ quan: Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Các ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Các cơ quan giúp việc của Quốc hội.
	Hình thức hoạt động	- Quốc hội tổ chức các kỳ họp công khai, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. - Họp thường lệ hai kỳ mỗi năm và họp bất thường theo yêu cầu.
2. Chủ tịch nước	Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh	- Chủ tịch nước có quyền công bố Hiến pháp, luật, và pháp lệnh sau khi Quốc hội thông qua.
	Đề nghị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm	- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh như Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ.
	Quyết định tặng thưởng	- Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.
	Quyết định về quốc tịch	- Quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam.
	Thống lĩnh lực lượng vũ trang	- Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh.
	Quyết định phong, thăng, giáng quân hàm	- Quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng và các cấp bậc quân đội khác.
	Tiếp nhận đại sứ	- Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài.
	Bổ nhiệm, miễn nhiệm	- Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh.
	Quyết định cử, triệu hồi đại sứ	- Quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam.
	Ký điều ước quốc tế	- Quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.
	Hình thức hoạt động	- Chủ tịch nước thực hiện chức năng thông qua hoạt động cá nhân hoặc ban hành lệnh, quyết định.
3. Chính phủ	Thực hiện quyền hành pháp	- Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, thực hiện quyền hành pháp trong việc quản lý và điều hành đất nước.
	Đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô	- Chính phủ có trách nhiệm đề xuất và xây dựng các chính sách vĩ mô, định hướng phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước.
	Đề xuất dự thảo luật trình Quốc hội	- Chính phủ có quyền soạn thảo các dự thảo luật và trình Quốc hội xem xét thông qua.

Cơ quan	Chức năng/Nhiệm vụ	Nội dung mô tả
	Ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể	- Chính phủ ban hành các chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền và văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương của Quốc hội.
	Tổ chức thực hiện pháp luật	- Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật và đảm bảo rằng các quy định của pháp luật được thực hiện nghiêm túc.
	Thiết lập trật tự hành chính	- Chính phủ thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia.
	Cơ cấu tổ chức	- Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội. - Cơ cấu gồm các bộ và cơ quan ngang bộ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước.
	Hình thức hoạt động	- Chính phủ hoạt động thông qua các phiên họp, hoạt động của Thủ tướng và bộ trưởng. - Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

1. Tòa án nhân dân

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
1. Chức năng của Tòa án nhân dân	- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. - Tòa án xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính.	- Ví dụ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử vụ án hình sự liên quan đến một vụ trộm cắp tài sản. - Tòa án nhân dân huyện xét xử vụ ly hôn giữa hai vợ chồng.
	- Bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.	- Ví dụ, trong một vụ án dân sự, Tòa án nhân dân bảo vệ quyền lợi hợp pháp của một cá nhân bị xâm phạm bởi hành vi vi phạm hợp đồng.
	- Góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.	- Ví dụ, qua việc xét xử các vụ án hình sự, Tòa án nhân dân truyền tải thông điệp về việc đấu tranh chống tội phạm và nâng cao ý thức pháp luật trong cộng đồng.
2. Cơ cấu tổ chức	- Tòa án nhân dân được tổ chức thành các cấp: + Tòa án nhân dân tối cao. + Tòa án nhân dân cấp cao. + Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố thuộc trung ương. + Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã,	- Ví dụ, Tòa án nhân dân tỉnh xét xử các vụ án nghiêm trọng hơn các vụ án thông thường, trong khi Tòa án nhân dân huyện giải quyết các vụ án nhỏ hơn.

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
	thành phố thuộc tỉnh. + Tòa án quân sự.	
	- Mỗi tòa án có cơ cấu tổ chức riêng được quy định trong luật và độc lập theo thẩm quyền xét xử.	- Ví dụ, Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ giám đốc việc xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật trên toàn quốc.
3. Hoạt động của Tòa án nhân dân	- Tòa án nhân dân xét xử công khai, trừ trường hợp cần giữ bí mật nhà nước hoặc bảo vệ quyền lợi của cá nhân.	- Ví dụ, trong một vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án nhân dân có thể tổ chức phiên tòa kín để bảo vệ danh tính của trẻ em.
	- Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn.	- Ví dụ, trong một vụ án hình sự phức tạp, Tòa án nhân dân sẽ tổ chức một hội đồng xét xử gồm ba thẩm phán để đảm bảo tính khách quan và công bằng trong quá trình ra quyết định.

2. Viện kiểm sát nhân dân

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
1. Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân	Chức năng thực hành quyền công tố - Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự nhằm buộc tội người phạm tội, thực hiện từ khi tiếp nhận tố giác về tội phạm cho đến khi xét xử.	- Ví dụ, Viện kiểm sát nhân dân khởi tố bị can trong một vụ án trộm cắp tài sản, và sau đó truy tố bị can ra trước tòa án với chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra.
	- Hoạt động thực hành quyền công tố bao gồm: + Khởi tố bị can. + Truy tố bị can ra trước tòa án. + Bảo vệ sự buộc tội trước phiên tòa bằng cách tham gia xét hỏi và trình bày lời luận tội.	- Ví dụ, tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát công bố bản cáo trạng và tham gia chất vấn các nhân chứng để chứng minh tội phạm của bị cáo.
	Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp - Kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, từ việc tiếp nhận tố giác cho đến giải quyết vụ án hình sự và các vụ việc khác.	- Ví dụ, Viện kiểm sát tiến hành kiểm tra việc giải quyết đơn khiếu nại của một cá nhân đối với quyết định của tòa án, đảm bảo rằng quyền lợi hợp pháp của công dân được bảo vệ trong quá trình tố tụng.

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
2. Cơ cấu tổ chức	- Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân bao gồm: + Viện kiểm sát nhân dân tối cao. + Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. + Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh. + Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện. + Viện kiểm sát quân sự.	- Ví dụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm giám sát hoạt động của các Viện kiểm sát cấp dưới và đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện chức năng của Viện kiểm sát trên toàn quốc.
	- Cơ cấu tổ chức các Viện kiểm sát do luật định, tất cả đều do Viện trưởng lãnh đạo.	- Ví dụ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các Viện kiểm sát cấp huyện thuộc tỉnh đó, đảm bảo sự đồng bộ trong công tác kiểm sát.
3. Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân	- Viện kiểm sát nhân dân thực hiện các hoạt động kiểm sát trong suốt quá trình tố tụng hình sự, từ điều tra đến xét xử, đồng thời kiểm tra việc thực hiện các quyết định của cơ quan tư pháp khác.	- Ví dụ, Viện kiểm sát cử cán bộ tham gia các phiên tòa để giám sát việc thực hiện pháp luật trong xét xử, đồng thời thực hiện các hoạt động kiểm tra việc thi hành án để đảm bảo tính hợp pháp trong quá trình thi hành án.

Bảng so sánh Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Nội dung	Tòa án nhân dân	Viện kiểm sát nhân dân	Điểm khác biệt và mối liên hệ
1. Chức năng	- Cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh doanh, thương mại. - Bảo vệ công lý, quyền con người, lợi ích Nhà nước. - Giáo dục công dân chấp hành pháp luật.	- Thực hành quyền công tố, buộc tội người phạm tội trong tố tụng hình sự. - Kiểm sát hoạt động tư pháp, đảm bảo tính hợp pháp trong quyết định của cơ quan tư pháp khác.	- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, đưa ra phán quyết, trong khi Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. - Hai cơ quan này hợp tác chặt chẽ trong quá trình tố tụng.
2. Cơ cấu tổ chức	- Tổ chức thành các cấp: Tòa án nhân dân tối cao, cấp cao, tỉnh, huyện và quân sự. - Có cơ cấu tổ chức riêng, độc lập theo thẩm quyền xét xử.	- Hệ thống bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cấp cao, tỉnh, huyện và quân sự. - Tất cả các Viện kiểm sát do Viện trưởng lãnh đạo.	- Cả hai đều có cấu trúc tương tự với các cấp từ cao đến thấp, nhưng chức năng và nhiệm vụ của mỗi cấp khác nhau. - Viện kiểm sát có nhiệm vụ giám sát hoạt động của Tòa án trong quá trình tố tụng.
3. Hoạt động	- Xét xử công khai, quyết định theo đa số, trừ trường hợp đặc biệt. - Tổ chức phiên tòa	- Tham gia trong quá trình tố tụng từ điều tra đến xét xử, đảm bảo tính hợp pháp của các quyết	- Tòa án tập trung vào việc ra quyết định và phán quyết, trong khi Viện kiểm sát tập trung vào việc thu thập chứng cứ, buộc tội và

Nội dung	Tòa án nhân dân	Viện kiểm sát nhân dân	Điểm khác biệt và mối liên hệ
	để giải quyết các vụ án theo quy định của pháp luật.	định. - Giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp khác trong việc thực hiện pháp luật.	kiểm sát hoạt động của Tòa án. - Tòa án và Viện kiểm sát hợp tác trong việc bảo vệ công lý.

Ví dụ minh họa

- **Chức năng:**
 - **Tòa án nhân dân:** Tòa án nhân dân tỉnh xét xử vụ án hình sự liên quan đến trộm cắp tài sản.
 - **Viện kiểm sát nhân dân:** Viện kiểm sát nhân dân khởi tố vụ án và truy tố bị can ra trước Tòa án.
- **Cơ cấu tổ chức:**
 - **Tòa án nhân dân:** Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm giám sát việc áp dụng pháp luật.
 - **Viện kiểm sát nhân dân:** Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Viện kiểm sát cấp huyện.
- **Hoạt động:**
 - **Tòa án nhân dân:** Tổ chức phiên tòa kín để bảo vệ danh tính của người chưa thành niên trong vụ án ly hôn.
 - **Viện kiểm sát nhân dân:** Cử cán bộ tham gia các phiên tòa để giám sát việc thực hiện pháp luật.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

1. Hội đồng nhân dân

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
1. Chức năng của Hội đồng nhân dân	- Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân bầu ra.	- Ví dụ, Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa được bầu ra từ cử tri tỉnh này và có trách nhiệm quyết định các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
	- Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, bao gồm: + Các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội. + Biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. + Bảo vệ tài sản, quyền lợi hợp pháp của công dân.	- Ví dụ, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định một nghị quyết về chương trình phát triển đô thị thông minh, bao gồm các biện pháp để cải thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ công.
	- Thực hiện quyền giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của cấp trên.	- Ví dụ, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai giám sát việc thực hiện nghị quyết về cải cách hành chính tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân	- Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu do cử tri bầu ra, bao gồm: + Thường trực Hội đồng nhân dân + Các Ban của Hội đồng nhân dân	- Ví dụ, tại Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Thường trực bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên, với nhiệm vụ lãnh đạo và điều phối hoạt động của Hội đồng.

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
	- Thường trực Hội đồng nhân dân có cơ cấu tổ chức gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức các cuộc họp và triển khai các quyết định.	- Ví dụ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có thể triệu tập cuộc họp khẩn cấp để thảo luận về biện pháp ứng phó với tình hình thiên tai đang xảy ra trên địa bàn.
3. Hoạt động của Hội đồng nhân dân	- Hoạt động của Hội đồng nhân dân được luật định, họp mỗi năm hai kỳ chính và tổ chức các cuộc họp chuyên đề khi có việc phát sinh đột xuất.	- Ví dụ, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương tổ chức kỳ họp giữa năm để đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết năm trước và điều chỉnh các mục tiêu phát triển cho năm tới.
	- Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức thảo luận, biểu quyết lấy ý kiến tập thể, thể hiện sự dân chủ trong hoạt động của cơ quan này.	- Ví dụ, trong kỳ họp, các đại biểu thảo luận và biểu quyết về dự thảo ngân sách địa phương, và quyết định thông qua với tỷ lệ đại biểu đồng ý cao.

2. Ủy ban nhân dân

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
1. Chức năng của Ủy ban nhân dân	- Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, do Hội đồng nhân dân bầu ra, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.	- Ví dụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre được bầu ra bởi Hội đồng nhân dân tỉnh, có trách nhiệm thực hiện các chính sách và quyết định của Hội đồng nhân dân.
	- Tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.	- Ví dụ, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện nghị quyết về phát triển du lịch bền vững, tổ chức các chương trình quảng bá và thu hút khách du lịch.
2. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân	- Ủy ban nhân dân gồm: + Chủ tịch + Phó Chủ tịch + Các ủy viên phụ trách các cơ quan chuyên môn như Tư pháp, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa và Thông tin...	- Ví dụ, Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà có Chủ tịch là người đứng đầu, cùng với Phó Chủ tịch và các ủy viên phụ trách các lĩnh vực như giáo dục, y tế, và quản lý đô thị.
	- Ủy viên phụ trách công an và quân sự, đảm bảo an ninh trật tự và quốc phòng trên địa bàn.	- Ví dụ, Ủy viên phụ trách công an của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương thường xuyên tổ chức các cuộc họp với lực lượng công an để đánh giá tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Nội dung	Mô tả	Ví dụ minh họa
3. Hoạt động của Ủy ban nhân dân	- Ủy ban nhân dân hoạt động theo luật định, mỗi tháng họp một lần và có thể tổ chức họp chuyên đề khi có công việc phát sinh đột xuất.	- Ví dụ, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tổ chức cuộc họp bất thường để thảo luận về kế hoạch ứng phó với bão số 9, quyết định các biện pháp bảo vệ an toàn cho người dân.
	- Quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết lấy ý kiến tập thể, thể hiện sự dân chủ trong hoạt động của cơ quan này.	- Ví dụ, trong một cuộc họp, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã biểu quyết thông qua một dự án đầu tư lớn nhằm phát triển hạ tầng giao thông, với tỷ lệ đồng ý cao từ các thành viên trong ủy ban.

Bảng so sánh Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Nội dung	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Điểm khác biệt và mối liên hệ
1. Chức năng	- Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và quyền làm chủ của nhân dân. - Quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương như phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân. - Giám sát việc thực hiện pháp luật và nghị quyết cấp trên.	- Là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, thực hiện các chính sách và quyết định của Hội đồng nhân dân. - Tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.	- Hội đồng nhân dân có chức năng quyết định và giám sát, trong khi Ủy ban nhân dân thực hiện các quyết định đó và tổ chức thực hiện chính sách. - Hội đồng nhân dân là cơ quan lập pháp, Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính.
2. Cơ cấu tổ chức	- Gồm các đại biểu do cử tri bầu ra, bao gồm Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân. - Thường trực có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo và điều phối hoạt động.	- Gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên phụ trách các cơ quan chuyên môn như Tư pháp, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường. - Ủy viên phụ trách công an và quân sự, đảm bảo an ninh trật tự và quốc phòng.	- Cơ cấu tổ chức của hai cơ quan đều có sự phân chia rõ ràng về nhiệm vụ, nhưng cơ cấu của Hội đồng nhân dân tập trung vào đại diện của cử tri, trong khi Ủy ban nhân dân chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực hành chính cụ thể.
3. Hoạt động	- Họp mỗi năm hai kỳ chính và tổ chức các cuộc họp chuyên đề khi có việc phát sinh. - Quyết định các vấn đề	- Họp mỗi tháng một lần và có thể tổ chức họp chuyên đề khi cần. - Quyết định các vấn đề bằng hình thức	- Hoạt động của Hội đồng nhân dân mang tính chất lập pháp và giám sát, trong khi Ủy ban nhân dân thực hiện các quyết định đó và thực thi các chính sách hành

Nội dung	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Điểm khác biệt và mối liên hệ
	đề bằng hình thức thảo luận, biểu quyết lấy ý kiến tập thể.	biểu quyết lấy ý kiến tập thể, thể hiện sự dân chủ trong hoạt động.	chính. - Hai cơ quan này có mối liên hệ chặt chẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước tại địa phương.

Ví dụ minh họa

- **Chức năng:**
 - **Hội đồng nhân dân:** Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
 - **Ủy ban nhân dân:** Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức các chương trình phát triển du lịch bền vững.
- **Cơ cấu tổ chức:**
 - **Hội đồng nhân dân:** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên.
 - **Ủy ban nhân dân:** Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà có Chủ tịch là người đứng đầu cùng với các ủy viên phụ trách các lĩnh vực như giáo dục và y tế.
- **Hoạt động:**
 - **Hội đồng nhân dân:** Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương tổ chức kỳ họp giữa năm để điều chỉnh các mục tiêu phát triển cho năm tới.
 - **Ủy ban nhân dân:** Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tổ chức cuộc họp bất thường để thảo luận về kế hoạch ứng phó với bão số 9.

CHỦ ĐỀ 1: NỀN KINH TẾ VÀ CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

BÀI 1

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1: Trong các hoạt động dưới đây, hoạt động nào mà con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội?

- A. Hoạt động sản xuất.
- B. Hoạt động phân trao đổi.
- C. Hoạt động tiêu dùng.
- D. Hoạt động phân phối.

Câu 2: Trong các hoạt động của con người, hoạt động có vai trò cơ bản nhất, quyết định đến các hoạt động sản xuất và tiêu dùng là

- A. hoạt động y tế.
- B. hoạt động giáo dục.
- C. hoạt động sản xuất.
- D. hoạt động văn hóa.

Câu 3: Việc trồng và duy trì vườn cây Thanh Long trắng của gia đình mình không có hiệu quả, anh A đã quyết định chuyển đổi toàn bộ diện tích sang trồng cây Thanh Long đỏ. Sau một thời gian đã mang lại hiệu quả kinh tế cao gấp 3 lần so với Thanh Long trắng. Việc làm của anh A thể hiện nội dung của hoạt động nào sau đây?

- A. Hoạt động sản xuất.
- B. Hoạt động phân trao đổi.
- C. Hoạt động tiêu dùng.
- D. Hoạt động phân phối.

Câu 4: Sự phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm **từ người sản xuất đến người tiêu dùng là hoạt động**

- A. hoạt động sản xuất.
- B. hoạt động phân trao đổi.
- C. hoạt động tiêu dùng.
- D. hoạt động phân phối.

Câu 5: Nhà sản xuất đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng là

- A. hoạt động sản xuất.
- B. hoạt động phân phối trao đổi.
- C. hoạt động tiêu dùng.
- D. hoạt động trải nghiệm.

Câu 6: Hoạt động phân phối – trao đổi có vai trò gì đối với người sản xuất và tiêu dùng?

- A. Phân chia các yếu tố sản xuất.
- B. Trung gian, kết nối sản xuất với tiêu dùng.
- C. Trung gian sản xuất với tiêu dùng.
- D. Kết nối sản xuất với tiêu dùng.

Câu 7: Nội dung nào sau đây không thể hiện vai trò của hoạt động phân phối - trao đổi?

- A. Giúp người sản xuất bán được hàng hóa.
- B. Cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng.
- C. Khâu trung gian giữa người sản xuất và người tiêu dùng.
- D. Quản lý nền kinh tế vĩ mô.

Câu 8: Hoạt động phân phối – trao đổi hàng hóa phù hợp sẽ

- A. kìm hãm sản xuất phát triển.
- B. thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng phát triển.
- C. làm cho sản xuất, tiêu dùng mất kết nối.
- D. kìm hãm tiêu dùng phát triển.

Câu 9: Con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt là hoạt động

- A. sản xuất.
- B. tiêu dùng.
- C. trao đổi.
- D. phân phối.

Câu 10: Dịch bệnh COVID – 19 bùng phát làm cho một số mặt hàng hóa trở nên thiết yếu và có nhu cầu cao như: khẩu trang, nước sát khuẩn, mì tôm... nhưng cũng làm cho nhu cầu một số dịch vụ du lịch, cửa hàng ăn phải đóng cửa. Những thay đổi này nói lên hoạt động nào sau đây bị tác động chủ yếu?

- A. Sản xuất.
- B. Tiêu dùng.
- C. Trao đổi.
- D. Phân phối.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Sản xuất xanh khiến nhiều người liên tưởng tới quy trình thực hành nông nghiệp. Tuy nhiên, với bối cảnh toàn cầu đang hướng tới những giải pháp thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động của đời sống xã hội thì các lĩnh vực như công nghiệp, dịch vụ, thương mại... đều có những mô hình, cách thức sản xuất gắn với tiêu chí xanh, sạch và vì môi trường. Nhiều doanh nghiệp sản xuất còn lấy đó làm tiêu chí để được tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. *(Tạp chí môi trường -Thứ Bảy, ngày 06/04/2024)*

- A. Sản xuất xanh sẽ làm ô nhiễm môi trường trở nên phức tạp hơn. (S)
- B. Sản xuất xanh sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất đều thân thiện với môi trường.(Đ)**
- C. Sản xuất xanh tạo ra các sản phẩm không gây nguy hại cho con người.(Đ)
- D. Sản xuất xanh rất thiết thực trong tình trạng tài nguyên hiện nay bị cạn kiệt và môi trường bị ô nhiễm.(Đ)**

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Từ tháng 7-2021 đến nay, các địa phương chưa có thống kê cụ thể doanh nghiệp ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng thực tế trầm trọng hơn. Các doanh nghiệp nhỏ đa số phá sản hoặc ngừng hoạt động do không thuộc ngành thiết yếu; không thể duy trì sản xuất. Đa số doanh nghiệp chỉ hoạt động được từ 5-10% công suất trong khi chi phí rất cao (quy định phải bình ổn giá, chi phí hỗ trợ người lao động, thực hiện 3 tại chỗ, nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí vận chuyển...). Công nhân làm việc bị giảm năng suất do tinh thần không ổn định, căng thẳng, áp lực, đảm nhận công việc ở vị trí khác (do thiếu hụt lao động). *(Báo Công an TP. Hồ Chí Minh -Thứ Bảy, ngày 21/08/2021)*

- A. Các doanh nghiệp trong thời kỳ này cần mở rộng quy mô sản xuất.(S)**
- B. Các doanh nghiệp trong thời kỳ này cần thu hẹp quy mô sản xuất.(Đ)**
- C. Người lao động và doanh nghiệp cần chia sẻ những khó khăn trong thời gian này.(Đ)**
- D. Người lao động được trả lương cao trong thời gian này.(S)**

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Công ty X chuyên sản xuất hàng may mặc như: quần tây, áo sơ mi cho tất cả các đối tượng. Tuy nhiên, khi bước sang tháng 7 và tháng 8 trong năm 2024, nhận thấy mặt hàng trang phục học sinh có nhu cầu cao nên Ban Giám đốc đã thu hẹp sản xuất các trang phục cho các đối tượng khác và đầu tư máy móc, thiết kế sản xuất trang phục học sinh. Kết quả công ty X đã bán được rất nhiều sản phẩm và thu về khoản lợi nhuận lớn, tiền lương tăng lên cho cán bộ nhân viên nên ai cũng phấn khởi.

A. Ban Giám đốc quyết định phân bổ nguồn lực sản xuất và phân chia kết quả SX. (Đ)

B. Ban Giám đốc phân phối lại các yếu tố sản xuất. (Đ)

C. Trong sản xuất cần phải đa dạng hóa các sản phẩm không thể tập trung vào một sản phẩm nào. (S)

D. Trong sản xuất cần phải linh hoạt các sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thực tế của người tiêu dùng. (Đ)

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường đang là xu hướng tiêu dùng hiện nay trên toàn thế giới. Với Việt Nam, người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới tiêu dùng thông minh, bền vững, cũng như những sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường ngay từ khâu sản xuất đến tiêu thụ và sử dụng sản phẩm.

A. Sản xuất phải gắn với nhu cầu của thị trường. (Đ)

B. Tiêu dùng là mục đích của sản xuất. (Đ)

C. Sản xuất và tiêu dùng là hai mặt của nền kinh tế tách rời nhau. (S)

D. Sản xuất xanh là tạo ra những sản phẩm xanh, sạch, bảo vệ sức khỏe. (Đ)

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau:

Với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, ngày càng có nhiều người sử dụng internet. Đầu năm 2023, Việt Nam đã đạt đến con số 77,93 triệu người sử dụng internet (chiếm 79,1% tổng dân số). Trong đó có 161,6 triệu truy cập qua điện thoại thông minh (chiếm 164% tổng dân số). Thời gian trung bình mỗi ngày mà người Việt dành cho việc sử dụng internet là 6 giờ 23 phút với 58,2% sử dụng để mua sắm trực tuyến. Những con số này phản ánh xu hướng phát triển kinh doanh trực tuyến và cho thấy rằng đây có thể là một xu hướng kinh doanh tiềm năng của xã hội trong tương lai?

Bán hàng trực tuyến hiện nay rất phổ biến, đây là hình thức bán hàng rất tiềm năng và được nhiều đối tượng áp dụng.

A. Bán hàng trực tuyến không cần vốn và lao động nên thu nhiều lợi nhuận. (S)

B. Hoạt động trao đổi hàng hóa qua hình thức trực tuyến là hữu hiệu nhất. (S)

C. Bán hàng trực tuyến rất cần đến các công cụ truyền thông. (Đ)

D. Người tiêu dùng khi mua hàng trực tuyến cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. (Đ)

*** Gợi ý trả lời:**

Câu	Đáp án	Giải thích
1a	S	Sản xuất xanh thân thiện với môi trường, vì môi trường.
1b	Đ	Với tiêu chí xanh, sạch và vì môi trường nên các nguyên liệu đầu vào phải đảm bảo tiêu chí trên. Ví dụ để tạo ra các sản phẩm đồ mỹ nghệ mây, tre đan thì nguyên liệu được lấy từ tự nhiên như cây mây, cây tre... thân thiện với môi trường.

1c	Đ	Sản xuất xanh tạo ra các sản phẩm để bảo vệ sức khỏe, không độc hại với con người và tự nhiên.
1d	Đ	Sản xuất xanh sẽ tiết kiệm được tài nguyên và bảo vệ môi trường như trong công nghiệp xanh sẽ sử dụng các năng lượng gió, mặt trời để thay thế cho nguồn nguyên liệu có nguy cơ cạn kiệt như các tài nguyên khoáng sản.
2a	S	Với nền kinh tế đang gặp khó khăn, sản xuất bị ảnh hưởng nên phương pháp mở rộng quy mô sản xuất không hợp lí.
2b	Đ	Kinh tế đang gặp khó khăn các doanh nghiệp nên thu hẹp sản xuất
2c	Đ	Kinh tế đang gặp khó khăn thì doanh nghiệp và người lao động chia sẻ, hỗ trợ nhau.
2d	S	Kinh tế khó khăn sản xuất ảnh hưởng mà người lao động được trả lương cao là không hợp lí.
3a	Đ	Vì nhu cầu thay đổi nên Ban Giám đốc thay đổi nguồn lực sản xuất tập trung sản xuất áo somi.
3b	Đ	Tập trung sản xuất áo somi phải phân phối lại các yếu tố sản xuất như nguồn lao động, nguyên liệu...
3c	S	Đa dạng hóa các sản phẩm hay tập trung vào một sản phẩm cần phải tùy từng thời điểm.
3d	Đ	Trong sản xuất cần phải linh hoạt các sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị trường.
4a	Đ	Nhu cầu thay đổi thì sản xuất phải thay đổi để đáp ứng.
4b	Đ	Nhu cầu là mục đích của sản xuất, là động lực của sản xuất.
4c	S	Sản xuất và tiêu dùng quan hệ chặt chẽ với nhau, vì khi tiêu dùng thay đổi thì sản xuất thay đổi.
4d	Đ	Sản xuất xanh là tạo ra những sản phẩm xanh, sạch, bảo vệ sức khỏe, thân thiện môi trường.
5a	S	Khi tiến hành kinh doanh cần phải có những điều kiện kinh doanh, trong đó có vốn và lao động.
5b	S	Ngoài trao đổi hình thức trực tuyến thì trao đổi hàng hóa trực tiếp vẫn có những tích cực không thể thay thế.
5c	Đ	Trao đổi hình thức trực tuyến phụ thuộc các yếu tố cơ bản như internet, mạng xã hội và rất cần đến các công cụ truyền thông.
5d	Đ	Tiềm ẩn nhiều rủi ro như hàng kém chất lượng, không đúng thực tế...

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1:

- A. Tiêu dùng được coi là**mục đích**.....sản xuất.
 B. Trong đời sống hoạt động SX, phân phối, trao đổi có quan hệ.....**chặt chẽ với nhau**...
 C. Tiêu dùng là mục đích,**động lực**.....của sản xuất.

D. Tiêu dùng là hoạt động của con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để...
....**thỏa mãn nhu cầu**.....sản xuất và sinh hoạt.

Câu 2:

A. Vai trò của phân phối - trao đổi đối với SX và tiêu dùng là ..**trung gian , cầu nối**...

B. Phân phối sẽ kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó.....**không phù hợp**.....

C. Trao đổi giúp người sản xuất**bán được hàng**.....

D. Phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất là....**phân phối cho sản xuất**...

BÀI 2

CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Những người sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội là

A. chủ thể sản xuất.

B. chủ thể tiêu dùng.

C. chủ thể trung gian.

D. chủ thể nhà nước.

Câu 2: Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chủ thể nhà nước bao gồm

A. nhà đầu tư.

B. nhà sản xuất.

C. nhà đầu tư, nhà sản xuất, nhà kinh doanh.

D. nhà kinh doanh.

Câu 3: Chủ thể sản xuất có vai trò là sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất kinh doanh và

A. thu lợi nhuận.

B. phúc lợi xã hội.

C. làm từ thiện.

D. bảo vệ môi trường.

Câu 4: Chủ thể sản xuất phải có trách nhiệm cung cấp những hàng hóa, dịch vụ

A. có giá cả cao trên thị trường.

B. chất lượng kém trên thị trường.

C. có lợi nhất cho người sản xuất.

D. không làm tổn hại sức khỏe con người.

Câu 5: Anh A sau khi tốt nghiệp đại học chuyên ngành chăn nuôi, anh về quê lập nghiệp và mở trang trại nuôi bò sữa. Mỗi năm anh cung cấp cho công ty chế biến sản xuất sữa hàng ngàn lít sữa bò để cung cấp cho thị trường. Anh A tham gia nền kinh tế với vai trò là

A. chủ thể sản xuất.

B. chủ thể tiêu dùng.

C. chủ thể trung gian.

D. chủ thể nhà nước.

Câu 6: Trong nền kinh tế thị trường người mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất là

- A. chủ thể sản xuất.
- B. chủ thể tiêu dùng.
- C. chủ thể trung gian.
- D. chủ thể nhà nước.

Câu 7: Trong nền kinh tế thị trường chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng và tạo

- A. động lực cho nền sản xuất.
- B. ra tiêu cực cho nền sản xuất .
- C. ra lợi ích nhóm cho nền sản xuất.
- D. sự kìm hãm cho nền sản xuất.

Câu 8: Trong nền kinh tế hàng hóa chủ thể trung gian có vai trò gì đối với chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

- A. tạo ra sản phẩm hàng hóa.
- B. trung gian, cầu nối.
- C. cung cấp sản phẩm hàng hóa .
- D. tiêu thụ hàng hóa.

Câu 9: Khi đại dịch Covid bùng phát, Chính phủ nhanh chóng ban hành nhiều chính sách như giảm thuế, hỗ trợ doanh nghiệp, nhờ vậy mà các doanh nghiệp đã vượt qua khó khăn của dịch bệnh. Thông tin trên thể hiện vai trò nào sau đây của nhà nước?

- A. Chỉ đạo sản xuất hàng hóa.
- B. Quản lí nền kinh tế.
- C. Quản lí nhân sự.
- D. Phân phối tiền lương.

Câu 10: Nội dung nào sau đây không phản ánh vai trò quản lí nền kinh tế của chủ thể nhà nước?

- A. Tạo môi trường pháp lí thuận lợi cho sự phát triển kinh tế.
- B. Đẩy nhanh quá trình lạm phát của nền kinh tế.
- C. Khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế.
- D. Phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Sự chỉ đạo xuyên suốt của Đảng trong gần 15 năm triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” kêu gọi các tổ chức, cá nhân ưu tiên mua sắm, sử dụng hàng Việt Nam. Sau một thời gian đã có tác dụng to lớn. Cuộc vận động chính là cội nguồn sức mạnh mang lại sức sống và hiệu quả lớn cho nền kinh tế đất nước.

- A. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm tạo điều kiện cho sản xuất trong nước phát triển.(Đ)
- B. Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm tạo điều kiện cho sản xuất trong nước nâng cao tính cạnh tranh.(Đ)
- C. Không cho người nước ngoài tham gia vào việc tiêu thụ, sử dụng hàng Việt Nam.(S)
- D. Để bảo vệ hàng việt Nam, không nên xuất khẩu sang các nước.(S)

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Sau 3 năm triển khai chương trình sản xuất thanh long theo VietGAP, hiện Bình Thuận có hơn 11 nghìn ha thanh long đạt tiêu chuẩn VietGAP, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu.

Chương trình sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2022, ngành nông nghiệp Bình Thuận đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Trồng trọt và BVTV phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan triển khai nhiều giải pháp vận động, khuyến khích nông dân đẩy nhanh sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn này. (Nguồn: Theo báo nongnghiep.vn- 09/01/2023)

- A. Sản xuất thanh long theo hình thức VietGAP để nâng cao chất lượng sản phẩm.(Đ)
- B. Sản xuất thanh long theo hình thức VietGAP nhằm tạo ra những sản phẩm sạch.(Đ)
- C. Sản xuất thanh long theo hình thức VietGAP là sản xuất xanh trong nông nghiệp.(Đ)
- D. Sản xuất thanh long theo hình thức VietGAP liên kết để độc quyền sản xuất thanh long.(S)

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Anh A là cán bộ đội quản lý thị trường. Khi kiểm tra cửa hàng thực phẩm của anh B thì anh A phát hiện có một số thực phẩm đã hết hạn sử dụng nhưng vẫn bày bán cho người tiêu dùng. Sau khi được nhắc nhở thì anh B đã chủ động thu hồi những sản phẩm này và cam kết không tái phạm.

- A. Trách nhiệm của người sản xuất, phân phối phải bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.(Đ)
- B. Người phân phối chỉ cần quan tâm đến lợi nhuận.(S)
- C. Sản xuất cần phải tạo ra các sản phẩm có lợi cho sức khỏe con người.(Đ)
- D. Mục đích chủ yếu trong phân phối là làm sao bán nhiều hàng hóa, dịch vụ.(Đ)

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Thị trường xăng, dầu nước ta thuộc dạng thị trường cạnh tranh không hoàn hảo nên vai trò của Nhà nước trong điều tiết giá xăng, dầu đóng vai trò quan trọng, không chỉ hướng tới xây dựng thị trường xăng dầu Việt Nam theo cơ chế thị trường, mà còn góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội (Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính - 25/02/2020)

- A. Nhà nước ban hành chính sách điều tiết nền kinh tế.(Đ)
- B. Nhà nước đưa ra các chính sách để có lợi cho các doanh nghiệp.(S)
- C. Nhà nước không thể tác động để điều tiết nền kinh tế.(S)
- D. Nhà nước tạo điều kiện cho các ngành kinh tế hoạt động.(Đ)

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau:

Đáp ứng nhu cầu của khách hàng, hộ kinh doanh M đưa ra thị trường các sản phẩm gia công mỹ nghệ được làm từ nguyên liệu cây tre, cây mây, cây trúc và luôn liên hệ mật thiết với những người trồng những loại cây này để đảm bảo nguồn nguyên liệu.

- A. Tiêu dùng là mục đích của sản xuất.(Đ)
- B. Xu hướng người tiêu dùng là các sản phẩm cao cấp, hàng xa xỉ.(S)
- C. Chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng có quan hệ chặt chẽ với nhau.(Đ)
- D. Hàng mỹ nghệ mây, tre đan rất thân thiện với môi trường.(Đ)

***Gợi ý trả lời:**

Câu	Đáp án	Giải thích
1a	Đ	“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giúp cho sản xuất và tiêu dùng trong nước có điều kiện, cơ hội phát triển.
1b	Đ	“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” muốn điều này thành công các nhà sản xuất cần đẩy mạnh nghiên cứu, sáng tạo nâng cao chất lượng, mẫu mã... từ đó nâng cao tính

		cạnh tranh của nền kinh tế.
1c	S	“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và ngoài ra làm sao để người nước ngoài phải dùng hàng Việt Nam, việc đó góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển hơn.
1d	S	Việc xuất khẩu hàng hóa sang các nước là chúng ta đã mở rộng thị trường sẽ góp phần làm cho sản xuất trong nước phát triển hơn.
2a	Đ	Vì khi tham gia VietGAP thanh long sẽ được sản xuất theo quy trình đạt chuẩn qua từng khâu.
2b	Đ	VietGAP trong thanh long tạo ra sản phẩm như sạch, an toàn cho sức khỏe. Đây là tiêu chí của VietGAP.
2c	Đ	VietGAP là sản xuất xanh trong nông nghiệp vì thân thiện môi trường.
2d	S	VietGAP liên kết để nhân rộng mô hình sản xuất.
3a	Đ	Đó là nghĩa vụ của người sản xuất, phân phối.
3b	S	Ngoài lợi nhuận còn nhiều yếu tố khác như bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng...
3c	Đ	Là nghĩa vụ của người sản xuất, phân phối.
3d	Đ	Nhằm tạo ra lợi nhuận.
4a	Đ	Thể hiện vai trò quản lý nền kinh tế của nhà nước.
4b	S	Vừa có lợi cho các doanh nghiệp đồng thời phải có lợi cho nền kinh tế và xã hội.
4c	S	Nhà nước điều tiết nền kinh tế bằng các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách bình ổn giá xăng dầu.
4d	Đ	Với các chính sách ban hành của mình nhà nước luôn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, từ đó nền kinh tế xã hội phát triển.
5a	Đ	Tiêu dùng là mục đích, động lực của sản xuất.
5b	S	Cũng có những nhu cầu hướng tới những hàng hóa cao cấp, tuy nhiên hiện nay cũng có những xu hướng hướng tới hàng hóa phổ thông, thân thiện môi trường.
5c	Đ	Chủ thể sản xuất khi tiến hành sản xuất bao giờ cũng có sự liên kết chặt chẽ tới chủ thể tiêu dùng.
5d	Đ	Vì nguồn nguyên liệu lấy trực tiếp từ tự nhiên.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

Câu 1:

A. Trách nhiệm của chủ thể tiêu dùng là tiêu dùng các loại hàng hóa có ..**nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.**

B. Chủ thể trung gian giúp nền kinh tế**linh hoạt, hiệu quả...**

- C. Ngoài mục tiêu lợi nhuận chủ thể sản xuất phải tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm cung cấp hàng hóa...**không làm tổn hại con người..**
- D. Chủ thể của nền kinh tế là những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế, bao gồm: Chủ thể sản xuất, chủ thể tiêu dùng, chủ thể trung gian,
....**chủ thể nhà nước...**

CHỦ ĐỀ 2: THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG.

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Trên đường đi học thấy trời nắng nóng em rủ bạn ghé quán nước mía để mua nước mía giải khát. Theo em, đối tượng mua bán ở đây là gì?

- A. Em và chủ quán nước mía.
- B. Người bán nước mía và bạn của em.
- C. Cả em và bạn em cùng với chủ quán.
- D. Nước mía.**

Câu 2. Hôm nay em cùng với đã đến nhà sách mua một cuốn sách tham khảo của môn Toán. Em hãy xác định chủ thể tham gia các hoạt động ở nhà sách này là ai?

- A. Nhân viên của nhà sách và người mua sách.
- B. Nhà xuất bản, các tác giả và nhà biên soạn.
- C. Nhân viên nhà sách, người mua sách và các chủ thể trung gian.**
- D. Nhân viên nhà sách và các chủ thể trung gian.

Câu 3. Thị trường tự do được định nghĩa là gì?

- A. Thị trường mà chính phủ can thiệp quyết định giá cả.
- B. Thị trường mà người tiêu dùng quyết định sản phẩm và giá cả.**
- C. Thị trường mà chỉ có một doanh nghiệp lớn duy nhất.
- D. Thị trường mà sản phẩm được phân phối miễn phí.

Câu 4. Khái niệm "người tiêu dùng suverain" liên quan đến điều gì trong thị trường?

- A. Quyền lực nằm ở tay người sản xuất.
- B. Quyền lực nằm ở tay người tiêu dùng.**
- C. Quyền lực nằm ở chính phủ.
- D. Quyền lực nằm ở tay các nhà đầu tư.

Câu 5: Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, điều gì xảy ra nếu một doanh nghiệp tăng giá cả của sản phẩm?

- A. Doanh nghiệp sẽ có lợi nhuận cao hơn.
- B. Người tiêu dùng sẽ chuyển sang mua hàng hóa từ các doanh nghiệp khác.**
- C. Người tiêu dùng sẽ tiêu thụ nhiều hơn.
- D. Chính phủ sẽ can thiệp để giảm giá cả.

Câu 6. Theo em, điều nào sau đây là một ví dụ của thị trường địa phương?

- A. Thị trường hàng hóa.
- B. Thị trường lao động.

C. Thị trường nông sản.

- D. Thị trường chứng khoán trong nước.

Câu 7. Theo em, thị trường tiềm năng là gì?

- A. Thị trường mà cung cầu không cân đối.
- B. Thị trường mà có nhiều doanh nghiệp cạnh tranh.
- C. Thị trường mà sản phẩm được bán ra ít hơn mong đợi.

D. Thị trường mà có nhu cầu tăng và cơ hội phát triển.

Câu 8. Cơ chế thị trường nào đặc trưng bởi sự can thiệp ít nhất của chính phủ và sự tự do cao nhất của các cá nhân và doanh nghiệp?

- A. Thị trường tự do.**
- B. Thị trường đa cấp.
- C. Thị trường độc quyền.
- D. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

Câu 9. Cơ chế thị trường nào thường đòi hỏi sự can thiệp của chính phủ để điều chỉnh giá cả và sản lượng?

- A. Thị trường tự do.
- B. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

C. Thị trường đa cấp.

- D. Thị trường đa chủng loại.

Câu 10. Thị trường cạnh tranh **không** hoàn hảo thường xuất hiện khi nào?

A. Khi chỉ có một doanh nghiệp kiểm soát thị trường.

- B. Khi có sự cạnh tranh giữa nhiều doanh nghiệp.
- C. Khi chính phủ can thiệp vào việc đặt giá.
- D. Khi người mua và người bán có quyền lực cân đối.

Câu 11: Thị trường nào sau đây được phân chia theo đối tượng giao dịch, mua bán?

- A. bánh kẹo.**
- B. tư liệu tiêu dùng.
- C. thế giới.
- D. online.

Câu 12: Sáng chủ nhật anh A ra cửa hàng dự định mua cho mình một cái áo somi. Đến cửa hàng, tại đây có rất nhiều mẫu áo đẹp và cuối cùng anh đã chọn cho mình một cái áo somi nam màu trắng với giá chủ cửa hàng đưa ra là 500 000 đồng. Thoáng suy nghĩ trôi qua, anh A trả

giá 450 000 đồng và được chủ cửa hàng đồng ý bán. Chức năng nào của thị trường được nói đến qua tình huống trên?

- A. Chức năng thông tin.
- B. Chức năng thừa nhận.
- C. Chức năng điều tiết.
- D. Chức năng hạn chế tiêu dùng.

Đáp án: B

Câu 13: Đâu **không phải** là nhược điểm của cơ chế thị trường?

- A. Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người.
- B. Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.
- C. Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh cho người sản xuất.
- D. Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái trong nền kinh tế .

Câu 14. Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

- A. Điều tiết sản xuất.
- B. Cung cấp thông tin.
- C. Kích thích tiêu dùng.
- D. Phân bổ nguồn lực.

Câu 15. Những năm gần đây, nhiều diện tích vườn tạp, đất trồng lúa... kém hiệu quả đã được người dân Bình Liêu chuyển sang trồng các giống mới cho năng suất, hiệu quả cao, đồng thời tích cực tham gia những tổ, nhóm, HTX sản xuất nông nghiệp áp dụng khoa học, kỹ thuật. HTX Tân Cường Phát, xã Lục Hồn, là đơn vị mạnh dạn chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng rau trong nhà lưới với diện tích 750m², đầu tư các hệ thống phun mưa, tưới nước nhỏ giọt, thông gió... Những thông tin trên biểu hiện nào của chức năng của thị trường?

- A. Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế.
- B. Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng
- C. Điều tiết nhu cầu của người tiêu dùng.
- D. Kiểm tra hàng hóa nông sản.

Câu 16: Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh cùng theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, tay cung cầu phải giá cả, lợi nhuận...Chi phối các hoạt động của chủ thể kinh tế đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết:

- A. Nền kinh tế
- B. Trong thị trường
- C. Quá trình sản xuất
- D. Quá trình phân phối

Câu 17: Đầu tháng 9 hàng năm, thị trường sản phẩm quần áo thời trang có sự thay đổi. Lượng tiêu thụ quần áo mùa hè của người tiêu dùng giảm sút, các chủ cửa hàng bán quần áo chuyển dần sang bán hàng phục vụ nhu cầu thu đông, vì mặt hàng này có lượng khách hàng tăng dần,

giá cao, sản phẩm tiêu thụ nhanh. Trong trường hợp này, sự thay đổi chủng loại sản phẩm của những người kinh doanh mặt hàng quần áo thể hiện ưu điểm nào của cơ chế thị trường?

A. Tạo động lực sáng tạo cho người sản xuất.

B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.

C. Tạo năng suất lao động cao hơn cho người sản xuất.

D. Phân hoá thu nhập giữa người sản xuất và người phân phối.

Câu 18: Do nhiều năm nay giá điều xuống thấp liên tục, khiến sản xuất kinh doanh bị thua lỗ, chị H quyết định chuyển đổi sang trồng cây cà phê cho phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường. Trường hợp này, chị H đã vận dụng chức năng nào dưới đây của giá cả thị trường?

A. Cung cấp thông tin.

B. Quản lý vĩ mô.

C. Thừa nhận giá cả.

D. Điều tiết sản xuất.

Câu 19: Trong nền kinh tế hàng hóa, khi các quan hệ kinh tế tự điều chỉnh theo yêu cầu của các quy luật kinh tế cơ bản được gọi là

A. cơ chế quan liêu.

B. cơ chế phân phối

C. cơ chế thị trường

D.

cơ chế bao cấp.

Câu 20: Một trong những cơ chế kinh tế được các quốc gia trước đây và hiện nay vận dụng để điều hành, vận hành nền kinh tế đó là

A. cơ chế tự cung tự cấp.

B. cơ chế kế hoạch hoá tập trung.

C. cơ chế chỉ huy của Chính phủ.

D. cơ chế thị trường.

Câu 21: Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế với tính chất gì?

A. Điều chỉnh gián tiếp

B. Điều chỉnh thụ động.

C. Tự điều chỉnh.

D. Chỉ tuân theo những khuôn mẫu có sẵn.

Câu 22: Nội dung nào dưới đây không phải ưu điểm của cơ chế thị trường?

A. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

B. Phát huy tối đa tiềm năng của mọi chủ thể, vùng miền.

C. Kích thích hoạt động và tạo động lực sáng tạo cho các chủ thể kinh tế.

D. Thúc đẩy các doanh nghiệp ứng dụng thành tựu của khoa học – công nghệ.

Câu 23: Nội dung nào dưới đây không phải nhược điểm của cơ chế thị trường?

A. Suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường.

B. Nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát.

C. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

D. Kích thích hoạt động và tạo động lực cho các chủ thể kinh tế.

Câu 24: X và Y là 2 hãng nước ngọt nổi tiếng trên thị trường. Hãng nước ngọt X đã sử dụng hình che mờ của hãng Y trong đoạn quảng cáo để so sánh sản phẩm về giá cả, chất lượng giữa 2 sản phẩm. Hành vi của hãng nước ngọt X trong trường hợp trên thể hiện nhược điểm gì của cơ chế thị trường?

- A. Suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường.
- B. Các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh.
- C. Nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn đến lạm phát.
- D. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất, kinh doanh.

Câu 25: Đây là ưu điểm của cơ chế thị trường?

- A. Cơ chế thị trường đã khiến các chủ thể kinh tế cạnh tranh không lành mạnh vì chạy theo lợi nhuận.
- B. Cơ chế thị trường tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng, có thể dẫn tới lạm phát.
- C. Cơ chế thị trường đã làm khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội ngày càng tăng lên.
- D. Cơ chế thị trường luôn đòi hỏi các chủ doanh nghiệp phải linh hoạt, sáng tạo để cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có chất lượng.

Câu 26: Đây không phải là nhược điểm của cơ chế thị trường?

- A. Sự tác động của cơ chế thị trường sẽ dẫn tới tình trạng phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội.
- B. Do chạy theo lợi nhuận nên các doanh nghiệp không quan tâm tới vấn đề môi trường dẫn đến cạn kiệt và suy thoái môi trường.
- C. Do chạy theo lợi nhuận nên các doanh nghiệp không quan tâm đến lợi ích của người tiêu dùng nên sản xuất hàng kém chất lượng.
- D. Sự vận hành tốt nhất của cơ chế thị trường tạo những cơ hội cho sự giàu có hợp pháp về vật chất của các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Câu 27. Chủ thể kinh tế nào dưới đây không tôn trọng quy luật khách quan của cơ chế thị trường?

- A. Công ti R cung cấp mặt hàng thịt bò đông lạnh cho hệ thống siêu thị C theo đúng yêu cầu.
- B. Do nhu cầu đi lại của người dân trong dịp tết tăng cao, công ti A đã tăng số chuyến xe trong ngày.
- C. Hộ kinh doanh T đã hạ giá thu mua thanh long tại vườn do thị trường xuất khẩu đóng cửa vì dịch bệnh.
- D. Công ti H đã chế tạo bao bì sản phẩm bánh kẹo nhái thương hiệu nổi tiếng để bán ra thị trường.

Câu 28: Nhận định nào dưới đây nói về nhược điểm của cơ chế thị trường.

- A. Thúc đẩy phát triển kinh tế.
- B. Kích thích đổi mới công nghệ.
- C. Làm cho môi trường bị suy thoái.
- D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực.

Câu 29. Trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường là thể hiện chức năng nào sau đây của thị trường?

- A. Gia hạn.
- B. Điều tiết.
- C. Lưu thông.
- D. Cung cấp.

Câu 30. Thị trường giúp người tiêu dùng điều chỉnh việc mua, sao cho có lợi nhất là thể hiện chức năng nào sau đây?

A. Cung cấp thông tin.

B. Trao đổi tiêu dùng.

C. Thúc đẩy độc quyền.

D. Thay đổi nhu cầu.

Câu 31. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. đầu tư đổi mới công nghệ.

B. bán hàng giả gây rối thị trường.

C. khai thác mọi tài nguyên thiên nhiên.

D. chia đều mọi nguồn thu nhập.

Câu 32. Hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế, chi phối các chủ thể kinh tế được gọi là

A. kinh tế thị trường.

B. giá cả thị trường.

C. chủ thể kinh tế.

D. cơ chế thị trường.

Câu 33. Giá bán thực tế của hàng hóa, dịch vụ hình thành do các chủ thể kinh tế chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

A. giá cả hàng hóa.

B. giá cả thị trường.

C. chi phí tiêu dùng.

D. cơ chế thị trường.

Câu 34. Số tiền phải trả cho một hàng hóa để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa được gọi là

A. giá cả hàng hóa.

B. giá cả thị trường.

C. chi phí tiêu dùng.

D. cơ chế thị trường.

Câu 35: Trong nền kinh tế hàng hóa, giá cả thị trường được hình thành thông qua việc thỏa thuận giữa các chủ thể kinh tế tại

A. thời điểm khác nhau.

B. địa điểm nhất định.

C. một cơ quan nhà nước.

D. các nền kinh tế lớn.

Câu 36. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, việc làm nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cơ chế thị trường?

A. Phân bổ lại nguồn lực kinh tế.

B. Chia sẻ các cơ hội kinh doanh.

C. Thúc đẩy phân hóa sâu sắc trong xã hội.

D. Đề cao lợi ích của các chủ thể kinh tế.

Câu 37. Để hạn chế những mặt tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường đòi hỏi phải có vai trò quản lý kinh tế của chủ thể nào dưới đây

A. Doanh nghiệp.

B. Nhà nước.

C. Người sản xuất.

D. Người tiêu dùng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1

Giá vàng trong nước lúc 9h00 ngày 12.4, giá vàng SJC được Tập đoàn DOJI niêm yết ở ngưỡng 82,2-84,2 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). Chênh lệch giá mua - bán vàng SJC tại DOJI niêm yết ở ngưỡng 2 triệu đồng/lượng.

So với mở cửa phiên giao dịch sáng qua, giá vàng SJC được DOJI điều chỉnh tăng 100.000 đồng/lượng cả hai chiều mua vào và bán ra.

Tại Bảo Tín Minh Châu, giá vàng SJC niêm yết ở ngưỡng 82,05-83,95 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra). Chênh lệch giá mua - bán vàng SJC được Bảo Tín Minh Châu niêm yết ở ngưỡng 1,9 triệu đồng/lượng.

So với mở cửa phiên giao dịch hôm qua, giá vàng SJC được Bảo Tín Minh Châu điều chỉnh giảm 450.000 đồng/lượng chiều mua vào và giảm 350.000 đồng/lượng chiều bán ra.

Mức chênh lệch mua vào - bán ra vàng SJC vẫn ở ngưỡng khá cao 1,9-2 triệu đồng/lượng. Điều này khiến nhà đầu tư đối diện nguy cơ thua lỗ khi mua vàng trong ngắn hạn.

Giá vàng SJC hôm nay được cho là phản ứng khá "hời hợt" với đà tăng mạnh của thế giới. Thông thường khi kim loại quý trên thị trường tăng mạnh, giá vàng trong nước cũng sẽ được điều chỉnh tăng theo.

Đối với vàng nhẫn tính đến 9h00, giá vàng nhẫn tròn trơn được Bảo Tín Minh Châu niêm yết ở mức 74,48-76,38 triệu đồng/lượng chiều mua vào - bán ra.

So với mở cửa phiên giao dịch hôm qua, giá vàng nhẫn tròn trơn được Bảo Tín Minh Châu điều chỉnh giảm mạnh 2,4 triệu đồng/lượng chiều mua vào và giảm 2,1 triệu đồng/lượng chiều bán ra.

Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) niêm yết ở ngưỡng 75,1-76,8 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra).

(Trích báo Lao động Việt Nam- ngày 12/04/2024)

	Câu hỏi	Đ/S	Vì sao?
A	Trong thị trường vàng hiện nay, giá cả được xác định bởi sự giao cắt giữa cung và cầu.	Đ	Trong cơ chế thị trường, giá cả được xác định bởi sự giao cắt giữa cung và cầu.
B	Thị trường cạnh tranh giữa tập đoàn DOJI, Bảo Tín Minh Châu, và Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) là một loại hình thị trường mà có rất ít công ty hoạt động và chúng thường kiểm soát giá cả.	Đ	Thị trường cạnh tranh hoàn hảo là một loại hình thị trường mà có rất ít công ty hoạt động và chúng thường kiểm soát giá cả.
C	Sự cạnh tranh giữa tập đoàn DOJI, Bảo Tín Minh Châu, và Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) là yếu tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả trong cơ chế thị trường vàng hiện nay.	Đ	Trong một thị trường cạnh tranh hoàn hảo, các sản phẩm được coi là homogenous (đồng nhất).

D	Sự cạnh tranh của các công ty hay tập đoàn về vàng nhằm kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.	Đ	Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất làm tăng sự đa dạng và chất lượng của sản phẩm.
E	Sự độc quyền về giá cả của thị trường vàng miếng SJC trên thị trường có thể dẫn đến sự lạm dụng quyền lực và giảm sự lựa chọn của người tiêu dùng.	Đ	Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo thường dẫn đến sự mất cân bằng quyền lực giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất.

Câu 2: Nhắc tới laptop bán chạy nhất 2021 đương nhiên chúng ta không thể bỏ qua sản phẩm đến từ thương hiệu Dell đình đám. Dell có đa dạng dòng máy phù hợp với mọi nhu cầu như: Chơi game, kinh doanh, làm việc văn phòng, thiết kế đồ họa, Xưa nay, Dell luôn được đông đảo người tiêu dùng ưa chuộng nhờ độ bền bỉ cao, hoạt động siêu ổn định. Với cấu hình mạnh mẽ, thương hiệu Dell đảm bảo sẽ làm thỏa mãn mong muốn của mọi cá nhân. Các bạn có thể lựa chọn sản phẩm Dell Inspiron N4050, Dell Latitude E6410, Dell Vostro 3360 i3, Dell Vostro 3360 i5 hoặc Dell Inspiron 15 N5050, Dell Latitude E7250, giá thành của chúng không quá đắt đỏ nhưng tuổi thọ sử dụng có thể lên đến hơn chục năm.

- Laptop Dell luôn được đông đảo người tiêu dùng ưa chuộng nhờ độ bền bỉ cao, hoạt động siêu ổn định là thể hiện chức năng thừa nhận của thị trường.
- Thị trường Laptop Dell là loại thị trường được phân chia theo phạm vi của quan hệ mua bán, giao dịch.
- Với thông tin trên, người sản xuất Laptop Dell nên mở rộng quy mô sản xuất.
- Với thông tin trên, người tiêu dùng nên lựa chọn sản phẩm máy tính Laptop Dell.

Câu 2	Đáp án	Giải thích
a.	Đ	Trong thông tin trên thừa nhận Laptop Dell có công dụng đáp ứng được nhiều nhu cầu của người tiêu dùng có nghĩa là thị trường thừa nhận công dụng của laptop.
b.	S	Thị trường Laptop Dell là được phân chia theo đối tượng giao dịch, mua bán.
c.	Đ	Khi hàng hóa được người tiêu dùng ưa chuộng và bán được nhiều thì người sản xuất sẽ mở rộng sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường và thu nhiều lợi nhuận.
d.	Đ	Với sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và giá thành hợp lý thì người tiêu dùng mua sẽ có lợi cho bản thân.

Câu 3

Trích theo báo vietstock.vn

“...Việt Nam có thế mạnh về sản xuất và xuất khẩu nông sản, trong đó 4 loại hạt chiếm top đầu thế giới. Ngoài cà phê, nước ta cũng đứng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu hạt tiêu trong hơn 20 năm qua, chiếm 40% sản lượng thu hoạch và 60% thị phần xuất khẩu toàn cầu.

Vài tháng gần đây, hạt tiêu cũng bước vào chu kỳ tăng giá. Hiện giá loại hạt được ví như “vàng đen” của Việt Nam đạt ngưỡng 91.000-95.000 đồng/kg và được dự báo bước vào chu kỳ hoàng kim mới, lấy lại mốc xuất khẩu 1 tỷ USD.

Tương tự, Việt Nam đã 17 năm liên tiếp giữ vị trí số 1 thế giới về xuất khẩu nhân điều chế biến. Hay như gạo - hạt ngọc của nước ta - trong nhiều năm liên luôn nằm trong top 3 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.

Đây cũng là các loại hạt đem về tỷ USD cho Việt Nam. Cụ thể, xuất khẩu gạo năm 2023 đạt 4,68 tỷ USD, hạt điều đạt 3,64 tỷ USD, cà phê và hạt tiêu lần lượt đạt 4,24 tỷ USD và 910 triệu USD.

Thống kê sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, trong quý I/2024, xuất khẩu cà phê thu về 1,93 tỷ USD, tăng mạnh 56,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Cà phê cũng vươn lên vị trí thứ 3 trong nhóm các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn của ngành nông nghiệp, chỉ đứng sau lâm sản và thủy sản.

Xuất khẩu gạo đạt 1,43 tỷ USD trong quý I năm nay, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Hạt điều cũng đạt 809 triệu USD, tăng 24,6%; xuất khẩu hạt tiêu thu về 236 triệu USD, tăng nhẹ 1,1% so với cùng kỳ năm ngoái..”

	Câu hỏi	Đ/S	Vì sao?
A	Thị trường xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam góp phần quan trọng vào việc tăng GDP cho Việt Nam	Đ	Đó là vai trò của kinh tế, chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.
B	Với việc ngày càng mở rộng thị trường xuất khẩu về mặt hàng nông sản trong lĩnh vực trao đổi, mua bán giữa Việt Nam và quốc tế để xác định giá cả và số lượng hàng nông sản Việt Nam trên thế giới.	Đ	Kích thích tính năng động, sáng tạo đa dạng các mặt hàng xuất khẩu, thúc đẩy phát triển qui mô sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.
C	Các yếu tố để phát triển thị trường xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam là người bán, hàng hoá - tiền tệ, quan hệ mua - bán, giá cả - giá trị, cung - cầu hàng hoá,...	Đ	Vì đây là yếu tố của thị trường.
D	Sự phát triển của ngành nông sản Việt Nam với sự cạnh tranh về giá cả với	Đ	Chính sự phát triển này đòi hỏi cần có sự phát triển để phù hợp

	mức giá ngày càng tăng nhằm thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.		hoặc nếu không sẽ bị đào thải.
E	Giá nông sản ngày càng tăng giúp cho sự phát triển nền kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động Việt Nam.	Đ	Giá cả tăng thì những lợi ích tăng giá trị thu về tạo nhiều việc làm nâng cao đời sống người nhận, giữ vai trò điều tiết nền kinh tế.

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Mạng xã hội không chỉ là một nơi để mọi người có thể trò chuyện, giao lưu và kết bạn với nhau mà nó còn chính là một kênh bán hàng vô cùng hiệu quả. Và bạn biết không việc mua bán hàng hóa trên mạng xã hội đã tạo nên một sự khác biệt rất lớn so với việc bán hàng theo cách thức truyền thống trước kia. Có thể thấy rõ rằng bán hàng qua mạng xã hội đã tạo nên nhiều sự thay đổi lớn cho cả người mua và người bán. Đồng thời nó cũng giúp mang đến nhiều những lợi ích vượt bậc cho quá trình kinh doanh. Chúng ta cần phải tìm hiểu kĩ để tạo sự đột phá và thành công mạnh mẽ.(Tạp chí tài chính online - 05/03/2018)

A. Việc trao đổi hàng hóa trên thị trường hiện nay phải trao đổi trực tiếp và gắn với một địa điểm cụ thể.

B. Việc trao đổi hàng hóa trên thị trường hiện nay được diễn ra thuận lợi hơn cho cả người mua và người bán.

C. Trao đổi hàng hóa theo cách thức truyền thống mới mang lại lợi nhuận cao cho người bán.

D. Trao đổi hàng hóa qua mạng xã hội đã tạo nên nhiều sự thay đổi lớn cho cả người mua và người bán, giúp mang đến nhiều lợi ích. Tuy nhiên nó cũng mang đến những tiềm ẩn và rủi ro.

Gợi ý trả lời:

A: Sai	Việc trao đổi hàng hóa trên thị trường hiện nay vừa trực tiếp và gắn với một địa điểm cụ thể vừa online – trên không gian mạng.(không nhất thiết phải trực tiếp và gắn với một địa điểm cụ thể)
B: Đúng	Việc trao đổi hàng hóa trên thị trường hiện nay thuận lợi cho cả người bán và người mua như: Trao đổi mọi lúc, mọi nơi, không kể thời gian...
C: Sai	Vì trao đổi hàng hóa online – trên không gian mạng cũng mang lại lợi nhuận cao cho người bán.
D: Đúng	Vì người bán có thể bị khách hàng lừa dối khi đặt đơn hàng, khách hàng mua những hàng hóa không chất lượng...

Câu 5: Cùng với sự phát triển của xã hội thì nhu cầu sử dụng sữa của người tiêu dùng ngày càng cao, đặc biệt là với trẻ dưới 6 tuổi thì sữa rất quan trọng. Tuy nhiên giá cả thị trường mặt hàng này cũng có những biến động tác động đến đời sống xã hội. Có thời điểm sữa bột loại tốt có giá thị trường tăng nhanh mang lại lợi nhuận cao hơn cho người bán. Các doanh nghiệp sữa như Vinamilk, TH true milk, NutiFood... đã tìm các giải pháp để phát triển lực lượng sản xuất,

áp dụng khoa học tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm cung ứng ra thị trường. Bên cạnh đó cũng có một số cá nhân vì lợi nhuận đã sản xuất sữa giả, sữa nhập lậu với các thương hiệu như Ensure của Mỹ, Đức... Nhà nước đã thực hiện một số biện pháp để bình ổn giá cả sữa trên thị trường như quy định áp trần giá sữa, các doanh nghiệp sản xuất và phân phối sữa phải công khai mức giá bán, đồng thời có chế tài xử lý những cá nhân, doanh nghiệp vi phạm về buôn bán, sản xuất sữa giả.

a. Việc các doanh nghiệp sữa như Vinamilk, TH true milk, NutiFood... đã tìm các giải pháp để phát triển lực lượng sản xuất, áp dụng khoa học tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm cung ứng ra thị trường là thể hiện ưu điểm của cơ chế thị trường. (ĐÚNG)

b. Một số cá nhân vì lợi nhuận đã sản xuất sữa giả, sữa nhập lậu với các thương hiệu như Ensure của Mỹ, Đức... là thể hiện nhược điểm của cơ chế thị trường. (ĐÚNG)

c. Nhà nước không có chế tài xử lý những cá nhân, doanh nghiệp vi phạm về buôn bán, sản xuất sữa giả. (SAI)

d. Khi sữa bột loại tốt có giá thị trường tăng nhanh thì các doanh nghiệp sữa đã chủ động mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sữa là thể hiện chức năng cung cấp thông tin của giá cả thị trường. (ĐÚNG)

Phương án	Trả lời	Giải thích
a.	Đúng	Vì việc các doanh nghiệp sữa như Vinamilk, TH true milk, NutiFood... đã tìm các giải pháp để phát triển lực lượng sản xuất, áp dụng khoa học tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm chính là mặt ưu điểm của cơ chế thị trường.
b.	Đúng	Vì nhược điểm của cơ chế thị trường là phát sinh các thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh như một số cá nhân vì lợi nhuận đã sản xuất sữa giả, sữa nhập lậu... gây thiệt hại cho người sản xuất và người tiêu dùng.
c.	Sai	Nhà nước căn cứ vào quy định của pháp luật để xử lý những cá nhân, doanh nghiệp vi phạm về buôn bán, sản xuất sữa giả.
d.	Đúng	Vì khi có thông tin của giá cả thị trường là sữa bột loại tốt có giá thị trường tăng nhanh thì các doanh nghiệp sữa đã chủ động mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sữa.

Câu 6: Đọc đoạn thông tin sau:

Bất chấp những lo ngại về suy thoái kinh tế đang rình rập, các thị trường trực tuyến đang thực sự phát triển. Vào năm 2022, người tiêu dùng Hoa Kỳ đã thực hiện 46% hoạt động mua sắm trực tuyến của họ thông qua thị trường trực tuyến, tăng 10% so với năm trước kể từ năm 2021. Trên toàn cầu, hơn 75% người tiêu dùng tin rằng thị trường trực tuyến là cách thuận tiện nhất để mua sắm trực tuyến.

A. Thị trường trực tuyến là xu hướng phát triển mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hiện nay. (Đúng)

B. Mua sắm trên thị trường trực tuyến không có nhược điểm. (Sai)

- C. Thị trường mua sắm trực tuyến chỉ cần yếu tố người mua, người bán tham gia. (**Đúng**)
- D. Cách gọi thị trường trực tuyến là phân loại theo cách thức gặp nhau của chủ thể mua bán. (**Đúng**)

Ý	Đáp án	Giải thích
A	Đ	“Trên toàn cầu, hơn 75% người tiêu dùng tin rằng thị trường trực tuyến là cách thuận tiện nhất để mua sắm trực tuyến.” Điều này thể hiện thị trường trực tuyến đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, có lợi cho tổng thể nền kinh tế.
B	S	Mua bán trên thị trường trực tuyến cũng có nhược điểm: Thời gian chờ đợi hàng hóa, sản phẩm không đúng quảng cáo chất lượng...
C	S	Thị trường mua sắm trực tuyến vẫn có các yếu tố hàng hóa, tiền tệ, giá cả, người mua, người bán tham gia để đáp ứng nhu cầu.
D	Đ	Theo cách thức gặp nhau của chủ thể, có thị trường truyền thống (giao dịch trực tiếp), thị trường trực tuyến (giao dịch qua nền tảng công nghệ số).

Câu 7: Đọc đoạn thông tin sau:

Trong tháng 3/2024, giá lợn hơi tại các tỉnh, thành phố trên cả nước có xu hướng tăng so với tháng trước. Tại khu vực miền Bắc và miền Trung – Tây Nguyên, hiện giá lợn hơi ở hầu hết các tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 59.000 – 61.000 đồng/kg, tăng từ 3.000 – 5.000 đồng/kg so với cuối tháng 2/2024. Trong khi đó, tại khu vực miền Nam hiện giá lợn hơi dao động trong khoảng 60.000 – 62.000 đồng/kg, tăng từ 4.000 – 5.000 đồng/kg so với cuối tháng 2/2024....Việt Nam nằm trong số 10 quốc gia có mức tiêu thụ thịt lợn lớn nhất thế giới. Hiện nay, sản lượng thịt sản xuất trong nước mới đáp ứng được 95% sức tiêu thụ trong nước. (<https://nhachannuoi.vn/ban-tin-thi-truong-thit-trong-nuoc-va-the-gioi-thang-4-2024/>)

- A. Thị trường chăn nuôi là ngành có nhiều tiềm năng, đang thu hút sự đầu tư mạnh mẽ từ cả nước ngoài và trong nước. (Đúng)
- B. Những thông tin về giá thịt lợn trên thị trường giúp người chăn nuôi và chế biến thịt lợn điều chỉnh kế hoạch sản xuất hàng hóa. (Đúng)
- C. Chỉ có người chăn nuôi và chế biến thịt lợn mới quan tâm đến giá cả thị trường. (Sai)
- D. Những thông tin về giá cả thị trường thịt lợn trên đã thực hiện chức năng thông tin khi cung cấp được chất lượng, điều kiện mua bán hàng hóa. (Sai)

Ý	Đáp án	Giải thích
A	Đ	Giá thịt lợn tăng, nhu cầu thị trường về thịt lợn hơi trong nước cao. Trong khi đó, khả năng cung cấp trong nước chưa đáp ứng toàn bộ nhu cầu. Vì thế, thị trường chăn nuôi sẽ thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước.

B	D	Những thông tin trên thị trường về giá cả thịt lợn giúp người sản xuất và chế biến thịt điều chỉnh kế hoạch sản xuất hàng hoá phù hợp thực tế.
C	S	Tất cả các hoạt động mua bán, trao đổi đều diễn ra trên thị trường. Vì vậy, người sản xuất, người tiêu dùng, người buôn, chủ thể trung gian đều cần quan tâm đến giá cả thị trường.
D	S	Những thông tin về giá cả thị trường thịt lợn trên đã thực hiện chức năng thông tin khi cung cấp Giá cả hàng hóa tăng, không có thông tin về điều kiện mua bán, chất lượng thịt.

Câu 8: Đọc tình huống

Cá Basa là một loại thủy sản được nhiều người tiêu dùng ưa thích. Một vài năm gần đây, do điều kiện sản xuất bất lợi, sản lượng cá giảm làm giá cá Basa trên thị trường tăng cao. Do giá tăng, nhiều người tiêu dùng có xu hướng chuyển dần sang dùng sản phẩm thủy sản khác để thay thế. Nhu cầu tiêu dùng cá Basa giảm sút trên thị trường trong một khoảng thời gian đã làm giảm giá sản phẩm này. Giá cả giảm, lợi nhuận thấp khiến người nuôi cá Basa cân nhắc chuyển vốn sang sản xuất sản phẩm khác. Trong khi đó, giá cá Basa giảm dần lại có thể kéo người tiêu dùng quay trở lại mua sản phẩm. Theo thời gian, tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế đã tự phát xác định giá cả sản phẩm cá Basa ở mỗi thời điểm trên thị trường.

a. Giá cả thấp và lợi nhuận giảm khiến một số người nuôi cá Basa cân nhắc chuyển sang sản xuất sản phẩm khác.

Đúng Khi giá cá Basa thấp và lợi nhuận giảm, các nhà sản xuất sẽ tìm cách chuyển sang các sản phẩm khác có lợi nhuận cao hơn.

b. Tác động qua lại giữa giá cá Basa và hành vi tiêu dùng của người dân có thể tự phát xác định giá cả sản phẩm này trên thị trường.

Đúng Khi giá cá Basa tăng, người tiêu dùng sẽ có xu hướng chuyển sang các sản phẩm thay thế, làm giảm nhu cầu và giá cả. Ngược lại, khi giá cá Basa giảm, người tiêu dùng sẽ quay lại mua sản phẩm này, tăng nhu cầu và giá cả.

c. Muốn cho thị trường cá Basa thu nhiều lợi nhuận cần kích thích tính năng động, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất.

Đúng. Để thị trường cá Basa thu được nhiều lợi nhuận, cần kích thích tính năng động, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Điều này có thể bao gồm các biện pháp như đầu tư công nghệ, cải thiện điều kiện sản xuất, tăng năng suất lao động, v.v. Khi lực lượng sản xuất được phát triển, sản lượng và hiệu quả sản xuất sẽ tăng, góp phần nâng cao lợi nhuận của thị trường.

d. Khi giá cá Basa giảm, kích thích người tiêu dùng mua hàng này tăng cao.

Đúng. Khi giá cá Basa giảm, sản phẩm này sẽ trở nên rẻ hơn và hấp dẫn hơn với người tiêu dùng, từ đó làm tăng nhu cầu và lượng tiêu thụ.

Câu 9

Cá Diêu hồng là một loại thủy sản được nhiều người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn. Vài năm gần đây, do thức ăn cho cá tăng giá cao, sản lượng nuôi trồng cá giảm làm giá cá Diêu hồng trên thị trường tăng cao. Do giá tăng, nhiều người tiêu dùng có xu hướng chuyển dần sang dùng sản phẩm thủy sản khác để thay thế. Nhu cầu tiêu dùng cá Diêu hồng giảm sút trên thị trường trong một khoảng thời gian dài làm giảm giá loại mặt hàng này. Giá cả giảm, lợi nhuận

thấp khiến người nuôi cá Diêu hồng cân nhắc chuyển vốn sang nuôi trồng sản phẩm khác

A. Điều kiện sản xuất bất lợi, sản lượng cá giảm làm giá cá Diêu hồng trên thị trường tăng cao (**ĐÚNG- Thông tin đã nêu**).

B. Giá cá giảm, lợi nhuận thấp khiến người nuôi cá cân nhắc chuyển vốn sang sản xuất sản phẩm khác. (**ĐÚNG- Thông tin nêu**)

C. Tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế thông tin trên đã tự phát xác định giá cả sản phẩm cá Diêu hồng ở mỗi thời điểm trên thị trường (**ĐÚNG-**).

D. Chủ thể kinh tế trong trường hợp trên chỉ có người tiêu dùng. (**SAI- Vì ngoài người tiêu dùng còn có người sản xuất cá,...**).

E. **Câu 1. Đọc thông tin sau:**

F. Trong những năm qua, giá thép trong nước và thế giới tăng liên tục kéo giá nhiều vật liệu xây dựng cũng tăng theo. Điều này gây ảnh hưởng đến các nhà thầu xây dựng, tiến độ của nhiều công trình trì hoãn. Các nhà sản xuất cũng gặp khó khăn do giá nguyên liệu tăng nhưng vẫn phải nhập nguyên vật liệu để duy trì sản xuất, cung ứng theo hợp đồng đã ký. Một trong những nguyên nhân tăng giá lần này, theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) thông tin, là do nguyên liệu từ quặng sắt, than Coke, thép phế liệu,... tăng mạnh.

G. A. Chi phí sản xuất tăng làm giá cả hàng hóa đó trên thị trường tăng. Đúng

H. B. Giá cả hàng hóa tăng chỉ ảnh hưởng đến lợi nhuận của người sản xuất. Sai

I. C. Người sản xuất luôn mong chi phí đầu vào tăng để hàng hóa được bán với giá cao. Sai

J. D. Giá cả hàng hóa tăng liên tục có thể dẫn đến nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Chi phí sản xuất đầu vào (nguyên nhiên liệu, nhân công...) tăng sẽ làm giá cả mặt hàng đó tăng
B	Sai	Giá cả hàng hóa ảnh hưởng đến lợi nhuận các chủ thể trong nền kinh tế (ví dụ: người sản xuất, người tiêu dùng)
C	Sai	Không phải lúc nào người sản xuất cũng mong chi phí đầu vào tăng vì khi chi phí đầu vào tăng thì giá cả hàng hóa trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến tâm lý mua bán của các chủ thể kinh tế
D	Đúng	Giá cả hàng hóa tăng liên tục là một trong những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cho nền kinh tế trong đó có lạm phát

Câu 10. Đọc thông tin sau:

Giá thịt lợn hơi tại một số tỉnh thành đang tăng phi mã so với cuối tháng 11, đơn cử như Kim Sơn (Ninh Bình), khu vực Thái Bình giá lợn hơi hôm nay đạt 92 000 đồng/kg; Tiên Lữ (Hưng Yên) 93 000 đồng/kg. Tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, giá lợn hơi đang dao động từ 90 000 – 92 000 đồng/kg. So với cùng kỳ tháng 11/2019, giá lợn hơi ngày 16/12 tăng cao hơn 15

000 – 20 000 đồng/kg và là mức giá cao nhất trong lịch sử. Nguyên nhân do giá thành thức ăn gia súc tăng khiến nhiều người chăn nuôi e ngại, không dám tái đàn dẫn đến giá bán thành phẩm thịt lợn tăng cao. Trong khi đó, người tiêu dùng đã chuyển sang dùng sản phẩm khác thay thế đã khiến giá thịt gà, hải sản cũng tăng.

- K. A. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến tâm lý mua sắm của người tiêu dùng. Đúng
 L. B. Cung – cầu hàng hóa trong trao đổi mua bán ảnh đến giá cả thị trường. Đúng
 M. C. Giá cả hàng hóa tăng cao sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển vững chắc. Sai
 N. D. Giá cả hàng hóa tăng là do chi phí sản xuất tăng. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Giá cả thị trường ảnh hưởng đến tâm lý mua hàng (người tiêu dùng có thể mua tăng hoặc giảm lượng hàng hóa...)
B	Đúng	Quy luật cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường (cung lớn hơn hoặc nhỏ hơn cầu sẽ tác động đến giá cả)
C	Sai	Giá cả hàng hóa tăng cao có thể là một trong những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cho nền kinh tế trong đó có lạm phát, khủng hoảng...
D	Đúng	Chi phí sản xuất đầu vào (nguyên nhiên liệu, nhân công...) tăng sẽ làm giá cả mặt hàng đó tăng

Phần III. Câu hỏi trả lời ngắn (5 câu)

Câu 1. Sáng chủ nhật được nghỉ em cùng mẹ đi siêu thị dưới khu nhà em ở để mua đồ dùng cho gia đình. Mặt hàng đa dạng gồm thực phẩm tươi sống, khô và cả đồ dùng tư trang, quần áo... . Hãy trả lời câu hỏi sau:

- A. Xác định chủ thể trong hoạt động kinh tế này? **Người sản xuất- người tiêu dùng- chủ thể trung gian (nhân viên siêu thị)**
 B. Muốn để siêu thị này có thể duy trì và phát triển thì phải lưu ý đến yếu tố nào? (**qui luật cạnh tranh; qui luật cung cầu**)
 C. Các quan hệ được xác lập trong quá trình mua bán này là quan hệ gì?

Quan hệ mua - bán, quan hệ cung - cầu, quan hệ hàng hóa - tiền tệ.

Câu 2. Hiện nay sự phát triển của công nghệ thông tin thì việc bán hàng trên càng nên tăng xã hội như facebook hoặc tiktok ... được gọi là thị trường nào? **Thị trường điện tử .**

Câu 3. Sự phát triển của hệ thống trồng nông sản công nghệ cao nhằm cung ứng cho các siêu thị trong nước mặt khác còn xuất khẩu củ, quả ra một số nước vùng lân cận như thanh long, cà rốt hay dưa... Việc giá cả sản phẩm ngày càng tăng nói đến chức năng nào của giá cả thị trường? **Cung cấp thông tin và phân bổ nguồn nhân lực.**

Câu 4. Nhằm tạo nguồn thu nhập ổn định cho thanh niên tại địa phương. Chính quyền xã kết hợp Đoàn thanh niên xã X đã cải tạo lại hệ thống cung cấp nước tưới tiêu, cùng với tăng cường hướng dẫn kỹ thuật về trồng trọt, chăm sóc, chế tạo sản phẩm từ quả dưa. Hiện nay xã X đã tạo việc làm cho thanh niên tại địa phương, cũng như tăng nguồn thu nhập, hạn chế

A. Luật Ngân sách nhà nước.

C. Luật Bồi thường nhà nước.

D. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước

Câu 3: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu, chi ngân sách nhà nước là

A. không hoàn trả trực tiếp.

B. hoàn trả trực tiếp.

C. không hoàn trả cho cá nhân.

D. Hoàn trả theo từng đối tượng.

Câu 4: Chủ thể nào sau đây có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

A. Nhà nước.

B. Chủ tịch nước.

C. Chủ tịch Quốc hội.

D. Thủ tướng chính phủ.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 5, 6:

Theo Khoản 7, Điều 3, Nghị định 146/2018/NĐ-CP và Khoản 6, Điều 1 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi bổ sung 2014 thì trẻ em dưới 6 tuổi thuộc đối tượng được cấp BHYT và hưởng bảo hiểm y tế miễn phí. Điều này giúp trẻ em có nhiều cơ hội được khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, giảm bớt gánh nặng điều trị bệnh tật cho các bậc phụ huynh có trẻ nhỏ.

Câu 5: Chi phí đóng bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng ở thông tin trên được trích từ nguồn nào?

A. quỹ nhân đạo của địa phương.

B. quỹ của cơ quan bảo hiểm xã hội.

C. ngân sách nhà nước.

D. ngân sách địa phương.

Câu 6: Việc chính phủ đưa ra chính sách cấp thẻ BHYT và hưởng bảo hiểm y tế miễn phí đối với trẻ em dưới 6 tuổi thể hiện vai trò của chủ thể nào sau đây trong nền kinh tế?

A. Gia đình.

B. Nhà nước.

C. Doanh nghiệp.

C. Cá nhân.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 7, 8 :

Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - (Ea Kar, Krông Pắc, Cư Kuin) của tỉnh Đắk Lắk với tổng mức đầu tư hơn 6.000. Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 có tổng chiều dài khoảng 48km đi qua 11 xã thuộc 3 huyện 100 tỷ đồng. Trong đó, chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm dự phòng) khoảng 1.300 tỷ đồng, chi phí xây dựng hơn 4.000 tỷ đồng, số còn lại là các chi phí khác. Dự án sử dụng nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 (gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) và ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030. Quy mô dự án đường giai đoạn 1 hoàn chỉnh 4 làn xe, bề rộng nền đường 24,75m, vận tốc thiết kế 100 km/h, phù hợp với quy hoạch.

Câu 7: Theo thông tin trên cơ quan nhà nước nào sau đây có thẩm quyền thông qua dự toán ngân sách và giám sát ngân sách nhà nước chi cho dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - (Ea Kar, Krông Păk, Cư Kuin)?

A. Chính phủ .

B. Quốc hội.

C. Hội đồng nhân dân.

C. Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu 8: vai trò của ngân sách nhà nước trong dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - (Ea Kar, Krông Păk, Cư Kuin) đã thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Điều tiết thị trường, bình ổn giá cả.

B. Tăng cường sức mạnh QP và ANQG.

C. Phân bổ các nguồn lực tài chính

C. Mở rộng quan hệ đối ngoại.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Trường Trung học phổ thông công lập H trong năm 2024 đã tiến hành thu học phí và lệ phí của học sinh. Ngoài ra, để tăng thêm nguồn thu, nhà trường đã tổ chức trông xe và mở căn tin kinh doanh ăn uống phục vụ học sinh. Số tiền thu từ học phí và lệ phí thi được nhà trường sử dụng để trang bị thêm máy chiếu và máy vi tính cho các phòng học; tặng quà cho con em của cán bộ, giáo viên học giỏi; xây nhà tình nghĩa cho các hộ dân nghèo ở địa phương. Sau khi quyết toán, số tiền vẫn còn dư, Ban Giám hiệu đã quyết định dùng một phần số dư này gửi vào ngân hàng để lấy lãi bổ sung vào quỹ phúc lợi của trường; phần còn lại được sử dụng để phục vụ cho hoạt động liên hoan, khen thưởng cuối năm của nhà trường.

a. Trường Trung học phổ thông H là một đơn vị dự toán ngân sách nhà nước. Đ

b. Trường Trung học phổ thông H không được quyền thu tài chính từ hoạt động trông xe và mở căng tin. Đ

c. Việc Trường Trung học phổ thông H sử dụng nguồn thu để chi như trên là hợp pháp. S

d. Giáo viên trong trường được cung cấp thông tin, tham gia giám sát việc thu chi của nhà trường. Đ

Câu 2: Nhà văn hóa của tổ dân phố 8 đã xuống cấp nghiêm trọng, diện tích bé, không có sân, mỗi lần họp tổ, mọi người đến đông phải đứng cả bên ngoài, rất vất vả. Do đó, UBND thành phố đã quyết định cấp kinh phí và một phần ô đất rộng hơn để xây dựng nhà văn hóa mới cho tổ dân phố. Quá trình xây dựng được chính quyền địa phương và nhân dân cùng giám sát chặt chẽ. Mọi khoản chi cho quá trình xây dựng cũng được công khai rất minh bạch. Sau một thời gian gấp rút xây dựng, người dân trong tổ dân phố đã có nhà văn hóa mới khang trang, với đầy đủ trang thiết bị đúng chuẩn quy định, còn có một phần sân rộng làm nơi giao lưu thể thao, vui

chơi của người lớn tuổi và trẻ nhỏ. Việc xây dựng nhà văn hóa thể hiện sự đồng lòng của người dân với chính quyền địa phương, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân.

a. Nguồn vốn chi cho việc xây dựng nhà văn hóa của tổ dân phố 8 lấy từ ngân sách nhà nước.
Đ

b. Việc giám sát quá trình xây dựng nhà văn hóa của chính quyền địa phương và người dân là không cần thiết vì công trình này do UBND thành phố làm chủ đầu tư. S

c. Việc công khai minh bạch các khoản xây dựng nhà văn hóa là không đúng với quy định. S

d. Nhà văn hóa mới sẽ do chính quyền tổ dân phố 8 quản lý, bảo quản, giữ gìn. Người dân trong tổ dân phố sẽ là đối tượng được sử dụng nhà văn hóa mới, họ không có trách nhiệm bảo quản. S

CHỦ ĐỀ 3

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ THUẾ

II. THUẾ (NB/TH/VD:4/3/3/)

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế nào sau đây?

A. Thuế thu nhập cá nhân. B. Thuế giá trị gia tăng. C. Thuế tiêu thụ đặc biệt. D. Thuế nhập khẩu.

Câu 2: Nội dung nào sau đây thể hiện khái niệm gián thu là gì?

A. Thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa, dịch vụ.

B. Thuế thu được từ người có thu nhập cao.

C. Thuế đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

D. Thuế thu được từ khoản tiền mà người mua phải trả cho người bán.

Câu 3: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

A. Thuế là công cụ kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.

B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

C. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

D. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

Câu 4: Loại thuế nào sau đây **không thuộc** thuế trực thu?

- A. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.
- B. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- C. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- D. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Câu 5: Đâu **không phải** là đối tượng người nộp thuế?

- A. Mọi công dân.
- B. Hộ gia đình kinh doanh.
- C. Tổ chức kinh doanh.
- D. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế.

Câu 6: Nội dung nào sau đây không nói về vai trò của thuế?

- A. Thuế là khoản thu ổn định lâu dài cho ngân sách nhà nước.
- B. Thuế là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô của Nhà nước.
- C. Thuế là công cụ điều tiết thu nhập thực hiện công bằng xã hội.
- D. Thuế là phần thu nhập mà công dân nộp vào ngân sách nhà nước.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 7, 8, 9 :

Theo thông tin từ báo Người lao động: Giám đốc công ty X (*Tên chủ thể đã được thay đổi*) đã lợi dụng chính sách của Nhà nước về việc các mặt hàng thủy hải sản chưa qua chế biến khi xuất bán cho các doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, nếu bán cho khách hàng cá nhân phải nộp 5% thuế giá trị gia tăng. Giám đốc công ty X đã chỉ đạo nhân viên công ty kê khai bán hàng, xuất hoá đơn khống cho khách hàng là các doanh nghiệp, mục đích là trốn 5% tiền thuế giá trị gia tăng, cụ thể doanh nghiệp X đã trốn thuế gần 15 tỉ đồng.

Câu 7: Trong thông tin trên, giám đốc công ty X đã vi phạm pháp luật về thực hiện pháp luật thuế theo quy định của Nhà nước?

- A. Trốn thuế, gian lận thuế.
- B. Nộp chậm tiền thuế.
- C. Nộp thuế không đúng thời gian.
- D. Khai báo hồ sơ thuế không đầy đủ.

Câu 8: Dựa vào thông tin trên, Giám đốc công ty X cần nộp những loại thuế nào sau đây?

- A. Thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.
- B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.
- D. Thuế thu nhập tài nguyên

Câu 9: Giám đốc công ty X nêu trên cần có trách nhiệm gì trong việc thực hiện pháp luật thuế?

- A. Khai thuế chính xác, trung thực.
- B. Khai thuế trung thực.
- C. Nộp thuế để hưởng lợi ngân sách nhà nước.
- D. Nộp thuế đúng thời hạn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

1. Tình huống: Bà G bán cho ông H một mảnh đất vớ diện tích là 100m², giá thỏa thuận là 1 tỷ đồng nhưng khi làm thủ tục mua bán thì bà G khai báo thuế với cơ quan nhà nước giá bán là 400 triệu đồng.

- A. Việc làm của bà G là không đúng với quy định của pháp luật. Đ
- B. Bà G phải nộp tiền thuế nhập cá nhân và thuế nhà đất. S
- C. Bà G chỉ phải nộp tiền thuế nhập cá nhân. Đ
- D. Bà G khai giảm bớt số tiền mua bán để thuận lợi cho cá nhân chứ không gây ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước. S

2. Tình huống: Nhà máy của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ánh Dương đi vào hoạt động được 3 năm không may bị chập điện cháy kho hàng, gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, không thể nộp thuế đúng thời hạn quy định, nên đã làm hồ sơ xin gia hạn nộp thuế.

- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ánh Dương được gia hạn nộp thuế. Đ
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ánh Dương được miễn thuế do cháy kho hàng. S
- C. Việc làm hồ sơ xin gia hạn của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ánh Dương là sai quy định của pháp luật về thuế. S
- D. Thời gian hoạt động của công ty quá ngắn nên không đủ điều kiện để làm hồ sơ xin gia hạn. S

3. Tình huống: Công ty cổ phần Quang Anh chuyên kinh doanh mặt hàng xe ô tô nhập khẩu. Trong năm 2023, công ty nhập 150 chiếc xe ô tô về Việt Nam để bán. Đến cuối năm, công ty đã bán hết số xe trên cho khách hàng trong nước và đạt doanh thu 50 tỉ đồng

- A. Công ty cổ phần Quang Anh phải nộp các loại thuế là thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất nhập khẩu. Đ
- B. Nhà nước phải thu thuế của Công ty cổ phần Quang Anh, vì đây là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Đ
- C. Nhà nước thu thuế chỉ thu thuế của các công ty có nguồn thu từ 5 tỉ đồng trở lên. S
- D. Công ty cổ phần Quang Anh không bắt buộc phải nộp thuế cho nhà nước. S

Thông tin 4: Thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định lâu dài và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng. Nguồn thu từ thuế một phần được sử dụng cho hoạt động của bộ máy Nhà nước, đại bộ phận còn lại được chi cho đầu tư phát triển, cho văn hóa, thông tin, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, tài trợ xã hội, nghiên cứu khoa học...

A. Thuế là nguồn thu ổn định và bền vững cho ngân sách. Đ

B. Nguồn thu từ thuế không những được sử dụng cho chi tiêu công mà còn phục vụ cho cá nhân. S

C. Khi các đường xá, cầu cống cần phải sửa chữa thì sẽ lấy số tiền từ thuế để sửa,... Đ

D. Thuế là nguồn thu duy nhất của ngân sách nhà nước. S

Thông tin 5: Nộp thuế là việc cá nhân, tổ chức nộp tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước theo thông tin đã kê khai thuế. Các khoản thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, cá nhân tổ chức tự kê khai và chịu trách nhiệm với kê khai của mình. Đây là một trong những nghĩa vụ cao cả của người dân.

A. Công dân được hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế. Đ

B. Công dân được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật. Đ

C. Nộp thuế là nghĩa vụ của công dân vì thế công dân không được hưởng các ưu đãi về thuế. S

D Nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm. Đ

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

1. Toàn bộ các khoản thu chi của ngân sách nhà nước do cơ quan nào quyết định?

(Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

2. Hoạt động thu chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc

(Không hoàn trả trực tiếp)

3. Loại thuế nào mà người nộp thuế đồng thời là người chịu thuế

(Thuế trực thu)

4. Loại thuế nào mà người nộp thuế và người chịu thuế không đồng thời là một (Thuế gián thu)

5. Nhà nước có quyền gì đối với các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

(Quyền sở hữu và quyết định)

CHỦ ĐỀ 4

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

BÀI 7

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1: Việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận là hoạt động của

- A. kinh doanh. B. tiêu dùng. C. sản xuất. D. tiêu thụ.

Câu 2: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. B. Thu lợi nhuận.
C. Phát triển kinh tế nhà nước. D. Cung ứng hàng hóa.

Câu 3: Hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận là hoạt động

- A. tiêu thụ sản phẩm. B. nghiên cứu kinh doanh.
C. sản xuất kinh doanh. D. hỗ trợ sản xuất.

Câu 4: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. thu được lợi nhuận. B. thu hút vốn đầu tư.
C. hỗ trợ xã hội. D. tăng năng suất lao động.

Câu 5: Phương án nào sau đây là một trong những vai trò của sản xuất kinh doanh?

- A. Làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.
B. Hỗ trợ người tiêu dùng lựa chọn loại hàng hóa phù hợp với nhu cầu.
C. Nâng cao trình độ tay nghề của người lao động trong quá trình sản xuất.
D. Tạo điều kiện phát huy hết những tiềm năng của nền kinh tế quốc dân.

Câu 6: Phương án nào sau đây không thuộc vai trò của sản xuất kinh doanh?

- A. Tạo việc làm, thu nhập cho người lao động.
B. Đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người
C. Cung ứng sản phẩm hàng hoá/dịch vụ.
D. Nâng cao thu nhập cho người lao động.

Câu 7: Mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm được gọi là

- A. công ty hợp danh. B. liên hiệp hợp tác xã.
C. hộ sản xuất kinh doanh. D. doanh nghiệp tư nhân.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ từ bao nhiêu tuổi trở lên được phép đăng ký kinh doanh?

- A. 18 tuổi. B. 19 tuổi. C. 20 tuổi. D. 21 tuổi.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, hộ sản xuất kinh doanh có quyền hạn nào sau đây?

- A. Không cần phải đăng ký kinh doanh.
B. Tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.
C. Được phép kinh doanh bất kì hàng hóa nào.
D. Được phép kinh doanh cả mặt hàng chưa đăng ký.

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, yêu cầu đối với hộ sản xuất kinh doanh không bao gồm nội dung nào sau đây?

- A. Chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm.
B. Chỉ được phép sử dụng dưới 10 lao động.
C. Chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.
D. Chỉ được đăng kí kinh doanh tối đa là ba địa điểm.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, hộ kinh doanh được đăng kí tối đa bao nhiêu địa điểm kinh doanh?

- A. Một địa điểm. B. Hai địa điểm. C. Ba địa điểm. D. Bốn địa điểm.

Câu 12: Tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh được gọi là

- A. doanh nghiệp. B. xưởng sản xuất. C. khu công nghiệp. D. đại lí phân phối.

Câu 13: Mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ,...là đang nói đến đặc điểm nào của doanh nghiệp?

- A. Tính hợp pháp. B. Tính kinh doanh. C. Tính tổ chức. D. Tính cạnh tranh.

Câu 14: Phương án nào sau đây là một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân?

- A. Chỉ có một chủ sở hữu duy nhất. B. Có nhiều chủ sở hữu cùng lúc.

- C. Phát triển dựa trên vốn đầu tư nước ngoài. D. Thị trường ảnh hưởng nhỏ hẹp.

Câu 15: Phương án nào sau đây không thuộc đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân?

- A. Trong doanh nghiệp chỉ có một chủ sở hữu duy nhất.
B. Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
C. Chủ doanh nghiệp toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh.
D. Chủ doanh nghiệp có trách nhiệm chia lợi nhuận cho người lao động.

Câu 16: Việc thực hiện liên tục các công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận gọi là gì?

A. Kinh doanh.

B. Đầu tư.

C. Tiêu dùng.

D. Sản xuất.

Câu 17: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường với mục đích chính là gì?

A. thu được lợi nhuận.

B. đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

C. hướng đến lợi ích của Nhà nước.

D. hướng đến lợi ích của cộng đồng.

Câu 18: Hình thức sản xuất kinh doanh với các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để sản xuất kinh doanh được gọi là gì ?

A. Mô hình kinh tế hộ gia đình.

B. Mô hình kinh tế khác.

C. Mô hình kinh tế hợp tác xã.

D. Mô hình kinh tế doanh nghiệp.

Câu 19: Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là góp phần

A. giải quyết việc làm.

B. tàn phá môi trường.

C. duy trì thất nghiệp.

D. thúc đẩy khủng hoảng.

Câu 20: Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp tư nhân không có

A. luật sư hỗ trợ.

B. hóa đơn thuế.

C. tài sản cố định.

D. tư cách pháp nhân.

Câu 21: Loại hình doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

A. Công ty cổ phần.

B. Doanh nghiệp tư nhân.

C. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

D. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Câu 22: Là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.

B. Công ty tư nhân.

C. Công ty hợp danh.

D. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Câu 23: Điều kiện nào không cần thiết khi thành lập hộ sản xuất kinh doanh?

A. do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam.

C. có vốn trên 3 tỷ.

B. có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

D. đủ 18 tuổi.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, hộ kinh doanh chỉ được sử dụng số người lao động tối đa là bao nhiêu?

A. 7.

B. 8.

C. 9.

D. 10.

Câu 25: Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là góp phần tạo ra sản phẩm nhằm

- A. đáp ứng nhu cầu của con người. B. duy trì tình trạng thất nghiệp.
C. thúc đẩy khủng hoảng kinh tế. D. kìm chế sự tăng trưởng.

Câu 26: Mô hình kinh tế hợp tác xã được thành lập dựa trên nguyên tắc cơ bản nào dưới đây?

- A. Cường chế. B. Tự nguyện. C. Bắt buộc. D. Độc lập.

Câu 27: Đối tượng nào dưới đây **không** phải là thành viên công ty?

- A. Chủ thể chi tiền để mua tài sản cho công ty.
B. Chủ thể mua phần vốn góp của thành viên công ty.
C. Chủ thể hưởng thừa kế từ người để lại di sản.
D. Chủ thể góp vốn để thành lập công ty.

Câu 28: Anh A ở vùng trung du Bắc Bộ, nhà anh trồng chè. Mỗi năm thu hoạch 2 tấn chè các loại, anh bán 90% ra thị trường còn 10% để lại chế biến dùng cho gia đình. Anh A đã vận dụng mô hình sản xuất kinh doanh nào dưới đây

- A. Kinh tế tập thể. B. Doanh nghiệp. C. Hộ gia đình. D. Công ty cổ phần

Câu 29: Sau khi tốt nghiệp đại học nông nghiệp, M không đi xin việc mà về cùng gia đình mở trang trại trồng vải thiều theo tiêu chuẩn VietGap. Nhờ có kỹ thuật và niềm đam mê, vườn vải của gia đình M năm nào cũng sai trĩu quả, ít sâu bệnh đã mang lại thu nhập cao, ổn định cho gia đình. Việc làm của M tham gia mô hình sản xuất nào dưới đây?

- A. Hợp tác xã. B. Công ty hợp danh.
C. Hộ sản xuất kinh doanh. D. Công ty tư nhân.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Một doanh nghiệp đến hạn phải thanh toán khoản nợ với số tiền 1,2 tỷ đồng cho đối tác kinh doanh. Giám đốc doanh nghiệp đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất đảm bảo cho khoản vay ngân hàng để trả số nợ trên. Tuy đã được ngân hàng giải ngân nhưng vẫn còn thiếu 200 triệu đồng, giám đốc doanh nghiệp quyết định dùng tiền tiết kiệm cá nhân để thanh toán số tiền còn lại cho đối tác.

a. Doanh nghiệp trong thông tin thuộc mô hình kinh tế hộ gia đình.

Câu trả lời : Sai. Doanh nghiệp trong thông tin không thuộc mô hình kinh tế hộ gia đình mà là một doanh nghiệp bình thường.

b. Quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng là tín dụng thương mại.

Câu trả lời: Đúng. Quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng là tín dụng thương mại, không phải tín dụng tiêu dùng.

c. Hình thức tín dụng ngân hàng mà doanh nghiệp tham gia là cho vay thế chấp.

Câu trả lời: Sai. Hình thức tín dụng ngân hàng mà doanh nghiệp tham gia là cho vay thế chấp, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất làm tài sản đảm bảo.

d. Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân rất cần thiết để đảm bảo an toàn tài chính.

Câu trả lời: Đúng. Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân rất cần thiết để đảm bảo an toàn tài chính, như trong trường hợp này giám đốc doanh nghiệp phải sử dụng tiền tiết kiệm cá nhân để thanh toán số tiền còn thiếu.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Nhận thấy nhu cầu du lịch cộng đồng tăng cao, một gia đình đã vay ngân hàng 2 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của gia đình trên tiến triển thuận lợi giúp cải thiện điều kiện kinh tế và nộp thuế đúng quy định cho nhà nước. Một thời gian sau, do ảnh hưởng của dịch bệnh, lượng du khách ngày càng giảm, công việc kinh doanh bị thua lỗ nên gia đình trên đã chủ động cắt giảm nhân viên và vay tiền từ bạn bè để trả cho ngân hàng đúng kỳ hạn. Nhờ có những giải pháp tiết giảm chi phí, hoạt động kinh doanh của gia đình được duy trì, vượt qua khó khăn và ngày càng phát triển.

a. Gia đình đã vận dụng chức năng thông tin của thị trường và sử dụng vốn vay có trách nhiệm trong kinh doanh.

Câu trả lời: Đúng Gia đình đã sử dụng vốn vay một cách có trách nhiệm để đầu tư vào hoạt động kinh doanh du lịch, và họ đã áp dụng các giải pháp tiết giảm chi phí khi gặp khó khăn.

b. Mô hình kinh doanh của gia đình trên là loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Câu trả lời: Sai Mô hình kinh doanh của gia đình không được nêu rõ trong đoạn văn, nhưng không có thông tin cho thấy họ đang hoạt động dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

c. Hoạt động kinh doanh này góp phần tạo ra dịch vụ du lịch đã đáp ứng theo yêu cầu của người tiêu dùng.

Câu trả lời: Đúng Hoạt động kinh doanh của gia đình đã cung cấp dịch vụ du lịch phù hợp với nhu cầu của khách hàng, giúp họ thuận lợi cải thiện điều kiện kinh tế.

d. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, gia đình đã tăng cường nhân viên và mở rộng hoạt động kinh doanh để tận dụng cơ hội trong thời điểm khó khăn.

Câu trả lời : Sai Thay vì tăng cường nhân viên và mở rộng hoạt động, gia đình đã cắt giảm nhân viên và áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí để vượt qua khó khăn trong thời gian dịch bệnh.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Sản phẩm thời trang của một doanh nghiệp được đông đảo người tiêu dùng đón nhận do mẫu mã đẹp, chất lượng tốt. Trước sự cạnh tranh gay gắt của các hãng thời trang khác, doanh nghiệp đã chủ động tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn nên chưa thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Nhằm duy trì hoạt động, doanh nghiệp đã sử dụng nhãn mác của một thương hiệu thời trang nổi tiếng khác gắn vào sản phẩm của mình và đưa ra thị trường tiêu thụ.

a. Doanh nghiệp trên là chủ thể trung gian trong nền kinh tế đã thực hiện đúng nghĩa vụ kinh doanh đối với nhà nước.

• Câu trả lời: Sai Doanh nghiệp không thực hiện đúng nghĩa vụ nộp thuế theo quy định, vì vậy không thể nói rằng họ đã thực hiện đúng nghĩa vụ kinh doanh đối với nhà nước.

b. Doanh nghiệp là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Câu trả lời: Sai. Doanh nghiệp có thể là một cá nhân hoặc một nhóm người, nhưng trong trường hợp này, không có thông tin nào nói rằng họ đang hoạt động dưới dạng cá nhân hoặc hộ gia đình.

c. Việc doanh nghiệp sử dụng nhãn mác của thương hiệu nổi tiếng gắn vào sản phẩm của mình trong thông tin là phù hợp.

- Câu trả lời: Sai. Sử dụng nhãn mác của một thương hiệu khác mà không có sự đồng ý của thương hiệu đó có thể được coi là vi phạm bản quyền hoặc là hành vi không đạo đức trong kinh doanh.

d. Để giải quyết tình trạng khó khăn trong bối cảnh trên, doanh nghiệp cần tiến hành mở rộng quy mô sản xuất.

- Câu trả lời: Đúng. Mở rộng quy mô sản xuất có thể giúp doanh nghiệp tăng doanh số bán hàng và thu hồi lại một phần chi phí sản xuất, từ đó giải quyết tình trạng khó khăn trong kinh doanh.

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Chính quyền địa phương đã hỗ trợ một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản liên kết với các hộ gia đình để xây dựng vùng trồng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Theo hợp đồng, công ty đầu tư vốn ban đầu, hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho các hộ gia đình với mức giá cố định. Mô hình liên kết sản xuất này giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, nhờ đó doanh thu không ngừng tăng, tiền thuế nộp cho nhà nước ngày càng nhiều, các hộ gia đình được cải thiện về thu nhập. Tuy nhiên, khi giá cả sản phẩm nông sản tăng lên, một số hộ gia đình đã ngừng cung cấp nông sản cho công ty để bán cho thương lái với giá cao hơn.

a. Chính quyền địa phương đã hỗ trợ một công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản liên kết với các hộ gia đình để xây dựng vùng trồng nguyên liệu phục vụ cho quá trình sản xuất.

- Câu trả lời: Đúng. Chính quyền địa phương đã hỗ trợ công ty và các hộ gia đình trong việc xây dựng vùng trồng nguyên liệu, tạo ra một mô hình liên kết sản xuất.

b. Theo hợp đồng, công ty chỉ đầu tư vốn ban đầu và không hỗ trợ kỹ thuật hoặc bao tiêu sản phẩm cho các hộ gia đình.

- Câu trả lời: Sai. Công ty không chỉ đầu tư vốn ban đầu mà còn hỗ trợ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm cho các hộ gia đình.

c. Mô hình liên kết sản xuất này giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, doanh thu tăng và tiền thuế nộp cho nhà nước cũng tăng lên.

- Câu trả lời: Đúng. Mô hình liên kết sản xuất giúp công ty có nguồn nguyên liệu ổn định, tăng doanh thu và tiền thuế nộp cho nhà nước cũng tăng lên.

d. Mặc dù giá cả sản phẩm nông sản tăng lên, các hộ gia đình vẫn tiếp tục cung cấp nông sản cho công ty theo hợp đồng ban đầu.

- Câu trả lời: Sai. Một số hộ gia đình đã ngừng cung cấp nông sản cho công ty để bán cho thương lái với giá cao hơn, không tiếp tục tuân thủ hợp đồng ban đầu

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình ông X có 4 thành viên đầu tư xây dựng mô hình vườn - ao - chuồng (VAC) trên diện tích hơn 5.000m, tổng kinh phí đầu tư hoàn thiện mô hình kinh tế của gia đình ông khoảng 300 triệu đồng. Thu nhập từ chăn nuôi lợn, gia cầm được ông dùng để quay vòng đầu tư tái sản xuất và mở rộng chuồng trại. Phế phẩm chăn nuôi dùng làm thức ăn cho cá và ủ làm phân bón cho cây. Gần đây, năm bắt nhu cầu thực phẩm sạch của các hộ gia đình ở thành phố, ông mạnh dạn chuyển đổi sang mô hình sản xuất kinh doanh nông sản sạch. Với mô hình kinh tế tổng hợp VAC phát triển ổn định, sau khi trừ các khoản chi phí gia đình ông X thu nhập từ 300 triệu đến 400 triệu đồng/năm.

- a. Gia đình ông X là hoạt động theo mô hình kinh doanh thuộc hộ gia đình.
 - Câu trả lời: Đúng. Gia đình ông X hoạt động theo mô hình kinh doanh thuộc hộ gia đình với sự đầu tư và quản lý từ 4 thành viên.
- b. Hộ kinh doanh gia đình chỉ được đăng ký tại một địa điểm kinh doanh và sử dụng dưới 10 lao động chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình.
 - Câu trả lời: Đúng. Hộ kinh doanh gia đình thường chỉ được đăng ký tại một địa điểm kinh doanh và sử dụng dưới 10 lao động, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình, phản ánh đặc điểm của hoạt động kinh doanh của gia đình ông X.
- c. Gia đình ông X đã chuyển đổi sang mô hình sản xuất kinh doanh nông sản sạch để đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch của các hộ gia đình ở thành phố.
 - Câu trả lời: Đúng. Gia đình ông X đã chuyển đổi sang mô hình sản xuất kinh doanh nông sản sạch để đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch của các hộ gia đình ở thành phố, một bước đi phù hợp với xu hướng và yêu cầu của thị trường.
- d. Mô hình hộ sản xuất hộ gia đình có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy nhỏ gọn dễ quản lý.
 - Câu trả lời: Đúng. Mô hình hộ sản xuất hộ gia đình thường có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy nhỏ gọn và dễ quản lý, phản ánh đặc điểm của hoạt động kinh doanh của gia đình ông X.

Câu 6: Đọc đoạn thông tin sau:

Chè là một đặc sản nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên. Với xu hướng tiêu dùng và nhu cầu thị trường ngày càng gia tăng, việc sản xuất chè hữu cơ đã giúp cho nhiều gia đình trồng chè ở các vùng chè đặc sản nổi tiếng ở Thái Nguyên có thu nhập cao và thu hút ngày càng nhiều lao động vào sản xuất kinh doanh. Không những thế, chè Thái Nguyên còn được xuất khẩu đến nhiều quốc gia trên thế giới, mang lại nguồn thu cho đất nước.

- a. Thông tin trên nói đến mô hình liên hợp tác xã để tạo ra sản phẩm hữu cơ cùng ứng cho thị trường.
 - Câu trả lời Sai. Thông tin không nói rõ về mô hình liên hợp tác xã. Việc sản xuất chè hữu cơ có thể được thực hiện bởi các gia đình trồng chè hoặc các doanh nghiệp cá nhân.
- b. Việc sản xuất chè hữu cơ đã giúp người trồng chè ở Thái Nguyên có thu nhập cao và thu hút nhiều lao động tham gia vào sản xuất kinh doanh.
 - Câu trả lời: Đúng. Sản xuất chè hữu cơ đã tạo ra thu nhập cao cho người trồng chè ở Thái Nguyên và thu hút nhiều lao động tham gia vào sản xuất kinh doanh.

c. Sản xuất kinh doanh chè hữu cơ nhằm mục đích giúp người dân thái nguyên có lợi nhuận cao

- Câu trả lời: Đúng. Mục đích của sản xuất kinh doanh chè hữu cơ thường là để giúp người dân có thu nhập cao hơn từ việc trồng chè.

d. Việc kinh doanh chè này không có quy trình sản xuất và các nguồn lực cần thiết.

- Câu trả lời: Sai Thông tin không cung cấp bằng chứng nào cho việc kinh doanh chè không có quy trình sản xuất và nguồn lực cần thiết. Thông thường, các doanh nghiệp sản xuất chè hữu cơ sẽ tuân thủ các quy trình sản xuất và sử dụng nguồn lực đúng cách để đảm bảo chất lượng sản phẩm

Câu 7: Đọc đoạn thông tin sau:

Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thì ủy quyền cho một thành viên làm đại diện hộ kinh doanh. Cá nhân đăng ký hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm đại diện hộ kinh doanh là chủ hộ kinh doanh.

a. Hộ kinh doanh được thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.

- Câu trả lời: Đúng

b. Trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, họ cần ủy quyền cho một thành viên để làm đại diện cho hộ kinh doanh.

- Câu trả lời: Đúng

c. Người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm đại diện cho hộ kinh doanh được gọi là chủ hộ kinh doanh.

- Câu trả lời: Đúng

d. Hộ kinh doanh không có nghĩa vụ nộp thuế và tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh.

- Câu trả lời: Sai

Câu 8: Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình Lan là hộ chuyên canh rau ở vùng ngoại thành. Do sản xuất với quy mô nhỏ và bố mẹ Lan phải tự tiêu thụ nên thu nhập thấp, không ổn định. Những năm gần đây, ở quê Lan xuất hiện mô hình hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp chuyên cung cấp rau, thịt an toàn, mang lại hiệu quả kinh tế ổn định cho các xã viên. Nhiều hộ gia đình xung quanh nhà Lan đã tham gia hợp tác xã, được cán bộ hỗ trợ về kỹ thuật, cách phòng trừ sâu bệnh và hợp tác xã đứng ra thu mua sản phẩm.

a. Phát triển sản xuất kinh doanh mô hình hợp tác xã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các hộ gia đình.

- Câu trả lời: Đúng. Hộ kinh doanh được thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Điều này có nghĩa là tất cả các tài sản của cá nhân hoặc các thành viên trong hộ gia đình đều có thể bị thụ lý để bù đắp các nghĩa vụ kinh doanh.

b. Mô hình hợp tác xã có những đặc điểm là hình thức tổ chức kinh tế tập thể có sự hợp tác và tương trợ lẫn nhau.

- Câu trả lời: Đúng. Trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, họ cần ủy quyền cho một thành viên để làm đại diện cho hộ kinh doanh. Điều này giúp cho quản lý và thực hiện các hoạt động kinh doanh được thuận tiện hơn.

c. Giá đình Lan thuộc mô hình sản xuất kinh doanh hộ gia đình, sản xuất kinh doanh nhỏ vốn đầu tư thấp nên thử nhập chưa ổn định.

- Câu trả lời: Đúng. Người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm đại diện cho hộ kinh doanh được gọi là chủ hộ kinh doanh. Chủ hộ kinh doanh thường đại diện cho hộ kinh doanh trong các giao dịch kinh doanh và thủ tục pháp lý.

d. Liên hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và tương trợ lẫn nhau.

- Câu trả lời: Sai. Hộ kinh doanh có nghĩa vụ nộp thuế và tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh, giống như các doanh nghiệp khác. Điều này bao gồm việc nộp thuế, thực hiện kế toán, và tuân thủ các quy định về an toàn lao động và môi trường, tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,

Câu 9: Đọc đoạn thông tin sau:

Chị gái của Kiên mở cửa hàng quần áo thời trang trên phố. Chi phí thuê địa điểm, nhân viên ngày càng tăng nên lời lãi không được bao nhiêu. Mặt khác, xu hướng mua sắm trực tuyến ảnh hưởng lớn việc tiêu thụ của cửa hàng. Thấy công việc kinh doanh của chị gái ế ẩm, Kiên khuyên chị nên chuyển sang hình thức kinh doanh online, mở gian hàng trên các chợ thương mại điện tử, đăng hình ảnh quảng cáo chất lượng sản phẩm cao hơn thực tế để thu hút khách hàng

a. Kinh doanh trực tuyến không cần đầu tư nhà xưởng và trí tuệ.

- Câu trả lời: Sai. Kinh doanh trực tuyến cũng cần đầu tư nhà xưởng và trí tuệ để phát triển và duy trì hoạt động. Đầu tư nhà xưởng có thể không cần thiết nhưng việc đầu tư vào trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin, và chi phí vận hành vẫn là điều cần thiết để thành công trong kinh doanh trực tuyến.

b. Xu hướng mua sắm trực tuyến đang ngày càng phổ biến và ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ của cửa hàng truyền thống.

. Câu trả lời: Đúng. Xu hướng mua sắm trực tuyến đang ngày càng phổ biến và ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ của các cửa hàng truyền thống. Việc mua sắm trực tuyến tiện lợi và đa dạng sản phẩm làm cho người tiêu dùng dần chuyển hướng từ mua sắm tại cửa hàng truyền thống sang mua sắm trực tuyến.

c. Kiên đã khuyên chị gái nên chuyển sang hình thức kinh doanh online và mở gian hàng trên các chợ thương mại điện tử để tăng khả năng tiếp cận khách hàng.

- Câu trả lời: Đúng. Chuyển sang kinh doanh trực tuyến và mở gian hàng trên các chợ thương mại điện tử là một cách để tăng khả năng tiếp cận khách hàng, đặc biệt là trong bối cảnh mua sắm trực tuyến đang ngày càng phát triển.

d. Đăng hình ảnh quảng cáo chất lượng sản phẩm cao hơn thực tế để thu hút khách hàng là một cách kinh doanh không đạo đức và có thể gây mất lòng tin của khách hàng.

- Câu trả lời: Sai. Đăng hình ảnh quảng cáo chất lượng sản phẩm cao hơn thực tế có thể được coi là một hình thức kinh doanh không đạo đức và có thể gây mất lòng tin của khách hàng. Trong kinh doanh trực tuyến, sự minh bạch và trung thực về sản phẩm là yếu tố quan trọng để xây dựng niềm tin và lòng trung thành của khách hàng.

Câu 10: Đọc thông tin sau:

Khi lòng hồ Thủy điện Tuyên Quang tích nước, cũng là lúc toàn bộ diện tích trồng lúa nước không còn. Lúc này, nhận thấy mặt nước lòng hồ chính là lợi thế để nuôi cá. Vậy là từ năm 2010, anh Phùng Xuân Sơn, dân tộc Dao ở xã Sơn Phú đã quyết tâm tự làm lòng tre để nuôi cá lồng bè trên mặt hồ. Học phương pháp làm ăn của anh Sơn, 20 hộ dân tộc thiểu số sống trên địa bàn thôn Nà Lạn, xã Sơn Phú đã chọn cách giảm nghèo bằng nuôi cá lồng bè trong lòng hồ. Họ là những người có ít đất sản xuất, hạ sơn xuống vùng ven hồ tìm kế sinh nhai. Từ khi chuyển đổi sang nuôi cá lồng bè, hộ thu nhiều cũng được 70 - 80 triệu đồng/năm, hộ ít cũng được 45 - 50 triệu đồng/năm.

- Khi lòng hồ Thủy điện Tuyên Quang tích nước, diện tích trồng lúa nước không còn, điều này đã tạo ra cơ hội để nuôi cá trên mặt hồ.
- Câu trả lời: Đúng. Khi lòng hồ Thủy điện Tuyên Quang tích nước, diện tích trồng lúa nước đã không còn, tạo điều kiện thuận lợi để nuôi cá trên mặt hồ.
- Mô hình sản xuất kinh doanh của người dân nói trên là mô hình liên minh hợp tác xã.
- Câu trả lời: Đúng. Mô hình sản xuất kinh doanh của người dân nói trên có thể được xem là một mô hình liên minh hợp tác xã, trong đó các hộ dân cùng hợp tác với nhau để nuôi cá trên mặt hồ.
- Mô hình liên minh hợp tác xã là mô hình hợp tác có từ 10 đến 20 hộ cùng nhau sản xuất kinh doanh.
- Câu trả lời: Đúng. Mô hình liên minh hợp tác xã là một hình thức hợp tác mà từ 10 đến 20 hộ dân cùng nhau sản xuất kinh doanh, như trong trường hợp này với 20 hộ dân tộc thiểu số sống trên địa bàn thôn Nà Lạn, xã Sơn Phú.
- Liên minh hợp tác xã này đã giúp cho các hộ gia đình thu được nhiều lợi nhuận hơn so với trước kia.
- Câu trả lời: Đúng. Liên minh hợp tác xã này đã giúp cho các hộ gia đình thu được nhiều lợi nhuận hơn so với trước kia. Từ khi chuyển đổi sang nuôi cá lồng bè, hộ thu nhập tăng đáng kể, từ 45 - 50 triệu đồng/năm cho hộ ít đất sản xuất lên đến 70 - 80 triệu đồng/năm cho hộ nhiều.

Phần III: Câu trả lời ngắn gọn

Câu 1: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu lợi nhuận.

Câu 2: Hộ kinh doanh chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Câu 3: Doanh nghiệp có đặc điểm

- + Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hóa/dịch vụ,...
- + Có tính hợp pháp: đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh.

+ Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu dân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

Câu 4: Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp

Câu 5: Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

Chủ đề

TÍN DỤNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Quan hệ vay mượn giữa chủ thể cho vay vốn và chủ thể vay vốn theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn và lãi suất là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Bảo tức. B. Lợi tức. C. Bảo hiểm. **D. Tín dụng.**

Câu 2. Phát biểu nào sau đây là **sai** về vai trò của tín dụng?

- A. Tín dụng là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.**
B. Tín dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm.
C. Tín dụng thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa.
D. Tín dụng là công cụ điều tiết nền kinh tế, xã hội

Câu 3. Đặc điểm của hoạt động tín dụng được biểu hiện là

- A. có tính hoàn trả cả gốc và lãi.** B. được sử dụng vốn vay vô thời hạn.
C. sử dụng vốn vay sai mục đích. D. chỉ phải hoàn trả tiền vốn vay.

Câu 4. Khi thực hiện hoạt động tín dụng, người vay (khách hàng) có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết và

- A. trả tiền gốc và lãi đúng hạn.** B. trả tiền gốc đúng thời hạn.
C. trả tiền lãi trong một lần. D. hoàn trả tiền các khoản nợ cố định.

Câu 5. Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn của ngân hàng trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng

- A. hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.**
B. xây cơ sở kinh doanh sản xuất.
C. tìm kiếm việc làm và thu nhập ổn định.
D. tạo việc làm cho người lao động khác.

Câu 6. Hình thức vay tín chấp dựa vào

A. uy tín của người vay với ngân hàng.

B. không còn tài sản đảm bảo.

C. nguồn vốn ngân hàng dồi dào.

D. khách hàng trả vốn và lãi trước thời hạn.

Câu 7. Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay do đó không cần

A. tài sản đảm bảo.

B. ngân hàng bảo lãnh.

C. thời gian trả nợ.

D. trả lãi suất tiền vay.

Câu 8. Khách hàng sử dụng dịch vụ tín dụng bằng hình thức vay trả góp phải có trách nhiệm hàng tháng

A. trả lãi và một phần số nợ gốc.

B. trả tiền lãi trước, trả nợ gốc sau.

C. trả lãi theo biến động của thị trường.

D. trả lãi và gốc theo thực tế thu nhập.

Câu 9. Khi sử dụng dịch vụ vay tín chấp, Ngân hàng tín dụng **không** cho phép khách hàng thực hiện điều gì dưới đây?

A. Trả nợ lãi và gốc không đúng kì hạn.

B. Dùng uy tín của đơn vị công tác để vay.

C. Trả tiền gốc và tiền lãi trước kỳ hạn.

D. Dùng vốn vay để cho người khác vay.

Câu 10. Hoạt động tín dụng có vai trò quan trọng là

A. thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

B. duy trì sự cân bằng của tiền tệ.

C. tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.

D. xây dựng nền tài chính minh bạch.

Câu 11. Việc mua hàng bằng tín dụng hình thức trả góp khác khác mua bằng tiền mặt là

A. người mua phải trả nợ gốc và lãi.

B. người mua phải thanh toán bằng tiền mặt.

C. người mua thay đổi thời gian thanh toán.

D. người mua cần có tài sản thế chấp.

Câu 12. Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức

A. Tín dụng đen.

B. Cho vay tín chấp.

C. Cho vay trả góp.

D. Cho vay thế chấp.

Câu 13. Hình thức tín dụng nào dưới đây **không** có sự tham gia của hệ thống ngân hàng?

A. Tín dụng thương mại.

B. Tín dụng ngân hàng.

C. Tín dụng nhà nước.

D. Tín dụng tiêu dùng.

Câu 14. Hình thức tín dụng cho vay tín chấp **không** có đặc điểm

A. thời gian cho vay ngắn.

B. mức lãi suất phù hợp.

C. thủ tục vay đơn giản.

D. số tiền cho vay ít.

Câu 15. Trong hình thức tín dụng thương mại, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức nào?

A. Trái phiếu.

B. Hàng hóa.

C. Công trái.

D. Tiền mặt.

Câu 16. Công trái xây dựng Tổ quốc là một trong những loại hình tín dụng thuộc

A. tín dụng nhà nước.

B. tín dụng thương mại.

C. tín dụng doanh nghiệp.

D. tín dụng tiêu dùng.

Câu 17. Dung và mẹ đi siêu thị mua hàng. Lúc trả tiền, vì trong ví không đủ tiền mặt nên mẹ Dung đã dùng thẻ để thanh toán. Dung không hiểu vì sao có thể thanh toán tiền mua hàng mà không dùng tiền mặt. Mẹ Dung giải thích: “*Mẹ là giáo viên công tác nhiều năm, có mức thu nhập và chi tiêu hàng tháng ổn định và có điểm tín dụng cá nhân tốt. Khi mẹ có nhu cầu và hoàn thiện hồ sơ, Ngân hàng đã cung cấp 1 thẻ tín dụng. Với việc dùng thẻ tín dụng ngân hàng, mẹ có thể chi tiêu, mua hàng trả góp qua thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với ngân hàng phát hành thẻ và thanh toán lại cho ngân hàng sau một khoảng thời gian nhất định*”. Theo em, căn cứ vào điều kiện nào dưới đây để ngân hàng chấp nhận cấp thẻ tín dụng cho khách hàng?

A. Mức thu nhập và uy tín của khách hàng.

B. Năng lực công tác và tài chính của ngân hàng.

C. Nhu cầu mua sắm hàng năm của khách hàng.

D. Khả năng góp vốn hoặc tiền gửi của khách hàng.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 18, 19, 20, 21

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế, Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp. Năm 2020, tổng giá trị gói hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân khoảng 129.000 tỷ đồng; trong đó, số tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được gia hạn khoảng 97.500 tỷ đồng; số được miễn, giảm khoảng 31.500 tỷ đồng. Để đảm bảo nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm, Chính phủ đã phát hành công phiếu, trái phiếu để huy động vốn, đảm bảo đủ nguồn lực cho các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như đầu tư xây dựng hệ thống đường cao tốc, xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Năm 2022, với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự nỗ lực từ doanh nghiệp, nền kinh tế đã phục hồi tốt, tổng mức thu ngân sách từ ngành thuế năm 2022 đạt khoảng 1.460.100 tỷ đồng.

Câu 18: Chính phủ phát hành trái phiếu huy động vốn phục vụ mục đích đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng như hệ thống đường cao tốc, Cảng hàng không quốc tế Long Thành thuộc hình thức tín dụng nào sau đây?

A. Tín dụng ngân hàng.

B. Tín dụng thương mại.

C. Tín dụng tiêu dùng.

D. Tín dụng nhà nước.

Câu 19. Năm 2022, với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự nỗ lực từ doanh nghiệp, nền kinh tế đã phục hồi tốt. Điều này thể hiện

A. ý nghĩa tín dụng.

B. đặc điểm tín dụng.

C. hoạt động tín dụng.

D. vai trò tín dụng.

Câu 20. Trong hoạt động phát hành công phiếu, trái phiếu chính phủ năm 2020, Nhà nước giữ vai trò là

- A.** người vay tiền.
- B.** người cho vay tiền.
- C.** người trung gian.
- D.** ngân hàng nhà nước.

Câu 21. Quyền lợi của người mua công trái, trái phiếu Chính phủ như thế nào?

- A.** Hưởng lãi suất hấp dẫn và ổn định.
- B.** Được hưởng lãi theo ngày.
- C.** Hưởng lãi suất theo thị trường.
- D.** Nhận lãi theo từng tháng.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 22, 23

Năm 2023, đại diện Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết, 9 tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản cả nước đạt khoảng 6,6 tỷ USD, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trước tình hình trên, Chính phủ định hướng Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam chủ động hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm, mở rộng thị trường mới. Ngày 14/7/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành văn bản số 5631/NHNN-TD hướng dẫn ngân hàng thương mại triển khai Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản. Theo hướng dẫn tại văn bản trên, khách hàng có dự án hoặc phương án phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực lâm sản, thủy sản được vay vốn theo chương trình với lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam thấp hơn tối thiểu từ 1-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn của chính ngân hàng cho vay áp dụng trong từng thời kỳ.

Câu 22. Các ngân hàng thương mại cho vay vốn theo Chương trình ưu đãi lãi suất đối với doanh nghiệp thủy sản bằng đồng Việt Nam thuộc hình thấp hơn tối thiểu từ kỳ hạn 1-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn thuộc hình thức tín dụng nào sau đây?

- A.** Tín dụng nhà nước.
- B.** Tín dụng thương mại.
- C.** Tín dụng ngân hàng.
- D.** Tín dụng cá nhân.

Câu 23. Ngân hàng trong Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản sẽ cho vay khi khách hàng có điều kiện nào?

- A.** Có người nhà hoặc chính bản thân khách hàng làm công việc liên quan đến thủy hải sản.
- B.** Có dự án hoặc phương án phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực lâm sản, thủy sản.
- C.** Có nhu cầu cần vay vốn nói chung không bắt buộc phải là lĩnh vực lâm sản, thủy sản.
- D.** Có nhu cầu vay vốn, không cần dự án hoặc phương án cụ thể.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 24, 25, 26

Song hành với chương trình cho vay HSSV, ngày 4-4-2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-TTg về tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến. Theo đó, HSSV được hỗ trợ vay tối đa 10 triệu đồng/người với lãi suất 1,2%/năm để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến với điều kiện là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19 (có bố hoặc mẹ hoặc bố và mẹ mất do dịch

COVID-19); không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị học tập trực tuyến dưới mọi hình thức.

Câu 24. Các ngân hàng cho vay vốn theo Quyết định số 09/QĐ - TTg về tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn thuộc hình thức tín dụng nào sau đây?

A. Tín dụng nhà nước.

B. Tín dụng thương mại.

C. Tín dụng ngân hàng.

D. Tín dụng cá nhân.

Câu 25. Để được ngân hàng cho vay tiền theo quyết định 09/QĐ-TTg, học sinh sinh viên cần phải đáp ứng điều kiện gì?

A. Có nhu cầu vay vốn.

B. Có nhu cầu học trực tuyến.

C. Thuộc hoàn cảnh khó khăn.

D. Đã được hưởng chính sách ưu đãi.

Câu 26. Nội dung nào thể hiện đặc điểm của hình thức tín dụng theo quyết định số 09/QĐ-TTg?

A. Thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả góp, trả chậm hàng hóa.

B. Theo kế hoạch chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu của nhà nước.

C. Phải hoàn trả cả gốc và lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

D. Nguồn trả nợ là thu nhập của người vay, số tiền vay nhỏ, lãi suất cao.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 27, 28

A là học sinh giỏi con nhà nghèo, sau khi Tốt nghiệp THPT vì hoàn cảnh khó khăn nên mẹ A muốn con ở nhà đi làm công nhân. Mặc dù vậy A rất muốn học Đại học để sau này có cơ hội phát triển bản thân. Biết được hoàn cảnh của gia đình A, cán bộ hội phụ nữ đã tư vấn cho mẹ A nên cho A tiếp tục đi học bằng nguồn tiền vay của ngân hàng chính sách xã hội vì được hưởng lãi suất thấp, thời gian hoàn trả dài thông qua Hội phụ nữ xã nơi gia đình sinh sống.

Câu 27. Theo em, Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động nhằm mục đích gì?

A. Hỗ trợ người nghèo, người có thu nhập thấp.

B. Hỗ trợ tất cả các đối tượng có nhu cầu.

C. Giải quyết nguồn vốn nhàn rỗi của Nhà nước.

D. Xóa bỏ tình trạng cho vay nặng lãi.

Câu 28. Việc tư vấn Ngân hàng chính sách xã hội thông qua hội phụ nữ cho vay vốn thể hiện hiện phương thức cho vay nào?

A. Cho vay trực tiếp.

B. Cho vay ủy thác.

C. Cho vay ủy quyền.

D. Cho vay ủy nhiệm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

(đang cần vốn).

Câu 2. Sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và chi phí sử dụng dịch vụ tín dụng là mà người sử dụng tín dụng phải trả cho người cung cấp dịch vụ trong một khoảng thời gian

(số tiền lãi – dịch vụ - nhất định)

Câu 3. Khách hàng sử dụng dịch vụ tín dụng bằng hình thức vay trả góp phải có trách nhiệm đối với ngân hàng.

(trả lãi và một phần nợ gốc)

Câu 4. Tín dụng thể hiện quan hệ kinh tế có đặc điểm cơ bản là dựa trên sự tin tưởng;; tính hoàn trả

(có tính tạm thời - cả gốc lẫn lãi)

Câu 5. Tín dụng là một giao dịch về kinh tế giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảngtheo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

(thời hạn nhất định - đến hạn thanh toán)

Câu 6. Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện

(tài sản thế chấp hoặc tín chấp)

III. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Một doanh nghiệp đến hạn phải thanh toán khoản nợ với số tiền 1,2 tỷ đồng cho đối tác kinh doanh. Giám đốc doanh nghiệp đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất đảm bảo cho khoản vay ngân hàng để trả số nợ trên. Tuy đã được ngân hàng giải ngân nhưng vẫn còn thiếu 200 triệu đồng, giám đốc doanh nghiệp quyết định dùng tiền tiết kiệm cá nhân để thanh toán số tiền còn lại cho đối tác.

A. Ngân hàng đồng ý cho doanh nghiệp vay tiền là hoạt động giao quyền sở hữu nguồn vốn cho doanh nghiệp trong một thời gian nhất định. **(Sai)**

B. Quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng là tín dụng thương mại. **(Sai)**

C. Hình thức tín dụng ngân hàng mà doanh nghiệp tham gia là cho vay thế chấp. **(Đúng)**

D. Trong quan hệ tín dụng, bên cho vay (ngân hàng) có thể dựa vào khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay tiền (giám đốc Doanh nghiệp) để tin tưởng, đưa ra quyết định cho vay. **(Sai)**

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Nhận thấy nhu cầu du lịch cộng đồng tăng cao, một gia đình đã vay ngân hàng 2 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của gia đình trên tiến triển thuận lợi giúp cải thiện điều kiện kinh tế và nộp thuế đúng quy định cho nhà nước. Một thời gian sau, do ảnh hưởng của dịch bệnh, lượng du khách ngày càng giảm, công việc kinh doanh bị thua lỗ nên gia đình trên đã chủ động cắt giảm nhân viên và vay tiền từ bạn bè để trả cho ngân hàng đúng kỳ hạn. Nhờ có những giải pháp tiết giảm chi phí, hoạt động kinh doanh của gia đình được duy trì, vượt qua khó khăn và ngày càng phát triển.

A. Việc ngân hàng cho hộ gia đình vay tiền thể hiện vai trò đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả. **(Đúng)**

- B.** Trong quan hệ tín dụng, gia đình vừa có quyền sở hữu vừa có quyền sử dụng số tiền đã vay. **(Sai)**
- C.** Khi hoạt động kinh doanh thuận lợi, gia đình có thể trả nợ ngân hàng cả số tiền gốc và lãi trước thời hạn thỏa thuận. **(Đúng)**
- D.** Tham gia hoạt động tín dụng, gia đình phải trả đủ tiền gốc, còn lãi thì trả thế nào cũng được. **(Sai)**

Câu 3. Trong năm 2023, vốn tín dụng chính sách xã hội đã hỗ trợ đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho trên 790.000 lao động, trong đó giúp gần 8.600 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và trên 2.000 người vừa chấp hành xong án phạt tù có việc làm; giúp gần 97.000 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập; giải ngân hơn 4.000 hộ gia đình vay vốn mua máy vi tính và thiết bị học trực tuyến cho học sinh, sinh viên; xây dựng trên 1.435 nghìn công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở nông thôn; xây dựng 1.383 căn nhà ở cho hộ nghèo ổn định cuộc sống, hơn 15.000 căn nhà ở xã hội cho các đối tượng thu nhập thấp..., góp phần ổn định và phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đầu tư tín dụng ưu đãi các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *(Theo Taichinhthoandien, ngày 10/01/2024)*

- A.** Nguồn vốn tín dụng của ngân hàng giúp người dân đã thúc đẩy phát triển, tạo việc làm và nâng cao đời sống nhân dân. **(Đúng)**
- B.** Người dân tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính sách chỉ có thể thông qua vay trực tiếp từ Ngân hàng chính sách xã hội ở địa phương. **(Sai)**
- C.** Nguồn vốn tín dụng ngân hàng chính sách là nguồn lực duy nhất của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. **(Sai)**
- D.** Trong quan hệ tín dụng, hộ nghèo, học sinh sinh viên vay từ nguồn vốn chính sách sẽ không phải trả tiền lãi. **(Sai)**

Câu 4. Đọc đoạn thông tin sau:

Để đạt mục tiêu đề ra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm điều hành tín dụng năm 2024: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất- kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; rà soát, đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn, tài sản bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; mở rộng tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống, tiêu dùng, góp phần hạn chế “tín dụng đen”... *(<https://gtimes.com.vn/tai-chinh2/day-manh-tin-dung-ngan-hang-nam-2024.html>)*

- A.** Tín dụng đen là mặt trái của tín dụng nên cần hạn chế hoặc xóa bỏ. **(Đúng)**
- B.** Thực hiện tín dụng an toàn, hiệu quả là phương hướng góp phần phát triển kinh tế xã hội **(Đúng)**
- C.** Đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn sẽ giúp người dân có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay hơn. **(Đúng)**
- D.** Việc xây dựng môi trường Tín dụng không nên có sự chỉ đạo của nhà nước mà chỉ cần các ngân hàng tự thống nhất với nhau. **(Sai)**

Câu 5. Chị H cần vay 600 triệu đồng để sửa nhà. Nhân viên tư vấn tín dụng ngân hàng cho

biết: Đây là một khoản vay có giá trị lớn nên chị phải vay thế chấp. Ngân hàng sẽ tiến hành xem xét những điều kiện cá nhân của chị N như cho vay tín chấp, đồng thời yêu cầu chị phải có tài sản thế chấp như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xe ô tô.... có giá trị tương đương với lượng tiền cần vay để trong trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng thì chị sẽ phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đó để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, thu hồi vốn.

- A. Khi vay thế chấp, chị H cần có tài sản bằng đúng giá trị số tiền vay là 600 triệu. (Sai)
- B. Dù có tài sản thế chấp, ngân hàng sẽ vẫn xem xét đến thông tin cá nhân, uy tín của người vay là chị H. (Đúng)
- C. Ngân hàng cho vay thế chấp sẽ giảm mức độ tiềm ẩn rủi ro hơn. (Đúng)
- D. Chị H nên chọn hình thức vay thế chấp như trên vì lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài. (Đúng)

Câu 6. Ngân hàng X cho ông Y (là một giáo viên nghỉ độ nhiều năm) vay vốn, sau khi xem xét và tin tưởng ông Y là người sử dụng vốn có hiệu quả, có khả năng trả nợ đúng hạn ngân hàng .

- A. Việc ngân hàng cho ông Y vay là nói đến đặc điểm dựa trên sự tin tưởng. (Đúng)
- B. Hoạt động tín dụng gắn liền với nền kinh tế thị trường. (Đúng)
- C. Về bản chất, mối quan hệ giữa ngân hàng và ông Y là quan hệ giữa người vay và cho vay. (Sai)
- D. Khi ông Y thanh toán được số nợ gốc và lãi đúng hạn sẽ làm tăng điểm tín dụng của bản thân cho những lần vay vốn tiếp theo. (Đúng)

Câu 7. Bác T một cán bộ hưu trí đã dùng tiền nhàn rỗi của mình để mua trái phiếu chính phủ của Nhà nước.

- A. Bác T đóng vai trò là chủ thể cho vay trong hoạt động tín dụng. (Đúng)
- B. Bác T có thể mua bán, cầm cố trái phiếu Chính phủ hoặc bán lại trên thị trường chứng khoán. (Đúng)
- C. Trái phiếu chính phủ không phải là kênh đầu tư an toàn cho người có nguồn vốn nhàn rỗi. (Sai)
- D. Người mua trái phiếu Chính phủ được hưởng lãi suất hấp dẫn khi Nhà nước vay tiền có nghĩa vụ trả nợ. (Đúng)

Câu 8. Doanh nghiệp A đẩy mạnh sản xuất kinh doanh vào dịp cuối năm nên mua thêm nguyên liệu của doanh nghiệp B. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, doanh nghiệp A chưa thể trả tiền mặt cho doanh nghiệp B vì vốn sản xuất kinh doanh chưa thu hồi được. Đã nhiều năm hợp tác với nhau, doanh nghiệp B tin tưởng vào việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp A nên đã ký hợp đồng bán chịu hàng hoá cho doanh nghiệp này.

- A. Quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là doanh nghiệp A với một bên là doanh nghiệp B dựa trên nguyên tắc thỏa thuận và có hoàn trả được gọi là dịch vụ tín dụng thương mại. (Đúng)
- B. Đến thời hạn, doanh nghiệp A sẽ phải thanh toán theo hình thức tiền tệ cả gốc và lãi cho doanh nghiệp B. (Đúng)

C. Hình thức tín dụng giữa hai doanh nghiệp A và B kể trên vẫn có sự tham gia của hệ thống ngân hàng. (Sai)

D. Loại hình tín dụng giữa các doanh nghiệp hiện nay ngày càng phổ biến theo sự phát triển kinh tế thị trường. (Đúng)

Câu 9. Các anh Y, M, V và anh K đều là công nhân với mức thu nhập giống nhau. Để có phương tiện đi làm các anh phải mua cho mình mỗi người một chiếc xe máy trị giá khoảng 70 triệu đồng. Tuy nhiên, do mới đi làm điều kiện khó khăn nên các anh đều chưa có tiền mặt để mua xe. Anh Y quyết định mua xe bằng hình thức trả góp bằng việc vay tín dụng của ngân hàng do đó giấy tờ xe chính là tài sản đảm bảo, hàng tháng anh phải trả nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi. Anh M thì quyết định tích lũy tiền lương của mình để khi nào đủ tiền thì mới mua xe. Anh K do nóng vội nên đã vay từ quỹ tín dụng đen số tiền bằng giá trị của xe và phải trả tiền gốc và lãi suất theo ngày khá cao. Anh V lại tìm cách mượn của người thân một khoản tiền bằng 50% giá trị của xe, số còn lại được thanh toán bằng hình thức trả góp.

A. Nếu không trả được khoản nợ, anh Y sẽ phải giao xe cho ngân hàng xử lý thu hồi vốn. (Đúng)

B. Anh K vay từ quỹ tín dụng đen sẽ gặp nhiều tiềm năng rủi ro hơn. (Đúng)

C. Điểm giống nhau giữa các hình thức tín dụng anh Y, V, K là đều phải thanh toán gốc và lãi đúng hạn. (Đúng)

D. Hình thức tín dụng anh V lựa chọn là tín dụng ngân hàng. (Sai)

Câu 10. Anh M là nhân viên công chức nhà nước. Anh có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ cho công việc và sinh hoạt của gia đình, đồng thời có thể chạy dịch vụ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Tuy nhiên số tiền tích lũy chỉ đủ 50% giá trị của chiếc xe cần mua. Anh quyết định vay vốn để thực hiện nhu cầu.

A. Anh M có thể lựa chọn dịch vụ tín dụng ngân hàng theo hình thức vay thế chấp để có lãi suất và thời gian trả nợ phù hợp. (Đúng)

B. Anh M có thể thanh toán 50% giá trị còn lại của xe ô tô bằng thẻ tín dụng chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. (Sai)

C. Việc tham gia vay tín dụng của anh M với ngân hàng hay các tổ chức tín dụng thể hiện vai trò nâng cao đời sống của công dân. (Đúng)

D. Trong dịch vụ tín dụng, việc ngân hàng hay các tổ chức tài chính chấp nhận để anh M sở hữu một lượng tiền vốn của ngân hàng. (Sai)

Câu	Phương án	Trả lời	Giải thích
1	A.	Sai	Đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định, không giao quyền sở hữu.
	B.	Sai	Quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và ngân hàng là tín dụng Ngân hàng
	C.	Đúng	Hình thức tín dụng ngân hàng mà doanh nghiệp tham gia là cho vay thế chấp. Vì Giám đốc doanh nghiệp đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

	D.	Sai	Khả năng kinh doanh tài giỏi của người vay là một cơ sở để người cho vay tin tưởng người vay nhưng như thế chưa đủ để ra quyết định cho vay mà thường phải dựa vào tài sản thế chấp hoặc những cơ sở tin tưởng khác.
2	A.	Đúng	Khi hộ gia đình vay tiền ngân hàng sẽ phải tôn trọng điều kiện trả nợ vay (cả gốc và lãi) đúng hạn. Do đó, các hộ gia đình phải tìm mọi cách sử dụng vốn hiệu quả, giảm chi phí, tự vươn lên.
	B.	Sai	Đặc điểm của tín dụng là người cho vay nhường quyền sử dụng nguồn vốn đó trong một thời hạn nhất định, không giao quyền sở hữu. Vì thế, gia đình chỉ có quyền sử dụng số tiền đã vay, không có quyền sở hữu.
	C.	Đúng	Ngân hàng chỉ yêu cầu khách hàng trả nợ đúng thời hạn quy định. Nếu khách hàng có nhu cầu vẫn có thể trả nợ trước hạn thỏa thuận và phải thanh toán Phí trả nợ trước hạn.
	D.	Sai	Đặc điểm của tín dụng là người vay phải trả đủ cả tiền vay gốc lẫn lãi như đã thỏa thuận lúc cho vay.
3	A.	Đúng	Vai trò của tín dụng là Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.
	B.	Sai	Ngân hàng chính sách xã hội <i>có hai phương thức cho vay, cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác trong đó uỷ thác là chủ yếu</i> . Ngân hàng thực hiện uỷ thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho các Hội, Đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
	C.	Sai	Hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, người dân vẫn có thể thực hiện các hoạt động dịch vụ tín dụng khác (Tín dụng ngân hàng, thương mại, tiêu dùng). Nguồn vốn Tín dụng ngân hàng chính sách chỉ có vai trò quan trọng, không phải là duy nhất.
	D.	Sai	Đặc điểm tín dụng là tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi. Hộ nghèo, HSSV vay vốn từ nguồn vốn chính sách vẫn phải trả tiền lãi với lãi suất ưu đãi hơn so với các loại hình tín dụng khác (0,65%/tháng theo <u>Quyết định số 157/2007/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ</u> :

			<u>Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên)</u>
4	A.	Đúng	Tín dụng đen là một hoạt động tài chính bất hợp pháp, trong đó người cung cấp tiền mặt hoặc dịch vụ tài chính vượt quá giới hạn được quy định bởi pháp luật. Những cá nhân hoặc tổ chức hoạt động tín dụng đen không được đăng ký và không tuân thủ các quy định về lãi suất và điều kiện vay.
	B.	Đúng	Tín dụng có vai trò thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện tín dụng an toàn hiệu quả sẽ thúc đẩy kinh tế xã hội ổn định phát triển.
	C.	Sai	Đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn sẽ giúp người dân có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay từ các hình thức tín dụng.
	D.	Sai	Tín dụng có vai trò là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước. Vì thế, môi trường tín dụng lành mạnh cần phải có sự chỉ đạo, quản lý của chủ thể Nhà nước.
5	A.	Sai	Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay. Nên chị H cần có tài sản có giá trị tương đương số tiền cần vay.
	B.	Đúng	Chị H lựa chọn vay thế chấp tài sản nhưng Tín dụng ngân hàng vẫn cần xét đến các yếu tố khác mới có thể quyết định cho vay.
	C.	Đúng	Khí ngân hàng cho vay thế chấp đến hạn, khách hàng không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng thanh lí. Điều này sẽ làm giảm rủi ro đối với ngân hàng hơn.
	D.	Đúng	Đặc điểm của vay thế chấp là Người vay phải có tài sản đảm bảo, số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.
6	A.	Đúng	Người cho vay (ngân hàng) chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin về việc người vay (ông Y) sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả đúng hạn.
	B.	Đúng	Tín dụng tồn tại như một phương tiện luân chuyển dòng tiền từ nơi này sang nơi khác, từ

			chủ thể này sang chủ thể khác để đáp ứng sự cần thiết và phát triển của xã hội, kinh tế. Vì vậy, tín dụng là một trong những nhân tố đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường
	C.	Sai	Tín dụng là quan hệ vay mượn giữa người cho vay vốn và người vay vốn dựa trên nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn và lãi suất. Ngân hàng X cho ông Y vay là quan hệ tín dụng.
	D.	Đúng	<u>Điểm tín dụng (FICO)</u> là chỉ số đánh giá độ uy tín của khách hàng trong lịch sử vay vốn ở các ngân hàng hay tổ chức tài chính. Lịch sử thanh toán là một trong những yếu tố đánh giá điểm tín dụng. Lịch sử thanh toán nợ tốt sẽ giúp điểm tín dụng được cải thiện, tạo lợi thế khi xét duyệt các khoản vay trong tương lai.
7	A.	Đúng	Trong hoạt động tín dụng phát hành trái phiếu chính phủ, chủ thể vay là nhà nước và chủ thể cho vay là người mua trái phiếu (Bác T).
	B.	Đúng	Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.
	C.	Sai	Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại, chủ thể vay tiền là Nhà nước có nghĩa vụ trả nợ nên đây là kênh đầu tư an toàn đối với những ai đang có tiền nhàn rỗi.
	D.	Đúng	Tín dụng nhà nước là quan hệ tín dụng giữa Nhà nước với các chủ thể kinh tế, giữa Nhà nước với các nhà nước khác thông qua việc phát hành công trái, trái phiếu; Được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán.
8	A.	Đúng	Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh thông qua các hình thức như mua bán chịu hàng hóa, trả góp hoặc trả chậm.
	B.	Đúng	Nội dung Tín dụng thương mại là đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.
	C.	Sai	Thực tế, doanh nghiệp mua hàng có thể vay vốn của Ngân hàng để thanh toán tiền mặt cho

			doanh nghiệp bán hàng. Nhưng trong tình huống tín dụng giữa hai doanh nghiệp A và B không ghi nhận có sự tham gia của hệ thống ngân hàng.
	D.	Đúng	- Lợi ích của dịch vụ tín dụng thương mại: kích thích việc tiêu thụ sản phẩm. Giúp cho người bán dễ dàng bán được hàng hóa, ngược lại bên mua cũng không cần quá nhiều vốn bỏ ra khi chưa thi công các công trình dự án, thuận tiện, dễ dàng hơn trong việc làm ăn và hạn chế được việc giao dịch qua trung gian. Kinh tế phát triển, Tín dụng thương mại là một đòi hỏi khách quan trong nền kinh tế, là hình thức tín dụng tiện lợi và linh hoạt trong kinh doanh.
9	A.	Đúng	Khi vay thế chấp, anh Y có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, anh Y phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp (xe máy) để ngân hàng thanh lí.
	B.	Đúng	Những cá nhân hoặc tổ chức hoạt động tín dụng đen không được đăng ký và không tuân thủ các quy định về lãi suất và điều kiện vay (phải trả tiền gốc và lãi suất theo ngày khá cao)
	C.	Đúng	Anh Y, V, K vay bằng các hình thức tín dụng khác nhau. Đặc điểm chung của các hình thức tín dụng là Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện.
	D.	Sai	Hình thức tín dụng anh V lựa chọn là tìm cách mượn của người thân một khoản tiền bằng 50% giá trị của xe, số còn lại được thanh toán bằng hình thức trả góp. Đây là dịch vụ tín dụng tiêu dùng, hình thức trả góp, không có thông tin người cho vay là ngân hàng hay công ty tài chính.
10	A.	Đúng	Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.

Câu 5: Một trong những tác dụng của việc lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân là giúp cho cá nhân chủ động nắm bắt tình hình tài chính của bản thân để

A. điều chỉnh cho phù hợp.

B. tự do mua hàng, không lo nhìn giá.

C. chi tiêu những gì mình thích.

D. chủ động trong việc xin tiền bố mẹ.

Câu 6: Nội dung nào sau đây **không phải** là một trong những bước cơ bản để lập được kế hoạch và thực hiện thành công kế hoạch tài chính cá nhân?

A. Xác định mục tiêu tài chính.

B. Theo dõi và kiểm soát thu chi cá nhân.

C. Tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân. D. Thực hiện chi tiêu vượt kế hoạch đề ra.

Câu 7: Cá nhân không thể hiện tốt kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Xây dựng kế hoạch chi tiêu cụ thể.

B. Cân nhắc cụ thể các khoản chi tiêu.

C. Tự do tiêu tiền của bố mẹ.

D. Tính toán những khoản cần thiết để tiêu dùng.

Câu 8: Cá nhân muốn tiết kiệm một khoản tiền trong vòng 5 tháng nên lựa chọn loại kế hoạch tài chính nào sau đây?

A. Kế hoạch dài hạn.

B. Kế hoạch vô thời hạn.

C. Kế hoạch trung hạn.

D. Kế hoạch ngắn hạn.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 9, 10

Đang học lớp 12, Hà đã đặt mục tiêu thi đỗ vào một trường đại học sư phạm. Sau khi ra trường, Hà đặt mục tiêu tìm một ngôi trường gần nhà để dạy học, Hà còn lập kế hoạch tài chính cá nhân cho tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư. Dự định lâu dài có thể xây lại nhà mới khang trang hơn cho bố mẹ, tiếp tục học lên.

Câu 9: Em hãy cho biết loại kế hoạch tài chính cá nhân nào được đề cập ở trường hợp trên?

A. Kế hoạch dài hạn.

B. Kế hoạch vô thời hạn.

C. Kế hoạch trung hạn.

D. Kế hoạch ngắn hạn.

Câu 10: Theo em, để Hà đạt được những mục tiêu tài chính cá nhân đã đề ra, Hà cần tuân thủ kế hoạch tài chính cá nhân như thế nào?

A. thực hiện đúng chi tiêu với bảng kế hoạch đề ra.

B. hà tiện trong tiêu dùng, tiêu đến đâu thì lo đến đấy,

C. tự do tiêu tiền trong thẻ của bố mẹ khi cần thiết.

D. Cắt các khoản chi thiết yếu để đầu tư cho học tập.

Câu 11: Việc làm nào dưới đây thể hiện cá nhân có kỹ năng lập và thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân?

A. Kiên trì tuân thủ kế hoạch.

B. Cần thì tiêu, sau bù.

C. Ngẫu hứng theo sở thích cá nhân.

D. Sử dụng thẻ tín dụng một cách thoải mái.

Câu 12: Việc không xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính sẽ dẫn đến

A. thực hiện được mục tiêu tài chính đề ra. **B. tránh lãng phí trong chi tiêu.**

C. dự phòng các tình huống phát sinh. D. mất kiểm soát trong việc chi tiêu

Câu 13: Hành động nào sau đây thể hiện sự biết kiểm soát tài chính cá nhân?

A. Luôn mua sắm hàng hiệu vượt khả năng chi trả.

B. Cân nhắc về kế hoạch trước khi mua hàng.

C. Mua hàng không lo về giá.

D. Vay nợ mua hàng trước, tiết kiệm trả sau.

Câu 14: Để kế hoạch tài chính không bị thâm hụt người lập kế hoạch cần phải làm gì?

A. Không quan tâm việc cân đối thu chi. B. Tích cực tiết kiệm, giảm chi tiêu.

C. Thiết lập quy tắc thu, chi hợp lý. D. Hạn chế mua đồ dùng học tập.

Câu 15: Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn thường rơi vào khoảng thời gian là

A. từ 6 tháng trở lên.

B. từ 2 tháng trở lên.

C. từ 1 tháng trở lên.

D. vô thời hạn.

Câu 16: Kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn thường rơi vào khoảng thời gian là

A. dưới 12 tháng. B. dưới 3 tháng.

C. dưới 10 tháng. D. dưới 26 tháng.

Câu 17: Sau một khoảng thời gian thực hiện kế hoạch tài chính do mình lập ra, nguồn thu của B có xu hướng giảm hơn so với lúc đầu. Để hoàn thành kế hoạch tài chính, B cần điều chỉnh nội dung nào dưới đây?

A. Giảm chi tiêu không thiết yếu.

B. Cắt giảm tiền tiết kiệm.

C. Xin tiền ba mẹ nhiều hơn.

D. Cắt giảm tiền ăn sáng.

Câu 18: Với số tiền thu vào mỗi tháng, K đều dành một phần nhờ mẹ giữ hộ. Phần còn lại, K chia làm 2 khoản nhỏ, một khoản dành dụm cá nhân, một khoản dùng cho chi tiêu nhu cầu thiết yếu. Bạn K đã thực hiện tốt bước nào dưới đây trong việc lập kế hoạch tài chính cá nhân?

A. Xác định mục tiêu kế hoạch tài chính cá nhân. B. Xác định thời gian hoàn thành.

C. Thiết lập quy tắc thu chi cá nhân.

D. Xác định tình hình tài chính hiện tại.

Câu 19: Có mấy loại kế hoạch tài chính cá nhân?

A. 5

B. 6

C. 3

D. 4

Câu 20: Tầm quan trọng của việc kiểm soát tài chính cá nhân là gì?

A. Giúp em hưởng thụ cuộc sống tối ưu.

B. Giúp em dự phòng cho các tình huống phát sinh.

C. Giúp e giúp đỡ các bạn khi cần.

D. Giúp em có tiền thỉnh thoảng mua quà tặng mẹ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc tình huống sau:

N sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh tốt nên ít quan tâm đến chuyện chi tiêu có kế hoạch. S thì khác, luôn có kế hoạch chi tiêu cụ thể, cân nhắc những khoản chi phí cần thiết phục vụ cho việc học, và sinh hoạt hàng ngày. N thoải mái mua sắm mọi thứ mình thích, có khi còn tiêu hết số tiền bố mẹ cho đóng học phí phải đi vay tiền S. Thấy S duy trì việc thực hiện kế hoạch chi tiêu tài chính lành mạnh, lại có khoản tiền tiết kiệm kha khá nên N rất nể phục S và tự nhủ phải bắt tay vào việc xây dựng kế hoạch tài chính cho riêng mình.

A. S lập kế hoạch tài chính giúp đảm bảo chi tiêu đúng kế hoạch, không lãng phí. ĐÚNG

B. N là học sinh thì không nhất thiết phải lập kế hoạch tài chính. SAI

C. Sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh tốt như N thì không cần lập kế hoạch tài chính cá nhân. SAI

D. Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân rất cần thiết để đảm bảo an toàn tài chính. ĐÚNG

Câu 2: Đọc thông tin sau:

Chỉ còn 3 tuần nữa là đến sinh nhật chị gái mình. Biết chị mình rất thích son dưỡng môi Dior, K đã vạch ra một bản kế hoạch tự mình tiết kiệm để mua quà tặng chị. K thăm nghĩ, để mua cho chị son dưỡng môi Dior phải có khoảng 500 000 đồng. Hiện tại K đã có 300 000 đồng, phần còn lại sẽ cố gắng tiết kiệm trong vòng 20 ngày gom từ khoản tiền mẹ cho ăn sáng. K tự động viên bản thân, nghĩ tới việc chị gái mình sẽ rất thích món quà mình tặng nên cố gắng tiết kiệm.

A. Kế hoạch tài chính cá nhân của bạn K là loại kế hoạch tài chính trung hạn. SAI

B. Bạn K đã lập kế hoạch tài chính với mục tiêu mua sắm cho bản thân trong tương lai. SAI

C. Mục tiêu tài chính là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. ĐÚNG

D. Bạn K lập kế hoạch tài chính nhằm chủ động trong chi tiêu để mua quà tặng chị. ĐÚNG

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau

Bạn H thường thấy hàng ngày mẹ đi chợ về là ghi chép rất cẩn thận các món hàng và giá cả khi mua hàng vào cuốn sổ tay. Mẹ H làm việc đó như một thói quen, thường xuyên tính toán và phân chia các khoản thu nhập của bố mẹ thành các phần gắn với mục tiêu cụ thể, rõ ràng. Bố H thì cho rằng việc làm của mẹ không cần thiết khi kinh tế gia đình đã có phần dư dả, việc ghi chép lại rất mất thời gian.

A. Thói quen ghi chép các khoản thu chi của mẹ H là không cần thiết khi lập kế hoạch tài chính cá nhân. SAI

B. H cho rằng chỉ khi cần làm việc lớn như xây nhà thì mẹ H mới nên lập kế hoạch tài chính. SAI

C. Việc ghi chép rất mất thời gian, chỉ cần thắt chặt chi tiêu, và tiêu dùng hà tiện là đã làm tốt việc lập kế hoạch tài chính. SAI

D. Lập kế hoạch tài chính là chỉ quản lý khoản chi, không cần quản lý khoản thu như mẹ H làm. SAI

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau

Để có tiền mua bộ sách Harry Potter trọn 7 tập với giá 1,2 triệu đồng thì P đã lên kế hoạch tài chính cá nhân để đạt được mục tiêu. Ngoài việc chi cho các khoản cần thiết thì mỗi tuần P quyết tâm thực hành động bằng việc tiết kiệm được số tiền là 50 nghìn đồng. P rất hào hứng và tin tưởng sẽ thực hiện được kế hoạch để có bộ sách yêu thích của mình trong vòng

A. P phải mất ít nhất 6 tháng mới đạt được kế hoạch tài chính của mình (ĐÚNG).

- B. Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân của P đã mang lại lợi ích cho P (**ĐÚNG**).
- C. P lập kế hoạch tài chính cá nhân nhằm chủ động cuộc sống và học tập (**ĐÚNG**)
- D. Kế hoạch tài chính cá nhân của bạn K là loại kế hoạch tài chính ngắn hạn (**SAI**).

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau

Chỉ còn hơn 21 ngày nữa là đến sinh nhật của mẹ, bạn T tất bật cân đối chi tiêu hằng ngày để dành tiền mua một món quà mẹ yêu thích để tặng mẹ. Bạn T đã đặt ra kế hoạch mỗi buổi sáng sau khi mẹ cho 20k tiền ăn sáng, T sẽ không ăn và dùng toàn bộ số tiền mẹ cho để tiết kiệm. 21 ngày sau, T tiết kiệm được hơn 400 nghìn đồng để mua quà tặng mẹ.

- A. Việc làm của T được gọi là lập kế hoạch tài chính cá nhân ngắn hạn. (**ĐÚNG**).
- B. Kế hoạch tài chính của T đã đạt được mục tiêu tài chính đề ra (**ĐÚNG**).
- C. Nguồn thu chủ yếu trong kế hoạch của T đến từ tiền tiết kiệm ăn sáng (**ĐÚNG**)
- D. Để tiết kiệm được nhiều tiền đạt được mục tiêu tài chính đề ra thì nên tích cực nhịn ăn sáng (**SAI**).

Câu 6: Đọc thông tin sau:

Bạn N và M lập kế hoạch mỗi người sẽ tiết kiệm 6 triệu đồng trong vòng 12 tháng để đi du lịch vào dịp hè. Tuy nhiên trong một lần đi siêu thị, N và M thấy một quầy hàng mới khai trương đang giảm giá, có rất nhiều đồng hồ đeo tay thời trang, N không không cần suy nghĩ dùng hết tiền để dành để mua chiếc đồng hồ đeo tay thời trang mà N yêu thích bấy lâu. Thấy vậy, M khuyên N không nên chi tiêu tùy hứng. N gạt đi và cho rằng không phải tính toán, cân nhắc chi tiêu, hết tiền thì lại xin thêm bố mẹ hoặc nhịn ăn sáng.

- A. Thời gian kế hoạch của N và M là 12 tháng thuộc loại kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn (**ĐÚNG**).
- B. Khi lập kế hoạch tài chính cá nhân phải tuân thủ chặt chẽ các quy tắc không nên tùy hứng như N (**ĐÚNG**).
- C. Kế hoạch tài chính là kế hoạch được đặt ra nhằm quản lý tiền bạc một cách thông minh (**ĐÚNG**).
- D. Kế hoạch tài chính của N và M không có hoạt động thu, chỉ có hoạt động chi (**SAI**).

Câu 7: Đọc thông tin sau:

Khi phát hiện khoản thu vào giảm so với kế hoạch chính vạch ra ban đầu, 5 bạn M, N, H, K, T đã điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch tài chính bằng nhiều biện pháp khác nhau để đảm bảo việc thực hiện đúng kế hoạch. M chọn không ăn sáng để tiết kiệm tiền; N không mua thêm quần áo mới để tiết kiệm tiền; H tìm việc làm thêm để tăng thu nhập; P xin tiền thêm từ ba mẹ; T nghỉ học phụ đạo để đi làm thêm.

- A. Việc điều chỉnh của N, H là hợp lý (**ĐÚNG**).
- B. Việc điều chỉnh của M, P, T là có hợp lý. (**SAI**).
- C. Việc điều chỉnh của M, N, H, T là không thể chấp nhận (**SAI**).
- D. Việc điều chỉnh của N, H, T, P là hợp lý (**SAI**).

Câu 8: Bắt đầu lên lớp 9, bạn H lập kế hoạch tài chính cá nhân để đạt được các mục tiêu đề ra. Hằng tháng, H thường lập kế hoạch cụ thể về thu chi của cá nhân. Mọi khoản thu đều

được vạch ra rõ ràng. Mọi khoản chi đều được H phân chia rõ ràng như chi phí sinh hoạt, chi phí học hành và một phần tiết kiệm. Với số tiền tiết kiệm được trong 1 năm, H định lên lớp 10 sẽ mua một khoá học tiếng Anh để thi IELTS.

- A. Bạn H đã tuân thủ kế hoạch đề ra (**ĐÚNG**).
- B. Bạn H đã xác định tình hình tài chính (**ĐÚNG**).
- C. Bạn H đã thiết lập quy tắc chi tiêu cụ thể (**ĐÚNG**).
- D. Bạn H đã điều chỉnh kế hoạch linh hoạt (**SAI**).

PHẦN III: DẠNG TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Để đạt được mục tiêu đề ra trong.....tài chính cá nhân, cần thực hiện đúng các định mức chi tiêu đã đề ra trong..... (**kế hoạch**)

Câu 2: Kế hoạch tài chính cá nhân là.....hỗ trợ rèn luyện cách tiết kiệm, đầu tư sinh lời, cũng như cách quản lí tiền hiệu quả (**công cụ**)

Câu 3: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân giúp chúng tahiệu quả nguồn tài chính của mình (**quản lí**).

Câu 4: Mỗi cá nhân có thể thực hiện đồng thời nhiều kế hoạch tài chính cá nhân, trong đó kế hoạch tài chính cá nhân là cơ sở để thực hiện kế hoạch tài chính cá nhânvà(**ngắn hạn, trung hạn, dài hạn**).

Câu 5: Kế hoạch tài chính cá nhân dài hạn là bản kế hoạch về thu chi ngân sách nhằm thực hiện được mục tiêu tài chính quan trọng trong thời gian từ..... trở lên (**6 tháng**).

Câu 6: Để lập được kế hoạch tài chính cá nhân, chúng ta cần loại kế hoạch phù hợp với mục tiêu tài chính đặt ra và đảm bảo các bước (**lựa chọn**).

Câu 7: Để đạt được nhữngđã đặt ra trong kế hoạch tài chính cá nhân, cần thực hiện đúng các định mức chi tiêu đã đề ra trong kế hoạch (**mục tiêu**).

Câu 8: Mục tiêu.....là mục tiêu cần hướng tới khi lập kế hoạch tài chính cá nhân (**tài chính**).

Câu 9: Có nhiều loại kế hoạch tài chính khác nhau, nhưng nếu xét về thực hiện, có 3 loại kế hoạch tài chính cá nhân (**thời gian**).

Câu 10: Việc lập kế hoạch tài chính cá nhân giúp chúng ta..... hiệu quả nguồn của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động cẩn thận trong từng hoạt động chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư, dự phòng và vay nợ (**quản lí, tài chính**).

ĐÁP ÁN PHẦN II.

Câu	Lên hỏi	Đáp án (Đ/S)	Giải thích
1	a	Đ	Tầm quan trọng của lập kế hoạch tài chính cá nhân (LKHTCCN).
	b	S	Tầm quan trọng của lập kế hoạch cá nhân, là học sinh thì càng nên lập KHTCCN.

	c	S	Hoàn cảnh nào cũng nên LKHTCCN (dựa vào tầm quan trọng của việc LKHTCCN).
	d	Đ	Tầm quan trọng của việc LKHTCCN.
2	a	S	3 tuần là KHTCCN ngắn hạn.
	b	S	Mục tiêu LKHTCCN của K là mua quà tặng người thân không phải chi tiêu cho cá nhân.
	c	Đ	Tài chính là mục tiêu cần hướng tới của việc LKHTCCN.
	d	Đ	Dựa vào thông tin K chủ động LKHTCCN để ua quà tặng chị.
3	a	S	Ghi chép là một thói quen tốt khi thực hiện LKHTCCN
	b	S	Mục tiêu nhỏ cũng cần LKHTCCN
	c	S	Tiêu dùng hà tiện, thắt chặt chi tiêu là việc làm không phù hợp khi LKHTCCN.
	d	S	LKHTCCN cần làm tốt việc quản lý khoản thu và khoản chi.
4	a	Đ	Mục tiêu 1.2 triệu, mỗi tuần quyết tâm tiết kiệm 50K, mất khoảng 6 tháng sẽ đạt mục tiêu.
	b	Đ	Lợi ích: đạt được mục tiêu mua bộ sách yêu thích trong thời gian sớm nhất.
	c	Đ	Tầm quan trọng của việc LKHTCCN
	d	S	6 tháng là kế hoạch dài hạn
5	a	Đ	Thời gian là thực hiện là 21 Ngày là KHTCCN ngắn hạn.
	b	Đ	Đạt được mục tiêu tiết kiệm 400k mua quà tặng mẹ sau 21 ngày.
	c	Đ	Mỗi ngày T tiết kiệm tiền ăn sáng 20k
	d	S	Vì nhịn ăn sáng liên tục không tốt sức khỏe.
6	a	Đ	12 tháng là KHTCCN dài hạn.
	b	Đ	Các bước lập KHTCCN: Thiết lập và tuân thủ quy tắc.
	c	Đ	Tầm quan trọng của việc LKHTCCN.
	d	S	Hoạt động thu từ tiền tiết kiệm trong 12 tháng.
7	a	Đ	N không mua thêm quần áo mới và H tìm việc để tăng khoản thu là hợp lí.
	b	S	M nhịn ăn sáng, T nghỉ học phụ đạo, P xin thêm tiền là hoạt động không phù hợp để tăng khoản thu.

	c	S	M nhin ănsáng, T nghi học phụ đạo là không hợp lí.
	d	S	T nghi học phụ đạo, P xin thêm tiền là hoạt động không phù hợp để tăng khoản thu.
8	a	Đ	Thông tin nêu rõ
	b	Đ	Bước 1 của LKHTCCN: Xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện.
	c	Đ	Bước lập KHTCCN: Thiết lập quy tắc chỉ tiêu.
	d	S	Không thể hiện

CHỦ ĐỀ 7

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

I. ĐẶC ĐIỂM, CẤU TRÚC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Hệ thống chính trị Việt Nam gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành và được liên kết chặt chẽ với nhau thành một chỉnh thể thống nhất nhằm thực thi

- A. quyền làm chủ của nhân dân
B. ý chí của một bộ phận giai cấp.
C. củng cố địa vị giai cấp.
D. các giá trị đạo đức của dân tộc.

Câu 2. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân để quản lí

- A. toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội.
B. cán bộ quản lý trong từng cơ quan.
C. hoạt động của các thành phần kinh tế.
D. việc khai thác và bảo vệ tài nguyên.

Câu 3. Hệ thống chính trị Việt Nam chỉ tồn tại một đảng chính trị duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này thể hiện đặc điểm cơ bản nào của hệ thống chính trị Việt Nam?

- A. Tính nhất nguyên chính trị.
B. Tính đa nguyên chính trị.
C. Tính thống nhất trong quản lý.
D. Tính phân cấp về quản lý.

Câu 4. Một trong những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam là

- A. tập trung dân chủ.
B. lấy dân làm gốc.
C. đoàn kết dân tộc.
D. mở rộng đối ngoại.

Câu 5. Những vấn đề quan trọng của đất nước được quyết định bởi tập thể theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta?

- A. Tập trung dân chủ.
B. Pháp chế xã hội chủ nghĩa.
C. Tôn trọng tổ chức.
D. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 6. Những vấn đề quan trọng của đất nước được quyết định bởi tập thể, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta?

A. Nguyên tắc tập trung dân chủ.
nghĩa.

B. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ

C. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

D. Nguyên tắc tối ưu lợi ích.

Câu 7. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân là thể hiện đặc điểm cơ bản nào sau đây của hệ thống chính trị Việt Nam?

A. Tính nhân dân.

B. Tính tập thể.

C. Tính quản lý.

D. Tính thống nhất.

Câu 8. Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là các cơ quan, tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng của

A. các đoàn viên và hội viên.

B. đội ngũ cán bộ công chức.

C. những người dân tộc thiểu số.

D. cán bộ quản lý nhà nước.

Câu 9. Nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành và được liên kết chặt chẽ với nhau thành một chỉnh thể thống nhất nhằm thực thi quyền làm chủ của nhân dân là biểu hiện của khái niệm nào sau đây?

A. Hệ thống chính trị.

B. Cơ quan nhà nước.

C. Ủy ban dân tộc.

D. Tổ chức quản lý.

Câu 10. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam đều có địa vị pháp lý vững chắc và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật là nội dung đề cập đến nguyên tắc nào dưới đây?

A. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

B. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp

pháp.

C. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

D. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh

đạo của Đảng.

Câu 11. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đòi hỏi các cơ quan, cán bộ, công chức viên chức trong bộ máy nhà nước phải đặt dưới sự

A. chỉ huy của nhân dân.

B. giám sát của nhân dân.

C. ủy quyền của nhân dân.

D. chỉ định của nhân dân.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam?

A. Tham gia bầu cử.

B. Duy trì mọi tập quán.

C. Chia sẻ mọi thông tin.

D. Che giấu tội phạm.

Câu 13. Trong hệ thống chính trị Việt Nam, mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành được xác lập theo cơ chế nào dưới đây?

A. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

B. Đảng tổ chức, Quốc hội thực hiện, nhân dân giám sát.

C. Dân biết, dân quyết định, dân làm, dân kiểm tra.

D. Dân biết, dân nêu vấn đề, dân làm, dân kiểm tra.

Đọc thông tin để trả lời các câu 14, 15, 16, 17, 18

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội, đời sống vật chất, thu nhập và trình độ của người dân ngày càng được nâng cao, đây là những điều kiện quan trọng, thuận lợi để mỗi cá nhân ngày càng tham gia với tinh thần chủ động vào

quá trình xây dựng nền văn hóa dân tộc. Khi mỗi người được thụ hưởng, tiếp cận những giá trị mới đến từ nhiều nền văn hóa sẽ tiếp thêm cho mình nguồn cảm hứng để tiếp tục tái tạo năng lượng, từ đó kiến tạo những công trình, tác phẩm văn hóa mới để bồi đắp, làm phong phú thêm nền văn hóa nước nhà. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Câu 14. Đời sống vật chất và trình độ của người dân được nâng cao là thể hiện hệ thống chính trị nước ta mang tính

A. nhân dân sâu sắc.

B. đề cao lợi ích.

C. tập thể lãnh đạo.

C. tập trung dân chủ.

Câu 15. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân được thể hiện ở việc làm nào sau đây?

A. Duy trì mọi tập quán để xây dựng nền văn hóa dân tộc.

B. Người dân được quyết định mọi chủ trương, chính sách.

C. Đại biểu dân cử phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

D. Đề cao lợi ích cá nhân trong xây dựng văn hóa dân tộc.

Câu 16. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân không thể hiện ở việc làm nào sau đây?

A. Người dân được thụ hưởng mọi giá trị văn hóa tiến bộ.

B. Xây dựng chính sách xuất phát từ nguyện vọng người dân.

C. Đại biểu dân cử phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

D. Củng cố và tăng cường quyền lợi cho cán bộ quản lý.

Câu 17. Theo yêu cầu của nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị thì những vấn đề quan trọng nhất của đất nước trước khi quyết định phải

A. lấy ý kiến nhân dân

B. thông báo với thế giới.

C. định hướng giới truyền thông.

D. bí mật không công khai

Câu 18. Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, toàn xã hội, sự lãnh đạo của Đảng được biểu hiện qua

A. mệnh lệnh và chuyên quyền.

B. chủ trương và nghị quyết.

C. mệnh lệnh hành chính.

D. quyền lực của cán bộ.

Câu 19. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam đều có địa vị vững chắc và hoạt động trong khuôn khổ

A. cơ quan đơn vị.

B. pháp luật cho phép.

C. hiểu biết xã hội.

D. quyền lực được giao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc thông tin sau:

Theo Hiến pháp năm 2013, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một thành viên của hệ thống chính trị Việt Nam. Đúng

B. Chỉ những người quản lý mới là các đại biểu trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Sai

C. Mặt trận Tổ quốc là liên hiệp tự nguyện nên không cần tuân thủ pháp luật. Sai

D. Mặt trận Tổ quốc chỉ phát huy sức mạnh đoàn kết trong các cơ quan nhà nước. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Hệ thống chính trị Việt Nam gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành, trong đó có Mặt trận Tổ quốc VN.
B	Sai	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân nên gồm đại biểu thuộc mọi giai tầng trong xã hội.
C	Sai	Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị phải tuân thủ quy định của pháp luật.
D	Sai	Mặt trận Tổ quốc phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Câu 2. Đọc thông tin sau:

Xã A có nhiều hộ dân là đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng bộ xã đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong xã. Nghị quyết đẩy mạnh phát triển kinh tế thực hiện xóa đói giảm nghèo của Đại hội Đảng bộ xã được các chi bộ quán triệt đến từng đảng viên. Đảng bộ xã chỉ đạo các cấp chính quyền và các đoàn thể trong xã phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi. Thông qua việc lựa chọn các đảng viên có phẩm chất, năng lực tốt tham gia đảm trách những chức vụ quan trọng trong các cơ quan, đoàn thể của xã. Đảng bộ xã không chỉ thể hiện vai trò lãnh đạo trong công tác tổ chức cán bộ mà còn kiểm tra, giám sát sự hoạt động của hệ thống chính trị thông qua việc quản lý đội ngũ lãnh đạo của các tổ chức này.

A. Chỉ những đảng viên có phẩm chất, năng lực tốt mới được đảm nhận các chức vụ quan trọng trong cơ quan, đoàn thể. Đúng

B. Đảng bộ xã là cơ quan, tổ chức lãnh đạo cao nhất tại xã X. Đúng

C. Nhân dân được giám sát các hoạt động của đội ngũ lãnh đạo trong Đảng bộ xã. Đúng

D. Đảng bộ xã chỉ được ra Nghị quyết khi địa phương gặp nhiều điều kiện khó khăn. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Những đảng viên có phẩm chất, năng lực tốt được giới thiệu đảm nhận các chức vụ quan trọng trong cơ quan, đoàn thể
B	Đúng	Đảng bộ xã lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong xã. Đây là thể hiện nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng
C	Đúng	Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.
D	Sai	Đảng bộ xã lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong xã.

Câu 3. Đọc thông tin sau:

Ngày 11-5-2021, các ứng cử viên đại biểu Quốc hội khóa XV, đơn vị bầu cử số 4, thành phố Hà Nội đã tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri quận Hoàng Mai, huyện Gia Lâm. Tại hội nghị, các ứng cử viên lần lượt trình bày chương trình hành động của mình và tiến hành vận động bầu cử theo luật định. Các ứng cử viên bày tỏ vinh dự khi được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV; khẳng định nếu được bầu sẽ thường xuyên liên hệ, gần bó, lắng nghe ý kiến, kiến nghị, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của cử tri, nỗ lực cao nhất làm tròn trách nhiệm của người đại biểu nhân dân, đóng góp hết sức mình vì sự phát triển của Thủ đô và lợi ích quốc gia, dân tộc.

- A. Người được nhân dân tín nhiệm sẽ được giới thiệu ứng cử. Đúng
 B. Các ứng cử viên không bắt buộc tiếp xúc cử tri trước bầu cử. Sai
 C. Nhân dân bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước. Đúng
 D. Đại biểu Quốc hội cần phải lắng nghe ý kiến, kiến nghị của các cử tri. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Những đại biểu có phẩm chất, năng lực tốt được nhân dân tín nhiệm giới thiệu ứng cử
B	Sai	Các đại biểu phải tiếp xúc, lắng nghe cử tri
C	Đúng	Nhân dân bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
D	Đúng	Đại biểu Quốc hội cần phải lắng nghe ý kiến, kiến nghị của các cử tri

Câu 4. Đọc thông tin sau:

Hệ thống chính Việt Nam hình thành trực tiếp từ các tổ chức được thành lập bởi các tầng lớp nhân dân, xuất phát từ lợi ích của nhân dân và được duy trì các hoạt động bởi sự tham gia tích cực của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng chính trị duy nhất có khả năng tập hợp quần chúng lao động đông đảo để thực hiện các nhiệm vụ của dân tộc. Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước được nhân dân bầu ra và hoạt động để phục vụ lợi ích của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là hình thức tổ chức, tập hợp các tầng lớp nhân dân trong cả nước.

- A. Hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành. Đúng

- B. Tất cả quyền lực của hệ thống chính trị Việt Nam đều tập trung vào một tổ chức duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sai
- C. Mặt trận Tổ quốc và các thành viên là công cụ để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình đối với nhà nước. Đúng
- D. Chỉ những người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị mới chịu sự giám sát của nhân dân. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm nhiều cơ quan, tổ chức cấu thành và được liên kết chặt chẽ với nhau
B	Sai	Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
C	Đúng	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân
D	Sai	Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Câu 5. Đọc thông tin sau:

Xã A có nhiều hộ dân là đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng bộ xã đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong xã. Nghị quyết đẩy mạnh phát triển kinh tế thực hiện xóa đói giảm nghèo của Đại hội Đảng bộ xã được các chi bộ quán triệt đến từng đảng viên. Đảng bộ xã chỉ đạo các cấp chính quyền và các đoàn thể trong xã phối hợp với các ngành chức năng tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi. Thông qua việc lựa chọn các đảng viên có phẩm chất, năng lực tốt tham gia đảm trách những chức vụ quan trọng trong các cơ quan, đoàn thể của xã. Đảng bộ xã không chỉ thể hiện vai trò lãnh đạo trong công tác tổ chức cán bộ mà còn kiểm tra, giám sát sự hoạt động của hệ thống chính trị thông qua việc quản lý đội ngũ lãnh đạo của các tổ chức này.

- A. Các cấp chính quyền và đoàn thể trong xã A phải tuân thủ theo sự lãnh đạo của Đảng bộ xã
- A. Đúng
- B. Đảng bộ xã A lãnh đạo thông qua công tác tổ chức cán bộ, quản lý đội ngũ lãnh đạo. Đúng
- C. Đảng bộ xã lãnh đạo thông qua công tác tư tưởng, vận động người dân. Đúng
- D. Người dân địa phương được giám sát, kiểm tra hoạt động của Đảng bộ xã A. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Đảng bộ xã là cơ quan, tổ chức lãnh đạo cao nhất tại xã, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng
B	Đúng	Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
C	Đúng	Lãnh đạo thông qua công tác tổ chức cán bộ, quản lý đội ngũ là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng
D	Đúng	Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Câu 6. Đọc thông tin sau:

Bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân là dịp để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua lá phiếu bầu, trực tiếp lựa chọn những người có đủ đức, đủ tài, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân vào cơ quan quyền lực nhà nước các cấp. Chủ tịch Hồ Chí

Minh khẳng định: “Lá phiếu cử tri có một giá trị rất cao quý; nó là một dấu hiệu xác nhận rằng nhân dân thật sự làm chủ nước nhà”. Nguyên tắc phổ thông đầu phiếu trong bầu cử bảo đảm để mọi công dân đến tuổi trưởng thành đều được thực hiện quyền bầu cử. Cuộc bầu cử trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền bầu cử của mình, bảo đảm tính dân chủ, công khai và sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân trong bầu cử.

- A. Người dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua lá phiếu bầu. Đúng
 B. Mỗi cử tri có nhiều lá phiếu bầu để tham gia bầu cử. Sai
 C. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Đúng
 D. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Nhân dân trực tiếp lựa chọn người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình thông qua bầu cử bằng lá phiếu cử tri
B	Sai	Mỗi cử tri có một lá phiếu bầu để tham gia bầu cử
C	Đúng	Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân – là cơ quan đại biểu của nhân dân
D	Sai	Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương

Câu 7. Đọc thông tin sau:

Trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay chỉ có một đảng chính trị, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tất cả hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ khi được thành lập, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo hiệu quả của Đảng, đất nước ta không ngừng phát triển, người dân có cuộc sống ấm no, vị thế và uy tín của đất nước được nâng cao trên trường quốc tế.

- A. Hệ thống chính trị nước ta có tính nhất nguyên. Đúng
 B. Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị Việt Nam. Đúng
 C. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo nhà nước và xã hội. Đúng
 D. Đảng chỉ phát huy vai trò lãnh đạo trên các lĩnh vực quan trọng. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Hệ thống chính trị nước ta có tính nhất nguyên, chỉ có một đảng chính trị, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam
B	Đúng	Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị Việt Nam
C	Đúng	Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo nhà nước và xã hội
D	Sai	Đảng phát huy vai trò lãnh đạo trên mọi lĩnh vực.

PHẦN III. Câu trả lời ngắn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò như thế nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

Trả lời: lãnh đạo

2. Tất cả quyền lực nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thuộc về ai?

Trả lời: nhân dân

3. Hệ thống chính trị Việt Nam chỉ tồn tại một đảng duy nhất. Đó là Đảng nào?

Trả lời: Đảng Cộng sản Việt Nam

4. Tất cả các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị gắn bó mật thiết, chịu sự giám sát của người dân là thể hiện đặc điểm nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

Trả lời: Tính nhân dân

5. Những vấn đề quan trọng của đất nước được quyết định bởi tập thể theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên là thể hiện đặc điểm nào trong hệ thống chính trị Việt Nam?

Trả lời: Tập trung dân chủ

II. ĐẶC ĐIỂM, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Nguyên tắc hiến định trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam là

A. đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

B. duy trì sự lãnh đạo của Nhà nước.

C. đề cao sự quản lý của cá nhân.

D. hài hòa mọi lợi ích của nhân dân.

Câu 2. Quyền lực nhà nước Việt Nam được xác định bởi chính chủ thể duy nhất và tối cao của quyền lực là nhân dân thể hiện nguyên tắc nào sau đây trong tổ chức và hoạt động của nhà nước?

A. Tính thống nhất.

B. Tính phân chia.

C. Tính pháp chế.

D. Tính quyền lực.

Câu 3. Đối với bộ máy nhà nước ta, quyền lực nhà nước được phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và

A. chính sách.

B. tư pháp.

C. xét xử.

D. truy tố.

Câu 4. Đảng lãnh đạo bộ máy nhà nước thông qua việc làm nào dưới đây?

A. chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát.

B. bổ nhiệm, cấp tài chính động viên.

C. chỉ đạo và chủ động làm thay.

D. phân chia quyền lực quản lý.

Câu 5. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đòi hỏi các cơ quan, cán bộ, công chức viên chức trong bộ máy nhà nước phải đặt dưới sự

A. chỉ huy của cấp trên.

B. giám sát của nhân dân.

C. ủy quyền của nhân dân.

D. đề bạt của tổ chức.

Câu 6. Cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phản ánh nguyên tắc nào dưới đây?

A. Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

B. Tập trung dân chủ.

C. Dân chủ đại diện.

D. Đảng lãnh đạo về mọi mặt.

Câu 7. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đòi hỏi các cơ quan trong bộ máy nhà nước phải phát huy tốt quy chế dân chủ thực hiện tốt cơ chế

A. thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số.

B. phụ thuộc vào ý chí của người lãnh đạo.

C. tự quyết và tự chịu mọi trách nhiệm.

D. mọi việc do tập thể chịu trách nhiệm.

Câu 8. Việc phân chia quyền lực giữa cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ riêng biệt là thể hiện đặc điểm nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước?

- A. Tính nhân dân. B. Tính thống nhất. C. Tính tập thể. D. Tính quyền lực.

Câu 9. Nhà nước thực hiện quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. các cơ quan quyền lực.
C. các tổ chức giám sát. D. tổ chức phi chính phủ.

Đọc thông tin để trả lời các câu 10, 11

Các tỉnh miền núi biên giới có điều kiện địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, trình độ dân trí chưa cao. Nhận được nguồn ngân sách ưu đãi từ nhà nước, các địa phương này đã sử dụng vào việc mở rộng, nâng cấp các tuyến đường giao thông; kéo điện lưới quốc gia về các bản vùng sâu; xây dựng, tu bổ, nâng cấp trường học, cơ sở y tế; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đầu tư chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi; phát triển mô hình rừng trang trại, vườn rừng,... Nhờ đó, các tỉnh miền núi đã từng bước khắc phục khó khăn, ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Câu 10. Tính nhân dân được thể hiện như thế nào trong thông tin trên?

- A. Nhân dân được sử dụng ngân sách ưu đãi.
B. Người dân được tự quyết thu chi ngân sách nhà nước.
C. Ngân sách nhà nước làm tăng thu nhập cho người dân.
D. Phát triển địa phương phụ thuộc vào nguồn ngân sách.

Câu 11. Mọi hoạt động sử dụng ngân sách ưu đãi cho địa phương của các cơ quan, cán bộ, công chức phải phục vụ cho

- A. quyền lực của người quản lý. B. lợi ích của người dân.
C. mọi hoạt động từ thiện. D. vị thế của người đứng đầu.

Đọc thông tin để trả lời các câu 12, 13, 14

Thông qua thực hiện quyền bầu cử, nhân dân trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Các cơ quan này sẽ thay mặt nhân dân để thành lập ra các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay được tổ chức và hoạt động trên cơ sở sự ủy quyền của nhân dân. Các cơ quan, nhân viên nhà nước nhận quyền lực từ nhân dân, thừa ủy quyền của nhân dân, thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực của họ. Hoạt động của bộ máy nhà nước hướng đến việc chăm lo cho nhân dân, bảo đảm, bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Mọi cán bộ, nhân viên nhà nước đều xuất phát từ nhân dân, tham gia vào bộ máy nhà nước để phục vụ, phụng sự nhân dân. Họ có trách nhiệm phải giữ gìn mối liên hệ mật thiết với nhân dân, đồng thời chịu sự giám sát của nhân dân. Tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Câu 12. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở sự ủy quyền của nhân dân là thể hiện đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính nhân dân. B. Tính pháp chế.
C. Tính giai cấp. D. Tính cộng đồng.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của các đại biểu trong cơ quan quyền lực nhà nước?

- A. Thường xuyên tiếp xúc với cử tri. B. Thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực.
C. Chịu sự kiểm tra của người dân. C. Cấp ngân sách cho bộ máy nhà nước.

Câu 14. Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng phương tiện nào dưới đây?

- A. Chính sách. B. Pháp luật. C. Mệnh lệnh. D. Cán bộ.

Câu 15. Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây?

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Tổ chức phi chính phủ.
- C. Hội đồng bầu cử quốc gia.
- D. Tòa án nhân dân.

Câu 16. Một trong những nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.
- B. đảm bảo sự lãnh đạo của nhà nước.
- C. mặt trận lãnh đạo toàn thể xã hội.
- D. Đoàn thanh niên lãnh đạo xã hội.

Câu 17. Việc phân chia quyền lực giữa cho các cơ quan nhà nước để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ riêng biệt là thể hiện đặc điểm nào dưới đây trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước?

- A. Tính thống nhất.
- B. Tính nhân dân.
- C. Tính quyền lực.
- D. Tính phân cấp.

Câu 18. Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây?

- A. Chủ tịch nước.
- B. Hội Hữu nghị.
- C. Quốc hội.
- D. Tòa án.

Câu 19. Trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, tất cả các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đều hoạt động vì lợi ích của nhân dân và lợi ích của dân tộc là thể hiện đặc điểm nào dưới đây?

- A. Tính quyền lực.
- B. Tính đa dạng.
- C. Tính pháp chế.
- D. Tính thống nhất.

Câu 20. Nhân dân xã Y giám sát việc giải quyết khiếu nại của ủy ban nhân dân xã liên quan đến việc đền bù đất chưa thỏa đáng cho người dân là thể hiện nguyên tắc nào trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- B. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.
- C. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.
- D. Nguyên tắc tập trung dân chủ.

Câu 21. Anh T đến ủy ban nhân dân xã X để liên hệ làm thủ tục đăng ký kết hôn và được cán bộ tiếp dân là anh V nhiệt tình hướng dẫn cho anh T. Việc làm của anh V thể hiện đặc điểm nào dưới đây của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Tính nhân dân.
- B. Tính thống nhất.
- C. Tính tham vấn.
- D. Tính quyền lực.

Câu 22. Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây thể hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong hoạt động của hệ thống chính trị?

- A. Phản bác mọi quan điểm trái chiều.
- B. Khai báo hồ sơ trực tuyến.
- C. Đề cao quan điểm cá nhân.
- D. Giám sát việc giải quyết khiếu nại.

Câu 23. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân đòi hỏi các cơ quan, cán bộ, công chức viên chức trong bộ máy nhà nước phải đặt dưới sự

- A. chỉ huy của nhân dân.
- B. giám sát của nhân dân.
- C. chỉ định của nhân dân.
- D. ủy quyền của nhân dân.

Câu 24. Tại điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, do không biết chữ nên cụ T được tổ bầu cử cử người viết phiếu bầu theo đúng ý của cụ, sau đó tự tay cụ bỏ phiếu vào hòm phiếu. Việc làm của tổ bầu cử đã thực hiện nguyên tắc nào dưới đây trong hoạt động của bộ máy nhà nước?

- A. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
- B. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.
- C. Thiểu số phục tùng theo đa số.
- D. Ủy quyền nguyện vọng cho người đại diện.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc thông tin sau:

Thông qua thực hiện quyền bầu cử, nhân dân trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Các cơ quan này sẽ thay mặt nhân dân để thành lập ra các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay được tổ chức và hoạt động trên cơ sở sự ủy quyền của nhân dân. Các cơ quan, nhân viên nhà nước nhận quyền lực từ nhân dân, thừa ủy quyền của nhân dân, thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực của họ. Hoạt động của bộ máy nhà nước hướng đến việc chăm lo cho nhân dân, bảo đảm, bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Mọi cán bộ, nhân viên nhà nước đều xuất phát từ nhân dân, tham gia vào bộ máy nhà nước để phục vụ, phụng sự nhân dân. Họ có trách nhiệm phải giữ gìn mối liên hệ mật thiết với nhân dân, đồng thời chịu sự giám sát của nhân dân.

A. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân thành lập nên. Đúng

B. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Đúng

C. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Đúng

D. Người dân chỉ được giám sát cán bộ, nhân viên nhà nước khi họ cho phép. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân thành lập nên, được nhân dân ủy quyền để thực hiện quản lý nhà nước và xã hội
B	Đúng	Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân
C	Đúng	Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
D	Sai	Hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Câu 2. Đọc thông tin sau:

Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng là một nguyên tắc quan trọng, được quán triệt xuyên suốt trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam. Đảng đề ra đường lối, chính sách nhằm đổi mới, kiện toàn, hoàn thiện bộ máy nhà nước để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cụ thể hoá thành các quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Đảng kiểm tra, quán triệt thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong tổ chức và hoạt động bộ máy nhà nước thông qua các tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác cán bộ, thông qua việc phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, giới thiệu cán bộ, Đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất vào các cương vị chủ chốt của bộ máy nhà nước để nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm.

A. Đảng đã giới thiệu nhân sự vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước. Đúng

B. Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát hoạt động của Nhà nước. Đúng

C. Cán bộ đang công tác trong các cơ quan nhà nước đều là đảng viên. Sai

D. Nhà nước đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng lớn cho Đảng. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Đảng đã giới thiệu nhân sự vào các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước là một trong những phương diện lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước

B	Đúng	Đảng chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát hoạt động của Nhà nước là một trong những phương diện lãnh đạo Đảng đối với Nhà nước
C	Sai	Không phải cán bộ nào đang công tác trong các cơ quan nhà nước cũng là đảng viên
D	Sai	Đảng đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng lớn cho nhà nước

Câu 3. Đọc thông tin sau:

Xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thể hiện thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện thực hoá đường lối, chủ trương đó, các cơ quan trong bộ máy nhà nước đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng, ban hành, triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch, công việc cụ thể trên nhiều mặt để phát triển toàn diện nền kinh tế.

- A. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương. Đúng
- B. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đúng
- C. Đảng đề ra chính sách để hiện thực hóa đường lối, chủ trương của nhà nước. Sai
- D. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước có sự phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước được tổ chức thống nhất từ trung ương xuống địa phương, thể hiện đặc điểm tính thống nhất của BMNN
B	Đúng	Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
C	Sai	Nhà nước đề ra chính sách để hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng
D	Đúng	Các cơ quan trong bộ máy nhà nước có sự phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong thực hiện nhiệm vụ, thể hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan

Câu 4. Đọc thông tin sau:

Quyền lực nhà nước Việt Nam được phân công cho các cơ quan, cá nhân nhất định, không tập trung vào một cơ quan hay một cá nhân duy nhất. Tất cả các cơ quan trong hệ thống bộ máy nhà nước đều được Nhà nước trao các quyền cụ thể để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Các cơ quan sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ riêng, tuy nhiên giữa các cơ quan luôn có mối quan hệ, hỗ trợ nhau trong việc giải quyết công việc, cơ quan này giám sát cơ quan khác. Các cơ quan cấp dưới phải phục tùng, thực hiện các quyết định của cơ quan cấp trên.

- A. Quyền lực nhà nước được phân công cho một cơ quan và một cá nhân duy nhất. Sai
- B. Các cơ quan sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ mục đích cá nhân. Sai
- C. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước mang tính quyền lực. Đúng

D. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo luật định. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước được phân thành quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp
B	Sai	Các cơ quan sử dụng quyền lực nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ chung phục vụ nhân dân, dân tộc
C	Đúng	Tính quyền lực là một trong những đặc điểm của BMNN
D	Đúng	Các cơ quan trong bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo luật định, thể hiện tính pháp chế XHCN

Câu 5. Đọc thông tin sau:

Thông qua thực hiện quyền bầu cử, nhân dân trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Các cơ quan này sẽ thay mặt nhân dân để thành lập ra các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay được tổ chức và hoạt động trên cơ sở sự ủy quyền của nhân dân. Các cơ quan, nhân viên nhà nước nhận quyền lực từ nhân dân, thừa ủy quyền của nhân dân, thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực của họ. Hoạt động của bộ máy nhà nước hướng đến việc chăm lo cho nhân dân, bảo đảm, bảo vệ lợi ích cho nhân dân. Mọi cán bộ, nhân viên nhà nước đều xuất phát từ nhân dân, tham gia vào bộ máy nhà nước để phục vụ, phụng sự nhân dân. Họ có trách nhiệm phải giữ gìn mối liên hệ mật thiết với nhân dân, đồng thời chịu sự giám sát của nhân dân.

A. Các cơ quan quyền lực nhà nước do nhân dân bầu ra. Đúng

B. Đại biểu Quốc hội là những người đại diện cho nhân dân khi thực hiện quyền lực. Đúng

C. Cử tri có thể giám sát hoạt động của cán bộ, nhân viên nhà nước. Đúng

D. Người dân chỉ được giám sát cán bộ, nhân viên nhà nước khi họ cho phép. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Nhân dân bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước
B	Đúng	Đại biểu Quốc hội là những người do dân bầu ra, đại diện cho nhân dân khi thực hiện quyền lực
C	Đúng	Cử tri được giám sát hoạt động của cán bộ, nhân viên nhà nước
D	Sai	Tất cả các cán bộ, cơ quan, tổ chức trong BMNN chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Câu 6. Đọc thông tin sau:

Bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân là dịp để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua lá phiếu bầu, trực tiếp lựa chọn những người có đủ đức, đủ tài, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân vào cơ quan quyền lực nhà nước các cấp. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lá phiếu cử tri có một giá trị rất cao quý; nó là một dấu hiệu xác nhận rằng nhân dân thật sự làm chủ nước nhà”. Nguyên tắc phổ thông đầu phiếu trong bầu cử bảo đảm để mọi công dân đến tuổi trưởng thành đều được thực hiện quyền bầu cử. Cuộc bầu cử trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện

quyền bầu cử của mình, bảo đảm tính dân chủ, công khai và sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân trong bầu cử.

A. Người dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Đúng

B. Mọi công dân đều được thực hiện quyền bầu cử. Sai

C. Cử tri được lựa chọn các đại biểu theo ý chí, nguyện vọng của mình. Đúng

D. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Người dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những người đại diện do nhân dân bầu nên.
B	Sai	Người từ đủ 18 tuổi trở lên, không thuộc trường hợp bị hạn chế theo luật định sẽ được thực hiện quyền bầu cử
C	Đúng	Cử tri được lựa chọn các đại biểu theo ý chí, nguyện vọng của mình
D	Sai	Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

1. Tính thống nhất của quyền lực nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam được xác định bởi chủ thể duy nhất và tối cao là...

Trả lời: nhân dân

2. Nhà nước sử dụng phương tiện chủ yếu nào để quản lý xã hội?

Trả lời: pháp luật

3. Thông qua việc thực hiện quyền ... để nhân dân trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước?

Trả lời: bầu cử

4. Ở nước ta, cơ quan nào thực hiện quyền hành pháp?

Trả lời: Chính phủ

5. Các cơ quan trong bộ máy Nhà nước đều được tổ chức và hoạt động theo

Trả lời: hiến pháp và pháp luật

III. QUỐC HỘI, CHỦ TỊCH NƯỚC, CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Trong bộ máy nhà nước, cơ quan nào dưới đây thực hiện quyền lập hiến, lập pháp?

A. Quốc Hội. B. Chủ tịch nước. C. Chính phủ. D. Chủ tịch nước.

Câu 2. Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hoặc làm Hiến pháp mới là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

A. Lập hiến. B. Lập pháp. C. Giám sát. D. Hành pháp.

Câu 3. Làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản áp dụng pháp luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

A. Lập hiến. B. Lập pháp. C. Giám sát. D. Hành pháp.

Câu 4. Quyết định những vấn đề cơ bản về đối nội, đối ngoại của đất nước là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

A. Giám sát tối cao các hoạt động. B. Ban hành và sửa đổi luật.
C. Quyết định các vấn đề quan trọng. D. Quản lý mọi mặt đời sống.

Câu 5. Theo quy định của pháp luật, cơ quan nào sau đây thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp?

A. Quốc hội. B. Chủ tịch nước. C. Chính phủ. D. Chủ tịch nước.

Câu 6. Quốc hội tổ chức các kỳ họp công khai, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo

A. đa số. B. mệnh lệnh. C. cấp trên. D. ủy quyền.

Câu 7. Chủ thể nào dưới đây thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân?

A. Chủ tịch nước. B. Chủ tịch Quốc hội.
C. Thủ tướng chính phủ. D. Tổng bí thư.

Câu 8. Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền ban hành quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước?

A. Thủ tướng chính phủ. B. Chủ tịch Quốc hội.
C. Tổng bí thư. D. Chủ tịch nước.

Câu 9. Cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

A. Chủ tịch nước. B. Quốc hội. C. Chính phủ. D. Đoàn thanh niên

Câu 10. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Kiểm sát.

Câu 11. Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo

A. đa số. B. mệnh lệnh. C. cấp trên. D. ủy quyền.

Câu 12. Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ?

A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Kiểm sát.

Câu 13. Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ ban hành chính sách, kế hoạch cụ thể theo thẩm quyền của Chính phủ; ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách, văn hoá do Quốc hội ban hành là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ?

A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Kiểm sát.

Câu 14. Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ thiết lập trật tự hành chính, thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia trên cơ sở các quy định của pháp luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ?

A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Kiểm sát.

Câu 15. Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ tổ chức thực hiện pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chính sách bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thống nhất quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ?

A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Kiểm sát.

Câu 16. Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ ban hành các văn bản dưới luật để thực thi các chủ trương, chính sách là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ?

A. Hành pháp. B. Tư pháp. C. Lập pháp. D. Giám sát.

Câu 17. Quốc hội là cơ quan có quyền thông qua sửa đổi bổ sung Hiến Pháp, thông qua, sửa đổi, bổ sung các luật là thể hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

A. Quản lý đời sống. B. Thanh tra nhà nước.

C. Lập pháp. D. Giám sát.

Câu 18. Theo quy định của pháp luật, căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, chủ thể nào dưới đây có thẩm quyền ban hành quyết định đặc xá hoặc công bố đại xá?

A. Chủ tịch Quốc hội. B. Tổng bí thư.

C. Thủ tướng chính phủ. D. Chủ tịch nước.

Câu 19. Việc các cơ quan chuyên môn của chính phủ đề xuất, xây dựng chính sách vĩ mô, đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội trình Quốc hội, trình dự thảo luật trước Quốc hội là thể hiện chức năng nào dưới đây của chính phủ?

A. Hành pháp. B. Lập pháp.

C. Tư pháp. D. Tham vấn.

Câu 20. Xét về mặt cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **không** bao gồm cơ quan, tổ chức nào dưới đây?

A. Tòa án. B. Hội Hữu nghị.

C. Quốc hội. D. Chủ tịch nước.

Câu 21. Xét về mặt tổ chức, Thanh tra chính phủ là cơ quan

A. dưới bộ B. sau bộ. C. ngang bộ. D. trên bộ

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc thông tin sau:

Cũng trong nhiệm kỳ 2016-2021, Chủ tịch nước đã thực hiện nghiêm quy trình giới thiệu nhân sự đề nghị Quốc hội miễn nhiệm chức vụ và bầu giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đề nghị Quốc hội miễn nhiệm và phê chuẩn Phó chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng – an ninh. Căn cứ các nghị quyết của Quốc hội, Chủ tịch nước đã ký quyết định bổ nhiệm 5 Phó thủ tướng, 21 Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021.

A. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số đại biểu Quốc hội. Đúng

B. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Chính phủ. Sai

C. Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước nên có nhiệm kỳ dài nhất. Sai

D. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Đúng.

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số đại biểu Quốc hội
B	Sai	Chủ tịch nước chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Quốc hội
C	Sai	Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội

D	Đúng	Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội
---	------	---

Câu 2. Đọc thông tin sau:

Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Chính phủ. Với vai trò là người đứng đầu Chính phủ, Thủ tướng có những quyền hạn: triệu tập, chủ tọa phiên họp Chính phủ, quy định chế độ làm việc của Thủ tướng với các thành viên Chính phủ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; lãnh đạo công tác của Chính phủ, thành viên của Chính phủ, thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND các cấp; đề nghị hoặc bãi bỏ các Bộ, cơ quan ngang bộ; trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức đối với phó thủ tướng, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

- A. Chính phủ là cơ quan cao nhất trong bộ máy nhà nước. Sai
 B. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu nhà nước. Sai
 C. Bộ và cơ quan ngang bộ là các thành viên của Chính phủ. Đúng
 D. Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất
B	Sai	Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ
C	Đúng	Bộ và cơ quan ngang bộ là các thành viên của Chính phủ
D	Đúng	Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ

Câu 3. Đọc thông tin sau:

Tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, ngày 22-11-2017, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 52/2017/QH14, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020. Tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đã thông qua 07 luật. Vào ngày 27-7-2021, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, Nghị quyết nêu rõ mục tiêu tổng quát là bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 – 2020.

- A. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền làm luật, xây dựng luật. Đúng
 B. Quốc hội có quyền quyết định những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đúng
 C. Những văn luật do Quốc hội ban hành được áp dụng cho một đối tượng nhất định. Sai
 D. Quyền làm luật, xây dựng luật là một trong những chức năng của nhà nước. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền làm luật, xây dựng luật. Điều này thể hiện quyền lập pháp, hành pháp của Quốc hội

B	Đúng	Thể hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước của Quốc hội
C	Sai	Những văn luật do Quốc hội ban hành được áp dụng đối với tất cả mọi người.
D	Sai	Quyền làm luật, xây dựng luật là một trong những chức năng của Quốc hội

Câu 4. Đọc thông tin sau:

Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết về Chương trình giám sát và thành lập 2 đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội năm 2022. Theo đó, bên cạnh các hoạt động giám sát tối cao theo quy định (xem xét báo cáo của các cơ quan, chất vấn và trả lời chất vấn, xem xét kiến nghị giám sát...), Quốc hội sẽ tiến hành giám sát tối cao chuyên đề “Việc thực hành chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch được ban hành” tại kỳ họp thứ 3 và “Việc thực hiện chính sách và pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2020” tại kỳ họp thứ 4.

- A. Nhà nước giám sát tối cao việc tuân theo luật, nghị quyết của Quốc hội. Sai
 B. Quốc hội có quyền giám sát tối cao hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Đúng
 C. Việc giám sát của Quốc hội có nhiều hình thức thực hiện khác nhau. Đúng
 D. Quốc hội chỉ được giám sát tối cao khi cơ quan nhà nước cho phép. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Quốc hội giám sát tối cao việc tuân theo luật, nghị quyết của Nhà nước
B	Đúng	Quốc hội có quyền giám sát tối cao hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước
C	Đúng	Việc giám sát của Quốc hội có nhiều hình thức thực hiện khác nhau
D	Sai	Quốc hội có quyền giám sát tối cao hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước

Câu 5. Đọc thông tin sau:

Tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, ngày 22-11-2017, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 52/2017/QH14, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 – 2020. Tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đã thông qua 07 luật. Vào ngày 27-7-2021, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, Nghị quyết nêu rõ mục tiêu tổng quát là bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 – 2020.

- A. Quốc hội chỉ được quyết định mục tiêu, chính sách phát triển đất nước trong thời gian ngắn hạn. Sai
 B. Những văn bản luật được xây dựng sẽ được áp dụng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đúng

- C. Quốc hội quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng biểu quyết. Đúng
- D. Các kỳ họp của Quốc hội được diễn ra hàng tháng. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước trong thời gian ngắn hạn, trung hạn, dài hạn
B	Đúng	Những văn bản luật được xây dựng sẽ được áp dụng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội
C	Đúng	Quốc hội quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng biểu quyết. Đây là hoạt động của Quốc hội
D	Sai	Quốc hội họp thường lệ mỗi năm hai kỳ

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

1. Cơ quan nào thực hiện quyền lập hiến và quyền lập pháp ở nước ta?

Trả lời: Quốc hội

2. Quốc hội họp thường lệ mỗi năm....

Trả lời: hai kỳ

3. Người đứng đầu và thay mặt nhà nước về đối nội, đối ngoại là ai?

Trả lời: Chủ tịch nước

4. Theo quy định của pháp luật, người có thẩm quyền công bố hiến pháp, luật, pháp lệnh là ai?

Trả lời: Chủ tịch nước

5. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN là...

Trả lời: Chính phủ

6. Người đứng đầu Chính phủ là...

Trả lời: thủ tướng chính phủ

IV. TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện quyền

- A. tư pháp B. lập pháp C. lập hiến D. công tố

Câu 2. Theo quy định của pháp luật, việc Viện kiểm sát tiến hành hoạt động khởi tố hành vi vi phạm pháp luật là thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Kiểm tra hành chính nhà nước. B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.
C. Hành pháp. D. Tư pháp

Câu 3. Theo quy định của pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện đề buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Kiểm tra hành chính nhà nước. B. Kiểm tra hoạt động tư pháp.
C. Củng cố quyền hành pháp. D. Thực hành quyền công tố.

Câu 4. Theo quy định của pháp luật, mỗi tòa án có một cơ cấu riêng và được tổ chức độc lập theo

- A. thẩm quyền xét xử. B. cơ cấu lãnh đạo.
C. cơ quan ngang bộ. D. địa bàn quản lý.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện đặc điểm trong hoạt động xét xử của TAND?

- A. Xét xử công khai.
- B. Xét xử tập thể.
- C. Quyết định theo đa số.
- D. Kháng nghị trước phiên tòa.

Câu 6. Trong quá trình xét xử các vụ án, tòa án nhân dân làm việc độc lập và chỉ tuân theo

- A. pháp luật.
- B. thủ tướng.
- C. Chủ tịch nước.
- D. Quốc hội.

Câu 7. Việc các cơ quan tư pháp thay mặt nhà nước tiến hành việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Thực hành quyền công tố.
- B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
- C. Giám sát mọi hoạt động.
- D. Kiểm soát cơ quan xét xử.

Câu 8. Theo quy định của pháp luật, việc các cơ quan tư pháp tiến hành truy tố bị can ra trước tòa là thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Thực hành quyền công tố.
- B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
- C. Giám sát mọi hoạt động.
- D. Kiểm soát cơ quan xét xử.

Câu 9. Khởi tố vụ án và điều tra, xác minh bị can là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Kiểm toán nhà nước.
- D. Hội đồng xét xử.

Câu 10. Khởi tố bị can là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Kiểm toán nhà nước.
- D. Hội đồng xét xử.

Câu 11. Truy tố bị can ra trước tòa là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Kiểm toán nhà nước.
- D. Hội đồng xét xử.

Câu 12. Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước tòa bằng cách công bố bản cáo trạng là hoạt động tư pháp của cơ quan nào dưới đây?

- A. Viện kiểm sát nhân dân.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Kiểm toán nhà nước.
- D. Hội đồng xét xử.

Câu 13. Hoạt động của Viện kiểm sát tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp là thực hiện chức năng nào dưới đây?

- A. Thực hành quyền công tố.
- B. Kiểm sát hoạt động tư pháp.
- C. Giám sát mọi hoạt động.
- D. Kiểm soát cơ quan xét xử.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc thông tin sau:

Mối quan hệ giữa chức năng thực hành quyền công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp còn được thể hiện và bảo đảm bằng quan hệ giữa Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan Nhà nước khác do pháp luật quy định. Khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó có kiểm sát hoạt động điều tra của cơ quan điều tra, kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án, Viện kiểm sát cũng phải chịu sự kiểm soát lại từ phía Cơ quan điều tra và Tòa án. Cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp giữa Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra và Tòa án đã tồn tại trong Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân và các thông tư liên tịch về mối quan hệ phối hợp giữa

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Công an trong việc thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- A. Viện Kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát hoạt động tư pháp của cơ quan xét xử. Đúng
- B. Viện Kiểm sát là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Sai
- C. Viện kiểm sát chịu sự kiểm soát của cơ quan điều tra theo luật định. Đúng
- D. Tòa án nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Viện Kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát hoạt động tư pháp của cơ quan xét xử. Đây là chức năng của VKS
B	Sai	Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố
C	Đúng	Viện kiểm sát chịu sự kiểm soát của cơ quan điều tra theo luật định
D	Sai	Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp

Câu 2. Đọc thông tin sau:

Điều 102 Hiến pháp 2013 khẳng định: “Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Nhờ đó, Tòa án có sự chủ động, chứ không thụ động, thuần túy áp dụng những luật pháp thực định để bảo đảm và bảo vệ quyền cơ bản của công dân. Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020, Đảng ta đã khẳng định: “Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm” và mục tiêu cơ bản và xuyên suốt của Chiến lược là: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý”.

- A. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nhà nước ta. Đúng
- B. Tòa án chỉ tổ chức xét xử các vụ án trọng điểm để nêu gương. Sai
- C. Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ công lý nên bản án của tòa án luôn đúng, không bao giờ được hủy. Sai
- D. Mọi phán xét của tòa án phải căn cứ theo quy định riêng của từng cấp xét xử. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nhà nước ta
B	Sai	Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nhà nước ta, xét xử các vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức...
C	Sai	Những bản án được xét xử chưa đúng, người dân có quyền kháng cáo

D	Sai	Mọi phán xét của tòa án phải căn cứ theo quy định của pháp luật
---	-----	---

Câu 3. Đọc thông tin sau:

Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Y có niêm yết công khai bản án hình sự của tòa án nhân dân tỉnh M do bị can vắng mặt tại phiên tòa. Bản án kết luận về tội trạng của A được dư luận đồng tình, họ cho rằng Tòa án xử như vậy là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Mẹ của A là bà B sau khi nhận bản án, tâm sự với bà H: “Em nhận được bản án mà buồn lắm chị ạ. Nhưng mà Tòa án xử vậy là đúng người, đúng tội, có khoan hồng với cháu vậy mà cháu nhà em bây giờ nó đòi không chấp hành bản án chị ạ”.

- A. Chức năng chính của Tòa án nhân dân là xét xử. Đúng
- B. Công dân không nhất thiết phải chấp hành bản án của Tòa án. Sai
- C. Bản án của Tòa án nhằm chấm dứt mọi quyền công dân của người vi phạm. Sai
- D. Tòa án nhân dân không tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nhà nước ta
B	Sai	Chấp hành bản án của Tòa án là nghĩa vụ của công dân
C	Sai	Bản án của Tòa án nhằm chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật, giáo dục pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức
D	Sai	Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử

Câu 4. Đọc thông tin sau:



Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức Tòa án nhân dân Việt Nam



Hình 1. Một phiên xét xử của Tòa án nhân dân

- A. Tòa án nhân dân được phân chia thành các cấp. Đúng
- B. Người dân có thể nộp đơn ở bất kỳ tòa án nào để yêu cầu giải quyết những vấn đề của mình. Sai
- C. Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Đúng

D. Mỗi tòa án được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Tòa án nhân dân được phân chia thành các cấp (như trong sơ đồ)
B	Sai	Tòa án nhân dân được phân chia thành các cấp nên khi cần người dân cần nộp đơn ở tòa án phù hợp để giải quyết vấn đề của bản thân
C	Đúng	Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Đây là hoạt động của Tòa án
D	Đúng	Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử. Đây là hoạt động của Tòa án

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

1. Cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là...

Trả lời: toà án nhân dân

2. Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội là thể hiện chức năng nào của Viện kiểm sát nhân dân?

Trả lời: thực hành quyền công tố

3. Kiểm tra tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp là thể hiện chức năng nào của Viện kiểm sát nhân dân?

Trả lời: kiểm sát hoạt động tư pháp.

4. Người bị khởi tố hình sự theo quyết định khởi tố bị can của cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát là...

Trả lời: bị can

5. Người đã bị tòa án quyết định đưa ra xét xử là...

Trả lời: bị cáo

V. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và

A. cán bộ chuyên trách.

B. cơ quan nhà nước cấp trên.

C. lãnh đạo phụ trách chuyên môn.

D. cơ quan đoàn thể.

Câu 2. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương chịu trách nhiệm trước

A. lãnh đạo địa phương.

B. nhân dân địa phương

C. cán bộ chuyên trách.

D. cơ quan đoàn thể.

Câu 3. Hội đồng nhân dân cấp huyện (thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) **không** quyết định vấn đề nào dưới đây?)

A. Đấu tranh phòng chống tội phạm.

B. Đảm bảo an ninh – trật tự.

C. Sửa đổi các văn bản luật.

D. Bảo vệ tài sản cơ quan.

Câu 4. Hội đồng nhân dân cấp xã (phường) **không** quyết định vấn đề nào dưới đây?

A. Bài trừ tệ nạn xã hội.

B. Thực hiện nghị quyết của cấp trên.

C. Thay đổi địa giới hành chính.

D. Bảo đảm an sinh trên địa bàn.

Câu 5. Hội đồng nhân dân địa phương không có thẩm quyền quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Đề xuất biện pháp phát triển kinh tế. B. Tiếp xúc cử tri trong địa bàn.
C. Mở rộng diện tích biên giới lãnh thổ. D. Giám sát việc tuân theo hiến pháp.

Câu 6. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân là

- A. hội đồng nhân dân. B. ủy ban nhân dân.
C. cơ quan đoàn thể. D. mặt trận tổ quốc.

Câu 7. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là

- A. hội đồng nhân dân. B. ủy ban nhân dân.
C. cơ quan giám sát. D. mặt trận tổ quốc.

Đọc thông tin để trả lời câu hỏi

Ủy ban nhân dân quận A, thành phố H tổ chức phiên họp thành viên Ủy ban tháng 11 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chủ trì. Phiên họp tập trung đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quận, các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 11 tháng và phương hướng, nhiệm vụ cần thực hiện trong năm tới. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận yêu cầu các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường triển khai các nhiệm vụ: hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, tiếp tục thực hiện các chỉ đạo về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận, quản lý trật tự đô thị, thực hiện các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội.

Câu 8. Hoạt động của ủy ban nhân dân quận A được thực hiện thông qua

- A. phiên họp. B. nghị quyết. C. chỉ đạo. D. văn bản.

Câu 9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân **không** quyết định vấn đề nào dưới đây của địa phương?

- A. Bài trừ tệ nạn xã hội. B. Thực hiện nghị quyết của cấp trên.
C. Thay đổi địa giới hành chính. D. Bảo đảm an sinh trên địa bàn.

Đọc thông tin để trả lời câu hỏi

Chiều ngày 15/7/2021, HĐND tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đã khai mạc kỳ họp thứ 2 để xem xét, quyết định một số nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền về chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính sách nhằm hoàn thành các nhiệm vụ năm 2021 và cả nhiệm kỳ. Tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân sẽ xem xét, quyết định một số nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 cũng như hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021. Ngoài ra, tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định ban hành chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng – an ninh ở các xã, thôn, bản, vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Câu 10. Hội đồng nhân dân đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của nhân dân và là cơ quan

- A. quyền lực nhà nước ở địa phương. B. hành chính nhà nước ở địa phương.
C. tổ chức thi hành hiến pháp. D. đảm bảo nguyên tắc dân chủ.

Câu 11. Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định các vấn đề quan trọng của

- A. địa phương. B. quốc gia. C. khu vực. D. vùng miền.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1. Đọc thông tin sau:

Dự kiến kỳ họp thứ 4, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVIII sẽ diễn ra từ ngày 07 – 09/12/2021. Tại kỳ họp, thường trực, các ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các ngành liên quan sẽ trình kỳ họp xem xét 30 báo cáo, trong đó dự kiến trình bày trực tiếp 7 báo cáo. Thường trực HĐND, UBND tỉnh dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua 37 Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh, trong đó thường trực HĐND tỉnh chuẩn bị và trình 5 dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh chuẩn bị và trình 32 dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra sẽ có các Nghị quyết về công tác thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh.

- A. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Đúng
B. Hoạt động của hội đồng nhân dân được đảm bảo bằng các nghị quyết. Sai
C. Hội đồng nhân dân thực quyền lập hiến, lập pháp ở địa phương. Sai
D. Hội đồng nhân dân các cấp đều có tổ chức cơ quan chuyên môn. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp
B	Sai	Hoạt động của hội đồng nhân dân được đảm bảo bằng các kỳ họp
C	Sai	Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương
D	Đúng	Hội đồng nhân dân các cấp đều có tổ chức cơ quan chuyên môn (cơ cấu tổ chức của HĐND)

Câu 2. Đọc thông tin sau:

Chiều ngày 15/7/2021, HĐND tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đã khai mạc kỳ họp thứ 2 để xem xét, quyết định một số nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền về chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính sách nhằm hoàn thành các nhiệm vụ năm 2021 và cả nhiệm kỳ. Tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân sẽ xem xét, quyết định một số nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 cũng như hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021. Ngoài ra, tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định ban hành chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng – an ninh ở các xã, thôn, bản, vùng đồng bào dân tộc miền núi, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

- A. Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ phải chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương. Sai
B. Hoạt động của hội đồng nhân dân được đảm bảo bằng các kỳ họp. Đúng
C. Hội đồng nhân dân chỉ được quyết định các vấn đề ở địa phương theo luật định. Đúng
D. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Hội đồng nhân dân tỉnh phải chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên
B	Đúng	Hoạt động của hội đồng nhân dân được đảm bảo bằng các kỳ họp
C	Đúng	Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương

D	Đúng	Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết
---	------	---

Câu 3. Đọc thông tin sau:

Kì họp được coi là hình thức hoạt động quan trọng nhất của Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân họp thường lệ mỗi năm ít nhất hai kì và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân có thể họp kín. Tại kì họp, Hội đồng nhân dân bàn bạc, xem xét các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kì họp, thảo luận tập thể, quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng thuộc nhiệm vụ, quyền hạn và thực hiện chức năng giám sát. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

- A. Hội đồng nhân dân chỉ phải chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương. Sai
 B. Hoạt động của hội đồng nhân dân được đảm bảo bằng các kỳ họp. Đúng
 C. Hội đồng nhân dân chỉ được quyết định các vấn đề ở địa phương theo luật định. Đúng
 D. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Hội đồng nhân dân phải chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên
B	Đúng	Hoạt động của hội đồng nhân dân được đảm bảo bằng các kỳ họp
C	Đúng	Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương
D	Đúng	Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề bằng hình thức biểu quyết

Câu 4. Đọc thông tin sau:

Ngày 10 - 8 - 2020, uỷ ban nhân dân tỉnh X đã có công văn số 967/UBND-KT triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07 - 7 - 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2020 - 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và đề nghị các cơ quan Đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh kịp thời phổ biến, quán triệt, triển khai nội dung của Nghị quyết.

- A. Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Đúng
 B. Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện nghị quyết của ủy ban nhân dân. Sai
 C. Công văn của Ủy ban nhân dân là văn bản quy phạm pháp luật. Sai
 D. Ủy ban nhân dân là cơ quan thực thi pháp luật tại địa phương. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp
B	Sai	Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng nhân dân
C	Sai	Công văn của Ủy ban nhân dân không phải là văn bản quy phạm pháp luật
D	Đúng	Ủy ban nhân dân là cơ quan thực thi pháp luật tại địa phương

Câu 5. Đọc thông tin sau:

Ngày 10 - 8 - 2020, ủy ban nhân dân tỉnh X đã có công văn số 967/UBND-KT triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07 - 7 - 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2020 - 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đề nghị các cơ quan Đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh kịp thời phổ biến, quán triệt, triển khai nội dung của Nghị quyết.

- A. Hội đồng nhân dân là cơ quan chấp hành của ủy ban nhân dân cùng cấp. Sai
B. Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện nghị quyết của ủy ban nhân dân. Sai
C. Nghị quyết của hội đồng nhân dân là văn bản áp dụng pháp luật. Sai
D. Ủy ban nhân dân các cấp đều có tổ chức cơ quan chuyên môn. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Sai	Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp
B	Sai	Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện nghị quyết của hội đồng nhân dân
C	Sai	Nghị quyết của hội đồng nhân dân là văn bản pháp luật
D	Đúng	Ủy ban nhân dân các cấp đều có tổ chức cơ quan chuyên môn (cơ cấu tổ chức của UBND)

Câu 6. Đọc thông tin sau:

Kì họp được coi là hình thức hoạt động quan trọng nhất của Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân họp thường lệ mỗi năm ít nhất hai kì và họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân có thể họp kín. Tại kì họp, Hội đồng nhân dân bàn bạc, xem xét các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kì họp, thảo luận tập thể, quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng thuộc nhiệm vụ, quyền hạn và thực hiện chức năng giám sát. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

- A. Hội đồng nhân dân do nhân dân địa phương bầu ra. Đúng
B. Hội đồng nhân dân là cơ quan chấp hành của ủy ban nhân dân. Sai
C. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm hai kỳ chính. Đúng
D. Đại biểu Hội đồng nhân dân không biểu quyết tại phiên họp là vi phạm pháp luật. Sai

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Hội đồng nhân dân do nhân dân địa phương bầu ra
B	Sai	Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân
C	Đúng	Hội đồng nhân dân họp mỗi năm hai kỳ chính (hoạt động của HĐND)
D	Sai	Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết tại phiên họp

Câu 7. Đọc thông tin sau:

Em hãy quan sát sơ đồ sau để trả lời câu hỏi:



- A. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Đúng
 B. Đại biểu hội đồng nhân dân do cử tri địa phương bầu ra. Đúng
 C. Thường trực Hội đồng nhân dân có cơ cấu tổ chức là các ban của hội đồng nhân dân. Sai
 D. Hội đồng nhân dân được tổ chức ở các cấp theo đơn vị hành chính nhà nước. Đúng

Phương án	Đáp án	Giải thích
A	Đúng	Hội đồng nhân dân do nhân dân địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
B	Đúng	Đại biểu hội đồng nhân dân do cử tri địa phương bầu ra
C	Sai	Thường trực Hội đồng nhân dân có cơ cấu tổ chức là Chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch HĐND, ủy viên
D	Đúng	Hội đồng nhân dân được tổ chức ở các cấp theo đơn vị hành chính nhà nước (3 cấp)

PHẦN III. Câu trả lời ngắn

1. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương là...

Trả lời: hội đồng nhân dân

2. Hội đồng nhân dân đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của người dân và do ai bầu ra?

Trả lời: nhân dân địa phương

3. Ủy ban nhân dân các cấp do cơ quan nào bầu ra?

Trả lời: hội đồng nhân dân cùng cấp

4. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là...

Trả lời: ủy ban nhân dân

5. Ủy ban nhân dân gồm những cấp nào?

Trả lời: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

Bài :

KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1: Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước là

- A. pháp luật. B. thỏa thuận. C. hương ước. D. quyết định.

Câu 2: Ở nước ta hiện nay thì văn bản luật có hiệu lực pháp lí cao nhất là

- A. hiến pháp. B. chỉ thị. C. thông tư. D. nghị quyết.

Câu 3: Theo quy định, ở nước ta hiện nay pháp luật do cơ quan nào sau đây ban hành?

- A. Tòa án. B. Quốc hội. C. Nhà nước. D. Viện kiểm soát.

Câu 4: Việc nhà nước ban hành các quy phạm pháp luật được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính công khai, dân chủ. B. Tính quy phạm phổ biến.
C. Tính chặt chẽ về nội dung D. Tính kỉ luật và nghiêm minh.

Câu 5: Tất cả các văn bản luật đều phải phù hợp, không được trái với Hiến pháp. Nội dung của văn bản do cơ quan cấp dưới ban hành không được trái với nội dung văn bản do cơ quan cấp trên ban hành là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính xác định cụ thể về mặt nội dung. B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
C. Tính giáo dục, cưỡng chế chung. D. Tính thuyết phục răn đe của pháp luật.

Câu 6: Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp tố tụng và tạm giữ hình sự đối với anh A là lao động tự do và anh B là giám đốc một doanh nghiệp tư nhân về hành vi tổ chức, tham gia cá độ bóng đá là thể hiện đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính đa nghĩa, phi lợi nhuận. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.
C. Tính phân cấp, được bảo mật. D. Tính đồng thuận, tự phán quyết.

Câu 7: Anh V là chủ một đại lí thu mua nông sản, anh D là chủ một cửa hàng chế biến thức ăn nhanh. Cơ sở kinh doanh của anh D và anh V luôn tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường là thể hiện đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính khái quát về thuật ngữ. B. Tính bảo mật của văn bản.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính đa nghĩa về nội dung.

Câu 8: Anh V là chủ một đại lí bán đồ bảo hộ lao động, chị K là chủ một thẩm mỹ viện. Cơ sở kinh doanh của chị K và anh V luôn kê khai và nộp thuế đầy đủ theo quy định là thể hiện đặc trưng nào sau đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính khái quát về thuật ngữ.
C. Tính bảo mật tuyệt đối. D. Tính đa nghĩa về nội dung.

Câu 9: Vai trò của pháp luật đối với công dân được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Bảo vệ tất cả các lợi ích của công dân.
B. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân.
C. Bảo vệ mọi lợi ích tuyệt đối của công dân.
D. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Câu 10: Ở nước ta hiện nay, nhà nước sử dụng phương tiện nào sau đây để quản lí xã hội một cách dân chủ và hiệu quả nhất?

A. giáo dục. B. đạo đức. C. pháp luật. D. kế hoạch.

Câu 11: Công trình xây dựng K không tuân thủ các quy định về an toàn lao động nên đã xảy ra sự cố sập giàn giáo làm ba công nhân tử vong. Cơ quan Cảnh sát điều tra quận X, nơi xảy ra vụ tai nạn trên đã khởi tố hình sự đối với chủ đầu tư công trình K. Việc làm của Cảnh sát quận X đã thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính nghiêm khắc của pháp luật.
C. Tính đặc thù về mặt nội dung. D. Tính giáo dục phổ biến pháp luật.

Câu 12: Cục thông tin và truyền thông đã ra quyết định xử phạt việc chị A có hành vi đăng tải lên trang cá nhân những thông tin không chính xác về dịch bệnh Covid 19, gây hoang mang cho nhân dân. Việc làm của cục thông tin và truyền thông thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính chặt chẽ về hình thức. B. Tính kỉ luật và nghiêm minh.
C. Tính quyền lực, bắt buộc chung. D. Tính răn đe phổ biến của pháp luật.

Câu 13: Sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh mục các bộ sách giáo khoa lớp 10, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh X đã ra các quyết định chỉ đạo các trường THPT trên địa bàn tỉnh triển khai công tác lựa chọn sách theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. B. Tính nghiêm khắc của pháp luật.
C. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung. D. Tính phù hợp thực tiễn xã hội.

Câu 14: Trong một thời gian dài, do tình hình dịch bệnh Covid 19 đang diễn biến hết sức phức tạp, Chính phủ đã có công văn chỉ đạo các tỉnh trên cả nước xử lý nghiêm các hoạt động đưa đón người vượt biên trái phép vào Việt Nam. Việc làm này đã thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính giáo dục trực tiếp của pháp luật.
C. Tính đe dọa và bắt buộc chung. D. Tính nghiêm minh của Chính phủ.

Câu 15. Trên cơ sở quy định pháp luật về trật tự an toàn đô thị, các đội trật tự của các phường trong quận H đã yêu cầu mọi người không được bán hàng trên vỉa hè để đảm bảo văn minh đô thị. Trong trường hợp này, pháp luật đã thể hiện vai trò là

- A. công cụ quản lí đô thị hữu hiệu.
B. hình thức cưỡng chế người vi phạm.
C. phương tiện đảm bảo trật tự đường phố.

D. phương tiện Nhà nước quản lí xã hội.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc xuất hiện có dấu hiệu vi phạm hoạt động chế biến thực phẩm tại nhà hàng X do bà H làm chủ, ông D cán bộ cơ quan có thẩm quyền đã thành lập đoàn thanh tra đột xuất đối với toàn bộ quy trình chế biến và tiêu thụ tại cửa hàng của bà H. Trong quá trình thanh tra, cơ quan chức năng đã phát hiện bà H chủ nhà hàng X có hành vi sử dụng một số thực phẩm không có nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm đã hết

hạn sử dụng để chế biến thực phẩm cho khách dẫn đến một khách hàng là anh M bị ngộ độc phải nhập viện điều trị nhiều ngày. Ngay sau đó, ông D đã tiến hành lập biên bản xử phạt và thu hồi giấy phép kinh doanh của bà H

- A. Bà H là chủ thể sản xuất với quy mô nhỏ nên không có nghĩa vụ phải chấp hành các quy định của pháp luật.
- B. Ông D đã làm tốt vai trò của chủ thể nhà nước trong việc quản lí nhà nước đối với hoạt động kinh doanh
- C. Việc xử phạt của cơ quan chức năng thể hiện tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.
- D. Anh M có quyền khởi kiện để yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại cho bản thân mình.

Phương án	Trả lời	Giải thích
A	Sai	Mọi chủ thể sản xuất kinh doanh dù quy mô lớn hay nhỏ đều phải có nghĩa vụ chấp hành các quy định của pháp luật
B	Đúng	Cơ quan chức năng đã làm tốt vai trò thanh tra các hoạt động kinh doanh, xử phạt kịp thời các hành vi vi phạm
C	Đúng	Việc xử phạt được áp dụng đối với tất cả các chủ thể sản xuất có hành vi vi phạm.
D	Đúng	Mọi công dân nếu bị xâm phạm tới lợi ích hợp pháp đều có quyền yêu cầu bồi thường theo quy định, nếu không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện ra tòa theo quy định.

Câu 2: Sau khi tốt nghiệp đại học, chị V và anh B cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh nhà hàng nội thất. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, ông M là cán bộ cơ quan chức năng đã cấp phép cho anh B, còn hồ sơ của chị V do còn thiếu một số giấy tờ nên chưa được cấp. Nghi ngờ ông M nhận hối lộ, chị V viết bài xúc phạm ông M lên mạng xã hội khiến uy tín của ông bị giảm sút nghiêm trọng nên chị V bị cơ quan chức năng xử phạt.

- A. Việc ông M là cán bộ cơ quan chức năng căn cứ vào các quy định của pháp luật đã cấp phép kinh doanh cho anh B thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật
- B. Ông M có quyền yêu cầu chị V phải xin lỗi và bồi thường thiệt hại cho mình.
- C. Việc xử phạt chị V của cơ quan chức năng thể hiện tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.
- D. Hành vi viết bài xúc phạm ông M lên mạng xã hội của chị V đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M.

Phương án	Trả lời	Giải thích
A	Đúng	Mọi chủ thể sản xuất kinh doanh dù quy mô lớn hay nhỏ đều phải có nghĩa vụ chấp hành các quy định của pháp luật
B	Đúng	Mọi công dân nếu bị xâm phạm tới lợi ích hợp pháp đều có quyền yêu cầu bồi thường theo quy định, nếu không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện ra tòa theo quy định
C	Đúng	Việc xử phạt được áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật
D	Đúng	Đó là quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm

Câu 3: Chiều 19.10, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP.HCM khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với T về tội "gây rối trật tự công cộng" theo điều 318 bộ luật Hình sự. Đồng thời, Cơ quan CSĐT ra quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam Đ là người dạy lái mô tô T về tội "sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "gây rối trật tự công cộng" theo điều 341, 318 bộ luật Hình sự. Công an TP.HCM xác định, mặc dù không có giấy phép lái xe mô tô hạng A2, nhưng vào tháng 9 và tháng 10.2023, T đã cùng với Đ tổ chức, thực hiện hành vi "biểu diễn" với các động tác lái xe nguy hiểm, tư thế phản cảm, không mặc đồ bảo hộ, nằm, quỳ gối trên yên xe, thả 2 tay lái mô tô trên đường...Các lần "biểu diễn" trên, T đều cho quay phim lại để đăng các clip lên các tài khoản cá nhân trên nền tảng mạng xã hội như TikTok và nhận được nhiều lượt thích. Các clip có ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức, lối sống và văn hóa ứng xử của giới trẻ, đặc biệt đây là tài khoản mạng xã hội được hàng triệu người theo dõi. Quá trình điều tra, xe mô tô mang biển kiểm soát 59A3-115.88 nhãn hiệu BMW, thì Đ đã xuất trình giấy chứng nhận đăng ký xe là giả. Đ thừa nhận mặc dù biết là giả, nhưng vì thấy xe này có giá rẻ nên vẫn cố ý mua về sử dụng. Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo T 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội gây rối trật tự công cộng, tuyên phạt Đ 1 năm tù về tội gây rối trật tự công cộng, 6 tháng tù về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, tổng hợp hình phạt là 1 năm 6 tháng tù.

- A. T và Đ đã có hành vi vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của người khác trên mạng xã hội.
- B. Hội đồng xét xử xử phạt T và Đ thể hiện tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật
- C. Thông qua việc xử phạt người vi phạm, pháp luật thể hiện vai trò quản lý xã hội của nhà nước.

D. T và Đ vi phạm pháp luật là do sự thiếu hiểu biết về pháp luật, hình phạt trên chính là bài học sâu sắc cho các bị cáo.

Phương án	Trả lời	Giải thích
A	Sai	T và Đ đã có hành vi vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác, nêu gương xấu, gây mất trật tự an toàn xã hội.
B	Đúng	Việc xử phạt được áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật
C	Đúng	Việc xử lý hành vi vi phạm theo đúng quy định pháp luật là cần thiết để làm lành mạnh môi trường mạng xã hội
D	Đúng	Bản thân các bị cáo muốn ghi lại các kỉ niệm, muốn thử cảm giác mạo hiểm khi lái xe phân khối lớn và khoe lên mạng xã hội. Bị cáo đã biết ăn năn hối cải sau 3 tháng bị tạm giam.

Câu 4: Báo Tiền phong thông tin: hàng chục người nhập viện sau khi ăn bánh mì Phượng ở Hội An. Hầu hết các [bệnh nhân đều có triệu chứng sốt cao, nôn mửa, đau bụng](#), đi phân lỏng nhiều lần và kéo dài. Theo lời kể của các bệnh nhân, họ đều có ăn bánh mì Phượng. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Quảng Nam đã lập đoàn kiểm tra tiệm bánh mì Phượng ở TP. Hội An. Kết quả ban đầu, khu vực sơ chế chưa đảm bảo vệ sinh, chưa phân biệt giữa khu vực bảo quản nguyên liệu, thực phẩm, khu vực sơ chế, chế biến và khu vực khác. Quán không lưu bánh mì, sốt trứng gà tươi trong số lượng món ăn trong 1 ngày. Cơ sở này không có dụng cụ thu gom, chứa đựng rác thải, chất thải đảm bảo vệ sinh (thùng rác tại khu vực sơ chế, chế biến không có nắp đậy). Các dụng cụ sơ chế, chế biến chưa đảm bảo vệ sinh (máy xay thịt). [Thức ăn nghi ngờ gây ngộ độc](#) bao gồm bánh mì (pa tê, thịt xiu gồm thịt và nước, xiu mại, rau răm, rau húng, hành, xả lách, sốt trứng gà tươi (trứng gà + dầu ăn), dưa leo, đu đủ chua, chả heo). Ngày 11/9/2023, cơ sở này đã bán 1.920 ổ bánh mì. Chiều 13/9, của Cục An toàn Thực phẩm (Bộ Y tế) yêu cầu Sở Y tế Quảng Nam cần chỉ đạo tạm thời [đình chỉ hoạt động của cơ sở Bánh mì Phượng](#), kiểm tra điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở, truy xuất nguồn gốc, lấy mẫu thực phẩm nghi ngờ để xét nghiệm, điều tra xác định rõ căn nguyên vụ việc.

- A. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Quảng Nam đã lập đoàn kiểm tra tiệm bánh mì Phượng ở TP. Hội An thể hiện vai trò phương tiện quản lý xã hội của pháp luật
- B. Việc tạm thời [đình chỉ hoạt động của cơ sở Bánh mì Phượng](#) để điều tra làm rõ nguyên nhân ngộ độc tập thể là thể hiện tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.
- C. Việc tạm thời [đình chỉ hoạt động của cơ sở Bánh mì Phượng](#) đã gây ảnh hưởng đến quyền tự do kinh doanh của cơ sở này, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- D. Nạn nhân bị ngộ độc có thể kiện chủ tiệm bánh mì ra tòa để đòi lại quyền và lợi ích hợp pháp của mình

Phương án	Trả lời	Giải thích
A	Đúng	Vai trò quản lý hoạt động kinh doanh liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm
B	Đúng	Cơ sở kinh doanh vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm gây ngộ độc cần phải được điều tra làm rõ nguyên nhân sai phạm. Việc này là bắt buộc.
C	Sai	Việc tạm thời đình chỉ hoạt động là việc làm cần thiết nhằm tìm ra nguyên nhân vụ việc, cho các nạn nhân một câu trả lời.
D	Đúng	Mọi công dân nếu bị xâm phạm tới lợi ích hợp pháp (gây ảnh hưởng đến sức khỏe, làm gián đoạn kế hoạch du lịch) đều có quyền yêu cầu bồi thường theo quy định, nếu không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện ra tòa theo quy định

Câu 5: Những người dân sinh sống ở huyện Long Thành cho biết, thời điểm tháng 3/2023, sân bay Long Thành thi công gói thầu san nền cũng khiến bụi phát tán ảnh hưởng đến nhiều khu dân cư. Mỗi lần gió lên là bụi bay mù trời. Nhà cửa thì đóng tối ngày, đóng kín mà bụi vẫn vào. Mỗi ngày xịt rửa 3 lần mà không ăn thua. Không chỉ nhà dân, các công sở, trường học, nhà máy... nhìn từ trên cao, toàn bộ phần mái đều phủ một màu đỏ của bụi. Như Báo điện tử Xây dựng đã phản ánh, kết quả quan trắc của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai từ đầu mùa khô 2023 (tháng 11) đến nay cho thấy, ô nhiễm bụi khu vực thi công sân bay Long Thành vượt quy chuẩn quy định từ 1,24-2,98 lần. Bụi bẩn đã ảnh hưởng rất lớn đến các khu dân cư lân cận và giao thông đi lại của người dân. Liên quan đến tình trạng ô nhiễm bụi do quá trình thi công sân bay Long Thành giai đoạn 1, mới đây, chủ đầu tư Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) cho biết, đơn vị đã và đang triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục theo ý kiến của cơ quan chức năng. ACV đã chỉ đạo tư vấn giám sát thực hiện giám sát chặt chẽ việc vận chuyển của các phương tiện thiết bị tham gia thi công đảm bảo theo đúng các tuyến đường công vụ. Các trường hợp vi phạm sẽ bị đình chỉ và không cấp phép hoạt động trên công trường.

- A. Việc san lấp đất nền của sân bay Long Thành không thể hiện đúng trách nhiệm xã hội của chủ thể sản xuất
- B. Việc người dân phản ánh đến cơ quan chức năng thể hiện vai trò của pháp luật là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Các trường hợp vi phạm sẽ bị đình chỉ và không cấp phép hoạt động trên công trường thể hiện tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.
- D. Việc làm của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai và Tổng công ty hàng không Việt Nam thể hiện vai trò quản lý xã hội của pháp luật.

Phương án	Trả lời	Giải thích
-----------	---------	------------

A	Đúng	Gây ô nhiễm môi trường, chưa tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.
B	Đúng	Người dân có phản ánh thì cơ quan chức năng mới vào cuộc để điều tra, tìm hiểu sự thật để yêu cầu chủ thể vi phạm khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại
C	Đúng	Các xe vi phạm đều bị xử phạt
D	Đúng	Vai trò đánh giá tác động của ô nhiễm môi trường

PHẦN III. DẠNG CÂU HỎI NGẮN

Câu 1: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng (**quyền lực nhà nước**)

Câu 2: Pháp luật có 3 đặc điểm cơ bản là

(**tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực bắt buộc chung, tính xác định chặt chẽ về hình thức**)

Câu 3: Hệ thống các quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, nhiều nơi, đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm của pháp luật là

(**tính quy phạm phổ biến**)

Câu 4: Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền
..... tùy theo mức độ vi phạm

(**xử lý nghiêm minh**)

Câu 5: Nội dung của văn bản do cơ quan cấp dưới ban hành không được trái với nội dung của văn bản do cơ quan cấp trên ban hành. Nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được trái với Hiến pháp là thể hiện đặc điểm của pháp luật là

(**tính xác định chặt chẽ về hình thức**)

Câu 6: Nhờ có luật sư tư vấn nên việc khiếu nại về đất đai của gia đình ông B đã được giải quyết. Trường hợp này đã thể hiện pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ các.....

(**quyền và lợi ích hợp pháp của mình**)

Câu 7: Việc cơ quan có thẩm quyền lập biên bản và ra quyết định xử phạt anh V là công nhân xây dựng và chị A là chủ một cơ sở thẩm mỹ về hành vi điều khiển xe ô tô không có Giấy phép lái xe là thể hiện các đặc điểm của PL là tính

(**tính quy phạm phổ biến và tính quyền lực bắt buộc chung**)

Câu 14: Bạn G thắc mắc, tại sao mọi quy định trong Luật kinh doanh đều phù hợp với nội dung “Mọi công dân đều có quyền kinh doanh mọi ngành nghề pháp luật không cấm” trong Hiến pháp. Em sử dụng đặc điểm để giải thích cho bạn là tính

(**tính xác định chặt chẽ về hình thức**)

Bài 12:
HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

1) Nhận biết (6 câu)

Câu 1: Về cấu trúc, hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật và các

A. ngành luật. B. giá trị xã hội. C. giá trị đạo đức. D. văn bản.

Câu 2: Các quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định là nội dung khái niệm

A. quy phạm pháp luật. B. chế định pháp luật.
C. hệ thống pháp luật. D. thực hiện pháp luật.

Câu 3: Tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam là đề cập đến khái niệm nào sau đây?

A. Quy phạm pháp luật Việt Nam. B. Hệ thống pháp luật Việt Nam.
C. Hệ thống chính trị Việt Nam. D. Thực hiện pháp luật Việt Nam.

Câu 4: Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, văn bản luật có hiệu lực pháp lý cao nhất là

A. Hiến pháp. B. nghị quyết. C. thông tư. D. luật.

Câu 5: Tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội gọi là

A. ngành luật. B. chế định pháp luật. C. quy phạm pháp luật. D. pháp lệnh.

Câu 6: Tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật là khái niệm nào sau đây?

A. Quy phạm pháp luật. B. Chế định pháp luật.
C. Hệ thống pháp luật. D. Thực hiện pháp luật.

2) Thông hiểu (4 câu)

Câu 1: Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây trong hệ thống pháp luật Việt Nam là văn bản luật?

A. Nghị quyết của Quốc hội. B. Thông tư của Tòa án.
C. Quyết định của Chính phủ. D. Lệnh của Chủ tịch nước.

Câu 2: Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây trong hệ thống pháp luật Việt Nam là văn bản dưới luật?

A. Hiến pháp. B. Bộ luật. C. Luật. D. Quyết định.

Câu 3: Văn bản nào dưới đây là văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta hiện nay?

A. Quyết định của Hiệu trưởng. B. Quyết định của Hội phụ nữ.
C. Nghị định của chính phủ. D. Nội quy của khu dân cư.

Câu 4: Văn bản nào dưới đây **không** là văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta hiện nay?

A. Thông tư của Bộ trưởng. B. Quyết định của Chủ tịch nước.
C. Quyết định của UBND tỉnh. D. Quyết định của Giám đốc.

Câu 5: Nội dung nào dưới đây **không** là ngành luật?

A. Quy định về bảo vệ di sản văn hóa. B. Luật hôn nhân và gia đình.
C. Luật Tổ tụng Dân sự. D. Luật bảo vệ môi trường.

Câu 6: Văn bản nào dưới đây **không** là văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta hiện nay?

A. Luật Bình đẳng giới. B. Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế.
C. Nghị định của chính phủ. D. Nội quy của trường học.

3) Vận dụng thấp (3 câu)

Câu 1: Kết thúc buổi liên hoan kỉ niệm 50 năm ngày thành lập công ty X, trên đường lái xe về nhà, anh T và anh V bị cảnh sát giao thông yêu cầu cả hai người dừng xe để kiểm tra nồng độ cồn. Do trong buổi liên hoan, anh T và anh V đã uống rượu bia nên kết quả hơi thở của hai người đều có nồng độ cồn vượt quá 0.5 miligam/1 lít khí thở. Cảnh sát giao thông đã lập biên bản xử phạt mỗi người 7 triệu đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe trong vòng 24 tháng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, biên bản xử phạt của cảnh sát giao thông là văn bản

A. áp dụng pháp luật. B. phổ biến pháp luật.
C. giải đáp pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 2: Trong giờ học môn Kinh tế và pháp luật lớp 10, giáo viên P yêu cầu học sinh lấy ví dụ về văn bản quy phạm pháp luật. Học sinh lần lượt lấy các ví dụ như sau:

- Quyết định của Hiệu trưởng.
- Quy định của khu dân cư.
- Nội quy do làng xã đặt ra.
- Nghị quyết của Quốc hội.

Theo em, trong các ví dụ trên, văn bản quy phạm pháp luật là

A. Quyết định của Hiệu trưởng. B. Quy định của khu dân cư.
C. Nội quy do làng xã đặt ra. D. Nghị quyết của Quốc hội

Câu 3: Lợi dụng chính sách của Nhà nước về hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, giám đốc công ty A đã chỉ đạo kế toán làm giả chứng từ, hóa đơn để nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước. Việc này đã bị ủy ban nhân dân tỉnh B phát hiện và ra quyết

định xử phạt Giám đốc công ty A. Theo em, quyết định trên của ủy ban nhân dân tỉnh là văn bản nào sau đây?

- A. Đạo đức. B. Luật. **C. Dưới luật.** D. Quy ước.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Căn cứ vào Hiến pháp năm 2013 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra quyết định 4068/QĐ-TTg ngày 28/11/2023 về việc phê duyệt “Phương án tổ chức kì thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025”: Tất cả các thí sinh thi bắt buộc môn Ngữ văn, môn Toán và 2 môn do thí sinh tự chọn trong số các môn còn lại được học ở lớp 12 (Ngoại ngữ, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Lịch sử, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Tin học và Công nghệ). Kì thi được tổ chức trên toàn quốc theo cách thức chung đề, chung đợt thi, cùng thời gian theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp đó ủy ban nhân dân tỉnh X đã kí quyết định số 485 về việc hướng dẫn thi khảo sát chất lượng học kì II năm học 2023-2024 với học sinh lớp 11 theo cấu trúc định dạng đề thi kì thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025. Theo đó Hiệu trưởng các trường THPT và GDTX trong toàn tỉnh ra Quyết định tổ chức ôn tập cho học sinh để chuẩn bị tốt cho kì thi khảo sát học kì II.

- A. Hiến pháp là luật cơ bản, các văn bản luật khác phải phù hợp với Hiến pháp.
B. Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là văn bản Pháp luật.
C. Quyết định của UBND tỉnh không phải là văn bản Pháp luật.
D. Quyết định của Hiệu trưởng các trường THPT và GDTX là văn bản pháp luật.

Phương án	Trả lời	Gợi ý trả lời
Ý (A)	Đúng	Đây là đạo luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lí cao nhất
Ý (B)	Đúng	Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là văn bản quy phạm pháp luật (chủ thể ban hành là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
Ý (C)	Sai	Quyết định của UBND tỉnh là văn bản quy phạm pháp luật (chủ thể ban hành là UBND tỉnh)
Ý (D)	Sai	Đây là văn bản lãnh đạo của cơ quan không có giá trị như một văn bản Pháp luật, nhưng nó có giá trị điều hành trong một tổ chức, cơ quan, cá nhân vi phạm vẫn bị xử lí về mặt đoàn thể.

Câu 2: Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lí vi phạm hành chính; Căn cứ luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ –CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 05/ BB-VPHC lập ngày 26/03/2024; Ông T – Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh ND đã ra quyết định xử phạt hành chính với Công ty kinh doanh thực phẩm TH đã có hành vi xả chất thải không qua xử lí ra môi trường. Mức xử phạt là 50 000 000 đồng và đình chỉ hoạt động 3 tháng để khắc phục vi phạm.

- A. Luật Bảo vệ môi trường là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- B.** Nghị định của Chính phủ không phải là văn bản quy phạm pháp luật.
- C.** Quyết định xử phạt hành chính của ông T là văn bản áp dụng pháp luật.
- D.** Quyết định xử phạt hành chính của ông T là văn bản luật.

Phương án	Trả lời	Gợi ý trả lời
Ý (A)	Đúng	Đây là một trong 12 ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
Ý (B)	Sai	Nghị định của Chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật, có giá trị pháp lý.
Ý (C)	Đúng	Quyết định xử phạt hành chính áp dụng với hành vi vi phạm của một đối tượng cụ thể dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật.
Ý (D)	Sai	Đây là văn bản xử phạt của một người đứng đầu tổ chức không có giá trị như một văn bản Pháp luật, nhưng nó có giá trị điều hành trong một tổ chức, cơ quan, cá nhân vi phạm vẫn bị xử lý về mặt hành chính.

PHẦN III. DẠNG ĐIỀN KHUYẾT

Câu 1: Tổng thể các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng pháp luật có mối liên hệ mật thiết và thống nhất với nhau, được sắp xếp thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo những hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam được gọi là.....

Đáp án: Hệ thống pháp luật Việt Nam.

Câu 2: Trong hệ thống pháp luật Việt Nam thì văn bản luật có hiệu lực pháp lý cao nhất là.....

Đáp án: Hiến pháp.

Câu 3: Về cấu trúc, hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các quy phạm pháp luật, các chế định pháp luật và các

Đáp án: ngành luật.

Câu 4: Các quy tắc xử sự chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định là nội dung khái niệm.....

Đáp án: quy phạm pháp luật.

Câu 5: Tập hợp các quy phạm pháp luật có đặc tính chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội gọi là

Đáp án: ngành luật.

Câu 6: Việc tập hợp các quy phạm pháp luật có cùng tính chất điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội tương ứng trong một hoặc nhiều ngành luật là khái niệm.....

Đáp án: Chế định pháp luật.

BÀI THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Câu 1: Sử dụng pháp luật là việc các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật

A. đã bãi bỏ. B. chưa cho phép. C. cho phép làm. D. tuyệt đối cấm.

Câu 2: Phát biểu nào dưới đây **sai** khi nói về thi hành pháp luật ?

A. Thi hành pháp luật là công dân sử dụng đúng đắn quyền của mình.

B. Công dân khai báo tạm trú, tạm vắng là thi hành pháp luật .

C. Đăng kiểm xe ô tô đúng hạn là thi hành pháp luật.

D. Người kinh doanh nộp thuế đầy đủ là thi hành pháp luật.

Câu 3: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Bí mật giải cứu con tin.

B. Giúp đỡ phạm nhân vượt ngục.

C. Đăng kí tiêm vacxin.

D. Truy tìm chứng cứ vụ án.

Câu 4: Người có thẩm quyền đã áp dụng pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thu hồi giấy phép kinh doanh.

B. Xóa bỏ các loại cạnh tranh.

C. Ủy quyền giao nhận hàng hóa.

D. Thay đổi nội dung di chúc.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **sai** khi nói về hình thức tuân thủ pháp luật?

A. Ông C không uống bia khi lái xe là tuân thủ pháp luật.

B. Chị Q tuân thủ pháp luật khi từ chối buôn bán gà voi.

C. Anh A tuân thủ pháp luật khi không xúc phạm danh dự người khác.

D. Bà S nộp thuế đúng hạn là tuân thủ pháp luật.

Câu 6: Quá trình hoạt động có mục đích của các cá nhân, tổ chức nhằm làm cho các qui định của pháp luật được thực hiện trong đời sống và trở thành hành vi hợp pháp của các cá nhân tổ chức là

A. phổ biến pháp luật.

B. ban hành pháp luật.

C. sửa đổi luật pháp.

D. thực hiện pháp luật.

Câu 7: Phát biểu nào dưới đây **sai** khi nói về sử dụng pháp luật?

A. Mọi cá nhân, tổ chức đều có quyền sử dụng pháp luật

B. Khi công dân thực hiện nghĩa vụ của mình là đã sử dụng pháp luật

C. Thực hiện tự do ngôn luận đúng luật cũng là sử dụng pháp luật.

D. Công dân sử dụng pháp luật khi làm từ thiện giúp đỡ trẻ em vùng cao.

Câu 8: Việc cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. thi hành pháp luật.

B. tư vấn pháp luật.

C. sử dụng pháp luật.

D. giáo dục pháp luật.

Câu 9: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây thể hiện rõ nhất đặc điểm tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật?

A. Sử dụng pháp luật

B. Thi hành pháp luật

C. tuân thủ pháp luật

D. Áp dụng pháp luật

Câu 10: Phát biểu nào dưới đây **sai** khi nói về hình thức áp dụng pháp luật?

A. Chỉ người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền mới có thể áp dụng pháp luật

B. Người có thẩm quyền sẽ áp dụng pháp luật trong phạm vi họ quản lí

C. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng là chủ thể áp dụng pháp luật

D. Người có thẩm quyền áp dụng pháp luật khi ra quyết định căn cứ vào luật

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

“Điều 95: Luật Hình sự năm 2015: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn(trích)

Người được cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giám sát, giáo dục phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a, Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động

b, Chịu sự giám sát, giáo dục của xã, phường, thị trấn

c, Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép

.....”

A. Việc chấp hành nghĩa vụ về học tập lao động là quyền lựa chọn của người được giáo dục giáo dưỡng.

B. Người được giáo dục, giáo dưỡng tại xã phường thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trên là đã thực hiện pháp luật theo hình thức áp dụng pháp luật.

C. Người được giáo dục giáo dưỡng tại xã phường được đi khỏi nơi cư trú nếu được sự cho phép của người có thẩm quyền.

D. Người được giáo dục, giáo dưỡng tại xã phường đã thi hành pháp luật khi thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ trong điều Luật 95.

Đáp án:

Ý	Lí do
A: Sai	Vì điều 95: luật Hình sự 2015 qui định đó là trách nhiệm pháp lý bắt buộc mà người bị giáo dục giáo dưỡng phải chấp hành,

B: Sai	Vì thực hiện nghĩa vụ là đã làm việc pháp luật qui định phải làm tức là đã thi hành pháp luật, không phải áp dụng pháp luật
C: Đúng	Vì điều 95: luật hình sự 2015 chỉ rõ người được giáo dục, giáo dưỡng không được tự do đi khỏi nơi cư trú khi không được người có thẩm quyền cho phép.
D: Đúng	Vì thi hành pháp luật là làm việc pháp luật qui định phải làm

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Nguyễn Văn A 17 tuổi phạm tội trộm cắp tài sản có giá trị 5 triệu đồng (tội phạm ít nghiêm trọng, theo khoản 1 điều 173 Bộ Luật Hình sự). Cách đây 2 năm, A đã phạm tội cướp tài sản (Điều 168 Bộ luật Hình sự) và bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Sau khi chấp hành xong thời hạn trở về với xã hội A lại tiếp tục hút chích ma túy, đánh bạc và thường xuyên gây gổ với mọi người. Vì vậy với tội trộm cắp tài sản lần này việc miễn trách nhiệm hình sự với A là không thể, các cơ quan có thẩm quyền đã áp dụng các biện pháp xử lý hình sự mạnh hơn đối với A.

a, Việc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các biện pháp xử lý hình sự mạnh hơn với Nguyễn Văn A là hình thức áp dụng pháp luật.

b, Hành vi của bạn A là vi phạm pháp luật Hình sự với lỗi cố ý

c, Lần đầu vi phạm A đã được hưởng sự khoan hồng của pháp luật là miễn trách nhiệm Hình sự nhưng A đã không biết hối cải.

d, A đã sử dụng pháp luật khi bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Đúng	Vì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý hình sự với A sẽ làm phát sinh, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật của A
b, Đúng	Vì A 17 tuổi phạm tội trộm cắp tài sản có giá trị 5 triệu đồng 9 tội phạm ít nghiêm trọng, theo khoản 1 điều 173 Bộ Luật Hình sự, sau đó tiếp tục cố ý phạm pháp
c, Đúng	Vì A dưới 17 tuổi được xử lý theo nguyên tắc lấy giáo dục giáo dưỡng làm đầu
d, Sai	A đã thi hành pháp luật khi phải bắt buộc thực hiện nghĩa vụ pháp lý đó

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Theo qui định tại Bộ luật Hình sự, các hình phạt áp dụng với người dưới 18 tuổi bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn

Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, chỉ áp dụng cho người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt...

a, Việc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội là hình thức áp dụng pháp luật.

b, Cảnh cáo là hình phạt dành cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật Hình sự với lỗi rất nghiêm trọng do cố ý

c, Người chưa thành niên phạm tội do vô ý thì không bị tù giam

d, Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị áp dụng pháp luật theo biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Đúng	Vì bản chất của các biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội là các quyết định hành chính làm chấm dứt phát sinh quyền và nghĩa vụ của công dân chịu quyết định đó
b, Sai	Vì: Cảnh cáo là hình phạt nhẹ nhất trong hệ thống hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, chỉ áp dụng cho người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng và có tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt...
c, Sai	Vì người phạm tội do vô ý hay cố ý thì đều cấu thành tội phạm và đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo luật Hình Sự
d, Sai	Vì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà khung hình phạt dành cho người chưa thành niên phạm tội sẽ từ cảnh cáo đến tù có thời hạn

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Với khát khao quyết tâm làm giàu trên chính mảnh đất quê hương, chị P- thanh niên trẻ ở huyện X đã quyết định đăng kí kinh doanh mô hình doanh nghiệp nhỏ chuyên sản xuất và kinh doanh nấm linh chi. Mục tiêu ban đầu chị P đặt ra là mở một xưởng nấm trên diện tích 1hecta, mỗi năm cung cấp ra thị trường khoảng 8 tấn nấm linh chi khô. Trong quá trình trồng nấm nhờ nỗ lực và không ngừng học hỏi đổi mới kĩ thuật nên chị đã đạt mục tiêu đó. Phần khởi, chị không ngừng mở rộng thị trường, tìm kiếm đầu ra, nhằm tăng doanh số bán hàng mỗi năm lên 20% để có thể tăng lợi nhuận 10% mỗi năm. Theo tính toán của chị P, từ mô hình trồng nấm Linh chi này, sau khi trừ chi phí, tổng thu nhập mỗi năm đem về cho gia đình chị khoảng 600 triệu đồng. Ngoài ra xưởng nấm nhà chị P còn tạo công ăn việc làm cho 130 lao động ở địa phương. Chị tích cực ủng hộ từ thiện và nộp thuế rất đầy đủ, đúng hạn cho nhà nước. Để ghi nhận sự đóng góp của chị P, UBND huyện X đã ra quyết định khen thưởng chị P- một điển hình sản xuất giỏi sinh ra từ địa phương.

a, Việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành khen thưởng chị P là hình thức áp dụng pháp luật.

b, Việc mở doanh nghiệp nhỏ chuyên sản xuất kinh doanh nấm linh chi của chị P là thuộc hình thức sử dụng pháp luật.

c, Chị P đã thực hiện tốt hình thức thi hành pháp luật khi thực hiện đầy đủ việc nộp thuế cho nhà nước

d, Việc tự tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường tăng doanh số bán hàng như chị P trong tình huống trên là vi phạm pháp luật.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Đúng	UBND huyện X đã ra quyết định khen thưởng chị P làm phát sinh quyền và nghĩa vụ mới cho chị P. Nên UBND huyện X đã áp dụng pháp luật
b, Đúng	Mở doanh nghiệp là quyền tự do kinh doanh là việc chị P được làm nên là sử dụng pháp luật
c, Đúng	Nộp thuế là nghĩa vụ chị P phải làm nên chị nộp thuế đầy đủ là thi hành pháp luật
d, Sai	Theo luật doanh nghiệp: mở rộng thị trường, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh là việc mà chủ thể sản xuất kinh doanh được làm, chị P đã không vi phạm pháp luật.

Câu 5: Đọc đoạn thông tin sau:

Điều 51: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định về quyền yêu cầu giải quyết li hôn.

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết li hôn
 2. Cha mẹ, hoặc người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết li hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.
 3. Chồng không có quyền yêu cầu li hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
- a, Li hôn là nghĩa vụ của cả hai vợ chồng khi mà họ không hòa hợp.
b, Cha mẹ hoặc người thân thích khác có quyền yêu cầu giải quyết li hôn nếu thích
c, Chồng đơn phương li hôn trong trường hợp vợ đang có thai là vi phạm pháp luật.
d, Theo qui định của pháp luật công dân có quyền tự do kết hôn, và cũng có quyền li hôn khi hôn nhân không hòa hợp. Đó đều là hình thức sử dụng pháp luật.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Sai	Li hôn là quyền, không phải nghĩa vụ
b, Sai	Không phải cứ thích là cha mẹ có quyền can thiệp vào việc li hôn của con cái
c, Đúng	Pháp luật cấm chồng li hôn vợ khi đang mang thai.
d, Đúng	Kết hôn là quyền và li hôn cũng là quyền của công dân

Câu 6: Đọc đoạn thông tin sau:

N(16 tuổi) mượn xe máy của anh trai có dung tích xilanh trên 50 cm³ để đi học. Trên đường đến trường N bị chú cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe vì N rẽ phải nhưng không bật xi nhan. Khi kiểm tra giấy tờ chú cảnh sát giao thông nói N còn mắc thêm lỗi là chưa đủ tuổi sử dụng xe máy nên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N.

- a, Cảnh sát giao thông xử phạt hành chính N là không đúng, nên nhắc nhở vì N mới 16 tuổi
- b, Cảnh sát giao thông xử phạt hành chính đối với N là áp dụng pháp luật
- c, N không tuân thủ pháp luật khi chưa đủ tuổi đã sử dụng xe máy.
- d, Anh trai N không tuân thủ pháp luật vì giao xe máy trên 50cm³ cho người chưa đủ tuổi.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Sai	Vì CSGT đã xử phạt hành chính với N là hoàn toàn đúng theo qui định của luật giao thông đường bộ
b, Đúng	Vì CSGT đã ra quyết định xử phạt hành chính với N vì hành vi sử dụng xe máy khi chưa đủ tuổi, và không bật xi nhan
c, Đúng	N đã làm việc pháp luật cấm
d, Đúng	Anh trai N cũng đã làm việc pháp luật cấm đó là không được giao xe cho người chưa đủ độ tuổi điều khiển.

Câu 7: Đọc đoạn thông tin sau:

“Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 18/12/2021 của chính phủ qui định xử phạt vi phạm hành chính trong bình đẳng giới

Điều 8: các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lao động(trích):

2. Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

d, Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế người lao động thuộc một giới tính nhất định”

a, Việc tuyển dụng nhân lực ưu tiên theo giới là vi phạm pháp luật.

b, Nếu là người bị tuyển dụng giới hạn theo giới thì chúng ta nên dựa vào nghị định này nói riêng và pháp luật nói chung để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

c, Việc cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với hành vi tuyển dụng nhân lực giới hạn theo một giới là đã áp dụng pháp luật

d, Việc đưa ra nghị định trên là thể hiện rõ tính qui phạm phổ biến và đặc điểm tính quyền lực bắt buộc chung của pháp luật.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Đúng	Vì tuyển dụng nhân lực theo một giới là vi phạm bình đẳng trong lao động và vi phạm pháp luật.

b, Đúng	Vì chúng ta thấy pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình
c, Đúng	Vì quyết định xử phạt hành chính của cơ quan có thẩm quyền đã chấm dứt hành vi vi phạm quyền bình đẳng giới trong lao động
d, Đúng	Vì nghị định này là áp dụng trong phạm vi phổ biến toàn xã hội, có tính cưỡng chế bắt buộc chung, ai vi phạm đều bị xử phạt theo tính chất mức độ vi phạm

Câu 8: Đọc đoạn thông tin sau:

Luật Thanh niên năm 2020:

Điều 13: Trách nhiệm đối với Nhà nước và xã hội (trích):

1. Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân
2. Tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, quốc phòng an ninh quốc gia.
3. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật...

a, Thanh niên thi hành pháp luật khi tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, quốc phòng an ninh quốc gia.

b, Thanh niên sử dụng pháp luật khi đề xuất ý tưởng sáng kiến trong quản lí nhà nước và xã hội.

c, Thanh niên sẽ thực hiện các trách nhiệm trên tùy theo năng lực và sở thích.

d, Tuyên truyền Hiến pháp và pháp luật cho nhân dân cũng là nghĩa vụ của Thanh niên.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Đúng	Thanh niên thi hành pháp luật khi tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, quốc phòng an ninh quốc gia là đã làm việc pháp luật qui định phải làm
b, Đúng	T Thanh niên sử dụng pháp luật khi đề xuất ý tưởng sáng kiến trong quản lí nhà nước v và xã hội là đã làm việc pháp luật cho phép được làm
c, Sai	Vì đây là nghĩa vụ trước đất nước, bắt buộc phải thực hiện
d, Đúng	Vì luật Thanh niên qui định đó là nghĩa vụ

Câu 9: Đọc đoạn thông tin sau:

Biết T (15 tuổi) rất cần tiền để nộp viện phí chữa bệnh cho mẹ nên chú M hàng xóm đã nhờ T chuyển gói hàng cho cô Y ở cuối ngõ và hứa trả số tiền công lớn. Trong lần chuyển đầu tiên T bị công an bắt giữ vì gói hàng chú M nhờ chuyển là ma túy. Trong quá trình điều tra, T thành khẩn khai báo, cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan điều tra và còn giúp cơ quan điều tra phá một vụ án đánh bạc ở khu phố M đang sinh sống. Nhận thấy T còn có khả năng giáo dục, giáo dưỡng, căn cứ vào nguyên tắc xử lí người chưa thành niên phạm tội qui định tại điều 91 bộ luật Hình sự, tòa án đã ra quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với T.

a, T vận chuyển ma túy hộ chú M là do vô ý nên không vi phạm pháp luật.

b, T đã thi hành pháp luật khi đã thành khẩn khai báo cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan điều tra về việc chuyển hộ gói hàng cho chú M.

c, Tòa án đã áp dụng pháp luật khi căn cứ vào pháp luật và việc giúp phá án của T để ra quyết định miễn trách nhiệm hình sự và kèm theo là biện pháp giáo dục, giáo dưỡng với T.

d, Chúng ta không nên chuyển hộ đồ cho người khác khi không biết thực chất đồ đó là gì.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Sai	Theo qui định của pháp luật, hành vi vi phạm pháp luật do vô ý hay cố ý điều là vi phạm pháp luật
b, Đúng	Vì T khai báo thành khẩn các thông tin liên quan trước cơ quan điều tra là đã làm việc phải làm
c, Đúng	Vì Tòa án đã ra quyết định xử phạt làm chấm dứt hành vi vi phạm và phát sinh nghĩa vụ pháp lý với T
d, Đúng	Vì rất dễ vi phạm pháp luật nếu hàng hóa đó là hàng cấm, hay nguy hại với người khác

Câu 10: Đọc đoạn thông tin sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/8/2021 đến ngày 22/9/ 2021, ông V là quản lý vận chuyển hàng hóa của công ty môi trường A đã bàn bạc thống nhất với ông H, ông S, thông qua một số lái xe của công ty TNHH môi trường xanh D vận chuyển 630.840 kg chất thải từ công ty A và 34.890kg chất thải từ công ty X ở khu công nghiệp Z đem đổ ra môi trường. Dưới sự hướng dẫn của ông H và ông S, các lái xe đã đổ 652.295 kg chất thải rắn công nghiệp thông thường lẫn độc hại nguy hiểm ra lề đường đê phòng hộ, làm ô nhiễm, hủy hoại môi trường. Cơ quan chức năng đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với các chủ thể vi phạm.

a, Hành vi xả thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào đều vi phạm pháp luật và cần bị xử lý nghiêm, đúng luật.

b, Chủ thể đã vi phạm pháp luật trong thông tin trên là chỉ có duy nhất ông V.

c, Cả ông V, ông H, ông S và các lái xe đều không tuân thủ pháp luật.

d, Cần có biện pháp kèm theo như yêu cầu các cá nhân, tổ chức liên quan phải phục hồi lại môi trường y nguyên như trước khi chưa bị đổ chất thải.

Đáp án:

Ý	Lí do
a, Đúng	Vì đó là hành vi vi phạm pháp luật cần nghiêm trị để bảo vệ môi trường
b, Sai	Vì có cả ông H, S và các lái xe cùng xả thải hủy hoại môi trường

c, Đúng	Ông V, H, S và các lái xe đều là đồng phạm
d, Đúng	Cần có chế tài mạnh hơn để có sức răn đe nhiều hơn cho các cá nhân tổ chức khác không giám vi phạm

PHẦN III. DẠNG CÂU TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của PL đi vào cuộc sống và trở thành hành vi..... là khái niệm

Đáp án: hợp pháp, thực hiện pháp luật

Câu 3: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật cho phép làm là.....

Đáp án: sử dụng pháp luật

Câu 4: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ của mình, làm những gì pháp luật quy định phải làm là.....

Đáp án: thi hành pháp luật

Câu 5: Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là.....

Đáp án: tuân thủ pháp luật

Câu 6: Các cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào PL để ra các quyết định làm phát sinh hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức là.....

Đáp án: áp dụng pháp luật

Câu 7: Hình thức thực hiện pháp luật nào mà công dân có thể lựa chọn làm hoặc không làm.....

Đáp án: sử dụng pháp luật

Câu 8: Hình thức thực hiện pháp luật nào có chủ thể khác với các hình thức còn lại là.....

Đáp án: áp dụng pháp luật

CHỦ ĐỀ 9

HIẾN PHÁP

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Ở mỗi câu, thí sinh chọn một trong bốn phương án)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10 trên phiếu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1: Cho các nhận định sau đây về chức năng của Quốc hội?

- Thực hiện quyền lập hiến, lập pháp.
- Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.
- Giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

d. Tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật.

Có bao nhiêu chức năng trên là đúng?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 2: Theo Hiến pháp 2013, cơ quan nào sau đây có quyền bầu Chủ tịch nước?

- A. Chính phủ.
B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Quốc hội.
D. Bộ công an.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 3,4,5,6,

Trong bộ máy Nhà nước Việt Nam còn có chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các cấp đơn vị hành chính bao gồm: Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Câu 3: Cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương là cơ quan nào sau đây?

- A. Ủy ban nhân dân.
B. Hội đồng nhân dân.
C. Viện kiểm sát nhân dân.
D. Tòa án nhân dân.

Câu 4: Cơ quan nào sau đây là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân?

- A. Ủy ban nhân dân.
B. Công an nhân dân.
C. Viện kiểm sát nhân dân.
D. Tòa án nhân dân.

Câu 5: Cơ quan nào sau đây là cơ quan quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương?

- A. Ủy ban nhân dân.
B. Hội đồng nhân dân.
C. Viện kiểm sát nhân dân.
D. Tòa án nhân dân.

Câu 6: Theo quy định của Hiến pháp, cơ quan nào dưới đây có quyền bầu Chủ tịch Tỉnh?

- A. Hội đồng nhân dân Tỉnh.
- B. Ủy ban nhân dân Tỉnh.
- C. Chủ tịch Nước.
- D. Thủ tướng chính phủ.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 7,8,9,10

Bộ máy nhà nước là tổng thể các cơ quan Nhà nước từ Trung ương tới địa phương, được tổ chức, hoạt động theo những nguyên tắc thống nhất, tạo thành cơ chế đồng bộ nhằm thực hiện nhiệm vụ, chức năng của nhà nước. Bộ máy Nhà nước Việt Nam theo Hiến pháp bao gồm: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương. Trong bộ máy Nhà nước Việt Nam, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Câu 7: Cơ quan nào sau đây là cơ quan chấp hành của Quốc hội?

- A. Chính phủ.
- B. Chủ tịch nước.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Viện kiểm sát nhân dân.

Câu 8: Việc làm nào dưới đây thể hiện chức năng giám sát tối cao đối với hoạt động của nhà nước?

- A. Xét báo cáo của chủ tịch nước.
- B. Kiểm soát tài chính của các cơ quan.
- C. Ban hành chính sách phát triển kinh tế.
- D. Biểu quyết thông qua Hiến pháp.

Câu 9: Chủ tịch Quốc hội hiện nay là

- A. Ông Vương Đình Huệ.
- B. Ông Nguyễn Phú Trọng.
- C. Ông Phạm Minh Chính.
- D. Ông Võ Văn Thương.

Câu 10: Việc Quốc hội chất vấn Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Nguyễn Kim Sơn là thực hiện chức năng nào dưới đây của Quốc hội?

- A. Thực hiện quyền lập hiến, lập pháp.
- B. Quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.
- C. Giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.
- D. Tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Trong mỗi ý A), B), C), D) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai).

Câu 1: Sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, nhiều văn bản pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong đó hàm chứa các nội dung về quyền con người, quyền công dân... tạo thêm bước tiến mới trong đảm bảo quyền sở hữu tài sản, quyền tự do sản xuất, mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Quyền làm chủ của Nhân dân tiếp tục được củng cố và có những bước tiến quan trọng, quyền dân chủ trực tiếp thông qua hoạt động bầu cử, ứng cử; trưng cầu ý dân, bãi miễn đại biểu dân cử; tham gia vào quản lý nhà nước.

- a. Việc sửa đổi các văn bản pháp luật sau khi Hiến pháp 2013 ban hành là thể hiện đặc điểm Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước.
- b. Hiến pháp 2013 quy định quyền tham gia quản lý nhà nước là quyền của công dân trong lĩnh vực xã hội.
- c. Quyền bầu cử, ứng cử là quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013.
- d. Những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với Hiến pháp sẽ bị hủy bỏ.

Câu 2: Sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành, nhiều văn bản pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong đó hàm chứa các nội dung về quyền con người, quyền công dân... tạo thêm bước tiến mới trong đảm bảo quyền sở hữu tài sản, quyền tự do sản xuất, mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Quyền làm chủ của Nhân dân tiếp tục được củng cố và có những bước tiến quan trọng, quyền dân chủ trực tiếp thông qua hoạt động bầu cử, ứng cử; trưng cầu ý dân, bãi miễn đại biểu dân cử; tham gia vào quản lý nhà nước.

- a. Việc nhiều văn bản pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ là thể hiện đặc điểm Hiến pháp là nguồn, nền tảng để ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khác.
- b. Hiến pháp 2013 quy định quyền bầu cử, ứng cử là quyền của công dân trong lĩnh vực chính trị.
- c. Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm là quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013.
- d. Quyền con người quy định trong Hiến pháp 2013 là quyền chỉ dành cho người có quốc tịch Việt Nam.

Câu 3: Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Hiến pháp quy định đầy đủ và phát triển thành nguyên tắc về việc “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp*”. Nguyên tắc này được thể hiện nhất quán, xuyên suốt trong toàn bộ Hiến pháp năm 2013 từ chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến các thiết chế trong bộ máy nhà nước. Các hình thức thể hiện dân chủ trực tiếp khá đa dạng như trưng cầu ý dân, bầu cử, thực hiện dân chủ cơ sở. Ngoài ra, nhân dân còn thực hiện quyền lực nhà nước một cách gián tiếp thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước. Quốc hội và Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu lên, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân trao quyền để thực hiện quyền lực và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân là những người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

- a. Quốc hội là cơ quan đại biểu của nhân dân.
- b. Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực Nhà nước thông qua đại biểu Quốc hội.

c. Thủ tướng chính phủ và Chủ tịch UBND trực tiếp được nhân dân bầu.

d. Chức năng của Hội đồng nhân dân là quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước.

Câu 4: Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Hiến pháp quy định đầy đủ và phát triển thành nguyên tắc về việc “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp*”. Nguyên tắc này được thể hiện nhất quán, xuyên suốt trong toàn bộ Hiến pháp năm 2013 từ chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến các thiết chế trong bộ máy nhà nước. Các hình thức thể hiện dân chủ trực tiếp khá đa dạng như trưng cầu ý dân, bầu cử, thực hiện dân chủ cơ sở. Ngoài ra, nhân dân còn thực hiện quyền lực nhà nước một cách gián tiếp thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước. Quốc hội và Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu lên, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân trao quyền để thực hiện quyền lực và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân là những người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

a. Chức năng của Quốc hội là quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước.

b. Quốc hội là cơ quan chấp hành của Chính phủ.

c. Chức năng của hội đồng nhân dân là thay mặt nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng nhất của địa phương.

d. Ủy ban nhân dân là cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương.

Câu 5: Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Hiến pháp quy định đầy đủ và phát triển thành nguyên tắc về việc “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp*”. Nguyên tắc này được thể hiện nhất quán, xuyên suốt trong toàn bộ Hiến pháp năm 2013 từ chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến các thiết chế trong bộ máy nhà nước. Các hình thức thể hiện dân chủ trực tiếp khá đa dạng như trưng cầu ý dân, bầu cử, thực hiện dân chủ cơ sở. Ngoài ra, nhân dân còn thực hiện quyền lực nhà nước một cách gián tiếp thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước. Quốc hội và Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu lên, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân trao quyền để thực hiện quyền lực và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân là những người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

a. Chức năng của Quốc hội là tổ chức thi hành hiến pháp và pháp luật.

b. Hội đồng nhân dân là cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương.

c. Quốc hội có quyền bầu và bãi nhiệm Thủ tướng chính phủ.

d. Đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Quốc hội bãi nhiệm.

Câu 6: Với khuôn khổ có hạn, hiến pháp trong nhiều trường hợp không thể quy định một cách chi tiết và cụ thể để áp dụng trong mọi tình huống, mà chỉ có thể quy định những vấn đề chung, mang tính nguyên tắc của nhà nước và của xã hội như: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hoá, xã hội, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... Do hiến pháp không thể quy định được tất cả những gì liên quan tới nhà nước và xã hội nên đòi hỏi phải có sự chi tiết, cụ thể hóa các quy định của hiến pháp bằng các văn bản pháp luật khác. Nếu không có sự chi tiết, cụ thể đó, những quy định của hiến pháp sẽ khó đi vào cuộc sống, thậm chí có những quy định không thể thực hiện được. Vì lẽ đó, thông qua hiến pháp, nhân

dân còn uỷ quyền cho các cơ quan nhà nước trong quá trình hoạt động có thể ban hành luật và các văn bản dưới luật khác để chi tiết hoá hiến pháp, nhằm để thực hiện hiến pháp.

- a. Hiến pháp là hệ thống các quy phạm pháp luật quy định những vấn đề cơ bản, quan trọng của đất nước.
- b. Hiến pháp 2013 quy định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế tự cung tự cấp định hướng xã hội chủ nghĩa.
- c. Về lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp 2013 quy định xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- d. Theo quy định của pháp luật, nội dung của Hiến pháp không được trái với các bộ luật do Quốc hội ban hành.

Câu 7: Với khuôn khổ có hạn, hiến pháp trong nhiều trường hợp không thể quy định một cách chi tiết và cụ thể để áp dụng trong mọi tình huống, mà chỉ có thể quy định những vấn đề chung, mang tính nguyên tắc của nhà nước và của xã hội như: chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hoá, xã hội, dân sự, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân... Do hiến pháp không thể quy định được tất cả những gì liên quan tới nhà nước và xã hội nên đòi hỏi phải có sự chi tiết, cụ thể hóa các quy định của hiến pháp bằng các văn bản pháp luật khác. Nếu không có sự chi tiết, cụ thể đó, những quy định của hiến pháp sẽ khó đi vào cuộc sống, thậm chí có những quy định không thể thực hiện được. Vì lẽ đó, thông qua hiến pháp, nhân dân còn uỷ quyền cho các cơ quan nhà nước trong quá trình hoạt động có thể ban hành luật và các văn bản dưới luật khác để chi tiết hoá hiến pháp, nhằm để thực hiện hiến pháp.

- a. Hiến pháp 2013 là văn bản pháp luật do Chính phủ ban hành.
- b. Trách nhiệm của nhà nước và xã hội là tạo việc làm cho người lao động là một trong những nội dung của Hiến pháp 2013 trong lĩnh vực dân sự.
- c. Hiến pháp quy định những vấn đề chung nên công dân không cần thực hiện theo hiến pháp.
- d. Nội dung của các văn bản pháp luật khác khi cụ thể hóa Hiến pháp thì phải phù hợp với Hiến pháp.

Câu 8: Tất cả các cơ quan nhà nước được nhân dân uỷ quyền không những phải tổ chức và hoạt động theo quy định của hiến pháp mà các cơ quan này còn phải ban hành các văn bản pháp luật (kể cả các văn bản luật và văn bản dưới luật) phù hợp với hiến pháp. Xuất phát từ nguyên tắc này thì: các văn bản dưới luật phải được ban hành trên cơ sở các văn bản luật, phù hợp với các văn bản luật, nội dung không được trái với các văn bản luật, nhằm để thực hiện các văn bản luật; văn bản của các cơ quan chấp hành và điều hành phải được ban hành phù hợp với văn bản của các cơ quan quyền lực, đại diện; văn bản của các cơ quan cấp dưới phải được ban hành phù hợp với văn bản của cơ quan cấp trên, nhưng phải bảo đảm sự phân định rõ ràng về thẩm quyền của cơ quan ở mỗi cấp; mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp.

- a. Các văn bản quy phạm pháp luật không nhất thiết phải phù hợp với Hiến pháp.
- b. Hiến pháp do Quốc hội ban hành.
- c. Hiến pháp là nền tảng cho việc ban hành các văn bản pháp luật khác.
- d. Các văn bản dưới luật phải được ban hành trên cơ sở của các văn bản luật là nội dung của đặc điểm tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

Câu 9: Tất cả các cơ quan nhà nước được nhân dân uỷ quyền không những phải tổ chức và hoạt động theo quy định của hiến pháp mà các cơ quan này còn phải ban hành các văn bản pháp luật (kể cả các văn bản luật và văn bản dưới luật) phù hợp với hiến pháp. Xuất phát từ nguyên tắc này thì: các văn bản dưới luật phải được ban hành trên cơ sở các văn bản luật, phù hợp với các văn bản luật, nội dung không được trái với các văn bản luật, nhằm để thực hiện các văn bản luật; văn bản của các cơ quan chấp hành và điều hành phải được ban hành phù hợp với văn bản của các cơ quan quyền lực, đại diện; văn bản của các cơ quan cấp dưới phải được ban hành phù hợp với văn bản của cơ quan cấp trên, nhưng phải bảo đảm sự phân định rõ ràng về thẩm quyền của cơ quan ở mỗi cấp; mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp.

- a. Bất kỳ cơ quan nào cũng có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- b. Luật hôn nhân và gia đình là văn bản dưới luật.
- c. Văn bản của cơ quan cấp dưới ban hành phải phù hợp với văn bản của cơ quan cấp trên là nội dung đặc điểm tính quy phạm phổ biến của pháp luật.
- d. Hiến pháp là văn bản luật có hiệu lực pháp lý cao nhất.

Câu 10: Điều 20 (sửa đổi, bổ sung Điều 72) thể hiện tính phù hợp hơn của tinh thần nhà nước pháp quyền, tiếp tục khẳng định vai trò của cơ quan tòa án nhưng cũng khẳng định một trong những quyền của con người là được tòa án xét xử khi bị buộc tội, như vậy có thể hiểu rằng không một cơ quan nào khác được thực hiện quyền này nhằm đảm bảo tính công bằng công lý cho tất cả những người phạm tội và việc xét xử ấy cũng chỉ được xét xử bằng chính pháp luật và chỉ bằng pháp luật, họ có thể sử dụng sự trợ giúp pháp lý của người bào chữa để có thể “gỡ” tội cho chính mình: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm”*; trong điều này ghi nhận hai quyền cơ bản; quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác.

- a. Tòa án là cơ quan tư pháp.
- b. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể là quyền công dân.
- c. Bịa đặt thông tin nói xấu người khác là hành vi vi phạm quyền mọi người được pháp luật bảo hộ nhân phẩm danh dự.
- d. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật là quyền con người.

PHẦN III: Câu hỏi ngắn

Câu 1: Luật cơ bản của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là

Đáp án: Hiến pháp.

Câu 2: Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

Đáp án: Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Câu 3: Lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội là

Đáp án: Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 4: Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về

Đáp án: Đối nội, đối ngoại.

Câu 5: Chức năng và nhiệm vụ của cơ quan Kiểm toán Nhà nước là thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

Đáp án: công

ĐÁP ÁN PHẦN II.

C â u	L ê n h h o i	Đ á p á n (Đ/S)	Giải thích
1	a	Đ	Vì Hiến pháp là nguồn là nền tảng để xây dựng các văn bản pháp luật khác. Tất cả các văn bản pháp luật phải phù hợp với Hiến pháp.
	b	S	Hiến pháp 2013 quy định quyền tham gia quản lý nhà nước là quyền trong lĩnh vực chính trị.
	c	S	Hiến pháp 2013 quy định quyền bầu cử, ứng cử là quyền công dân.
	d	Đ	Tất cả các văn bản pháp luật phải phù hợp với Hiến pháp.
2	a	Đ	Các văn bản pháp luật phải căn cứ vào Hiến pháp để ban hành.
	b	Đ	Hiến pháp 2013 quy định quyền bầu cử, ứng cử là quyền của công dân trong lĩnh vực chính trị.
	c	Đ	Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm là quyền con người được quy định trong Hiến pháp 2013.
	d	S	Quyền con người quy định trong Hiến pháp 2013 là bao gồm tất cả mọi người kể cả người nước ngoài không có quốc tịch Việt Nam.
3	a	Đ	Vì đây là cơ quan do nhân dân bầu ra và thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề của đất nước
	b	S	Nhân dân làm chủ thông qua người đại diện là đại biểu Quốc hội là dân chủ gián tiếp
	c	S	Thủ tướng chính phủ là do Quốc hội bầu. Chỉ tịch UBND là do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu.
	d	S	Chức năng của Hội đồng nhân dân là quyết định những vấn đề quan trọng nhất của địa phương.

4	a	Đ	Chức năng của Quốc hội là quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước vì Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước.
	b	S	Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội
	c	Đ	Chức năng của hội đồng nhân dân là thay mặt nhân dân quyết định những vấn đề quan trọng nhất của địa phương.
	d	S	Hội đồng nhân dân là cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương.
5	a	s	Chức năng tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật là chức năng của Chính phủ.
	b	Đ	Hội đồng nhân dân là cơ quan do nhân dân bầu ra
	c	Đ	Quốc hội có quyền bầu và bãi nhiệm các chức vụ quan trọng trong bộ máy Nhà nước.
	d	Đ	Nhân dân bầu ra đại biểu quốc hội để thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề đất nước, nếu không có sự tín nhiệm thì không xứng đáng được đại diện cho nhân dân.
6	a	Đ	Vì Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất.
	b	S	Hiến pháp 2013 quy định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
	c	Đ	Hiến pháp 2013 quy định xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
	d	S	Vì các văn bản là dựa trên cơ sở nền tảng của Hiến pháp để ban hành
7	a	S	Hiến pháp 2013 là văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành.
	b	S	Trách nhiệm của nhà nước và xã hội là tạo việc làm cho người lao động là một trong những nội dung của Hiến pháp 2013 trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.
	c	S	Mọi công dân phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật
	d	Đ	Vì Hiến pháp là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất.
8	a	S	Các văn bản pháp luật phải phù hợp với Hiến pháp
	b	Đ	Hiến pháp do Quốc hội ban hành
	c	Đ	Hiến pháp là nguồn, nền tảng để ban hành các văn bản pháp luật khác.
	d	Đ	Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức là tất cả các văn bản pháp luật đều phải phù hợp và không được trái với Hiến pháp
	a	S	Chỉ cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mới có quyền ban hành văn bản pháp luật
	b	S	Luật HNGĐ là do Quốc hội ban hành nên đó là văn bản luật

9	c	S	Văn bản của cơ quan cấp dưới ban hành phải phù hợp với văn bản của cơ quan cấp trên là nội dung đặc điểm tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
	d	Đ	Hiến pháp là văn bản luật có hiệu lực pháp lý cao nhất.
10	a	Đ	Cơ quan tư pháp là cơ quan thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm sát, xét xử. tòa án có chức năng xét xử.
	b	S	Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể là quyền con người
	c	Đ	Bịa đặt thông tin nói xấu người khác là ảnh hưởng đến nhân phẩm và danh dự
	d	Đ	Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật là quyền con người.